

BÁO CÁO GIỮA KỲ

(Bản cuối)

Nâng cao năng lực trong đánh giá thực trạng pháp luật, hạ tầng và kinh nghiệm quốc tế để thiết kế sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam



Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO GIỮA KỲ

(Bản cuối)

Nâng cao năng lực trong đánh giá thực trạng pháp luật, hạ tầng và kinh nghiệm quốc tế để thiết kế sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Đơn vị thụ hưởng

Đối tác Chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á

Tầng 14, Tòa nhà 208 Đường Wireless Lumphini, Bangkok 10330, Thái Lan | +669 8832 1614 | etp@unops.org

Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính, Việt Nam

28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam | +8424 2220.2828 | support@Bộ TC.gov.vn

Các chuyên gia chính:

Phạm Phan Dũng, Viện Sinh thái và Môi trường: Chuyên gia pháp lý CTX

Nguyễn Hồng Loan, Công ty TNHH Kiến tạo Khí hậu Xanh (GreenCIC): Chuyên gia thể chế CTX

Hyun Shin Park, Cty Ecoeye: Chuyên gia thiết kế ETS quốc tế

Albert de Haan, Cty CarbonRooster: Chuyên gia vận hành CTX quốc tế

Russel Quek Kai Zhi, Cty South Pole: Chuyên gia pháp lý CTX quốc tế

Tham gia thực hiện:

GreenCIC: Phạm Phương Linh; Hoàng Thúy An

Ecoeye: Lee Maureen; Nguyễn Trâm

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các cá nhân, tổ chức sau đây vì đã hợp tác, hỗ trợ, và cung cấp những nhận xét, góp ý sâu sắc để chúng tôi hoàn thành Báo cáo này: Vụ Pháp chế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Bộ Tài chính; Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo Giữa kỳ này được xây dựng trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ kỹ thuật về Nâng cao năng lực trong đánh giá thực trạng pháp luật, hạ tầng và kinh nghiệm quốc tế để thiết kế sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam và dành riêng cho Đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP) và Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính (TC), Việt Nam. Những phát hiện và ý kiến trình bày trong báo cáo là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của bất kỳ chính phủ hoặc tổ chức liên quan nào. Tài liệu này không được sao chép hoặc phân phát cho bên thứ ba trước khi được cho phép bằng văn bản của ETP và Vụ Pháp chế, Bộ TC.

Đề xuất trích dẫn: Dũng, P., Loan, N., Park, H., De Haan, A., Quek, R. (2024). Nâng cao năng lực trong đánh giá thực trạng pháp luật, hạ tầng và kinh nghiệm quốc tế để thiết kế sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam - Báo cáo Giữa kỳ, chuẩn bị cho Đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP), Hà Nội- Việt Nam

TÓM TẮT

Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải (ETS) là một chính sách hiệu quả để các quốc gia thực hiện giảm phát thải khí nhà kính (KNK) bằng cách định giá phát thải thông qua tiếp cận dựa trên thị trường. Việt Nam đã quyết định phát triển thị trường các-bon trong nước trên cơ sở mua, bán hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

Nghị định 06/2022/ND-CP của Chính phủ quy định việc trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon sẽ được thực hiện trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon (CTX), dự kiến vận hành thí điểm từ năm 2025 và vận hành chính thức trong năm 2028. Bộ Tài chính (TC) được giao chủ trì xây dựng, thành lập CTX và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.

Để hỗ trợ Bộ TC và các bộ, ngành liên quan thành lập và vận hành CTX, Đối tác chuyên dịch năng lượng (ETP) thuộc Văn phòng Dịch vụ Dự án Liên hợp quốc (UNOPS) thực hiện Dự án Hỗ trợ kỹ thuật “Nâng cao năng lực trong đánh giá thực trạng pháp luật, hạ tầng và kinh nghiệm quốc tế để thiết kế sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam”. Mục tiêu của Hỗ trợ kỹ thuật này nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ Bộ TC trong nghiên cứu, đánh giá hiện trạng hệ thống pháp luật, hạ tầng cho việc thiết lập CTX tại Việt Nam và chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng CTX.

Dựa trên sáu tiêu chí (thời gian vận hành, tính tương đồng về bối cảnh, khối lượng giao dịch, giá giao dịch, việc sử dụng tín chỉ các-bon và kết nối với các thị trường các-bon khác), Báo cáo này đã xem xét 21 ETS hiện có trên thế giới có vận hành CTX để phân tích sâu về kinh nghiệm quốc tế liên quan đến các yêu cầu pháp lý, thể chế và hạ tầng cho CTX. Sau khi thực hiện phân tích đa tiêu chí, Báo cáo đã lựa chọn bốn trường hợp điển hình có kết quả đánh giá cao nhất, đó là: ETS của Vương quốc Anh, ETS Zealand, ETS California và ETS Hàn Quốc. Các trường hợp điển hình này đáp ứng các tiêu chí sau đây: có thời gian vận hành ETS đủ lâu (ít nhất 5 năm), có bối cảnh tương đồng với Việt Nam (ETS ở cấp quốc gia và/hoặc ở Châu Á, và/ hoặc thuộc nền kinh tế đang phát triển), và có lượng giao dịch cao (trên 20 triệu tCO₂) với giá các-bon cao (trên 10 USD). Trong các ETS được lựa chọn, có các ETS có cho phép sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ nghĩa vụ phát thải, và có kết nối với các ETS khác. Phân tích đa tiêu chí này nhằm đảm bảo các nghiên cứu điển hình được lựa chọn có bối cảnh tương tự như Việt Nam và có thể cung cấp các kinh nghiệm hữu ích nhất cho việc thiết lập và vận hành CTX.

Việc xem xét kinh nghiệm quốc tế cho thấy khung pháp lý chặt chẽ là nền tảng của một CTX đáng tin cậy. Mỗi quốc gia thành lập sàn giao dịch của mình theo một luật riêng, được hỗ trợ bởi các quy định và hướng dẫn toàn diện về quản lý giao dịch hạn ngạch, giám sát thị trường và tuân thủ của người tham gia. Mặt khác, việc điều chỉnh khung pháp lý này để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế sẽ củng cố hơn nữa tính minh bạch và tính toàn vẹn của thị trường.

Không có quốc gia/vùng lãnh thổ nào nào trong các trường hợp điển hình lựa chọn thiết lập một sàn giao dịch hoàn toàn mới, thay vào đó, họ tận dụng các nền tảng tài chính hiện

có trong phạm vi thẩm quyền của mình. Trong khi California sử dụng chương trình WCI làm sàn đấu giá, các quốc gia còn lại tiến hành đấu giá thông qua các sàn giao dịch tín chỉ các-bon được chỉ định. Ngoài ra, cấu trúc thị trường thứ cấp rất đa dạng, trong đó California và New Zealand sử dụng nhiều sàn, còn Hàn Quốc và Vương quốc Anh sử dụng một mô hình sàn giao dịch duy nhất. Ngoài các sàn (sàn đấu giá và sàn giao dịch thứ cấp), hệ thống đăng ký giao dịch phát thải, và hệ thống thanh toán và bù trừ là các cơ sở hạ tầng quan trọng nhất đối với ETS. Các hệ thống này vận hành kết nối với CTX.

Tuy nhiên, các nghiên cứu điển hình cũng cho thấy những thách thức trong quá trình triển khai, từ sự biến động của thị trường và các vấn đề giám sát cho đến những khoảng trống về quy định. Nhờ đó, những thách thức này đã thúc đẩy sự phát triển của các biện pháp tuân thủ mạnh mẽ, cơ chế giám sát thị trường nâng cao và chiến lược quản lý rủi ro hiệu quả để giảm thiểu biến động và đảm bảo tuân thủ quy định. Ngoài ra, năng lực thể chế mạnh mẽ, cùng với sự tham gia tích cực của các bên liên quan, là nền tảng quan trọng để vận hành sàn và quản lý thị trường hiệu quả, cũng như thúc đẩy một hệ thống toàn diện và minh bạch. Việt Nam có thể học hỏi từ những kinh nghiệm phong phú này để xây dựng khung quản trị và chính sách mạnh mẽ, tin cậy, và áp dụng tiếp cận thể chế và hạ tầng hiệu quả để thiết lập CTX và thị trường các-bon, và chuẩn bị các trước các giải pháp để đảm bảo vận hành thị trường thuận lợi.

Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý và thể chế cho thị trường các-bon và CTX, thông qua các văn bản quan trọng là Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và Nghị định 06/2022/ND-CP. Ngoài ra, Việt Nam cũng có sẵn cơ sở hạ tầng dựa trên các sàn giao dịch cho chứng khoán thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) và cho hàng hóa thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV).

Về khoảng trống pháp lý, tổng hạn ngạch và định mức phát thải KNK trên đơn vị sản phẩm vẫn chưa được xác định. Không có các quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá và xác định tính hợp lệ của tín chỉ các-bon tham gia vào thị trường các-bon trong nước. Hệ thống MRV vẫn chưa được xây dựng đầy đủ (còn thiếu hướng dẫn kiểm kê KNK cho các ngành giao thông và xây dựng, và danh mục các đơn vị thẩm định vẫn chưa được ban hành). Cần phải xây dựng quy định pháp lý cho việc thiết lập và vận hành hệ thống đăng ký và CTX, thiết lập các cơ chế quản lý tài chính và các biện pháp quản lý và giám sát thị trường.

Về khoảng trống thể chế, cần phải xây dựng văn bản quy định về cơ quan quản lý vận hành hệ thống đăng ký và CTX. Ngoài ra, cần xác định cơ chế phối hợp giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) và Bộ TC, và các tiêu chí để đánh giá tính hợp lệ và phê duyệt “các tổ chức và cá nhân khác” để có thể đầu tư và tham gia vào thị trường các-bon trong nước.

Về mặt cơ sở hạ tầng, Việt Nam chưa có hoặc còn thiếu nhiều hạng mục quan trọng cần thiết cho việc vận hành ETS, bao gồm hệ thống đăng ký, và hệ thống hỗ trợ toàn diện cho việc thực hiện ETS, bao gồm hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm kê KNK để quản lý và giám sát tổng hạn ngạch phát thải của các cơ sở tham gia vào ETS, hệ thống MRV nhất quán về phát thải KNK và giảm nhẹ phát thải KNK, cũng như CTX và sàn đấu giá hạn ngạch.

Để khắc phục các khoảng trống pháp lý, thể chế và hạ tầng nêu trên, Báo cáo đã đưa ra các phương án khác nhau để xây dựng và vận hành CTX. Quyết định lựa chọn phương án

nào sẽ dẫn đến việc đưa ra các khuyến nghị tương ứng về mặt pháp lý, thể chế và hạ tầng để hiện thực hóa phương án đó.

Trước tiên, về thiết lập CTX, theo Nghị định 06/2022/ND-CP, Bộ TC được giao nhiệm vụ phát triển và thành lập CTX trong khi Bộ TNMT được giao vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX. Do đó, trao đổi hàng hóa dưới sự quản lý của Bộ Công Thương sẽ không phù hợp với khuôn khổ pháp lý và thể chế tổng thể hiện có đối với thị trường các-bon trong nước và CTX ở Việt Nam. Vì vậy, có hai phương án tiềm năng để thành lập CTX ở Việt Nam như sau: i) **Phương án 1**: Thành lập CTX trên cơ sở hệ thống hạ tầng của Sở giao dịch chứng khoán; ii) **Phương án 2**: Phát triển mô hình sàn giao dịch tín chỉ các-bon độc lập với hệ thống giao dịch chứng khoán, do Bộ TNMT quản lý.

Phương án 1 có lợi thế là có thể tận dụng hạ tầng, nhân lực và nguồn lực hiện có, trong khi ưu thế của Phương án 2 là đảm bảo Bộ TNMT là cơ quan quản lý nhất quán đối với thị trường các-bon.

Thứ hai, để vận hành CTX, Báo cáo cũng xác định hai phương án để cấu trúc thị trường sơ cấp: i) **Phương án 1**: Phân bổ miễn phí hạn ngạch cho tất cả các cơ sở tham gia ETS (và chứng nhận tín chỉ các-bon đủ điều kiện cho các giao dịch trên thị trường thứ cấp); và ii) **Phương án 2**: Phân bổ miễn phí hạn ngạch kết hợp đấu giá (và chứng nhận tín chỉ các-bon đủ điều kiện giao dịch trên thị trường thứ cấp). Phương án 1 có ưu điểm là giảm gánh nặng tài chính cho các cơ sở tham gia vào ETS. Trong khi đó, Phương án 2 tạo động lực nhiều hơn để các doanh nghiệp thực hiện các hành động giảm nhẹ (vì nếu không, họ sẽ phải trả giá cho việc phát thải, thay vì được phân bổ miễn phí như trong một hệ thống phân bổ hạn ngạch hoàn toàn miễn phí), do đó, phương án này giúp thị trường sôi động và có tính thanh khoản cao hơn.

Hai phương án cũng được đưa ra để cấu trúc thị trường thứ cấp: i) **Phương án 1**: Trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trên một hệ thống tập trung với các bảng riêng biệt về hạn ngạch và tín chỉ các-bon; và ii) **Phương án 2**: Chỉ giao dịch hạn ngạch phát thải KNK trên hệ thống tập trung. Tín chỉ các-bon có thể được mua từ thị trường các-bon tự nguyện trong nước hoặc quốc tế một cách phi tập trung. Ưu điểm của Phương án 1 là tạo ra thị trường với thông tin minh bạch hơn (về giá và khối lượng giao dịch) và việc giao dịch tin cậy hơn (vì có sự tham gia của đơn vị thanh toán và bù trừ) vì thị trường được quản lý chặt chẽ. Tuy nhiên, Phương án 2 có tính linh hoạt cao hơn để có thể kết nối với thị trường các-bon quốc tế.

Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, bối cảnh trong nước và kết quả của quá trình tham vấn các bên liên quan trong khuôn khổ Dự án, phương án được đề xuất để thiết lập CTX như sau:

- Bộ TNMT sẽ thống nhất quản lý thị trường các-bon, bao gồm thiết lập hệ thống đăng ký cho hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon; ban hành các quy định về hệ thống MRV và các yêu cầu đối với hạn ngạch, tín chỉ các-bon và các thành viên thị trường; quyết định về phạm vi sử dụng hệ thống giao dịch chứng khoán và các thành viên thị trường tham gia vào giao dịch hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trên thị trường;

- CTX được thiết lập dựa trên cơ sở sử dụng dịch vụ của hệ thống giao dịch chứng khoán do Bộ TC quản lý (với sự tham gia của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán).

Các văn bản pháp lý đề xuất cần phải xây dựng trong thời gian tới để khắc phục các khoảng trống pháp lý nhằm hiện thực hóa phương án này bao gồm:

- Nghị định của Chính phủ về thiết lập và vận hành thí điểm CTX;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ TNMT xây dựng và quản lý thị trường các-bon;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX), Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán (VSDC) và Bộ TNMT vận hành thí điểm CTX;
- Quyết định của Bộ TC về việc điều chỉnh quy chế hoạt động của VNX và VSDC liên quan đến vận hành thí điểm CTX;
- Các văn bản hướng dẫn thủ tục vận hành CTX.

Các đề xuất về sắp xếp thể chế như sau:

- **Bộ TNMT:** đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng và quản lý thị trường các-bon, bao gồm xây dựng và vận hành hệ thống đăng ký quốc gia, vận hành CTX và hệ thống hỗ trợ toàn diện cho việc thực hiện ETS, bao gồm hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về KNK của các cơ sở tham gia vào ETS để quản lý và theo dõi tổng phát thải;
- **Bộ TC:** phối hợp với Bộ TNMT để thiết kế, xây dựng và vận hành CTX, đóng vai trò chủ đạo trong việc quản lý tài chính của thị trường các-bon, đưa ra phương hướng, chỉ đạo cho SSC, VNX và VSDC để đáp ứng các yêu cầu về giao dịch các-bon;
- **VSDC:** phối hợp với Hệ thống đăng ký quốc gia để quản lý việc đăng ký/mở tài khoản, thực hiện lưu ký, bù trừ và thanh toán cho các giao dịch các-bon;
- **VNX:** xác định sàn chứng khoán phù hợp (HNX hay HOSE) cho việc cung cấp nền tảng giao dịch để thực hiện các giao dịch các-bon.

Về cơ sở hạ tầng, cần phải xây dựng hệ thống đăng ký quốc gia, sàn giao dịch sơ cấp và thứ cấp, hệ thống MRV nhất quán, và cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm kê KNK để theo dõi sự tuân thủ các cơ sở tham gia vào ETS. Các chi tiết cụ thể hơn về hạ tầng cho ETS cần được đánh giá dựa trên kết quả rà soát và lựa chọn mô hình cụ thể cho việc vận hành ETS trong giai đoạn sau. Do vậy, cần có sự thảo luận và thống nhất của các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ TNMT và Bộ TC) về phương án lựa chọn để vận hành CTX trước khi triển khai các bước tiếp theo để hoàn thiện hệ thống pháp lý, thể chế, thiết kế kỹ thuật và xây dựng cơ sở hạ tầng cho CTX.

TỪ VIẾT TẮT

AFOLU	Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Sử dụng đất khác
AB 398	Dự luật Quốc hội 398
AOHA	Tài khoản nắm giữ của các đơn vị thuộc lĩnh vực hàng không
ARP	Giá dự trữ đầu giá
BAU	Kịch bản phát triển thông thường
CARB	Ủy ban Tài nguyên Không khí California
CCER	Giảm phát thải được chứng nhận của Trung Quốc
CCM	Cơ chế kiểm soát chi phí
CCR	Dự phòng kiểm soát chi phí
CDM	Cơ chế phát triển sạch
CEEX	Sàn giao dịch phát thải Trung Quốc
CER	Chứng nhận giảm phát thải
CITSS	Dịch vụ Hệ thống theo dõi công cụ tuân thủ
CME	Sở giao dịch hàng hóa Chicago
CO ₂	Các-bon dioxide
COP26	Hội nghị các Bên tham gia vào Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu lần thứ 26
CORSIA	Chương trình giảm phát thải và bù trừ các-bon cho hàng không quốc tế
CTX	Sàn giao dịch tín chỉ các-bon
DEBS	Lợi ích môi trường trực tiếp trong tiểu bang
EEX	Sàn giao dịch năng lượng châu Âu
EITE	Phát thải cao và chịu tác động thương mại
ETS	Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải
ETR	Hệ thống đăng ký quyền phát thải
EUAA	Hạn ngạch hàng không của EU
EUA	Hạn ngạch của EU
FFCER	Tín chỉ giảm phát thải được chứng nhận của Lâm nghiệp Phúc Kiến
FSA	Quản trị viên dịch vụ tài chính
KNK	Khí nhà kính
GIR	Trung tâm nghiên cứu và kiểm kê khí nhà kính
HFC	Hydrofluoro các-bon
HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
ICE	Sàn trao đổi liên lục địa
JCM	Cơ chế tín chỉ chung
KAU	Đơn vị hạn ngạch Hàn Quốc
KCU	Đơn vị tín chỉ Hàn Quốc
K-eco	Tổng công ty Môi trường Hàn Quốc
K-ETS	Hệ thống giao dịch phát thải Hàn Quốc

KOC	Tín chỉ bù trừ Hàn Quốc
KRX	Sàn giao dịch Hàn Quốc
Luật BVMT 2020	Luật Bảo vệ môi trường 2020
Bộ TC	Bộ Tài Chính
Bộ CT	Bộ Công Thương
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MRV	Giám sát, báo cáo và thẩm định
MtCO ₂ e	Triệu tấn các-bon dioxide tương đương
MXV	Sàn giao dịch hàng hóa Việt Nam
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NZ ETS	ETS New Zealand
NZ ETR	Hệ thống đăng ký giao dịch hạn ngạch phát thải của New Zealand
NZU	Đơn vị New Zealand
NZX	Sàn giao dịch New Zealand
OHA	Tài khoản nắm giữ của đơn vị vận hành
OPO	Đơn vị vận hành dự án bù trừ
OPR	Hệ thống đăng ký dự án bù trừ
ORS	Hệ thống đăng ký bù trừ
OTC	Giao dịch thỏa thuận
PFC	Perfluoro các-bon
PHCER	Giảm phát thải được chứng nhận Tan Pu Hui
RGGI	Sáng kiến khí nhà kính khu vực
ROC	Tín chỉ bù trừ được đăng ký
SHEA	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính Thượng Hải
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TOE	Tấn dầu tương đương
UKA	Hạn ngạch của Vương quốc Anh
UKEA	Cơ quan Môi trường Vương quốc Anh
UPCOM	Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết
VNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
WCI	Sáng kiến khí hậu phương Tây

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	i
TÓM TẮT	i
TỪ VIẾT TẮT	v
MỤC LỤC	i
DANH MỤC HÌNH	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
I. GIỚI THIỆU	1
I.1. Vai trò của sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải.....	1
I.2. Sự phát triển của CTX tại Việt Nam	2
I.3. Mục tiêu và cấu trúc của Báo cáo	3
I.4. Tổng quan tình hình vận hành CTX cho ETS trên thế giới	4
I.5. Lựa chọn các tiêu chí chính và phân tích đa tiêu chí để lựa chọn nghiên cứu điển hình.....	19
I.5.1. Lựa chọn các tiêu chí chính.....	19
I.5.2. Phân tích đa tiêu chí	20
I.6. Đánh giá các yêu cầu pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng đối với CTX trong các nghiên cứu điển hình được chọn	23
I.6.1. ETS Vương quốc Anh.....	23
I.6.2. ETS New Zealand.....	36
I.6.3. California ETS.....	50
I.6.4. ETS Hàn Quốc	66
I.6.5. Tóm tắt chung và ý nghĩa đối với Việt Nam	84
II. NHIỆM VỤ 4: RÀ SOÁT BỐI CẢNH QUỐC GIA VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH, THỂ CHẾ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG LIÊN QUAN HIỆN CÓ CHO VIỆC THÀNH LẬP VÀ VẬN HÀNH CTX	89
II.1. Hồ sơ phát thải của Việt Nam và định hướng phát thải các-bon thấp	89
II.2. Khung pháp lý cho việc thành lập và vận hành CTX.....	91
II.2.1. Khung pháp lý cho thị trường các-bon và CTX ở Việt Nam	91
II.2.2. Khung pháp lý cho thị trường chứng khoán	94
II.2.3. Khung pháp lý về sàn hàng hóa	97
II.3. Tổ chức thể chế hiện có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của CTX ..	99
II.3.1. Tổ chức thể chế hiện tại cho thị trường các-bon và CTX	99
II.3.2. Tổ chức thể chế hiện hành cho sàn giao dịch chứng khoán.....	101
II.3.3. Tổ chức thể chế hiện tại cho việc trao đổi hàng hóa	104
II.4. Cơ sở hạ tầng hiện tại liên quan đến việc thành lập và hoạt động của CTX.....	107

II.4.1.	Cơ sở hạ tầng hiện tại để thiết lập và vận hành thị trường các-bon và CTX.....	107
II.4.2.	Cơ sở hạ tầng hiện tại cho sàn giao dịch chứng khoán	108
II.4.3.	Cơ sở hạ tầng hiện tại cho việc trao đổi hàng hóa	111
III.	NHIỆM VỤ 5: PHÂN TÍCH KHOẢNG TRỐNG VỀ PHÁP LUẬT, THỂ CHẾ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỐI VỚI VIỆC THÀNH LẬP VÀ VẬN HÀNH CTX TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHUYẾN NGHỊ DỰA TRÊN KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BỐI CẢNH QUỐC GIA.....	114
III.1.	Phân tích khoảng trống về pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng trong việc thành lập và vận hành CTX tại Việt Nam	114
III.1.1.	Khoảng trống pháp lý	115
III.1.2.	Khoảng trống thể chế	117
III.1.3.	Khoảng trống cơ sở hạ tầng.....	118
III.2.	Các phương án khác nhau cho việc thiết lập và vận hành CTX tại Việt Nam....	119
III.3.	Các khuyến nghị cho việc thành lập CTX tại Việt Nam	127
III.4.	Khuyến nghị cho việc vận hành CTX.....	130
III.5.	Lộ trình cho việc thành lập và vận hành CTX	134
IV.	KẾT LUẬN.....	135
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	136
	PHỤ LỤC	142
	Phụ lục 1: Áp dụng các tiêu chí được lựa chọn để phân tích	142
	Phụ lục 2: Tổng quan về khung pháp lý về thiết lập và vận hành CTX của các nghiên cứu điển hình được lựa chọn.....	151
	Phụ lục 3: Thông tin thêm về trao đổi hạn ngạch phát thải K-ETS.....	157
	Phụ lục 4: Cơ cấu hoạt động ORS của K-ETS.....	161
	Phụ lục 5: Cơ cấu hoạt động ETRS thuộc K-ETS.....	162
	Phụ lục 6: Cơ sở hạ tầng giao dịch tín chỉ các-bon KRX	163
	Phụ lục 7: Các văn bản pháp luật chung và quy định tài chính liên quan đến thị trường các-bon tại Việt Nam	164
	Phụ lục 8: Các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán tại Việt Nam.....	172
	Phụ lục 9: Thông tin các loại tài khoản chứng khoán Việt Nam	176
	Phụ lục 10: Quy trình giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.....	179

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước với nội dung tập trung vào CTX	3
Hình 2: Bản đồ thuế các-bon và ETS.....	4
Hình 3: Tiến độ triển khai UK ETS	24
Hình 4: Diễn biến giá ETS của Anh theo thời gian.....	27
Hình 5: Các mốc quan trọng về nhiệm vụ và tuân thủ đối với những đơn vị tham gia ETS ở Vương quốc Anh	31
Hình 6: Sắp xếp thể chế của ETS Vương quốc Anh	32
Hình 7: Cơ sở hạ tầng cần thiết để đấu giá hạn ngạch tại UK ETS	34
Hình 8: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp ở UK ETS.....	35
Hình 9: Cơ sở hạ tầng CTX tổng thể ở UK ETS	36
Hình 10: Tiến độ triển khai ETS của New Zealand	37
Hình 11: Quá trình thiết lập nguồn cung NZU theo 5 năm mở rộng.....	40
Hình 12: Diễn biến giá của NZ ETS theo thời gian	41
Hình 13: Nghĩa vụ của các đối tượng tham gia NZ ETS	45
Hình 14: Sơ đồ thể chế của NZ ETS.....	46
Hình 15: Cơ sở hạ tầng cần thiết để đấu giá ở NZ ETS	47
Hình 16: Cơ sở hạ tầng cần thiết để giao dịch trên thị trường thứ cấp ở NZ ETS	48
Hình 17: Cơ sở hạ tầng CTX tổng thể của NZ ETS	49
Hình 18: Tiến độ thực hiện ETS California	50
Hình 19: Tổng hạn ngạch phát thải KNK của California và dự báo BAU	53
Hình 20: Diễn biến giá của ETS California theo thời gian.....	54
Hình 21: Thời hạn nghĩa vụ tuân thủ đối với các cơ sở tham gia ETS California	59
Hình 22: Tổ chức thể chế cho ETS California	60
Hình 23: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ ở California ETS.....	62
Hình 24: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá hạn ngạch ở California ETS	63
Hình 25: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp.....	64
Hình 26: Cơ sở hạ tầng tổng thể cho CTX trong California ETS	65
Hình 27: Tiến độ triển khai K-ETS	67
Hình 28: Quy trình chỉ định Sàn giao dịch phát thải trong K-ETS.....	68
Hình 29: Tổ chức thể chế trong K-ETS.....	76
Hình 30: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ trong K-ETS.....	78
Hình 31: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá KAU trong K-ETS	79
Hình 32: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp theo ORS trong K-ETS	80
Hình 33: Cơ sở hạ tầng cần thiết để giao dịch trên thị trường thứ cấp theo ETRS trong K-ETS	81
Hình 34: Cơ sở hạ tầng tổng thể cho CTX trong K-ETS	82
Hình 35: Tỷ trọng tổng phát thải KNK ở Việt Nam năm 2016 theo ngành.....	89

Hình 36: Phát thải KNK theo kịch bản BAU.....	90
Hình 37: Những mốc chính trong quá trình phát triển pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam	96
Hình 38: Lịch sử phát triển của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam.....	98
Hình 39: Các tổ chức thể chế và thành phần tham gia thị trường các-bon trong nước của Việt Nam	101
Hình 40: Tổ chức thể chế trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam	104
Hình 41: Tổ chức thể chế cho việc trao đổi hàng hóa ở Việt Nam	106
Hình 42: Căn cứ phân bổ hạn ngạch theo Nghị định số 06/2022/ND-CP	107
Hình 43: Quy trình giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung ở Việt Nam.....	111
Hình 44: Quá trình giao dịch trên thị trường hàng hóa ở Việt Nam	113
Hình 45: Các thành phần chính của thị trường các-bon	114
Hình 46: Đề xuất tổ chức thể chế cho CTX	129
Hình 47: Dòng lưu chuyển giao dịch CTX.....	129
Hình 48: Lộ trình thành lập và vận hành CTX.....	134
Phụ lục Hình 1: Thông tin giới thiệu KE TS.....	157
Phụ lục Hình 2: Giao diện chính của KRX.....	158
Phụ lục Hình 3: Thông tin số lượng tài khoản trong KRX.....	158
Phụ lục Hình 4: Đầu vào báo giá (Bán) trong KRX theo K-ETS	160
Phụ lục Hình 5: Cơ cấu hoạt động ORS của K-ETS	161
Phụ lục Hình 6: Cơ cấu hoạt động ETRS trong K-ETS.....	162
Phụ lục Hình 7: Cơ sở hạ tầng giao dịch các-bon của KRX.....	163

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Các ETS hiện có và tình trạng vận hành CTX	6
Bảng 2: Kết quả phân tích đa tiêu chí để lựa chọn nghiên cứu trường hợp quốc gia	21
Bảng 3: Các loại tài khoản trong Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của Vương quốc Anh	32
Bảng 4: Phân loại mức cho phép các-bon theo quốc gia.....	42
Bảng 5: Các loại tài khoản tổ chức trong CITSS.....	61
Bảng 6: Tiêu chí đánh giá sào giao dịch phát thải và phân bổ điểm	69
Bảng 7: Hoạt động K-ETS	71
Bảng 8: Phương thức giao dịch K-ETS (Thông thường/Đấu giá/OTC)	71
Bảng 9: Các loại tài khoản trong ORS của K-ETS	77
Bảng 10: Tóm tắt và so sánh các nghiên cứu điển hình.....	84
Bảng 11: Tóm tắt các mục tiêu giảm phát thải trong NDC Việt Nam	90
Bảng 14: Sự khác biệt giữa thị trường tập trung và OTC	109
Bảng 15: So sánh sàn hàng hóa và sàn chứng khoán tại Việt Nam.....	111
Bảng 14: So sánh các phương án phù hợp để thành lập CTX tại Việt Nam	122

Bảng 17 : So sánh các phương án phù hợp để cấu trúc thị trường các-bon sơ cấp ở Việt Nam.....	124
Bảng 18: So sánh các phương án phù hợp để cấu trúc thị trường các-bon thứ cấp ở Việt Nam.....	126
Bảng 19: Các giải pháp đề xuất nhằm khắc phục khoảng trống để vận hành thí điểm CTX và khung thời gian đề xuất	131
Bảng Phụ lục 1: Các văn bản pháp luật chính về thiết lập và vận hành CTX của các nghiên cứu điển hình được lựa chọn	151
Bảng Phụ lục 2: Thông số giao dịch bằng KRX	159
Bảng Phụ lục 3: Các văn bản pháp luật và quy định tài chính liên quan đến thị trường các-bon tại Việt Nam	164
Bảng Phụ lục 4: Các văn bản pháp luật chung liên quan đến thị trường chứng khoán tại Việt Nam	172
Bảng Phụ lục 5: Thông tin về các loại tài khoản chứng khoán Việt Nam	176

I. GIỚI THIỆU

I.1. Vai trò của sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải

Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải (ETS) là một chính sách hiệu quả để các quốc gia thực hiện giảm phát thải khí nhà kính (KNK) bằng cách định giá phát thải thông qua tiếp cận dựa trên thị trường. Trong ETS, hạn mức phát thải tổng được áp dụng cho một hoặc nhiều lĩnh vực và cơ quan quản lý sẽ ban hành một lượng hạn ngạch phát thải cho phép không vượt quá hạn mức này cho các cơ sở tham gia vào ETS. Các cơ sở này có thể giao dịch các hạn ngạch phát thải, hình thành giá thị trường cho hạn ngạch (ICAP, 2021a). Bằng cách biến hạn ngạch phát thải thành một mặt hàng có thể mua và bán, ETS cung cấp cho các công ty động lực tài chính để giảm phát thải. Nếu một công ty có thể giảm phát thải hiệu quả hơn một công ty khác, thì công ty đó có thể thu lợi từ việc bán lượng hạn ngạch dư thừa, trong khi công ty phải đổi mặt với chi phí giảm phát thải cao hơn có thể mua lượng hạn ngạch này với mức giá thấp hơn mức họ có thể phải tự thực hiện để đáp ứng nghĩa vụ phát thải của mình.

Ngoài hạn ngạch phát thải, ETS có thể cho phép các cơ sở sử dụng tín chỉ các-bon từ việc giảm hoặc loại bỏ phát thải tại các nguồn và lĩnh vực không thuộc ETS để đáp ứng các nghĩa vụ tuân thủ. Tuy nhiên, việc sử dụng tín chỉ các-bon như vậy thường đi kèm với các điều kiện cụ thể, ví dụ như hạn chế về lượng tín chỉ các-bon tối đa có thể sử dụng so với tổng hạn ngạch phát thải. Điều này cung cấp “một nhóm mới các đơn vị tuân thủ chi phí thấp cho các cơ sở tham gia vào ETS và có thể giảm đáng kể chi phí tuân thủ ETS” (ICAP, 2021a).

Hạn ngạch và tín chỉ các-bon có thể được giao dịch theo ba cách: (i) giao dịch trực tiếp giữa các cơ sở; (ii) giao dịch được xúc tiến bởi nhà môi giới (giao dịch thỏa thuận (OTC)) và (iii) giao dịch qua sàn (ICAP, 2021b).

Kinh nghiệm vận hành thành công ETS của các nước cho thấy vai trò quan trọng của sàn giao dịch tín chỉ các-bon (CTX) trong việc đảm bảo hoạt động hiệu quả của ETS. CTX đóng vai trò là sàn trung tâm cho việc giao dịch hạn ngạch và tín chỉ các-bon một cách minh bạch và tin cậy giữa các đơn vị tham gia thị trường. Các vai trò chính của CTX bao gồm:

(i) Tiếp cận thị trường: CTX cung cấp một nền tảng tập trung cho nhiều đối tượng tham gia, có thể bao gồm các cơ sở phát thải, nhà phát triển dự án các-bon, tổ chức tài chính và nhà đầu tư để tham gia và trao đổi hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon. Điều này mở rộng nhóm người mua và người bán tiềm năng, tăng tính thanh khoản của thị trường (ICE, 2022).

(ii) Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: CTX đăng cả khối lượng giao dịch và giá mà giao dịch diễn ra ngay lập tức. Điều này giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thị trường các-bon (Ecoeye, 2023). Người tham gia có thể tin tưởng rằng các giao dịch được thực hiện một cách công bằng và được báo cáo chính xác.

(iii) Giám sát và điều tiết thị trường: CTX thường hoạt động dưới sự giám sát của cơ quan quản lý để đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống giao dịch (Ecoeye, 2023). CTX thực thi các quy tắc và quy định để ngăn chặn gian lận, thao túng thị trường và các hình thức hành vi sai trái khác.

(iv) Dữ liệu và phân tích thị trường: CTX thường cung cấp dữ liệu và phân tích về xu hướng thị trường, khối lượng giao dịch và biến động giá (Ecoeye, 2023). Thông tin này có thể có giá trị đối với những người tham gia thị trường, cơ quan quản lý và nhà hoạch định chính sách trong việc đưa ra các quyết định sáng suốt liên quan đến việc xây dựng quy định, đầu tư và kinh doanh trên thị trường các-bon.

(v) Đổi mới và phát triển sản phẩm: CTX có thể giới thiệu các công cụ và sản phẩm tài chính mới, chẳng hạn như hợp đồng tương lai và quyền chọn, để giúp người tham gia quản lý rủi ro các-bon một cách hiệu quả. Những công cụ tài chính này có thể phòng ngừa biến động giá các-bon trong tương lai (ICE, 2022).

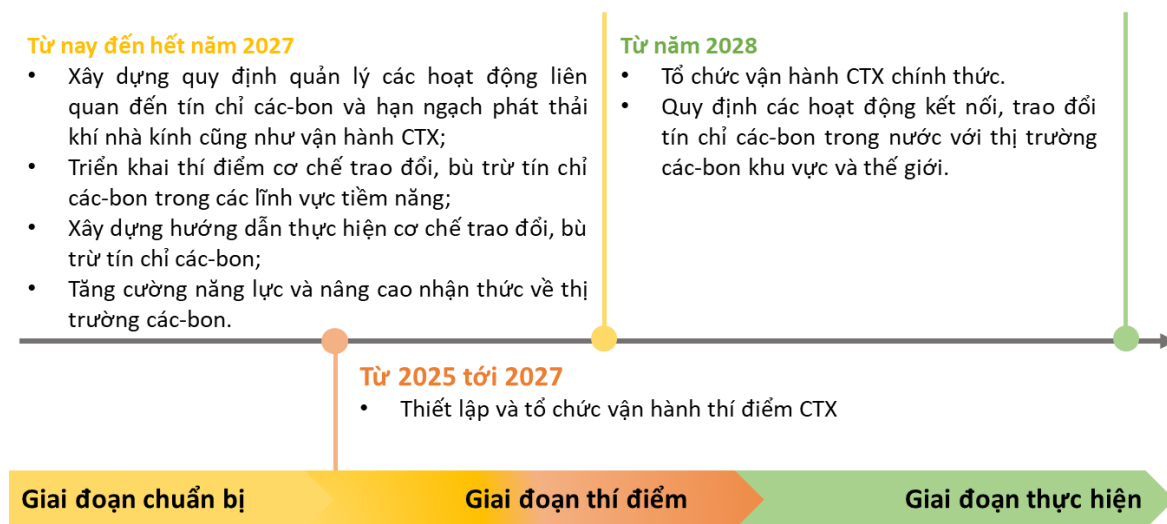
CTX vận hành kết nối với hệ thống đăng ký ETS. Hệ thống đăng ký chịu trách nhiệm ghi nhận và giám sát việc phân bổ, chuyển giao và giao nộp hạn ngạch phát thải (và tín chỉ các-bon) (ICAP, 2021). CTX tạo ra sàn trung tâm (giống như chợ) để hỗ trợ giao dịch hạn ngạch phát thải (và tín chỉ các-bon), cung cấp tín hiệu giá minh bạch và đảm bảo các bên tham gia thị trường có thể thực hiện giao dịch một cách tin cậy, điều này rất quan trọng đối với thị trường các-bon bắt buộc.

I.2. Sự phát triển của CTX tại Việt Nam

Việt Nam đã tích cực tham gia vào các thỏa thuận quốc tế và thể hiện tham vọng trong việc giảm phát thải. Trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật mới nhất vào năm 2022, Việt Nam cam kết giảm 15,8% tổng lượng phát thải KNK vào năm 2030 so với kịch bản phát triển thông thường bằng nguồn lực trong nước và có thể giảm tới 43,5% khi có sự hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác đa phương và song phương, và thực hiện các cơ chế mới theo Thỏa thuận Paris (Chính phủ, 2022d). Hơn nữa, tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi Khí hậu lần thứ 26 (COP26), Việt Nam cũng cam kết mạnh mẽ đạt mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Những cam kết đầy tham vọng này thể hiện quyết tâm của Việt Nam để phù hợp với các mục tiêu toàn cầu trong nỗ lực hướng tới một tương lai bền vững và chống chịu tốt.

Để hiện thực hóa những cam kết mạnh mẽ này, Việt Nam đã xây dựng một khuôn khổ pháp lý vững chắc nhằm thúc đẩy việc thiết lập và vận hành thị trường các-bon. Khuôn khổ pháp lý này thiết lập giá phát thải KNK thông qua ETS với vai trò là công cụ chính sách quan trọng để đạt được các mục tiêu giảm phát thải KNK. Theo đó, các điều khoản về tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước đã được đưa vào Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 (LEP 2020) (Quốc hội, 2020). Theo LEP 2020, Nghị định số 06/2022/ND-CP của Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 1 năm 2022 về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-zôn (Nghị định số 06/2022/ND-CP) quy định chi tiết về tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước. Theo đó, từ nay đến cuối năm 2027, Việt Nam sẽ ban hành các quy định liên quan đến hoạt động quản lý và trao đổi tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát

thải KNK cũng như vận hành CTX và dự kiến sẽ thành lập, thí điểm CTX từ năm 2025 và vận hành chính thức vào năm 2028. Bộ TC được giao chủ trì xây dựng, thành lập CTX và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon tại Việt Nam (Chính phủ, 2022c).



Hình 1: Lộ trình phát triển thị trường các-bon trong nước với nội dung tập trung vào CTX

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Chính phủ (2022a)

Để đạt được những mục tiêu này, cần thiết phải tham khảo kinh nghiệm quốc tế và đánh giá toàn diện các điều kiện pháp lý, cơ sở hạ tầng và thể chế hiện có của quốc gia. Những đánh giá này đóng vai trò quan trọng để xác định những khoảng trống cần thiết cho sự phát triển của cả thị trường các-bon và CTX. Tiếp cận toàn diện này không chỉ tạo cơ sở cho việc thành lập và vận hành CTX sắp tới mà còn thúc đẩy Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh và bền vững cũng như tiến gần hơn đến mục tiêu phát thải ròng bằng không.

I.3. Mục tiêu và cấu trúc của Báo cáo

Báo cáo nhằm mục đích đưa ra các khuyến nghị để Việt Nam thành lập và vận hành một CTX hoạt động tốt dựa trên phân tích kinh nghiệm quốc tế và điều kiện của quốc gia. Báo cáo gồm năm (05) phần:

Phần 1 giới thiệu vai trò của CTX trong ETS.

Phần 2 cung cấp tổng quan về kinh nghiệm quốc tế và phân tích các yêu cầu về pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng đối với việc thiết lập và vận hành của CTX.

Phần 3 tìm hiểu bối cảnh quốc gia và đánh giá các quy định, thể chế và cơ sở hạ tầng hiện hành liên quan đến việc thiết lập và vận hành của CTX.

Phần 4 xác định những khoảng trống về pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng, đề xuất các giải pháp dựa trên kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh của Việt Nam về CTX và đưa ra lộ trình thực hiện.

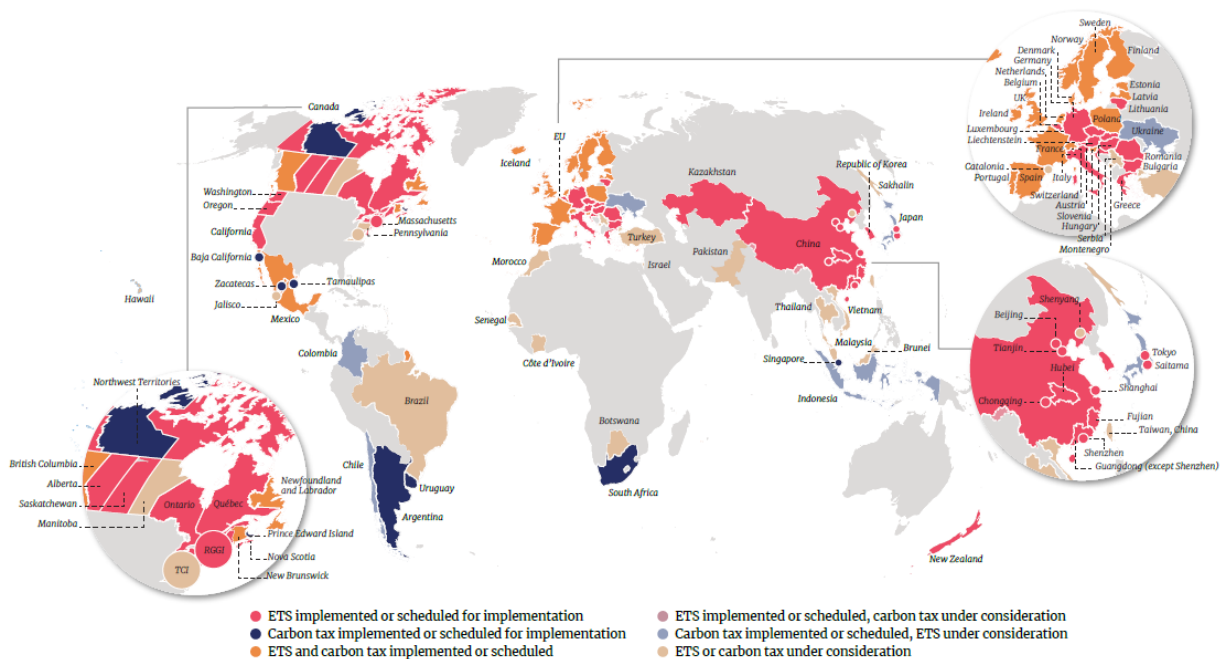
Phần 5 nêu bật những phát hiện chính của nghiên cứu.

NHIỆM VỤ 3: RÀ SOÁT KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC YÊU CẦU PHÁP LUẬT, THỂ CHẾ VÀ HẠ TẦNG CHO THIẾT LẬP VÀ VẬN HÀNH CTX

I.4. Tổng quan tình hình vận hành CTX cho ETS trên thế giới

Thị trường các-bon trên thế giới tồn tại dưới hai hình thức: thị trường bắt buộc (tuân thủ) nơi các cơ sở tham gia sẽ tiếp nhận và giao nộp giấy phép phát thải (hạn ngạch) hoặc tín chỉ các-bon để đáp ứng các mục tiêu quản lý đã xác định trước, và thị trường các-bon tự nguyện nơi các công ty tư nhân chọn mua tín chỉ các-bon “để bán lại hoặc ngừng giao dịch để đạt được các tuyên bố về trung hòa các-bon hoặc các tuyên bố về môi trường khác” (VCMCI, 2021). Thị trường các-bon tuân thủ thường được phát triển theo ETS.

Tính đến năm 2023, có 28 ETS có hiệu lực ở nhiều cấp quản lý khác nhau, từ cấp thành phố đến cấp liên quốc gia. Các ETS này chiếm khoảng 17% tổng lượng phát thải KNK toàn cầu. ETS Trung Quốc là thị trường các-bon lớn nhất thế giới tính theo lượng phát thải với hơn 2.100 nhà máy điện tham gia chương trình này và EU ETS là thị trường các-bon lớn nhất thế giới tính theo giá trị giao dịch với hơn 15 tỷ hạn ngạch phát thải được giao dịch trên Sàn giao dịch liên lục địa (ICE) (Ngân hàng Thế giới, 2023).



Hình 2: Bản đồ thuế các-bon và ETS

Nguồn: ICAP (2023a)

CTX có thể hoạt động để cung cấp dịch vụ giao dịch cho cả thị trường các-bon tuân thủ và thị trường các-bon tự nguyện. Tuy nhiên, không phải tất cả các ETS hiện đang vận hành đều sử dụng CTX để hỗ trợ việc trao đổi các hạn ngạch (và tín chỉ các-bon đủ điều kiện). Nguyên nhân chủ yếu do không có đầu giá, hoặc do quy mô thị trường chưa đủ lớn để vận hành giao dịch qua sàn, hoặc do cơ quan quản lý không muốn kiểm soát giá của ETS. Ví dụ như ETS của Tokyo, hạn ngạch được phân bổ miễn phí cho các cơ sở trên thị trường

sơ cấp thay vì qua đấu giá. Trên thị trường thứ cấp, các cơ sở chịu kiểm soát và các đơn vị tham gia khác giao dịch tín chỉ qua OTC và Chính quyền Thành phố Tokyo không kiểm soát giá trên thị trường (ICAP, 2022).

Do Việt Nam xác định CTX là “trung tâm xử lý các giao dịch liên quan đến mua, bán hạn ngạch và tín chỉ các-bon cũng như đấu giá, vay mượn, nộp trả và chuyển nhượng hạn ngạch”, nên việc thành lập CTX chủ yếu phục vụ mục đích hoạt động của ETS tại Việt Nam (nhưng vẫn có thể cung cấp dịch vụ giao dịch cho mục đích bù trừ tự nguyện).

Bảng dưới đây tóm tắt 21 ETS hiện có trên thế giới có sử dụng CTX. Tổng quan về các đặc điểm chính của các ETS này sẽ cung cấp đầu vào cho phân tích đa tiêu chí để lựa chọn các nghiên cứu điển hình trong phần sau.

Bảng 1: Các ETS hiện có và tình trạng vận hành CTX

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
Cấp độ liên quốc gia			
1	EU ETS (Các quốc gia thành viên EU và Iceland, Liechtenstein, Na Uy)	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2005</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Hàng không</p> <p>Tổng hạn ngạch: 1.529 triệu tấn các-bon dioxide tương đương (MtCO₂e) (2022, cơ sở công nghiệp) 28,4 MtCO₂e (2022, hàng không)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Đấu giá, Định mức phát thải tiêu chuẩn</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Sử dụng không giới hạn trong Giai đoạn 1 (2005-2007); Được phép lên tới 50% ở Giai đoạn 2 & 3 (2008-2012 & 2013-2020); Không được phép trong Giai đoạn 4 (2021-2030)</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 78,91 EUR (83,10 USD) Giá thị trường thứ cấp trung bình: 80,82 EUR (85,11 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 139,5 tỷ EUR (158,4 tỷ USD) kể từ năm 2013</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ và các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá theo giá thống nhất với các vòng riêng lẻ và giá thầu kín, được thực hiện hàng ngày bởi Sàn giao dịch năng lượng Châu Âu (EEX)</p> <p>Thị trường thứ cấp: Hợp đồng giao ngay, hợp đồng tương lai, quyền chọn và hợp đồng kỳ hạn trên sàn giao dịch và OTC</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch phát thải ETS của EU được phân loại là công cụ tài chính kể từ năm 2018</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp: 401,3 triệu hạn ngạch chung của EU (EUA) và hạn ngạch hàng không của EU (EUAA) được bán đấu giá tại EEX cho các Quốc gia Thành viên vào năm 2022, huy động được 39,1 tỷ EUR¹</p> <p>Thị trường thứ cấp: 8,785 triệu EUA được giao dịch (sàn giao dịch và OTC)²</p>
Cấp quốc gia			
2	ETS quốc gia Đức	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2021</p> <p>Phạm vi ngành: Giao thông, Cơ sở hạ tầng</p> <p>Tổng hạn ngạch: 291,1 MtCO₂e (2022)</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ và pháp nhân</p>

¹Tính toán của Tư vấn dựa trên *Đấu giá của Nền tảng đấu giá chung 2022* do Ủy ban Châu Âu chuẩn bị, truy cập tại https://climate.ec.europa.eu/eu-action/eu-emissions-trading-system-eu-ets/auctioning_en

²Refinitiv. 2023. Đánh giá về Năm Thị trường Các-bon 2022, truy cập tại https://www.refinitiv.com/content/dam/marketing/en_us/documents/gated/reports/các-bon-market-year-in-review-2022.pdf

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		<p>Phân bổ hạn ngạch: Giá cố định đến năm 2025, đấu giá sau đó</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Không được phép</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá hạn ngạch trung bình: 30 EUR (31,59 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 13,6 tỷ EUR (14,32 tỷ USD) kể từ năm 2021</p>	<p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá sẽ được tiến hành trên EEX vào năm 2026</p> <p>Thị trường thứ cấp: Các hạn ngạch có thể được mua trên thị trường thứ cấp trong suốt cả năm</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không có trạng thái là công cụ tài chính</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp: 84,8 triệu EUA và EUAA được bán đấu giá tại EEX cho Đức vào năm 2022, thu về 6,8 tỷ EUR³.</p>
3	ETS Kazakhstan	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2013</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, dầu khí, Công nghiệp</p> <p>Tổng hạn ngạch: 163,7 MtCO₂e (2023)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Định mức phát thải tiêu chuẩn</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Phần bù được cho phép không có giới hạn</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá thị trường thứ cấp trung bình: 563 KZT (1,22 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: Không có thông tin</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ và các pháp nhân thực hiện các dự án bù trừ, ngoại trừ các nhà môi giới, ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác</p> <p>Thị trường sơ cấp: Không đấu giá</p> <p>Thị trường thứ cấp: Thị trường giao ngay thuần túy, không có hợp đồng kỳ hạn hoặc các công cụ phái sinh khác. OTC được cho phép kể từ năm 2018. Các sàn giao dịch bao gồm Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Hàng hóa Caspy và các nền tảng giao dịch khác đã ký thỏa thuận với cơ quan đăng ký nhà nước – Công ty Cổ phần “ Zhasyl Damu”</p> <p>Tình trạng pháp lý: Đơn vị các-bon (hạn ngạch phát thải, đơn vị bù trừ) là hàng hóa được phép chuyển giao giữa các chủ thể của thị trường các-bon tại Cộng hòa Kazakhstan</p>

³Lewandrowski, D., Pauly, N. 2023. Đấu giá (EU ETS) – Đấu giá hạn ngạch phát thải của Đức – Báo cáo định kỳ: Báo cáo thường niên 2022. Berlin: Cơ quan quản lý thương mại phát thải Đức (DEHSt) tại Cơ quan môi trường Đức, truy cập tại https://www.dehst.de/SharedDocs/downloads/EN/auctioning/2022/2022_annual-report.pdf?__blob=publicationFile&v=2

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
			Khối lượng giao dịch: 52 giao dịch từ 2018-2020, 39 giao dịch năm 2021 (bao gồm cả trực tiếp), 50 giao dịch trong năm 2022 (bao gồm cả trực tiếp)
4	ETS Thụy Sĩ	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2008</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Hàng không</p> <p>Tổng hạn ngạch: 4,5 MtCO₂e (2023, điện và công nghiệp) 1,2 MtCO₂e (2023, hàng không)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Không được phép từ năm 2021</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 76,49 EUR (80,55 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 99,3 triệu EUR (104,6 triệu USD) kể từ năm 2008</p> <p>Thông tin khác: ETS Thụy Sĩ được liên kết với EU ETS từ năm 2020</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ (trong nước và quốc tế) và các cá nhân</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá do Cơ quan đăng ký giao dịch khí thải Thụy Sĩ tổ chức</p> <p>Thị trường thứ cấp: OTC chỉ áp dụng cho các hạn ngạch của Thụy Sĩ. Các hạn ngạch ETS của EU, có thể được sử dụng để tuân thủ ETS của Thụy Sĩ, được giao dịch trên nhiều sàn giao dịch, bao gồm ICE Futures và EEX</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp: 412.700 trái phiếu Thụy Sĩ được bán đấu giá vào năm 2022</p>
5	ETS Vương quốc Anh	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2003 → 2005 → 2021</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Hàng không nội địa</p> <p>Tổng hạn ngạch: 147,2 MtCO₂e (2023)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Không được phép</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 75,42 GBP (92,96 USD)</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ (trong nước và quốc tế) và các cá nhân</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá được quản lý bởi ICE Futures Europe</p> <p>Thị trường thứ cấp: Hạn ngạch của Vương quốc Anh được giao dịch trên sàn giao dịch ICE Futures Europe. Hợp đồng tương lai hàng ngày, hợp đồng tương lai và quyền chọn hợp đồng tương lai đều có sẵn. Có thể giao dịch OTC.</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch của Vương quốc Anh được coi là công cụ tài chính</p>

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		Tổng doanh thu: 10,4 tỷ bảng Anh (12,9 tỷ USD) kể từ năm 2021	Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp: 81,3 triệu trái phiếu được đấu giá vào năm 2022 ⁴ , huy động được 6,1 tỷ GBP (7,6 tỷ USD). 79 triệu hạn ngạch của Vương quốc Anh dự kiến vào năm 2023 Thị trường thứ cấp: 431 triệu Hạn ngạch của Vương quốc Anh được giao dịch (hợp đồng giao ngay và tương lai, không bao gồm OTC) ²
6	ETS Trung Quốc	Bắt đầu hoạt động (năm): 2021 Phạm vi ngành: Điện Tổng hạn ngạch: Khoảng 4.500 MtCO ₂ e (2019 và 2020) Phân bổ hạn ngạch: Điểm chuẩn Tín chỉ bù trừ: Giảm phát thải được chứng nhận của Trung Quốc (CCER) được tạo ra từ các dự án không nằm trong ETS quốc gia được phép sử dụng để bù trừ tối đa 5% lượng phát thải đã được xác minh của họ Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá thị trường thứ cấp trung bình: 55,30 CNY (8,20 USD) Tổng doanh thu: Chưa có thông tin	Tham gia thị trường: Chỉ các đơn vị tuân thủ Thị trường sơ cấp: Không đấu giá Thị trường thứ cấp: Hạn ngạch phát thải có thể được giao dịch trên một sàn giao dịch chuyên biệt do Sở giao dịch năng lượng và môi trường Thượng Hải quản lý. Được phép giao dịch OTC Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch hiện không được coi là công cụ tài chính Khối lượng giao dịch: Thị trường thứ cấp: 51 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022, trong đó hơn 90% là OTC, huy động được 2,814 tỷ CNY (408 tỷ USD) ²
7	ETS New Zealand	Bắt đầu hoạt động (năm): 2008 Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Hàng không, Giao thông vận tải, Cơ sở hạ tầng, Lâm nghiệp và Chất thải Tổng hạn ngạch: 32,2 MtCO ₂ e (2023) Phân bổ hạn ngạch: Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá Tín chỉ bù trừ: Bù trừ không được phép	Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ (trong nước và quốc tế) và các cá nhân có tài khoản với Cơ quan đăng ký ETS New Zealand Thị trường sơ cấp: Các cuộc đấu giá được điều hành chung bởi New Zealand Exchange và EEX Thị trường thứ cấp: Đơn vị New Zealand có thể được giao dịch trên nền tảng giao dịch như Sàn giao dịch New Zealand.

⁴Được tư vấn tính toán dựa trên Báo cáo về các cuộc đấu giá phát thải của Vương quốc Anh tại Trung tâm Báo cáo ICE, được truy cập tại <https://www.ice.com/report/278>

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		<p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đầu giá trung bình: 75,88 NZD (48,11 USD)</p> <p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 78,97 NZD (50,07 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 5,1 tỷ NZD (3,4 tỷ USD) kể từ năm 2008</p>	<p>Giao dịch có thể được thực hiện trên cơ sở giao ngay hoặc thông qua hợp đồng kỳ hạn. Có thể giao dịch OTC</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch được coi là hàng hóa</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp: 26 triệu Đơn vị New Zealand được bán đấu giá vào năm 2022²</p> <p>Thị trường thứ cấp: 34 triệu Đơn vị New Zealand được giao dịch trên sàn giao dịch vào năm 2022²</p>
8	ETS Hàn Quốc	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2015</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Giao thông vận tải. Cơ sở hạ tầng, Hàng không, Chất thải</p> <p>Tổng hạn ngạch: 589,3 MtCO₂e (2023)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ dựa trên dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Tín chỉ bù trừ của Hàn Quốc và một số Giảm phát thải được chứng nhận quốc tế (CER) nhất định đã được cho phép kể từ Giai đoạn 2 (2018), tối đa 5% nghĩa vụ tuân thủ của cơ sở</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đầu giá trung bình: 23.243 KRW (17,99 USD)</p> <p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 20.633 KRW (15,97 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 1.092,6 tỷ KRW (845,2 triệu USD) kể từ năm 2015</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ. Sự tham gia hạn chế đối với các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ</p> <p>Thị trường sơ cấp: Các ngành được phân bổ miễn phí 100% không được phép tham gia đấu giá. Đấu giá diễn ra thông qua Sàn giao dịch Hàn Quốc</p> <p>Thị trường thứ cấp: Đơn vị hạn ngạch Hàn Quốc, Đơn vị tín chỉ Hàn Quốc và Tín chỉ bù trừ Hàn Quốc được giao dịch trên nền tảng giao dịch do Sàn giao dịch Hàn Quốc quản lý</p> <p>Tình trạng pháp lý: Chưa xác định</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp: 14 triệu Đơn vị Hạn ngạch Hàn Quốc được bán đấu giá vào năm 2022²</p> <p>Thị trường thứ cấp: 25,8 triệu Đơn vị Hạn ngạch Hàn Quốc và Tín chỉ Bù trừ Hàn Quốc được giao dịch (trao đổi và OTC) vào năm 2022²</p>
Cấp bang/tỉnh			
	Hoa Kỳ		

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
9	Chương trình Giới hạn và Giao dịch của California	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2012</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Cơ sở hạ tầng, Giao thông vận tải</p> <p>Tổng hạn ngạch: 294,1 MtCO₂e (2023)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá ký gửi</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Các tín chỉ bù trừ, do Ủy ban Tài nguyên Không khí California ban hành hoặc bởi cơ quan có thẩm quyền của hệ thống hạn mức-và- giao dịch có liên kết, được phép có hạn chế</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 28,08 USD</p> <p>Tổng doanh thu: 22,25 tỷ USD kể từ năm 2012</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị được quản lý, các đơn vị được quản lý có quyền chọn tham gia và các đơn vị liên kết tự nguyện</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá kín được tổ chức cùng với Quebec và do WCI, Inc quản lý</p> <p>Thị trường thứ cấp: Hạn ngạch, tín chỉ bù trừ và các công cụ tài chính phái sinh được giao dịch trên thị trường thứ cấp trên ICE, Chicago Mercantile Exchange Group Inc. (tập đoàn CME) và các nền tảng Nodal Exchange. Có thể giao dịch OTC</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch được định nghĩa là giấy phép có thể giao dịch có giới hạn để phát thải tối đa một tCO₂e và không phải là quyền tài sản.</p> <p>Khối lượng giao dịch: 406,1 triệu hạn ngạch và tín chỉ bù trừ được giao dịch ở cả Chương trình Hạn mức-và- Giao dịch California và Québec theo Dịch vụ Hệ thống Theo dõi Công cụ Tuân thủ⁵</p>
10	Sáng kiến KNK Khu vực (RGGI) – 11 tiểu bang bao gồm Connecticut, Delaware, Maine, Massachusetts, Maryland, New Hampshire, New Jersey, New York,	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2009</p> <p>Nội dung ngành: Điện</p> <p>Tổng hạn ngạch: 88 MtCO₂e (2022)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Các loại tín chỉ bù trừ ở các bang RGGI với giới hạn lên tới 3,3% trách nhiệm pháp lý của một cơ sở</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 13,46</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá khu vực, do Enel X quản lý</p> <p>Thị trường thứ cấp: Thị trường thứ cấp cho các hạn ngạch CO₂ của RGGI bao gồm giao dịch các hạn ngạch vật lý và các công cụ tài chính phái sinh, bao gồm hợp đồng tương lai, hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn mua và quyền chọn bán. Các công cụ tài chính phái sinh được giao dịch trên nền tảng ICE</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch được định nghĩa là giấy phép có thể giao dịch có giới hạn để phát thải tối đa một tCO₂e</p>

⁵Ủy ban Tài nguyên Không khí California. 2023. Tóm tắt Báo cáo Chuyển nhượng Thị trường, được truy cập tại [https://ww2.arb.ca.gov/our-work/programs/Giới hạn và Giao dịch-program/program-data/summary-market-transfers-report](https://ww2.arb.ca.gov/our-work/programs/Giới-hạn-và-Giao-dịch-program/program-data/summary-market-transfers-report)

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
	Rhode Island, Vermont, Virginia	Tổng doanh thu: 5,9 tỷ USD kể từ năm 2009	Khối lượng giao dịch: 491 triệu tấn hạn ngạch phát thải được giao dịch vào năm 2022 ²
11	Hạn chế của Massachuset đối với phát thải từ các cơ sở phát điện	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2018</p> <p>Nội dung ngành: Điện</p> <p>Tổng hạn ngạch: 7,8 MtCO₂e (2023)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử trước năm 2021, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Không được phép</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 8,17 USD</p> <p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 8,10 USD</p> <p>Tổng doanh thu: 125,2 triệu USD kể từ năm 2018</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá kín, do Enel X quản lý</p> <p>Thị trường thứ cấp: Hạn ngạch được giao dịch giữa các đơn vị tuân thủ. Hệ thống đăng ký hạn ngạch các-bon của Mát-xa-chu-sét được sử dụng để theo dõi quyền sở hữu các hạn ngạch. Potomac Economics giám sát hoạt động của thị trường</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch được định nghĩa là giấy phép có thể giao dịch có giới hạn để phát thải tối đa một tCO₂e và không phải là quyền tài sản</p> <p>Khối lượng giao dịch: 8 triệu hạn ngạch được bán đấu giá vào năm 2022⁶</p>
12	Chương trình Hạn mức- và đầu tư của Washington	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2023</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Giao thông, Cơ sở hạ tầng</p> <p>Tổng hạn ngạch: 63 MtCO₂e (2023)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Phân bổ miễn phí khi ký gửi, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Các tín chỉ bù trừ từ một số dự án nhất định được phép lên tới 5% nghĩa vụ tuân thủ của cơ sở</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ và các cá nhân có nơi cư trú chính tại Hoa Kỳ</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá được thực hiện thông qua Western Climate Initiative, Inc.</p> <p>Thị trường thứ cấp: Hợp đồng tương lai về các hạn ngạch trên Sàn giao dịch Nodal. Có thể giao dịch OTC</p> <p>Tình trạng pháp lý: Chưa xác định</p>

⁶Kinh tế Potomac. 2023. Báo cáo hàng quý về Chương trình giới hạn phát thải của máy phát điện (310 CMR 7,74): Quý 4 năm 2022, truy cập tại <https://www.mass.gov/doc/market-monitor-quarterly-report-2022-q4/download>

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		<p>Giá hạn ngạch bình quân, giá thị trường thứ cấp: Chưa có thông tin</p> <p>Tổng doanh thu: Chưa có thông tin</p>	<p>Khối lượng giao dịch: 26.859.222 hạn ngạch được bán đấu giá vào năm 2022, thu về 1,3 tỷ USD⁷</p>
Canada			
13	Hệ thống Hạn mức- và- Giao dịch Québec	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2013</p> <p>Phạm vi ngành: Điện, Công nghiệp, Cơ sở hạ tầng, Giao thông vận tải (Không bao gồm Hàng hải và Hàng không)</p> <p>Tổng hạn ngạch: 52,8 MtCO_{2e} (2023)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Các tín chỉ bù trừ được tạo ra ở Québec từ các dự án đủ điều kiện có thể được dùng để thay thế trên thị trường các-bon WCI với giới hạn nghĩa vụ tuân thủ lên tới 8%</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá thanh toán đấu giá trung bình: 36,29 CAD (28,08 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 7 tỷ CAD (5,38 tỷ USD) kể từ năm 2013</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ có cơ sở ở Canada và các cá nhân cư trú tại Canada</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá được tổ chức cùng với California, do Western Climate Initiative, Inc. quản lý.</p> <p>Thị trường thứ cấp: Giao dịch qua sàn đối với các hạn ngạch và tín chỉ bù trừ do cả California và Québec ban hành diễn ra trên các nền tảng như ICE, CME Group hoặc Nodal Exchange. Các hạn ngạch và tín chỉ bù trừ được giao dịch thông qua các hợp đồng tương lai và quyền chọn</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch là quyền được phép phát thải tối đa một tCO_{2e} để tuân thủ quy định hiện hành và không phải là công cụ tài chính</p> <p>Khối lượng giao dịch: 406,1 triệu hạn ngạch và tín chỉ bù trừ được giao dịch ở cả Chương trình Hạn mức- và- Giao dịch của California và Québec theo Dịch vụ Hệ thống Theo dõi Công cụ Tuân thủ⁵</p>
Cấp thành phố			
	Trung Quốc		

⁷Được tính toán bởi Chuyên gia tư vấn dựa trên Báo cáo thu nhập công do Bộ Sinh thái, Bang Washington đăng tải, được truy cập tại <https://apps.ecology.wa.gov/publications/UIPages/PublicationList.aspx?IndexTypeName=Topic&NameValue=Cap-and-Invest+%e2%80%94+Thị+trường+Báo+cáo&DocumentTypeName=Ấn+phẩm>

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
14	Thí điểm ETS Bắc Kinh	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2013</p> <p>Phạm vi ngành: Công nghiệp, Cơ sở hạ tầng, Giao thông vận tải</p> <p>Tổng hạn ngạch: Khoảng 35 MtCO₂e (2021)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: CCER được phép lên tới 5% phân bổ hàng năm</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 117,54 CNY (17,44 USD)</p> <p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 93,32 CNY (13,85 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 113 triệu CNY (16,8 triệu USD) kể từ năm 2013</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ, các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ trong nước và các cá nhân trong nước đáp ứng các yêu cầu của quy tắc trao đổi hạn ngạch phát thải</p> <p>Thị trường sơ cấp: Lên tới 5% lượng hạn ngạch được sử dụng cho đấu giá thường xuyên và đột xuất</p> <p>Thị trường thứ cấp: Giao dịch bao gồm năm sản phẩm giao ngay: Hạn ngạch phát thải các-bon của Bắc Kinh (BEA), CCER, giảm phát thải được chứng nhận rừng (FCER), giảm phát thải được chứng nhận giao thông xanh (PCER) và giảm phát thải được chứng nhận của dự án tiết kiệm năng lượng. Sàn giao dịch xanh Bắc Kinh quản lý việc giao dịch tất cả năm sản phẩm. Các sản phẩm khác như thị trường kỳ hạn và công cụ phái sinh không được phép giao dịch</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 3,75 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022²</p>
15	Thí điểm ETS Trùng Khánh	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2014</p> <p>Phạm vi ngành: Công nghiệp</p> <p>Tổng hạn ngạch: 78,39 MtCO₂e (2020)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: CCER được phép sử dụng để bù trừ tối đa 8% nghĩa vụ tuân thủ của một cơ sở</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 28,67 CNY/tCO₂ (4,26 USD/tCO₂)</p> <p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 39,51 CNY/tCO₂ (USD)</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị và cá nhân tuân thủ và không có nghĩa vụ tuân thủ đáp ứng các yêu cầu của quy tắc trao đổi hạn ngạch phát thải</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá</p> <p>Thị trường thứ cấp: Có một thị trường giao ngay tại Trung tâm Giao dịch hạn ngạch phát thải Các-bon Trùng Khánh để mua bán các hạn ngạch, CCER và giảm Phát thải được Chứng nhận Trùng Khánh (CQ CER)</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính</p>

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		5,86/ tCO ₂) Tổng doanh thu: 335,83 triệu CNY (49,83 triệu USD) kể từ năm 2014 79,91 triệu CNY (11,86 triệu USD) vào năm 2022	Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 4,33 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022 ²
16	Thí điểm ETS Phúc Kiến	Bắt đầu hoạt động (năm): 2016 Phạm vi ngành: Công nghiệp, Hàng không nội địa Tổng hạn ngạch: Khoảng 132 MtCO ₂ e (2021) Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá Đền bù và tín chỉ: CCER và tín chỉ Giảm phát thải được chứng nhận của Lâm nghiệp Phúc Kiến (FFCER) được cho phép. Việc sử dụng CCER và cả CCER và FFCER đều bị giới hạn tương ứng ở mức 5% và 10% phân bổ hàng năm Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá thị trường thứ cấp trung bình: 22,74 CNY (3,37 USD) Tổng doanh thu: 1,25 triệu CNY (185.460 USD) kể từ năm 2016	Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ và nhà đầu tư tổ chức (chỉ trong nước) đáp ứng các yêu cầu của quy tắc giao dịch phát thải Thị trường sơ cấp: Đấu giá sự vụ được tổ chức bởi Sàn giao dịch vốn cổ phần Haixia Phúc Kiến Thị trường thứ cấp: Giao dịch giao ngay của Hạn ngạch phát thải Phúc Kiến (FJEA), CCER và FFCER diễn ra trên Sàn giao dịch vốn cổ phần Phúc Kiến Haixia Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính. Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 7,66 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022 ²
17	Thí điểm ETS Quảng Đông	Bắt đầu hoạt động (năm): 2013 Phạm vi ngành: Công nghiệp, Hàng không nội địa Tổng hạn ngạch: 265 MtCO ₂ e (2021) Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá Tín chỉ bù trừ: Việc sử dụng CCER và giảm phát thải được chứng nhận Tan Pu Hui (PHCER) được phép bù trừ tối đa 10% lượng phát thải hàng năm của các cơ sở tham gia	Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ; các nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế đáp ứng các yêu cầu của quy tắc trao đổi hạn ngạch phát thải Thị trường sơ cấp: Đấu giá sự vụ được tổ chức bởi Sàn trao đổi hạn ngạch phát thải Trung Quốc (CEEX) Thị trường thứ cấp: Giao dịch giao ngay Giấy phép phát thải Quảng Đông (GDEA), CCER và FFCER diễn ra trên CEEX Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		<p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá thị trường thứ cấp trung bình: 76,53 CNY (11,35 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: Khoảng 815,5 triệu CNY (121 triệu USD) kể từ năm 2013</p>	<p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 14,45 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022²</p>
18	Thí điểm ETS Hồ Bắc	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2014</p> <p>Phạm vi ngành: Công nghiệp</p> <p>Tổng hạn ngạch: 182 MtCO₂e (2021)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Việc sử dụng CCER được phép bù trừ tối đa 10% lượng phát thải hàng năm của các cơ sở tham gia</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 43,35 CNY (6,43 USD)</p> <p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 46,86 CNY (6,95 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 385,74 triệu CNY (57,23 triệu USD) kể từ năm 2014</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ; các nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế, các nhà đầu tư cá nhân đáp ứng các yêu cầu của quy định về trao đổi hạn ngạch phát thải</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá sự vụ được tổ chức bởi Sở trao đổi hạn ngạch phát thải Hồ Bắc Trung Quốc</p> <p>Thị trường thứ cấp: Các sản phẩm giao ngay bao gồm Hạn ngạch phát thải Hồ Bắc (HBEA) và CCER, do Sở trao đổi hạn ngạch phát thải Hồ Bắc quản lý</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 7,39 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022²</p>
19	Thí điểm ETS Thượng Hải	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2013</p> <p>Phạm vi ngành: Công nghiệp, Giao thông vận tải, Cơ sở hạ tầng, Hàng không nội địa</p> <p>Cap: 109 MtCO₂e (2021)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Việc sử dụng CCER được phép bù trừ tối đa 1-5% lượng phát thải hàng năm của các cơ sở tham gia</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 39,76 CNY (5,90 USD)</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ; các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ (nhà đầu tư tổ chức trong nước) đáp ứng yêu cầu của quy tắc trao đổi hạn ngạch phát thải</p> <p>Thị trường sơ cấp: Đấu giá sự vụ</p> <p>Thị trường thứ cấp: Các sản phẩm bao gồm Hạn ngạch phát thải Thượng Hải (SHEA), Chuyển tiếp hạn ngạch phát thải Thượng Hải và CCER. SHEA và CCER là các sản phẩm giao ngay. Shanghai Emission Allowance Forward (SHEAF) là sản phẩm kỳ hạn giao ngay được tiêu chuẩn hóa</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính.</p>

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		<p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 40,16 CNY (5,96 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 264,90 triệu CNY (43,75 triệu USD) kể từ năm 2013</p>	<p>Khối lượng giao dịch Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 3,19 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022²</p>
20	Thí điểm ETS Thâm Quyển	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2013</p> <p>Phạm vi ngành: Công nghiệp, Giao thông vận tải</p> <p>Tổng hạn ngạch: 25 MtCO₂e (2021)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Việc sử dụng CCER, PHCER và các tín chỉ bù trừ khác được chính quyền địa phương ủy quyền được phép bù trừ tối đa 20% lượng phát thải hàng năm của các cơ sở tham gia</p> <p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá đấu giá trung bình: 43,49 CNY (6,45 USD)</p> <p>Giá thị trường thứ cấp trung bình: 42,52 CNY (6,31 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: Khoảng 27,9 triệu CNY (4,1 triệu USD) kể từ năm 2013</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ; các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ (nhà đầu tư tổ chức); các cá nhân (cả trong nước và quốc tế) đáp ứng yêu cầu của quy tắc giao dịch phát thải các-bon</p> <p>Thị trường sơ cấp: Chỉ các đơn vị tuân thủ và tổ chức thành viên được Sở trao đổi hạn ngạch phát thải Trung Quốc (Thâm Quyển) ủy quyền mới có thể tham gia đấu giá</p> <p>Thị trường thứ cấp: CCER, Hạn ngạch Thâm Quyển (SZA) và tín chỉ bù trừ Tan Pu Hui địa phương là các sản phẩm giao dịch giao ngay chính trên Sàn trao đổi hạn ngạch phát thải Trung Quốc (Thâm Quyển)</p> <p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính.</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 5,3 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022²</p>
21	Thí điểm ETS Thiên Tân	<p>Bắt đầu hoạt động (năm): 2013</p> <p>Phạm vi ngành: Công nghiệp</p> <p>Tổng hạn ngạch: 75 MtCO₂e (2021)</p> <p>Phân bổ hạn ngạch: Phân bổ theo dữ liệu lịch sử, Định mức phát thải tiêu chuẩn, Đấu giá</p> <p>Tín chỉ bù trừ: Việc sử dụng CCER và tín chỉ lâm nghiệp khu vực Thiên Tân được phép bù trừ lên tới 10% nghĩa vụ tuân thủ hàng năm</p>	<p>Tham gia thị trường: Các đơn vị tuân thủ; nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân (trong nước và quốc tế) đáp ứng các yêu cầu của quy tắc giao dịch phát thải các-bon</p> <p>Thị trường sơ cấp: Các cuộc đấu giá đặc biệt do Sàn giao dịch khí hậu Thiên Tân tổ chức</p> <p>Thị trường thứ cấp: Các sản phẩm bao gồm hạn ngạch phát thải các-bon giao ngay tại Thiên Tân và CCER giao ngay, do Sàn giao dịch khí hậu Thiên Tân quản lý</p>

STT	Các ETS	Đặc điểm ETS	Thiết kế CTX
		<p>Giá hạn ngạch trung bình, giá thị trường thứ cấp: Giá thị trường thứ cấp trung bình: 34,36 CNY (5,10 USD)</p> <p>Tổng doanh thu: 148,2 triệu CNY (22 triệu USD) kể từ năm 2013</p>	<p>Tình trạng pháp lý: Hạn ngạch không được coi là công cụ tài chính.</p> <p>Khối lượng giao dịch: Thị trường sơ cấp và thứ cấp: 5,45 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022²</p>

Nguồn: Do Tư vấn tổng hợp dựa trên ICAP (2023a), Ủy ban Châu Âu (2022b, 2022a, 2022c, 2022d), Refinitiv (2023), Lewandrowski và Pauly (2023), Trung tâm Báo cáo ICE (nd), Ủy ban Tài nguyên Không khí California (2023b), Bộ Sinh thái, Bang WashingtonWashington (2023b, 2023c, 2023a, 2023d) và Kinh tế Potomac (2023)

I.5. Lựa chọn các tiêu chí chính và phân tích đa tiêu chí để lựa chọn nghiên cứu điển hình

I.5.1. Lựa chọn các tiêu chí chính

Sẽ cần những nỗ lực đáng kể để xem xét và phân tích các yêu cầu về pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng đối với tất cả 21 CTX đang hoạt động ở các thị trường tuân thủ trên thế giới. Để đánh giá hiệu quả kinh nghiệm quốc tế về thành lập và vận hành các CTX, sáu tiêu chí sau đây được coi là những tiêu chí quan trọng nhất để xác định sự thành công của một CTX và mang lại những bài học ý nghĩa cho Việt Nam và do đó được sử dụng để lựa chọn làm nghiên cứu điển hình cho Việt Nam. Việc lựa chọn các tiêu chí dựa trên kinh nghiệm lâu năm trong việc thiết kế và vận hành CTX cũng như bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của CTX.

Tiêu chí A – Số năm hoạt động

Một trong những tiêu chí quan trọng nhất cho thấy sự thành công của mô hình CTX là khả năng duy trì và vận hành hiệu quả theo thời gian. Bên cạnh đó, một mô hình có thời gian hoạt động đủ dài (ít nhất trên 5 năm) sẽ có nhiều kinh nghiệm để đóng góp cho Việt Nam hơn so với mô hình mới thành lập.

Tiêu chí B – Sự tương đồng về bối cảnh

Không có mô hình nào phù hợp cho tất cả các CTX. Tổng quan về 21 CTX đang hoạt động trên thế giới trong **Error! Reference source not found.** cho thấy sự đa dạng về cấu trúc, hình thức của CTX, được thiết kế phù hợp nhất với bối cảnh của mỗi quốc gia. Để rút ra được những bài học có ý nghĩa cho Việt Nam, điều quan trọng là các nghiên cứu điển hình được lựa chọn phải có bối cảnh tương tự với Việt Nam. Các đặc điểm bối cảnh bao gồm: tình trạng kinh tế (đã phát triển hoặc đang phát triển), địa lý (Châu Á hoặc ngoài Châu Á) và quy mô thẩm quyền lãnh thổ (quốc gia, liên quốc gia hoặc địa phương). CTX của các nước đang phát triển, châu Á với ETS quy mô quốc gia sẽ thể hiện sự tương đồng hơn với bối cảnh của Việt Nam.

Tiêu chí C – Khối lượng giao dịch

Thành công của CTX được thể hiện ở sự tham gia tích cực của những người tham gia thị trường vào các giao dịch thông qua sàn giao dịch. Càng nhiều giao dịch và khối lượng hạn ngạch cũng như tín chỉ các-bon được giao dịch càng lớn thì CTX càng thành công. Như đã đề cập trước đó, về nguyên tắc, CTX cung cấp nền tảng tập trung cho nhiều người tham gia hơn các phương thức giao dịch khác (trực tiếp, OTC) và cung cấp đủ dữ liệu để điều tiết thị trường và phân tích dữ liệu. Do vậy, càng có nhiều giao dịch và lượng hạn ngạch và tín chỉ các-bon được giao dịch càng lớn thì CTX đó càng thành công.

Tiêu chí D – Giá giao dịch

Giá giao dịch cao không chỉ thể hiện sự thành công của CTX mà còn của chính ETS. Vì mục đích cuối cùng của ETS là giảm phát thải KNK nên giá các-bon cao sẽ tạo đủ động lực để những người tham gia ETS tham gia vào các hoạt động giảm nhẹ KNK và thu được lợi ích

từ thị trường các-bon. Ngoài ra, mức giá và khối lượng giao dịch trên sàn giao dịch cho thấy mức độ tin cậy của những người tham gia thị trường đối với CTX.

Tiêu chí E – Sử dụng tín chỉ các-bon

Không phải tất cả các ETS đang hoạt động và các CTX đi kèm đều bao gồm việc sử dụng tín chỉ các-bon trong hệ thống. Với thực tế là Việt Nam có hơn 300 dự án các-bon đã đăng ký và hơn 40 triệu tín chỉ các-bon được cấp theo các chương trình khác nhau (Cơ chế phát triển sạch (CDM), Tiêu chuẩn vàng, Tiêu chuẩn các-bon được xác minh, v.v.) (Cục Biến đổi Khí hậu, 2022) và là một trong những quốc gia cung cấp tín chỉ các-bon lớn nhất thế giới, giao dịch tín chỉ các-bon trên CTX sẽ mang lại lợi ích cho thị trường các-bon ở Việt Nam, cho cả mục đích tuân thủ và mục đích tự nguyện.

Theo Nghị định số 06/2022/ND-CP, các cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ tới 10% tổng hạn ngạch. Ngoài ra, theo tiến độ hiện tại, lần đầu tiên nộp kết quả kiểm kê KNK ở cấp cơ sở ở Việt Nam là vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với kết quả kiểm kê năm 2024 (Chính phủ, 2022c), điều này có thể gây khó khăn cho CTX khi bắt đầu thí điểm giao dịch hạn ngạch vào năm 2025, trong khi tín chỉ các-bon đã có sẵn từ các dự án ở Việt Nam từ năm 2006.

Việc sử dụng tín chỉ các-bon trong hệ thống cũng mang lại động lực cho những người tham gia bên ngoài ETS tham gia vào các hành động giảm nhẹ KNK và thu được lợi ích từ thị trường các-bon.

Tiêu chí F – Liên kết

Việt Nam sẽ xem xét kết nối thị trường các-bon trong nước với thị trường các-bon trong khu vực và thế giới từ năm 2028 (Chính phủ, 2022a). Kinh nghiệm của các ETS và CTX hiện có bao gồm việc liên kết sẽ có lợi cho Việt Nam về lâu dài.

1.5.2. Phân tích đa tiêu chí

Các ETS khác nhau được đánh giá thông qua các chỉ số nhằm xác định liệu mô hình CTX của các ETS này có đáp ứng được từng tiêu chí nêu trên hay không nhằm mang lại những bài học có ý nghĩa cho Việt Nam. Các tiêu chí có trọng số như nhau do tầm quan trọng của chúng đối với việc đánh giá như nhau. Chi tiết về việc áp dụng các tiêu chí được lựa chọn được nêu tại Phụ lục 1 của Báo cáo này.

Tóm tắt phân tích đa tiêu chí được cung cấp trong bảng dưới đây.

Bảng 2: Kết quả phân tích đa tiêu chí để lựa chọn nghiên cứu trường hợp quốc gia

ETS	Tiêu chuẩn						Tổng điểm	Xếp hạng
	A- Năm hoạt động	B- Tương đồng về bối cảnh	C- Khối lượng giao dịch (hạn ngạch)	D- Giá giao dịch	E- Sử dụng tín chỉ các-bon	F-Liên kết		
	<p>2 - Hơn 10 năm</p> <p>1 - Từ 5-10 năm</p> <p>0 - Dưới 5 năm</p>	<p>Tình trạng kinh tế:</p> <p>1 - Đang phát triển</p> <p>0 - Đã phát triển</p> <p>Sự tương đồng về địa lý:</p> <p>1 - Châu Á</p> <p>0 - không phải người châu Á</p> <p>Sự tương đồng về thẩm quyền:</p> <p>1 - toàn quốc</p> <p>0 - ngoài quốc gia</p>	<p>2 - Hơn 60 triệu tCO₂</p> <p>1 - Từ 20-60 triệu tCO₂</p> <p>0 - Dưới 20 triệu tCO₂ hoặc không có thông tin</p>	<p>2 - Trên 50 USD</p> <p>1 - Từ 10-50 USD</p> <p>0 - Dưới 10 USD hoặc không có thông tin</p>	<p>1 - Có</p> <p>0 - Không</p>	<p>1 - Có</p> <p>0 - Không</p>		
ETS Liên minh Châu Âu	2	0	2	2	0	1	7	1
ETS Vương quốc Anh	2	1	2	2	0	0	7	1
ETS New Zealand	2	1	2	2	0	0	7	1
ETS California	2	0	2	1	1	1	7	1
ETS Thụy Sĩ	2	1	0	2	0	1	6	5
ETS Hàn Quốc	1	2	1	1	1	0	6	5
RGGI	2	0	2	1	1	0	6	5

ETS Québec	1	0	2	1	1	1	6	5
ETS Kazakhstan	1	3	0	0	1	0	5	9
ETS Trung Quốc	0	3	1	0	1	0	5	9
Thí điểm ETS Bắc Kinh	1	2	0	1	1	0	5	9
Thí điểm ETS Quảng Đông	1	2	0	1	1	0	5	9
ETS Quốc gia Đức	0	1	2	1	0	0	4	13
Thí điểm ETS Trùng Khánh	1	2	0	0	1	0	4	13
Thí điểm ETS Phúc Kiến	1	2	0	0	1	0	4	13
Thí điểm ETS Hồ Bắc	1	2	0	0	1	0	4	13
Thí điểm ETS Thượng Hải	1	2	0	0	1	0	4	13
Thí điểm ETS Thâm Quyển	1	2	0	0	1	0	4	13
ETS Thiên Tân	1	2	0	0	1	0	4	13
ETS Washington	0	0	1	0	1	0	2	20
ETS Mát-xa-chu-sét	1	0	0	0	0	0	1	21

Nguồn: Tư vấn (2023)

Kết quả phân tích đa tiêu chí cho thấy 8 ETS có điểm cao thứ nhất và thứ hai. Trong nhóm xếp hạng đầu tiên, ETS Vương quốc Anh (UK ETS) tương tự như EU ETS. Tuy nhiên, do được tổ chức theo quốc gia nên ETS của Vương quốc Anh được coi là mang lại những bài học phù hợp hơn cho Việt Nam. Do đó, UK ETS được chọn để phân tích sâu hơn cùng với ETS New Zealand (NZ ETS) và ETS California. NZ ETS là một trường hợp nghiên cứu thú vị vì ETS này bao trùm nhiều lĩnh vực trong đó có lâm nghiệp. California ETS có thể cung cấp các bài học về liên kết với Québec ETS. Trong nhóm xếp thứ hai, ETS Hàn Quốc được chọn để thay thế ETS EU ở trên do đặc điểm vị trí độc đáo (ETS lâu đời và thành công duy nhất ở châu Á) và việc sử dụng cả tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế cho bù trừ.

Do đó, tổng cộng có 4 trường hợp nghiên cứu đã được chọn để phân tích sâu hơn, bao gồm Vương quốc Anh, New Zealand, California và Hàn Quốc. Các phần sau đây phân tích cơ sở pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng cho CTX trong các nghiên cứu điển hình này. Một số tính năng chung của ETS cũng được thảo luận trong mối liên hệ với việc thành lập và vận hành CTX.

1.6. Đánh giá các yêu cầu pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng đối với CTX trong các nghiên cứu điển hình được chọn

Phần sau đây cung cấp đánh giá về các yêu cầu pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng đối với CTX trong bốn nghiên cứu điển hình được chọn ở trên.

1.6.1. ETS Vương quốc Anh

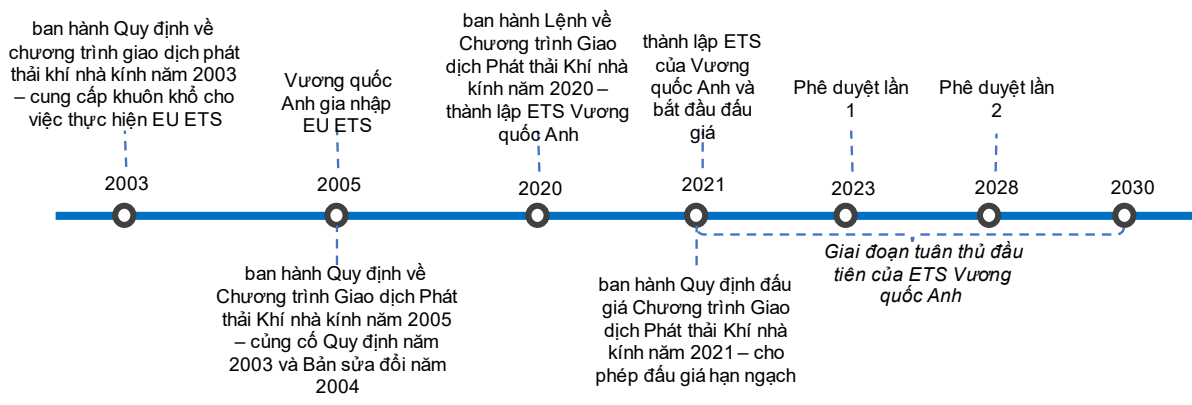
1.6.1.1. Tổng quan về ETS Vương quốc Anh

ETS hiện tại của Vương quốc Anh bắt đầu vào năm 2021, sau khi Vương quốc Anh rời khỏi EU ETS và được coi là một trong những công cụ chính sách khí hậu quan trọng để Vương quốc Anh đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Phạm vi UK ETS tương thích với ETS của EU về các lĩnh vực và KNK được bao gồm trong ETS. Điều này đảm bảo sự chuyển đổi suôn sẻ cho người tham gia khi Vương quốc Anh rời khỏi EU.

- Các lĩnh vực được bao gồm trong ETS: điện, các ngành sử dụng nhiều năng lượng và hàng không;
- Các khí được bao gồm trong ETS: CO₂, oxitnitơ (N₂O) và perfluorocarbon (PFC) từ một số quá trình công nghiệp

UK ETS có kế hoạch mở rộng sang lĩnh vực hàng hải nội địa từ năm 2026 và lĩnh vực chất thải từ năm 2028. Hiện tại, UK ETS chiếm ¼ tổng lượng phát thải của Vương quốc Anh (108 MtCO₂tđ vào năm 2021). Tổng hạn ngạch ban đầu được xác định ở mức thấp hơn 5% so với tỷ lệ danh nghĩa của Vương quốc Anh trong tổng hạn ngạch của ETS EU trong giai đoạn thứ tư. Từ năm 2024, tổng hạn ngạch sẽ được xác định lại để phù hợp với mục tiêu phát thải ròng bằng không (Erik Hesketh, 2023).



Hình 3: Tiến độ triển khai UK ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Quy định về Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK (2003, 2005), Sắc lệnh về Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK (2020) và Quy định đấu giá Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK (2021)

Trong UK ETS, đấu giá là phương pháp chủ yếu để phân bổ hạn ngạch. Cơ sở tham gia ETS có thể mua hạn ngạch qua đấu giá, hoặc tham gia giao dịch trên thị trường thứ cấp. Ngoài ra, một phần của tổng hạn ngạch, khoảng 58 triệu hạn ngạch vào năm 2021 (~37% tổng hạn ngạch năm 2021) được phân bổ miễn phí cho các cơ sở công nghiệp tham gia vào ETS mà có nguy cơ rò rỉ các-bon. Lượng phân bổ miễn phí này sẽ giảm dần với mức giảm 1,6 triệu hạn ngạch hàng năm.

Các công ty phải giám sát và báo cáo chính xác lượng phát thải của mình cho cơ quan có thẩm quyền và báo cáo này phải được một bên độc lập xác minh. Họ phải giao nộp lượng hạn ngạch tương đương với lượng phát thải của họ trong một năm chương trình. Các công ty thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của UK ETS phải có giấy phép phát thải KNK (cơ sở công nghiệp) hoặc kế hoạch giám sát phát thải (cơ sở khai thác vận tải hàng không), do cơ quan quản lý của chương trình cấp.

Các giao dịch hạn ngạch giữa những cơ sở tham gia UK ETS được theo dõi thông qua cơ quan đăng ký. Các biện pháp bảo vệ được áp dụng để giúp giảm thiểu rủi ro gian lận và thao túng liên quan đến giá trị tài chính của hạn ngạch.

UK ETS đang trong giai đoạn tuân thủ đầu tiên, cho đến năm 2030 với khoảng 1.000 cơ sở tham gia từ các lĩnh vực điện, công nghiệp và hàng không (ICAP, 2023c).

1.6.1.2. Cơ sở pháp lý

Văn bản pháp lý đầu tiên thiết lập hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải ở Vương quốc Anh là Quy định về Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK năm 2003, sau đó được thay thế bằng Quy định về Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK năm 2005 khi Vương quốc Anh tham gia EU ETS. Sau nhiều lần sửa đổi và bổ sung khác nhau, ETS hiện tại của Vương quốc Anh được thành lập theo Sắc lệnh về Chương trình Thương mại Phát thải KNK năm 2020.

Sắc lệnh bao gồm chín phần với 77 điều và 11 mục để cung cấp thêm thông tin chi tiết cho một số điều. Các phần quan trọng nhất bao gồm: các yếu tố cơ bản của UK ETS (thành

lập, hạn ngạch và hạn mức, giám sát, báo cáo và thẩm định), các yêu cầu cụ thể đối với các cơ sở và hàng không, tính phí, giám sát việc tuân thủ và thực thi.

Là một phần trong quá trình thành lập UK ETS, Sắc lệnh về Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK năm 2020 cũng yêu cầu Cơ quan quản lý UK ETS xem xét định kỳ về ETS của Vương quốc Anh. Trong Giai đoạn tuân thủ đầu tiên của UK ETS (2021-2030), Điều 17 (2) yêu cầu các hoạt động đánh giá UK ETS phải được tiến hành lần lượt trước ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2028, kèm theo một báo cáo được công bố để đưa ra kết luận của việc rà soát đánh giá.

Báo cáo đánh giá phải cung cấp (a) đánh giá về hoạt động của UK ETS (bao gồm đánh giá mức độ đạt được mục đích của UK ETS) và (b) đưa ra bất kỳ khuyến nghị nào mà Cơ quan UK ETS cho là phù hợp với hoạt động và mục đích trong tương lai của UK ETS.

Văn bản pháp lý chỉ định Sàn trao đổi hạn ngạch phát thải

Không có điều khoản cụ thể nào trong Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải KNK năm 2020 đề cập đến việc thành lập CTX. Tuy nhiên, Chương 2 của Sắc lệnh nêu rõ rằng “các hạn ngạch có thể được mua bán, trừ khi bị cấm bởi luật khác” và giá các-bon cho năm 2021 dựa trên giá thanh toán đấu giá, trong khi giá cho năm 2022 và những năm tiếp theo dựa trên mức trung bình của giá thanh toán “như được giao dịch trên sàn giao dịch thị trường các-bon phù hợp”.

Quy định đấu giá chương trình giao dịch phát thải KNK năm 2021 sau đó nêu rõ rằng “đấu giá chỉ có thể được tiến hành trên sàn đấu giá đảm bảo điều kiện: (a) là sàn đấu giá được công nhận; và (b) được ủy quyền là sàn đầu tư được công nhận, trong đó đơn vị vận hành sàn tổ chức thị trường thứ cấp cho giao dịch hạn ngạch hoặc phái sinh hạn ngạch”. Quy định nêu rõ thêm rằng “sàn đầu tư được công nhận” là sàn đầu tư được công nhận theo Đạo luật Thị trường và Dịch vụ Tài chính năm 2000 nhưng “không bao gồm sàn đầu tư nước ngoài”.

Hàng hóa được giao dịch trong UK ETS

Tại thị trường sơ cấp, Hạn ngạch của Vương quốc Anh (UKA) được phân bổ thông qua đấu giá, tuân theo Quy định đấu giá Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK năm 2021 (SI 2021/484). Các cuộc đấu giá được tiến hành hai tuần một lần, với ngày và số lượng UKA được bán đấu giá được ấn định trong lịch đấu giá. Các cuộc đấu giá được quản lý bởi ICE Futures và do đó những cơ sở tham gia UK ETS muốn tham gia đấu giá phải đăng ký làm nhà thầu với ICE Futures. Việc thực hiện bất kỳ đấu thầu thành công nào từ thị trường sơ cấp, cũng như giao dịch UKA trên thị trường thứ cấp chỉ có thể diễn ra trong hệ thống đăng ký do ICE Futures điều hành.

Mặc dù UK ETS hiện không cho phép sử dụng tín chỉ bù trừ nào để thực hiện nghĩa vụ tuân thủ thay cho UKA, nhưng đã có những cân nhắc liên quan đến sự tương tác giữa UK ETS và Chương trình bù trừ và giảm thiểu các-bon cho hàng không quốc tế (CORSIA), vì UK ETS bao gồm lĩnh vực hàng không. Ban đầu, chính phủ Vương quốc Anh đặt mục tiêu bắt đầu triển khai bù trừ CORSIA trong UK ETS vào năm 2022, nhưng do dịch bệnh COVID-

19, chính phủ Vương quốc Anh dự kiến sẽ bắt đầu hiệu lực của tất cả luật pháp về CORSIA và mọi sửa đổi cần thiết sau đó cho UK ETS vào đầu năm 2024.

Ngoài ra, chính phủ Vương quốc Anh hiện cũng đang xem xét sử dụng tín chỉ hấp thụ KNK trong UK ETS cho mục đích tuân thủ ETS. Kêu gọi cung cấp bằng chứng về vấn đề này đã kết thúc vào tháng 6 năm 2022.

UK ETS cho phép tích lũy và vay mượn hạn ngạch có hạn chế. UKA vẫn có hiệu lực trong những năm tiếp theo của chương trình và các hạn ngạch được phân bổ miễn phí trong năm hiện tại được phép sử dụng để tuân thủ trong năm trước. Tuy nhiên, các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định không được phép sử dụng các khoản hạn ngạch dư thừa từ ETS của EU để tuân thủ UK ETS (ICAP, 2023c).

Về vị thế pháp lý của hạn ngạch, Văn kiện pháp lý xác nhận các sàn đấu giá được công nhận (Quy định sửa đổi và các điều khoản khác năm 2021) đã xác lập UKA là công cụ tài chính.

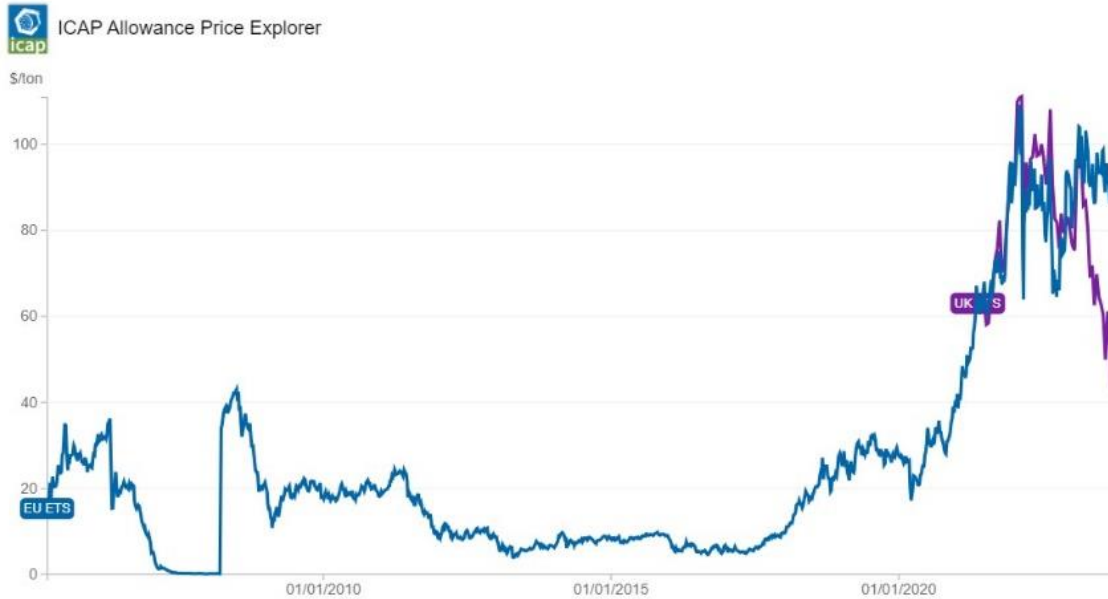
Hoạt động của thị trường phát thải

UK ETS được thiết kế để phản ánh các nghĩa vụ ETS của EU mà các đơn vị tuân thủ của Vương quốc Anh đã có trước Brexit. Giai đoạn 1 bắt đầu vào ngày 01 tháng 1 năm 2021 sau khi Vương quốc Anh rời Liên minh Châu Âu và được chia thành Giai đoạn 1(a) trong ba năm đầu tiên (2021-2023) và Giai đoạn 1(b) từ năm 2023 đến năm 2027.

Sự phát triển quan trọng từ Giai đoạn 1(a) đến Giai đoạn 1(b) là chấm dứt sớm việc phân bổ miễn phí cho lĩnh vực hàng không từ năm 2026. Điều này được công bố như một phần của các cải cách nhằm điều chỉnh UK ETS cho phù hợp với mục tiêu phát thải ròng bằng 0. Hơn nữa, từ Giai đoạn 1(b) trở đi, như một phần của giai đoạn chấm dứt phân bổ miễn phí cho ngành hàng không, quyền được phân bổ miễn phí cho ngành hàng không sẽ giảm hàng năm với tỷ lệ cố định 2,2% trong cả năm 2024 và 2025, trước khi chuyển sang giai đoạn đấu giá đầy đủ vào năm 2026. Ngoài ra, hạn ngạch phân bổ miễn phí cho các cơ sở khai thác vận tải hàng không cũng sẽ bị giới hạn ở mức tối đa là 100% lượng phát thải đã được xác minh và các hạn ngạch được phân bổ miễn phí dư thừa sẽ được trả lại cho Cơ quan ETS của Vương quốc Anh.

UK ETS nhận được tổng doanh thu là 6,1 tỷ bảng Anh (7,6 tỷ USD) vào năm 2022. Doanh thu từ các cuộc đấu giá của UK ETS sẽ tích lũy vào ngân sách chung và không được phân bổ riêng.

Hình dưới đây mô tả diễn biến giá của UK ETS (bao gồm cả giai đoạn thuộc EU ETS).



Hình 4: Diễn biến giá ETS của Anh theo thời gian

Nguồn: ICAP (2023)

Hệ thống đăng ký của UK ETS

Việc thành lập và vận hành hệ thống đăng ký của UK ETS hiện tại được quy định trong Phụ lục 5A của Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải KNK năm 2020. Theo đó, hệ thống đăng ký là một hệ thống điện tử để theo dõi:

- Các cơ sở công nghiệp và cơ sở khai thác vận tải hàng không tham gia UK ETS;
- UKA do các cá nhân nắm giữ và việc phân bổ, chuyển giao UKA;
- Phát thải của cơ sở công nghiệp và phát thải hàng không của cơ sở khai thác vận tải hàng không
- Việc giao nộp UKA của các cơ sở vận hành và cơ sở khai thác vận tải hàng không.

Theo Sắc lệnh này, hệ thống đăng ký được thiết lập để cho phép các loại tài khoản sau đây được nắm giữ hạn ngạch:

- Tài khoản trung tâm;
- Tài khoản giao hàng đấu giá;
- Tài khoản nắm giữ của các cơ sở vận hành;
- Tài khoản nắm giữ của các cơ sở khai thác vận tải hàng không;
- Tài khoản giao dịch.

Các cá nhân được chỉ định làm đại diện được ủy quyền cho các tài khoản sẽ có quyền truy cập vào hệ thống đăng ký để thay mặt chủ tài khoản thực hiện các hành động liên quan đến tài khoản.

Giám sát và quản lý thị trường

Ở cấp quốc gia, UK ETS được quản lý bởi Cơ quan ETS của Vương quốc Anh, bao gồm chính phủ Vương quốc Anh, chính phủ Scotland, chính phủ xứ Wales và Bộ Nông nghiệp, Môi trường và Nông thôn Bắc Ireland. Cơ quan ETS của Vương quốc Anh chịu trách nhiệm thực thi việc tuân thủ các quy định UK ETS, bao gồm các chức năng vận hành như cấp và đảm bảo tuân thủ giấy phép (đối với các cơ sở) và kế hoạch phát thải (đối với hàng không).

Ở cấp độ sàn giao dịch, việc giám sát trong UK ETS cũng được quy định trong Công cụ pháp lý xác nhận các Sàn đấu giá được công nhận (Quy định sửa đổi và các điều khoản khác năm 2021), trong đó tuyên bố rằng các hạn ngạch phát thải theo UK ETS được coi là “công cụ tài chính”. Điều này có nghĩa là các quy tắc áp dụng cho các sản phẩm của thị trường tài chính, bao gồm mua OTC hoặc giao dịch các sản phẩm phái sinh của UKA, cũng áp dụng cho phân khúc giao ngay của thị trường các-bon thứ cấp. Sự giám sát đối với UKA cũng chịu sự điều chỉnh của Quy định đấu giá Hệ thống trao đổi hạn ngạch KNK năm 2021 (SI 2021/484), trong đó đặt ra các yêu cầu về thể chế đối với việc phân bổ thông qua đấu giá.

Ở cấp độ đơn vị tuân thủ, về việc giao nộp các hạn ngạch tuân thủ, các cơ quan quản lý khác nhau của mỗi quốc gia thuộc Vương quốc Anh, với tư cách là một bộ phận của Cơ quan ETS Vương quốc Anh, chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ và thực hiện mọi hành động thực thi cần thiết. Các đơn vị được quản lý không giao nộp giấy phép cho mỗi tCO₂tđ phát thải ra sẽ phải chịu mức phạt do phát thải vượt mức, ban đầu tương đương 100 GBP cho mỗi tCO₂tđ nhưng sẽ được điều chỉnh theo lạm phát theo thời gian.

Cơ chế ổn định thị trường

Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh sẽ duy trì sự giám sát thận trọng đối với tất cả các thị trường ETS của Vương quốc Anh, hợp tác với các đối tác quản lý và vận hành để đảm bảo có được hiểu biết toàn diện về hoạt động của thị trường (Bộ Kinh doanh, Chiến lược Năng lượng & Công nghiệp & Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023b). Khung giám sát thị trường toàn diện được áp dụng để theo dõi các tài khoản nắm giữ trong hệ thống đăng ký, kết quả đấu giá, báo cáo thị trường thứ cấp và bất kỳ tác động tiềm ẩn nào của UK ETS đối với các thị trường khác. Để ngăn chặn sự bất ổn của thị trường trong giai đoạn đầu của UK ETS, hệ thống này kết hợp hai cơ chế bảo vệ quan trọng: Giá dự trữ đấu giá (ARP) và Cơ chế kiềm chế chi phí (CCM). Cả ARP và CCM đều được quản lý theo Quy định đấu giá của Chương trình giao dịch phát thải KNK năm 2021.

ARP đặt ra mức giá sàn hoặc mức giá tối thiểu là 22 GBP cho mỗi tấn CO₂tđ đối với các hạn ngạch được bán trong các cuộc đấu giá của UK ETS để đảm bảo thị trường ổn định trong giai đoạn chuyển đổi (Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng & Công nghiệp & Phòng Quản lý An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023b).

CCM nhằm mục đích giảm bớt tác động của việc tăng giá kéo dài. CCM sẽ được kích hoạt khi giá các-bon trung bình hàng tháng cao hơn 2 lần giá các-bon trung bình 2 năm trong 3 tháng liên tiếp nếu tháng liên tiếp gần nhất rơi vào năm 2021 và 2,5 lần nếu vào năm 2022 và 3 lần nếu vào năm 2023. Nếu CCM được kích hoạt, Cơ quan quản lý sẽ xem xét các biện pháp can thiệp phù hợp nhất với bối cảnh thị trường và sẽ thực hiện chúng một cách kịp thời. Sự can thiệp này có thể bao gồm:

1. Điều chỉnh phân bổ hạn ngạch trong các cuộc đấu giá năm hiện tại
2. Tăng khối lượng đấu giá hạn ngạch các-bon bằng cách:
 - Đẩy nhanh việc đấu giá hạn ngạch từ các năm sau;
 - Kích hoạt cơ chế ổn định thị trường để phát hành UKA từ tài khoản này;
 - Bán đấu giá tới 25% số hạn ngạch còn lại trong Dự trữ dành cho các cơ sở mới tham gia;
 - Bán đấu giá các UKA chưa được sử dụng trước đây đã được phân bổ miễn phí cho các cơ sở vận hành cố định trong các năm chương trình hiện tại hoặc trong quá khứ khi khối lượng phân bổ miễn phí thấp hơn tổng hạn ngạch của ngành;
 - Chuyển UKA từ phần linh hoạt sang đấu giá.

CCM đã được kích hoạt tại UK ETS trong cả tháng 12 năm 2021 và tháng 1 năm 2022. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh đều quyết định không can thiệp.

Cơ chế điều chỉnh cung

Hiện tại, Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh đã đặt ra khả năng thiết lập Cơ chế điều chỉnh nguồn cung. Điều này có thể dựa trên Dự trữ ổn định thị trường ETS của EU, nhưng Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh sẽ tham vấn về việc thiết kế Cơ chế điều chỉnh nguồn cung trong thời gian thích hợp.

Liên kết với các ETS khác

Hiện tại, UK ETS không được liên kết với bất kỳ hệ thống nào khác, nhưng chính phủ Vương quốc Anh vẫn để ngỏ khả năng liên kết, nếu liên kết đó mang lại lợi ích.

I.6.1.3. Thiết lập thể chế

Khung thể chế cho UK ETS có sự tham gia của nhiều bên liên quan khác nhau, bao gồm:

Cơ quan ETS của Vương quốc Anh

Cơ quan ETS của Vương quốc Anh bao gồm Chính phủ Vương quốc Anh, Scotland và xứ Wales và Bộ Nông nghiệp, Môi trường và Nông thôn Bắc Ireland. Họ chịu trách nhiệm về quy định của ETS Vương quốc Anh, bao gồm ban hành các hình phạt dân sự đối với việc không tuân thủ giấy phép phát thải KNK cũng như xem xét và báo cáo về hoạt động của UK ETS (Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải KNK 2020, 2020).

Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh

Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh chịu trách nhiệm giám sát ETS của Vương quốc Anh (Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng & Công nghiệp & Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a; Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải KNK 2020, 2020). Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh bao gồm Cơ quan Môi trường Vương quốc Anh (UKEA), Cơ quan Bảo vệ Môi trường Scotland (SEPA), Cơ quan Tài nguyên Thiên nhiên Wales (NRW), Cơ quan Môi trường Bắc Ireland (NIEA) và Cơ quan Quản lý Dầu khí

Ngoài khơi về Môi trường và Ngừng hoạt động (OPRED). Mỗi cơ quan sẽ quản lý các cơ sở công nghiệp và cơ sở khai thác vận tải hàng không trong khu vực quản lý hoặc đã đăng ký trong lãnh thổ hoặc lãnh hải tương ứng dưới sự kiểm soát hành chính của cơ quan quản lý. Trách nhiệm của họ bao gồm cấp giấy phép và kế hoạch giám sát phát thải, giám sát phát thải và thực hiện hành động cưỡng chế đối với những người tham gia không tuân thủ. Mỗi cơ quan quản lý cũng là một quản trị viên đăng ký.

Cơ quan đăng ký giao dịch phát thải của Vương quốc Anh

Cơ quan đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của Vương quốc Anh do UKEA quản lý, hoạt động như một ngân hàng cho UKA và các đơn vị tín chỉ các-bon quốc tế theo Nghị định thư Kyoto (Bộ Kinh doanh, Chiến lược Năng lượng & Công nghiệp & Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a). Cơ quan này ghi nhận lượng phát thải đã được xác minh hàng năm, việc nắm giữ UKA trong tài khoản, việc chuyển giao và giao nộp UKA cũng như các vấn đề liên quan đến việc phân bổ miễn phí UKA.

Đơn vị tổ chức đấu giá

Đơn vị tổ chức đấu giá như được định nghĩa trong Quy định đấu giá năm 2021, chịu trách nhiệm sắp xếp các cuộc đấu giá UKA, tiếp nhận và thanh toán số tiền bán đấu giá (Quy định đấu giá chương trình mua bán khí thải nhà kính năm 2021, 2021). Nếu không có đơn vị được chỉ định để tổ chức đấu giá thì không có UKA nào được phép bán đấu giá. Hiện tại, Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng & Công nghiệp đã được Bộ Tài chính bổ nhiệm làm Đơn vị tổ chức đấu giá Vương quốc Anh (Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a).

ICE Futures Europe

ICE Futures Europe cung cấp dịch vụ đấu giá cho UK ETS và các dịch vụ thị trường thứ cấp. ICE Futures Europe chịu trách nhiệm xác định giá thanh toán bù trừ đấu giá (Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng & Công nghiệp & Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023b).

Cơ quan Chứng nhận Vương quốc Anh

Cơ quan Chứng nhận của Vương quốc Anh chịu trách nhiệm công nhận và giám sát hoạt động của các cơ quan xác minh ở Vương quốc Anh và duy trì danh sách các cơ quan xác minh đó (Bộ Kinh doanh, Chiến lược Năng lượng & Công nghiệp & Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a).

Các đơn vị tham gia

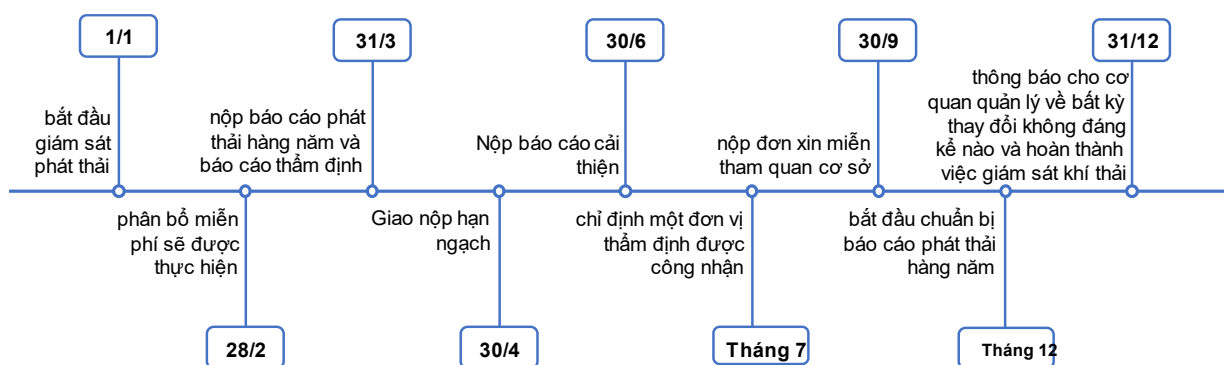
Theo Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải KNK năm 2020, các đơn vị tuân thủ theo UK ETS được chia thành hai loại: các cơ sở công nghiệp và các cơ sở khai thác vận hành hàng không (Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải Khí thải Nhà kính 2020, 2020). Các cơ sở công nghiệp trong UK ETS là các cơ sở thực hiện các hoạt động được quản lý mà có phát thải KNK, bao gồm đốt nhiên liệu với tổng công suất nhiệt danh định vượt quá 20 MW (ngoại trừ đốt chất thải đô thị hoặc chất thải nguy hại) và sản xuất công nghiệp. Trong khi đó, các bệnh viện và nguồn phát nhỏ (cơ sở có lượng phát thải thấp hơn

25.000 tCO₂tđ mỗi năm và có công suất nhiệt danh định dưới 35 MW) và nguồn phát siêu nhỏ (cơ sở có lượng phát thải tối đa 2500 tCO₂tđ) được phép áp dụng các quy định đơn giản hóa (Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng & Công nghiệp & Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a) và phải tuân theo các mục tiêu phát thải thay vì có nghĩa vụ giao nộp UKA. Trong lĩnh vực hàng không, UK ETS bao gồm các đường bay cho các chuyến bay nội địa Vương quốc Anh, các chuyến bay đến Thụy Sĩ và các chuyến bay khởi hành từ Vương quốc Anh đến Khu vực Kinh tế Châu Âu.

Để tham gia vào các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của UK ETS, cần phải có giấy phép KNK hoặc giấy phép bệnh viện hoặc cơ sở phát thải nhỏ (áp dụng cho các đơn vị vận hành cơ sở) hoặc kế hoạch giám sát phát thải (áp dụng cho các đơn vị khai thác vận hành hàng không) (Bộ Kinh doanh, Năng lượng & Công nghiệp Chiến lược & Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a). Giấy phép và kế hoạch giám sát phát thải được cấp bởi Cơ quan quản lý ETS của Vương quốc Anh. Đơn vị có giấy phép KNK hoặc có kế hoạch giám sát phát thải phải tuân thủ các yêu cầu sau (Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023b):

- Giám sát lượng phát thải;
- Gửi báo cáo phát thải, báo cáo thẩm định và báo cáo cải tiến (nếu có);
- Giao nộp UKAs để thực hiện nghĩa vụ tuân thủ; và
- Thông báo cho cơ quan quản lý những thay đổi liên quan đến kế hoạch giám sát.

Hình dưới đây thể hiện thời hạn thực hiện nghĩa vụ tuân thủ hàng năm đối với những đơn vị tham gia UK ETS.



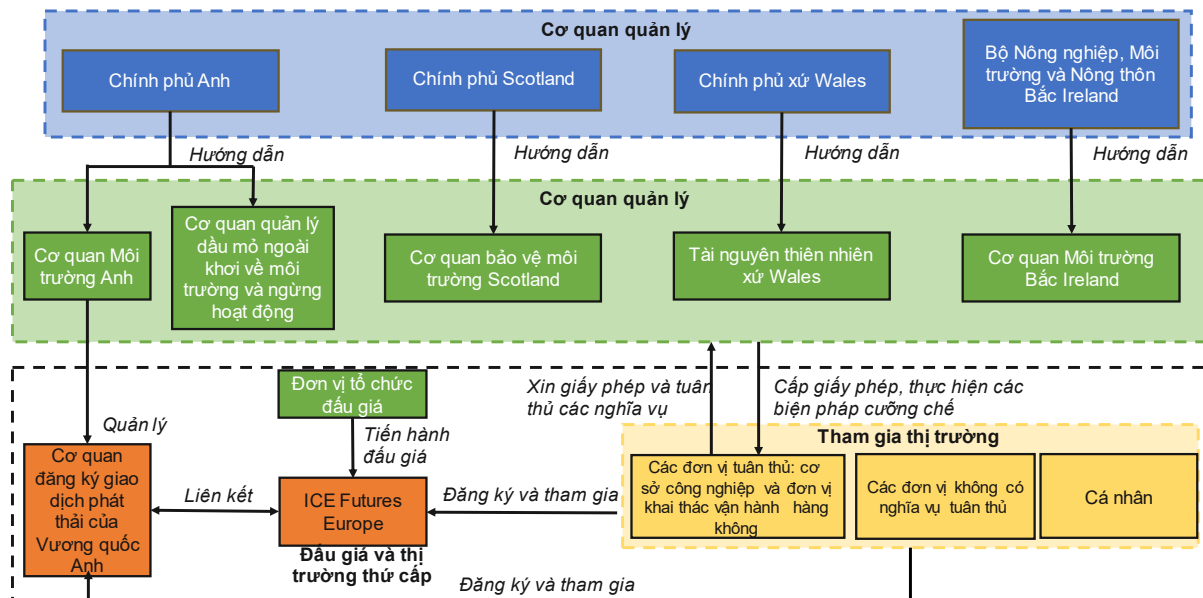
Hình 5: Các mốc quan trọng về nhiệm vụ và tuân thủ đối với những đơn vị tham gia ETS ở Vương quốc Anh

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Bộ Năng lượng (2023b)

Những thành phần tham gia thị trường ETS của Vương quốc Anh không chỉ bao gồm các đơn vị tuân thủ mà còn bao gồm các đơn vị và cá nhân không có nghĩa vụ tuân thủ (Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a). Các cuộc đấu giá hạn ngạch của Vương quốc Anh cũng được mở cho các công ty đầu tư và các tổ chức tín dụng của Vương quốc Anh và ngoài Vương quốc Anh. Việc tham gia của các thành phần này cần được cho phép theo Phần 4A của Luật Thị trường và Dịch vụ Tài chính (FSMA) và do vậy cần được ủy quyền theo chỉ thị Thị trường trong Công cụ Tài chính (MiFID) hoặc Chỉ thị Yêu cầu về Vốn (CRD). Ngoài ra, các cá nhân đủ điều kiện có văn phòng đăng ký tại Vương quốc Anh

cũng được phép tham gia đấu giá. Để tham gia đấu giá, họ sẽ cần có tài khoản trong Hệ thống đăng ký giao dịch phát thải của Vương quốc Anh. Những thành phần tham gia cũng có thể giao dịch các khoản hạn ngạch trên thị trường thứ cấp do ICE tổ chức.

Hình dưới đây minh họa sự tổ chức thể chế của UK ETS.



Hình 6: Sắp xếp thể chế của ETS Vương quốc Anh

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

I.6.1.4. Cơ sở hạ tầng

Việc giao dịch các hạn ngạch của Vương quốc Anh được hỗ trợ bởi Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của Vương quốc Anh. Hệ thống đăng ký là một ứng dụng dựa trên web an toàn, đóng vai trò là Hệ thống đăng ký của Hệ thống trao đổi hạn ngạch của Vương quốc Anh nắm giữ UKA và hệ thống đăng ký Nghị định thư Kyoto của Vương quốc Anh nắm giữ các đơn vị quốc tế. Các loại tài khoản dành cho các thành phần tham gia thị trường trong Hệ thống đăng ký này bao gồm: Tài khoản nắm giữ của cơ sở vận hành (OHA), Tài khoản nắm giữ của cơ sở khai thác hàng không (AOHA), Tài khoản giao dịch, Tài khoản nắm giữ cá nhân. Chi tiết về các loại tài khoản này được trình bày trong Bảng dưới đây.

Bảng 3: Các loại tài khoản trong Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của Vương quốc Anh

Loại tài khoản	Mô tả
Tài khoản nắm giữ của cơ sở vận hành (OHA)	Bắt buộc đối với đơn vị vận hành các cơ sở để quản lý việc mua lại và giao nộp các hạn ngạch phù hợp với nghĩa vụ của UK ETS. Cũng được sử dụng để giao dịch hạn ngạch

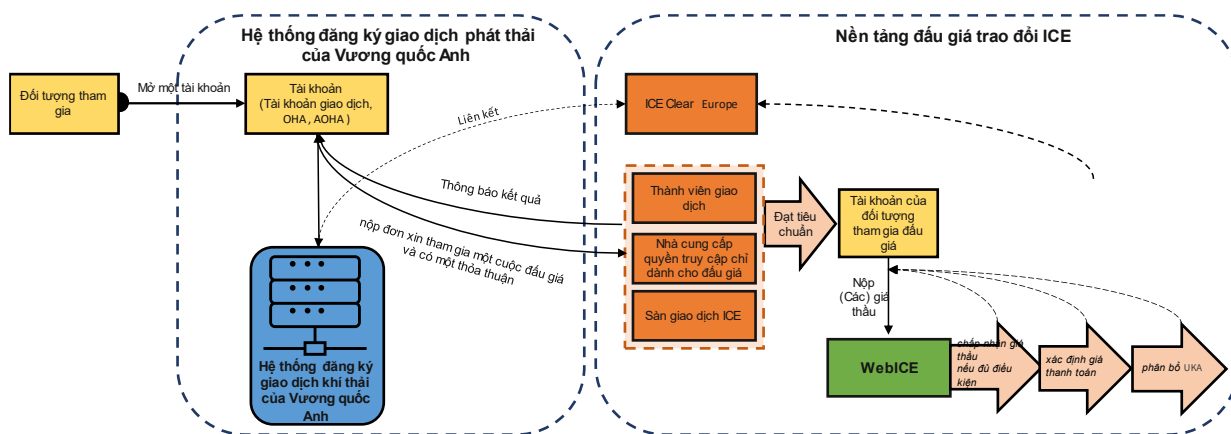
Loại tài khoản	Mô tả
Tài khoản nắm giữ của cơ sở khai thác vận tải hàng không (AOHA)	Bắt buộc đối với các đơn vị khai thác vận tải hàng không, hỗ trợ các hoạt động liên quan đến tuân thủ trong khuôn khổ UK ETS. Cũng được sử dụng để giao dịch UKA
Tài khoản giao dịch	Chỉ được chỉ định để nắm giữ và giao dịch UKA. Không thể được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ tuân thủ UK ETS
Tài khoản nắm giữ cá nhân	Hỗ trợ tiếp cận trong Hệ thống đăng ký Nghị định thư Kyoto của Vương quốc Anh. Được cung cấp cho các cá nhân có nhu cầu nắm giữ hoặc giao dịch các đơn vị quốc tế cùng với các chức năng trong UK ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Bộ Chiến lược Kinh doanh, Năng lượng & Công nghiệp và Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, (nd)

Trong UK ETS, hiện không được phép sử dụng tín chỉ bù trừ để tuân thủ (ICAP, nd-c). Vì vậy, phần sau đây sẽ tập trung vào hai yếu tố quan trọng: (i) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá; và (ii) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp.

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá

ICE Futures Europe hiện đang quản lý nền tảng đấu giá theo UK ETS. Để tham gia đấu giá, đối tượng tham gia phải mở Tài khoản giao dịch UK ETS hoặc sử dụng OHA hoặc AOHA hiện có của họ nếu đã có Giấy phép hoặc Kế hoạch giám sát theo UK ETS (Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a). Ngoài ra, tất cả đối tượng tham gia phải đăng ký tham gia đấu giá và có thỏa thuận với Thành viên sàn giao dịch, Nhà cung cấp quyền truy cập chỉ dành cho đấu giá hoặc trực tiếp với Sàn giao dịch (ICE Futures Europe, nd). Các cuộc đấu giá sẽ diễn ra trên WebICE, nền tảng giao dịch ngoại vi của ICE. Trong thời gian đấu thầu, đối tượng đấu giá có thể tham gia hoặc rút lại, sửa đổi giá thầu và không thể xem giá thầu của những đối tượng tham gia khác. ICE Futures Europe sẽ xem xét các giá thầu đã gửi và thiết lập giá thanh toán đấu giá bằng cách xếp hạng tổng số lượng giá thầu theo thứ tự giá thầu giảm dần. Những đối tượng đấu giá thành công phải chuyển toàn bộ khoản thanh toán cho ICE Clear Europe vào ngày sau cuộc đấu giá. Sau khi nhận được thanh toán, ICE Clear Europe bắt đầu chuyển UKA từ tài khoản đăng ký của mình sang tài khoản đăng ký của những đối tượng đấu giá thành công (ICE Futures Europe, nd). Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá UKA được thể hiện trong hình bên dưới.



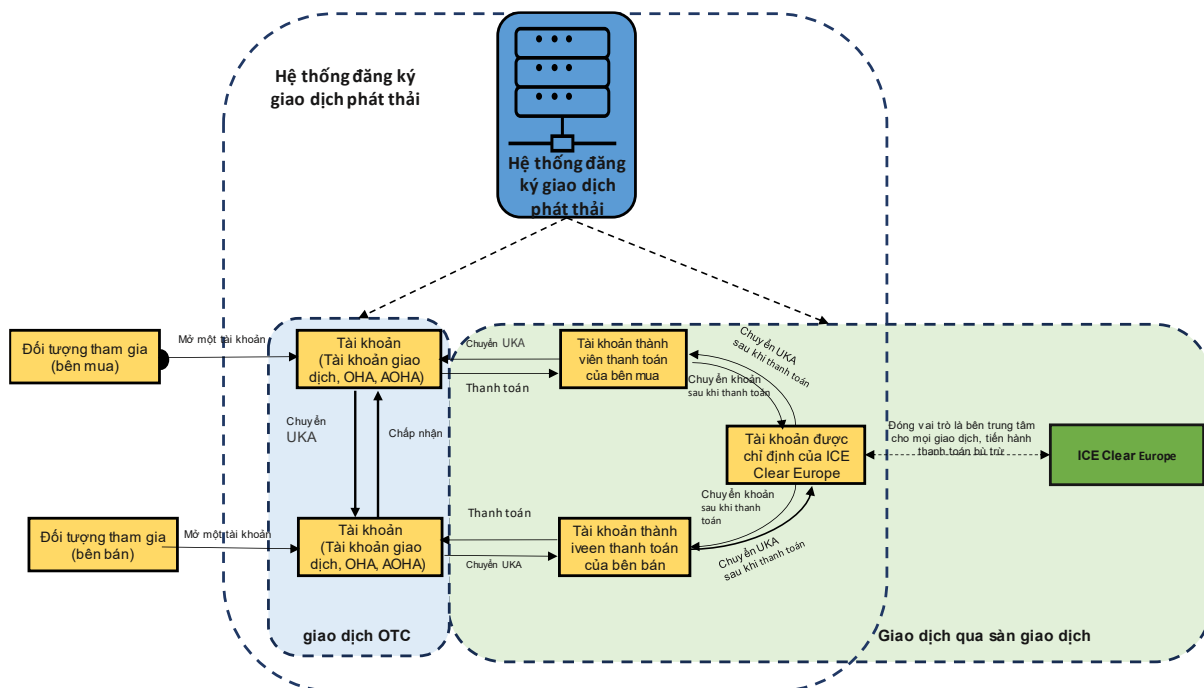
Hình 7: Cơ sở hạ tầng cần thiết để đấu giá hạn ngạch tại UK ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên ICE Futures Europe (n.d)

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp

Giao dịch trong thị trường thứ cấp của UK ETS diễn ra thông qua ICE Futures Europe. Đối tượng tham gia có thể tham gia thông qua giao dịch trên sàn hoặc giao dịch OTC. OHA, AOHA và Tài khoản giao dịch trong Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của Vương quốc Anh đủ điều kiện để giao dịch trên thị trường thứ cấp (Bộ An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0, 2023a).

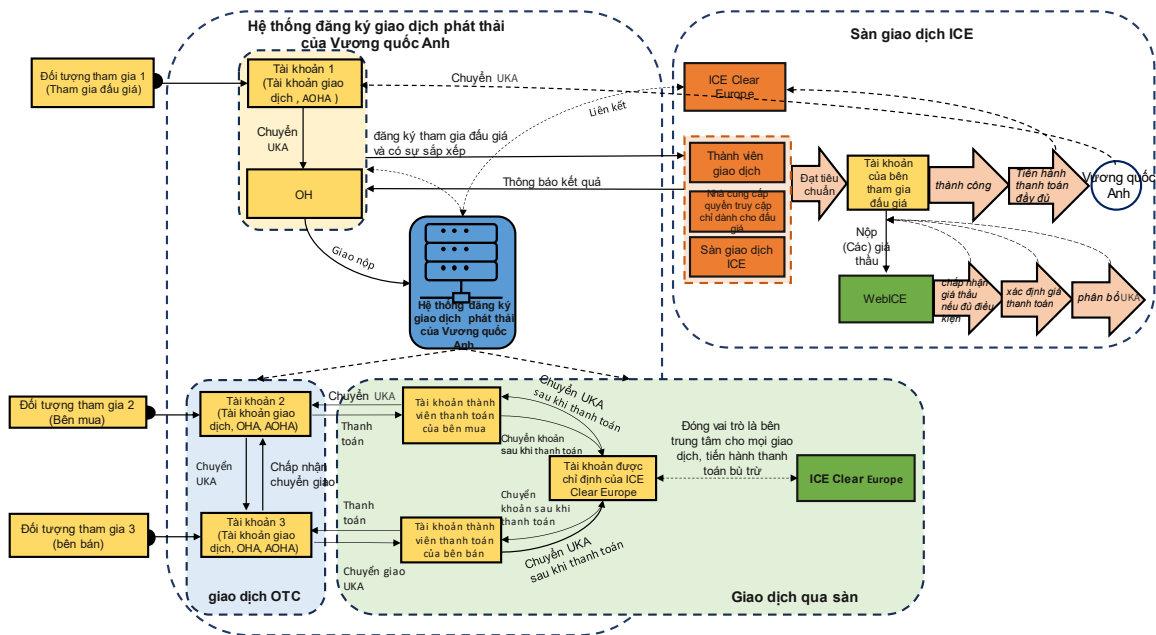
Đối với các giao dịch OTC, bên mua và bên bán có thể chuyển UKA trong Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của Vương quốc Anh. Trong các giao dịch thông qua ICE Futures Europe, UKA được chuyển giao thực tế từ tài khoản hợp lệ của thành viên thanh toán bù trừ của bên bán tại Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải Vương quốc Anh sang tài khoản được chỉ định của ICE Clear Europe tại Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải Vương quốc Anh, sau đó, từ tài khoản của ICE Clear Europe sang tài khoản hợp lệ của thành viên thanh toán bù trừ của bên mua tại Hệ thống đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của Vương quốc Anh. Tất cả các giao dịch đều được hỗ trợ bởi ICE Clear Europe với tư cách là đối tác trung tâm và quy trình thanh toán bù trừ được quản lý trong ICE Clear Europe. Hình dưới đây mô tả cơ sở hạ tầng cần thiết để giao dịch trên thị trường thứ cấp ở UK ETS.



Hình 8: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp ở UK ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Cục An ninh Năng lượng & Phát thải ròng bằng 0 (2023a)

Ngoài ra, các đơn vị tuân thủ sử dụng OHA của mình để giao nộp UKA theo nghĩa vụ ETS của Vương quốc Anh. Nhìn chung, cơ sở hạ tầng của CTX ở UK ETS được trình bày dưới đây:



Hình 9: Cơ sở hạ tầng CTX tổng thể ở UK ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

1.6.1.5. Các thách thức trong quá trình thực hiện và giải pháp

Trước Brexit, UK là một phần của EU ETS và do vậy, cũng gặp các thách thức mà EU gặp phải trong quá trình thực hiện, bao gồm những vấn đề sau (Kara Anderso, 2024):

- Sự biến động của giá các-bon: có các thời kỳ giá các-bon quá thấp, không đủ để tạo động lực hiệu quả cho việc giảm phát thải (xem **Error! Reference source not found.**). Sự biến động này có thể ảnh hưởng đến mục tiêu của hệ thống là tạo ra động lực kinh tế ổn định cho các công ty đầu tư vào các công nghệ các-bon thấp.
- Phân bổ hạn ngạch quá mức: giai đoạn ban đầu của EU ETS gặp phải chỉ trích về cách phân bổ hạn ngạch. Nhiều hạn ngạch được phân bổ miễn phí, dẫn đến lợi nhuận từ trên trời rơi xuống cho một số công ty mà không tạo ra giảm phát thải đáng kể.
- Rò rỉ các-bon: rò rỉ các-bon là quan ngại liên quan đến việc các công ty có thể bố trí lại hoạt động sản xuất của mình tại các quốc gia có chính sách lỏng lẻo hơn về hạn chế phát thải nhằm tránh các chi phí liên quan đến việc mua hạn ngạch. Việc này không chỉ ảnh hưởng đến nỗ lực giảm phát thải mà còn tác động đến tính cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Rút kinh nghiệm từ EU ETS, UK đã áp dụng các biện pháp để giải quyết các thách thức này ngay từ khi bắt đầu thực hiện EK ETS sau Brexit, bao gồm:

- Áp dụng đấu giá như là phương pháp chính để phân bổ hạn ngạch nhằm tránh lợi nhuận từ trên trời rơi xuống cho các cơ sở tham gia.
- Áp dụng giá dự trữ đấu giá và cơ chế kiểm chế chi phí (và có thể cả dự trữ ổn định thị trường giống EU ETS) để hạn chế biến động về giá các-bon;
- Áp dụng Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (CBAM) tương tự như EU để tránh rò rỉ các-bon.

1.6.2. ETS New Zealand

1.6.2.1. Tổng quan về ETS New Zealand

Bắt đầu vào năm 2008, NZ ETS được thành lập theo Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002. Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002 là khuôn khổ pháp lý và kết hợp tất cả các luật quan trọng về biến đổi khí hậu của New Zealand.



Hình 10: Tiến độ triển khai ETS của New Zealand

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Bộ Môi trường New Zealand (2022)

NZ ETS bao gồm tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế New Zealand, bao gồm lâm nghiệp, công nghiệp năng lượng, quy trình công nghiệp, nhiên liệu hóa thạch lỏng, chất thải, khí tổng hợp và nông nghiệp. NZ ETS bao trùm khoảng 50% lượng phát thải KNK của New Zealand với khoảng 2.887 đơn vị có nghĩa vụ báo cáo và/hoặc giao nộp (ICAP, 2023b).

Về mục tiêu, Luật sửa đổi về ứng phó với biến đổi khí hậu (mức phát thải bằng 0) năm 2019 tuyên bố rằng New Zealand đặt mục tiêu giảm 50% lượng phát thải ròng dưới mức tổng năm 2005 vào năm 2030 và giảm 10% lượng phát thải khí mê-tan sinh học dưới mức năm 2017. Hơn nữa, Luật này hướng đến mục tiêu giảm lượng phát thải ròng của tất cả các KNK (không bao gồm khí mê-tan sinh học) xuống 0, cùng với 24-47% lượng khí thải mê-tan sinh học dưới mức năm 2017 vào năm 2050.

Hạn mức bao gồm số lượng hạn ngạch cho đấu giá, số lượng hạn ngạch phân bổ miễn phí cho các hoạt động phát thải cao và chịu tác động thương mại (EITE) và cho Dự trữ kiểm soát chi phí (CCR). Phân bổ miễn phí được cung cấp, dựa trên định mức phát thải theo sản lượng và cường độ. Tuy nhiên, phân bổ miễn phí cho các cơ sở công nghiệp đang được giảm dần với tỷ lệ tối thiểu hàng năm là 1% từ năm 2021-2030 và tỷ lệ này sẽ tăng lên 2% và 3% lần lượt trong các năm 2031-2040 và 2041-2050. Đấu giá đã được giới thiệu ở NZ ETS vào năm 2021 (ICAP, 2023b).

Những đối tượng tham gia ETS phải nộp Báo cáo phát thải hàng năm (báo cáo phát thải) vào cuối tháng 3, dựa trên một hệ thống tự báo cáo được bổ sung bằng đánh giá tuân thủ của chính phủ. Xác minh của bên thứ ba chỉ được yêu cầu nếu họ sử dụng hệ số phát thải khác với hệ số mặc định do chính phủ cung cấp (ICAP, 2023b).

Không có các giai đoạn hoặc thời kỳ tuân thủ khác nhau trong NZ ETS. Thay vào đó, chính phủ New Zealand quyết định việc cung cấp Đơn vị New Zealand (NZU) trước cho 5 năm và gia hạn thêm một năm mỗi năm.

Giao dịch NZU được đăng ký trên sổ đăng ký đơn vị trong Hệ thống đăng ký. NZ ETS cho phép giữ lại hạn ngạch để dùng sau nhưng không cho vay. Tiền phạt sẽ được áp dụng đối với các đơn vị không nộp báo cáo phát thải đúng hạn hoặc không giao nộp hoặc hoàn trả các đơn vị phát thải, trong số các loại vi phạm khác (ICAP, 2023b).

1.6.2.2. Cơ sở pháp lý

NZ ETS được thành lập dựa trên Phần 4 của Luật sửa đổi về ứng phó với biến đổi khí hậu (Kinh doanh phát thải) năm 2008, bao gồm các quy định chung và quy định cụ thể theo ngành đối với hoạt động của ETS. Các sửa đổi tiếp theo đã được thực hiện vào năm 2009, 2011, 2020. Đặc biệt, Luật sửa đổi về ứng phó với biến đổi khí hậu (Cải cách kinh doanh phát thải) năm 2020 yêu cầu chính phủ New Zealand đặt ra mức trần phát thải trong phạm vi của NZ ETS, dựa trên ngân sách phát thải trong 5 năm được quy định bởi Luật sửa đổi về ứng phó với biến đổi khí hậu (mức phát thải các-bon về 0) năm 2019.

Trong một tài liệu tham vấn vào năm 2022, Bộ Môi trường đã mời phản hồi về việc có nên quản lý NZU dựa trên các quy định của thị trường tài chính hiện hành hay không, các quy định này điều chỉnh các dịch vụ tư vấn, giao dịch và giám sát tài chính của New Zealand, báo cáo giao dịch và áp dụng khung quy định 2009 về Luật chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố. Qua đó, đề xuất này coi NZU như một sản phẩm tài chính và chỉ định Cơ quan Thị trường Tài chính để giám sát và điều tiết thị trường NZU.

Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2022 ban đầu yêu cầu các đánh giá độc lập theo luật định về hoạt động và hiệu quả của NZ ETS cứ năm năm một lần. Lần thứ nhất và thứ hai lần lượt diễn ra vào các năm 2011-2012 và 2015-2017.

Văn bản pháp lý chỉ định Sàn trao đổi hạn ngạch phát thải

Hiện nay, Sàn giao dịch New Zealand (NZX), cùng hợp tác với Sàn giao dịch năng lượng châu Âu (EEX) quản lý các Phiên đấu giá của NZ ETS. Hoạt động đấu giá trên NZX được quy định bởi Quy định về biến đổi khí hậu (Đấu giá, giới hạn và kiểm soát giá cho các đơn vị) năm 2020 (Quy định đấu giá của New Zealand). Theo Điều 5 của Quy định đấu giá của New Zealand, việc bán NZU bằng đấu giá bắt đầu vào ngày 17 tháng 3 năm 2021, với công bố về khối lượng tích lũy của NZU có sẵn để bán trong mỗi năm dương lịch.

Là một phần của tài liệu thảo luận do Bộ Môi trường New Zealand xuất bản vào tháng 11 năm 2022 về quản lý thị trường NZ ETS, đã có một thỏa thuận về nguyên tắc để phát triển một sàn giao dịch tập trung tùy chọn cho thị trường thứ cấp. Hiện tại, chính phủ đang xem xét một số phương án để mua và tài trợ cho một nhà điều hành thị trường được cấp phép để vận hành nền tảng thị trường NZU. Như vậy, nền tảng thị trường NZU sẽ được coi là một thị trường sản phẩm tài chính, theo Đạo luật ứng xử thị trường tài chính, là một cơ sở nơi các sản phẩm tài chính được mua hoặc bán hoặc nơi thực hiện các đề nghị hoặc lời mời mua hoặc bán sản phẩm tài chính. Quan điểm của Bộ Môi trường là việc cấp phép cho các cơ sở giao dịch NZU đáp ứng định nghĩa về thị trường sản phẩm tài chính sẽ giúp giám sát tốt hơn hoạt động giao dịch trên thị trường thứ cấp nói chung, cũng như giúp phát hiện và ngăn chặn giao dịch nội gián và thao túng thị trường. Một lý do khác để làm như vậy là sẽ có lợi khi phát triển một thỏa thuận thanh toán bù trừ và thanh toán tập

trung để xử lý việc chuyển khoản thanh toán và chuyển giao NZU theo cách tương tự như thị trường tài chính. Điều này sẽ giúp giảm thiểu rủi ro tín dụng và đối tác, cải thiện việc giám sát giá cả, khối lượng và hoạt động giao dịch trên thị trường thứ cấp.

Hàng hóa được giao dịch trong NZ ETS

Trong khuôn khổ NZ ETS, NZU được tạo lập thông qua phân bổ miễn phí từ chính phủ hoặc tạo NZU thông qua hấp thụ các-bon.

Việc phân bổ miễn phí được cung cấp bởi chính phủ New Zealand, dựa trên các định mức phát thải theo sản lượng và cường độ, cho 26 hoạt động công nghiệp đủ điều kiện. Hiện nay, Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002 đưa ra các tiêu chí để phân bổ miễn phí hạn ngạch cho các cơ sở công nghiệp.

Ban đầu, NZ ETS về cơ bản được hình thành như một ETS liên kết quốc tế, được thiết kế để liên kết với Nghị định thư Kyoto. Các đơn vị từ CDM đủ điều kiện để sử dụng trong NZ ETS mà không bị hạn chế. Tuy nhiên, điều này đã khiến NZ ETS đối mặt với sự sụt giảm giá CDM và vào năm 2015, các đơn vị từ CDM đã không còn đủ điều kiện để giao nộp cho nghĩa vụ tuân thủ theo NZ ETS.

Về tín chỉ các-bon, NZ ETS cho phép phát triển NZU thông qua các hoạt động hấp thụ các-bon trong nước. Các hoạt động hấp thụ các-bon đủ điều kiện được quy định trong Phụ lục 4, Phần 2 của Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002, và bao gồm các hoạt động lâm nghiệp và phi lâm nghiệp. Đối với các hoạt động hấp thụ từ rừng, các cơ sở tham gia NZ ETS có quyền nhận được một NZU cho mỗi tCO₂tđ được hấp thụ đối với đất rừng đã đăng ký sau năm 1989. Các hoạt động hợp lệ khác bao gồm:

- Lưu giữ các khí gây hiệu ứng ấm lên toàn cầu trong sản phẩm;
- Lưu trữ khí CO₂ sau khi thu giữ;
- Xuất khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng;
- Xuất khẩu hoặc tiêu hủy KNK tổng hợp số lượng lớn;
- Xuất khẩu các KNK tổng hợp như hydrofluoro các-bon (HFC) hoặc perfluoro các-bon (PFC) trong thiết bị sạc trước hoặc phương tiện cơ giới; và
- Tiêu hủy các KNK tổng hợp như HFC hoặc PFC ở New Zealand.

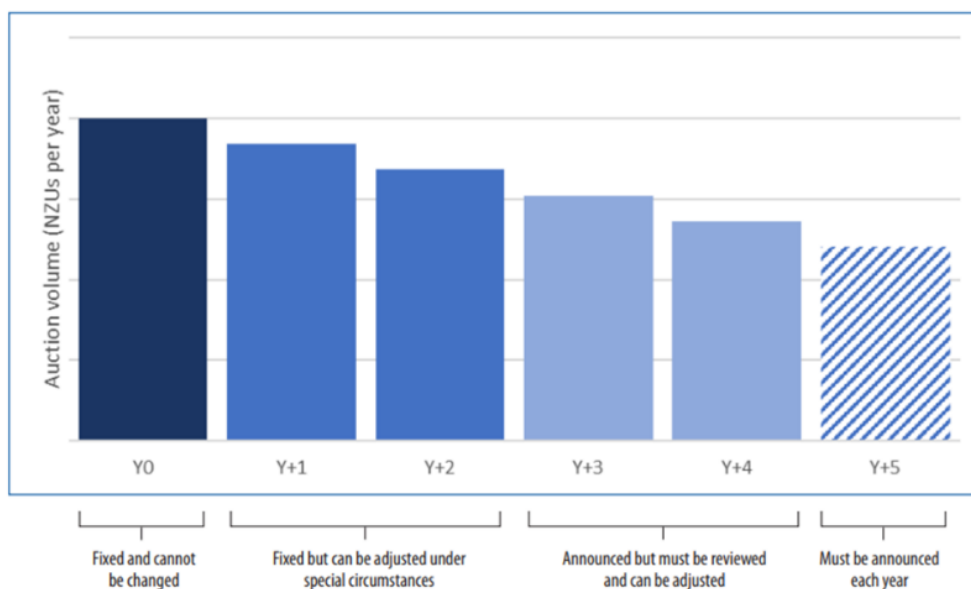
Quy định về Biến đổi Khí hậu (Các hoạt động hấp thụ khác) năm 2009 nêu rõ các ngưỡng đủ điều kiện để đăng ký tham gia. Hiện tại, không có quy định hạn chế về lượng đối với NZU được tạo ra từ các hoạt động hấp thụ. Gần đây, chính phủ New Zealand thông báo sẽ xem xét lại NZ ETS và việc sử dụng lâm nghiệp để bù trừ phát thải các-bon vì lo ngại rằng quy trình hiện tại có thể không thúc đẩy việc giảm phát thải. Ngoài ra, còn có những cân nhắc về việc có nên cho phép tiếp cận thị trường các-bon quốc tế có tính toàn vẹn cao như một phần của NZ ETS để đạt được mục tiêu năm 2030 hay không.

Hoạt động của thị trường phát thải

NZ ETS được ban hành với mục đích dần dần sẽ bao gồm tất cả các thành phần kinh tế và các loại KNK lớn. Theo Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002, NZ ETS có mục đích kép là hỗ trợ chính phủ New Zealand đáp ứng các nghĩa vụ quốc tế theo Nghị định thư

Kyoto và Thỏa thuận Paris, đồng thời hỗ trợ New Zealand đáp ứng mục tiêu giảm phát thải và ngân sách phát thải vào năm 2050.

Thay vì hoạt động theo nhiều giai đoạn khác nhau, NZ ETS hoạt động trên cơ sở 5 năm mở rộng, trong đó chính phủ New Zealand quyết định số lượng NZU được cung cấp trước 5 năm và số lượng này được gia hạn mỗi năm. Quá trình điều chỉnh để xác định nguồn cung của New Zealand được mô tả trong hình bên dưới.

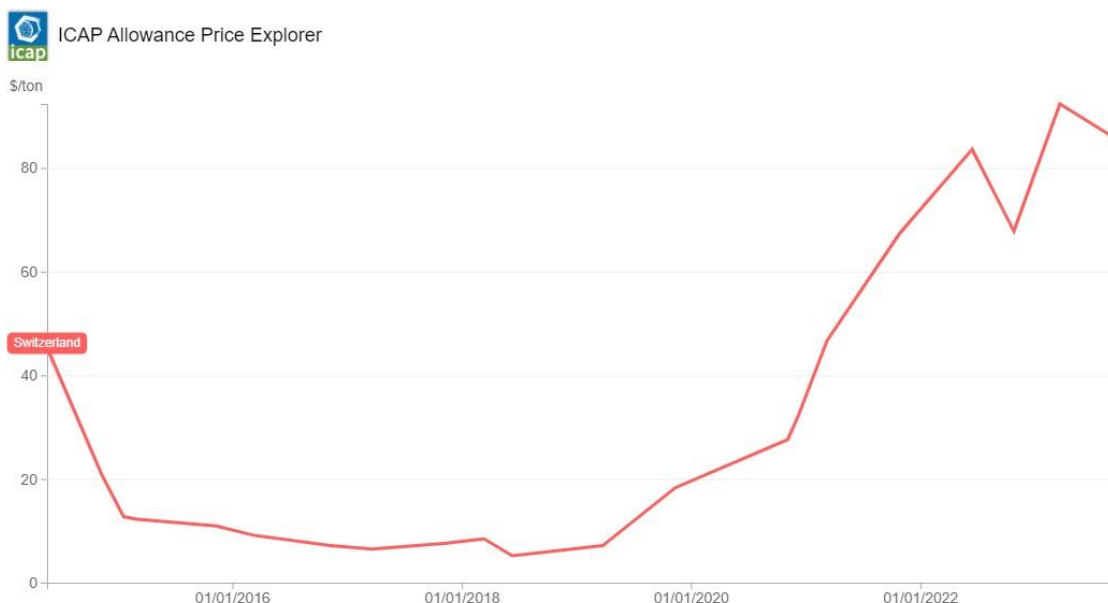


Hình 11: Quá trình thiết lập nguồn cung NZU theo 5 năm mở rộng

Nguồn: Leining (2022)

Vào năm 2022, 19,3 triệu NZU đã được bán đấu giá. Tổng doanh thu từ NZ ETS kể từ khi bắt đầu là khoảng 3,4 tỷ USD, trong đó 1,3 USD là vào năm 2022. Doanh thu từ NZ ETS được quản lý bởi Quỹ ứng phó khẩn cấp về khí hậu (CERF) để hỗ trợ ngay lập tức giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu (ICAP, 2023b).

Hình dưới đây mô tả diễn biến giá của NZ ETS theo thời gian.



Hình 12: Diễn biến giá của NZ ETS theo thời gian

Nguồn: ICAP (2023)

Hệ thống đăng ký của NZ ETS

Mục 10 của Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002 quy định mục đích của cơ quan đăng ký NZ ETS. Theo đó, mục đích chính là đảm bảo hạch toán chính xác, minh bạch và hiệu quả về việc phát hành, nắm giữ, chuyển nhượng, giao nộp và hủy bỏ các NZU và các đơn vị ở nước ngoài được phê duyệt cũng như việc chuyển đổi NZU theo quy định, để đảm bảo trao đổi thông tin chính xác, minh bạch và hiệu quả giữa cơ quan đăng ký NZ ETS, cơ quan đăng ký ở nước ngoài và các cơ quan giao dịch quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin.

Trên cơ sở đó, Cơ quan Bảo vệ Môi trường New Zealand đã thành lập Cơ quan Đăng ký Trao đổi hạn ngạch phát thải New Zealand (NZETR), là hệ thống đăng ký quốc gia của New Zealand về các đơn vị phát thải và đóng vai trò là cơ quan đăng ký để quản lý hệ thống đăng ký của NZ ETS. NZETR ghi nhận nhiều thông tin khác nhau như các đối tượng tham gia ETS, kết quả phát thải ETS, sự không tuân thủ và sự di chuyển của đơn vị ETS, bao gồm cả việc giao nộp, phân bổ và các quyền lợi.

Giám sát và quản lý thị trường

Việc giám sát và quản lý thị trường của NZ ETS được phân chia giữa các tổ chức khác nhau. Bộ Môi trường chịu trách nhiệm thiết lập khung pháp lý của NZ ETS, trong khi Cơ quan Bảo vệ Môi trường là cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm về Hệ thống đăng ký NZ ETS cũng như việc tuân thủ. Bộ các Ngành cơ bản chịu trách nhiệm về lĩnh vực lâm nghiệp.

Các bên tham gia khác nhau vào NZ ETS bao gồm: các đơn vị phải tuân theo nghĩa vụ báo cáo hoặc giao nộp, và những bên tham gia các hoạt động hấp thụ các-bon và tạo ra NZU. Hiện tại, như một phần của hoạt động giám sát thị trường, đối với các công ty là đơn vị

tuân thủ theo NZ ETS, kỳ báo cáo hàng năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12, trong khi hạn nộp báo cáo lượng phát thải hàng năm là vào ngày 31 tháng 3 năm sau và việc giao nộp NZU sẽ phải được thực hiện trước ngày 31 tháng 5 năm sau.

Là một phần của hoạt động quản lý thị trường, trong trường hợp một cơ sở thuộc NZ ETS không nộp báo cáo phát thải đúng hạn, cơ sở đó phải nộp phạt bằng số lượng đơn vị liên quan, nhân với đơn giá hiện tại và hệ số trách nhiệm. Khi một đơn vị không giao nộp số lượng NZU tương đương, họ phải trả khoản phạt bằng tiền mặt gấp ba lần giá thị trường hiện tại cho mỗi NZU. Các biện pháp thực thi khác bao gồm phạt tiền vì không thu thập dữ liệu phát thải, không lưu giữ hồ sơ, cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc sai lệch.

Không giống như hầu hết các ETS khác, NZ ETS phân loại hàng hóa trên thị trường sơ cấp và thứ cấp là hạn ngạch chứ không phải là một công cụ tài chính. Điều này đã được chính phủ New Zealand nêu ra trong tài liệu quản trị thị trường của Chương trình Thương mại Phát thải New Zealand.

Bảng 4: Phân loại mức cho phép các-bon theo quốc gia

	NZ ETS	EU ETS	UK ETS	ETS Úc
Thị trường sơ cấp và thứ cấp	Hạn ngạch	Công cụ tài chính	Công cụ tài chính	Công cụ tài chính
Thị trường phái sinh	Công cụ tài chính	Công cụ tài chính	Công cụ tài chính	Công cụ tài chính

Nguồn: Bộ Môi trường New Zealand (2023)

Do đó, chính phủ New Zealand đã đề xuất tăng cường giám sát pháp lý đối với thị trường NZU bằng cách biến NZU trở thành một sản phẩm tài chính, nhằm mục đích thực hiện các điều khoản 'giao dịch công bằng' theo Luật Ứng xử Thị trường Tài chính.

Biện pháp quản lý giá

Phiên bản 2020 của Quy định về Biến đổi Khí hậu (Đấu giá, Giới hạn và Kiểm soát Giá cho các Đơn vị) vào ngày 01 tháng 11 năm 2023 mô tả các biện pháp quản lý giá khác nhau cho NZ ETS (Quy định về Biến đổi Khí hậu (Đấu giá, Giới hạn và Kiểm soát Giá cho các Đơn vị) năm 2020, 2021).

- *Giá tối thiểu quy định:* NZU không thể được bán đấu giá với mức giá thấp hơn mức giá tối thiểu này. Giá tối thiểu quy định thay đổi hàng năm theo Quy định về Biến đổi Khí hậu;
- *CCR – Giá kích hoạt để bán số NZU dự trữ:* Quy định về Biến đổi Khí hậu cũng nêu rõ giá kích hoạt được cập nhật hàng năm. Nếu đạt đến giá kích hoạt trong phiên đấu giá, một lượng NZU dự trữ cho mỗi giá kích hoạt sẽ được bán;
- *Giá dự trữ bí mật:* Một mức giá tối thiểu khác tại cuộc đấu giá cao hơn giá tối thiểu được quy định để tránh bán NZU trong cuộc đấu giá với giá thấp hơn đáng kể so với giá trị trên thị trường thứ cấp. Phương pháp tính giá dự trữ bí mật do Bộ trưởng Bộ Biến đổi khí hậu quy định, xem xét và giá này do cơ quan điều hành đấu giá tính cho từng cuộc đấu giá.

1.6.2.3. Thiết lập thể chế

Cơ cấu tổ chức của NZ ETS được quy định trong Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002 và các văn bản quy phạm pháp luật thứ cấp liên quan. Tổ chức thể chế của NZ ETS bao gồm các tổ chức khác nhau chịu trách nhiệm về các khía cạnh cụ thể của ETS, từ xây dựng quy định, giám sát hành chính và tuân thủ đến các trách nhiệm vận hành khác. Các tổ chức này thay đổi theo thời gian và được phản ánh trong việc sửa đổi các quy định và luật pháp liên quan nhằm cải thiện hoạt động của hệ thống và tránh sự chồng chéo về chức năng và nhiệm vụ liên quan đến ETS.

Bộ Phát triển Kinh tế

Trong thiết kế ban đầu của NZ ETS, Bộ Phát triển Kinh tế (nay là Bộ Kinh doanh, Đổi mới và Việc làm) chịu trách nhiệm quản lý NZ ETS, bao gồm cả việc tuân thủ và thực thi (Bộ Môi trường New Zealand, 2008). Bộ này quản lý NZ ETR. Các trách nhiệm vận hành khác của NZ ETS trong thiết kế năm 2008 còn có sự tham gia của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp (nay là Bộ các Ngành cơ bản) và Bộ Môi trường.

Hiện tại, trách nhiệm điều hành và cấp bộ chính của NZ ETS được giao cho Bộ Môi trường, Cơ quan Bảo vệ Môi trường và Bộ các Ngành cơ bản (Leining, 2022).

Bộ Môi trường

Bộ Môi trường chịu trách nhiệm tư vấn cho Chính phủ New Zealand về các vấn đề môi trường và do đó bao gồm cả các tác động của biến đổi khí hậu cũng như phản ứng của Chính phủ đối với những vấn đề này (Bộ Môi trường New Zealand, 2022). Bộ Môi trường chịu trách nhiệm điều phối chính sách về biến đổi khí hậu trong toàn chính phủ, bao gồm Luật ứng phó với biến đổi khí hậu năm 2002. Bộ Môi trường chỉ đạo việc thực hiện và phát triển NZ ETS và các quy định liên quan theo Luật ứng phó với biến đổi khí hậu. Ngoài ra, Bộ Môi trường hỗ trợ Bộ trưởng Bộ Biến đổi Khí hậu trong việc thiết lập ngân sách phát thải và xây dựng kế hoạch giảm phát thải. Bộ Môi trường cũng phối hợp với Bộ các Ngành cơ bản để tham vấn về cơ chế định giá phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp.

Bộ trưởng Bộ Biến đổi Khí hậu

Bộ trưởng Bộ Biến đổi Khí hậu chịu trách nhiệm định hướng chính sách chung về biến đổi khí hậu, bao gồm thiết lập và đáp ứng ngân sách phát thải, thiết lập kiểm soát giá và xây dựng các kế hoạch giảm phát thải và thích ứng. Vai trò và trách nhiệm của Bộ trưởng liên quan đến NZ ETS được nêu trong Luật ứng phó với biến đổi khí hậu 2002. Bộ trưởng được trao thêm quyền hạn, chức năng và trách nhiệm trong Bản sửa đổi về phát thải các-bon về 0 năm 2019 (Shaw, 2022). Bộ trưởng tư vấn cho Tổng đốc về các kế hoạch phân bổ đất lâm nghiệp và nghề cá trước năm 1990, đồng thời giám sát các kế hoạch phân bổ cũng như các quy định liên quan đến ETS. Bộ trưởng thực hiện quyền quản lý NZ ETS bằng cách chỉ đạo Giám đốc điều hành về các vấn đề liên quan đến NZ ETS và quản lý việc phát hành, bán và phân bổ NZU của Chính phủ.

Cơ quan Bảo vệ Môi trường

Cơ quan Bảo vệ Môi trường là cơ quan giám sát NZ ETS và quản lý tất cả các lĩnh vực phi lâm nghiệp trong NZ ETS kể từ khi được thành lập vào năm 2011 (Leining & Kerr, 2018; Cơ quan Bảo vệ Môi trường New Zealand, nd-b). Cơ quan Bảo vệ Môi trường chịu trách nhiệm phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở công nghiệp, đăng ký phát thải, giám sát và đảm bảo tuân thủ ETS và công bố các báo cáo liên quan cũng như các nhiệm vụ hành chính liên quan khác. Cơ quan này vận hành NZETR, bao gồm quản lý tài khoản nắm giữ và các khía cạnh khác liên quan đến giao dịch trong ETS.

Bộ các Ngành cơ bản

Bộ các Ngành cơ bản giám sát ngành lâm nghiệp trong NZ ETS, bao gồm các hoạt động quản lý và triển khai liên quan đến lâm nghiệp (Cơ quan Bảo vệ Môi trường New Zealand, nd-b; Bộ Môi trường New Zealand, 2022). Bộ các Ngành cơ bản cùng với Bộ Môi trường tư vấn về cơ chế định giá phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài ra, Bộ các Ngành cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc định hình các chính sách của chính phủ đối với lĩnh vực lâm nghiệp và nông nghiệp, bao gồm cả các chính sách cho NZ ETS.

Cơ quan Hải quan New Zealand và Cơ quan Vận tải New Zealand

Cơ quan Hải quan New Zealand và Cơ quan Vận tải New Zealand giám sát một phần các quy định tổng hợp về KNK được nêu trong Luật ứng phó với biến đổi khí hậu (Cơ quan bảo vệ môi trường New Zealand, nd-b). Họ chịu trách nhiệm quản lý Thuế KNK tổng hợp, áp dụng cho lượng KNK có trong hàng hóa và phương tiện nhập khẩu.

Ủy ban Biến đổi Khí hậu

Ủy ban Biến đổi Khí hậu được thành lập vào năm 2019, là cố vấn độc lập cho Chính phủ về hành động biến đổi khí hậu (Bộ Môi trường New Zealand, 2022). Ủy ban cung cấp cố vấn về giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời theo dõi và đánh giá tiến độ của Chính phủ liên quan đến các mục tiêu giảm phát thải và kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu.

Dịch vụ đấu giá được quản lý của NZX

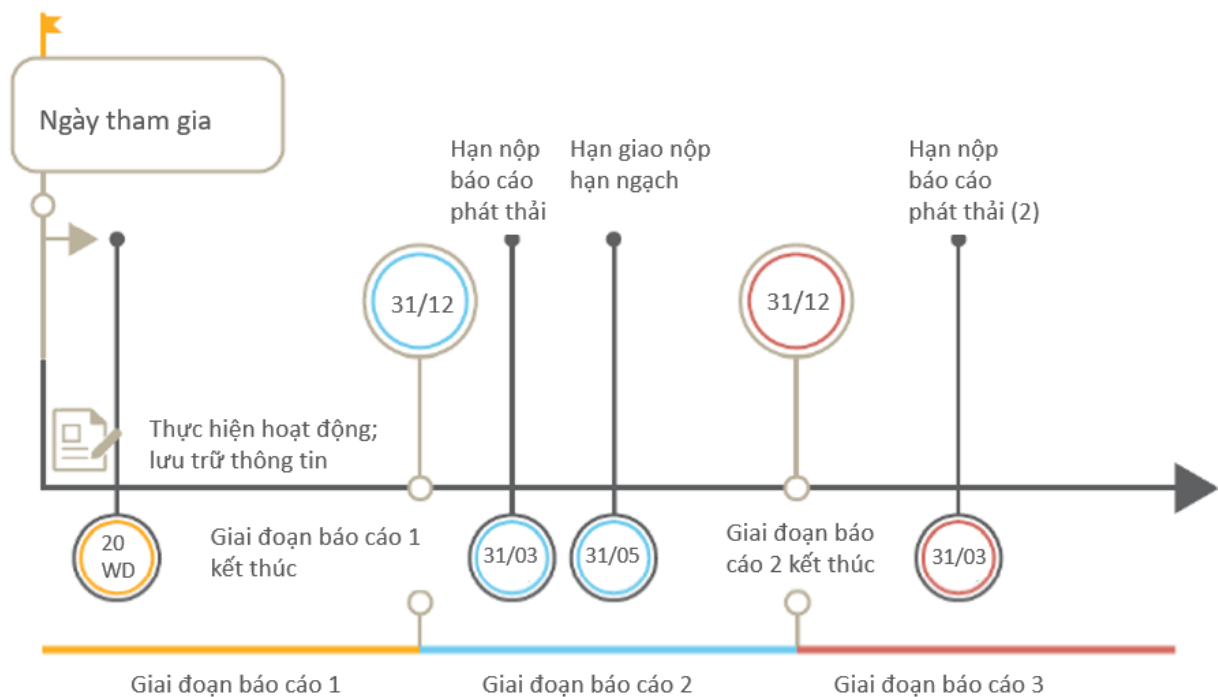
Dịch vụ đấu giá được quản lý của NZX do NZX và EEX quản lý, thực hiện đấu giá thay mặt cho Chính phủ New Zealand (EEX, 2020). Hồ sơ đấu thầu chung của NZX và EEX đã được lựa chọn thông qua đấu thầu cạnh tranh để phát triển và vận hành dịch vụ đấu giá được quản lý cho NZ ETS. NZX lưu trữ và xử lý việc thực hiện các cuộc đấu giá, trong khi EEX đóng góp cơ sở hạ tầng đấu thầu và hỗ trợ chuyên gia. Bên đối tác trong cuộc đấu giá ETS là Bộ Môi trường (Dịch vụ đấu giá được quản lý của NZX quản lý, nd). Bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào muốn tham gia Đấu giá ETS đều phải đăng ký trên NZETR và thông báo cho NZETR. Sau đó họ có thể đăng ký với Đấu giá ETS.

Các đối tượng tham gia thị trường

Một nhóm quan trọng khác của thị trường NZ ETS là những đối tượng tham gia, bao gồm cả các đơn vị bắt buộc và các đơn vị tự nguyện. Như đã đề cập trong phần tổng quan, NZ ETS bao gồm các lĩnh vực năng lượng cố định, giao thông, quy trình công nghiệp, chất

thải, lâm nghiệp và nông nghiệp. Cụ thể, các đơn vị thực hiện các hoạt động được liệt kê trong Phụ lục 3 và Phụ lục 4 của Luật Ứng phó với Biến đổi Khí hậu 2002 phải là thành viên của NZ ETS (Đạo luật Ứng phó với Biến đổi Khí hậu 2002, 2002). Ngoài ra, các cơ sở cũng có thể tự nguyện tham gia NZ ETS nếu họ tiến hành một số hoạt động nhất định, chẳng hạn như các hoạt động lâm nghiệp sau năm 1989.

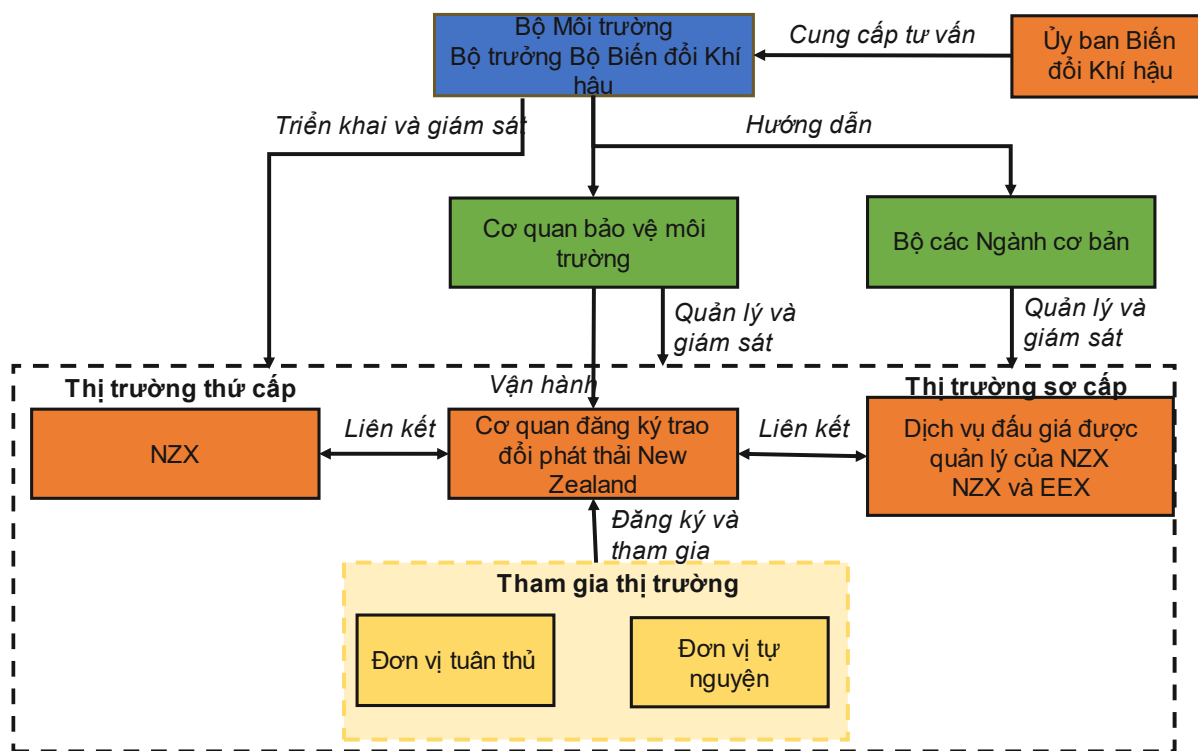
Để tham gia thị trường, các cơ sở phải đăng ký tài khoản nắm giữ tại NZETR. Chủ tài khoản NZETR có thể đăng ký trên Đấu giá ETS để tham gia đấu giá. Bất kể trạng thái tuân thủ như thế nào, các bên tham gia đều có nghĩa vụ theo NZ ETS, bao gồm đăng ký, báo cáo phát thải, giao nộp hoặc tiếp nhận các đơn vị các-bon, tùy thuộc vào loại đối tượng tham gia (Đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải của New Zealand, nd; Cơ quan bảo vệ môi trường của New Zealand, nd-a). Các cơ sở tham gia có phát thải KNK phải giao nộp NZU hoặc các đơn vị phát thải đủ điều kiện khác cho Chính phủ New Zealand. Những đối tượng tham gia, chủ yếu là chủ rừng hoặc cơ sở EITE, thực hiện các hoạt động hấp thụ KNK có thể nhận được NZU từ Chính phủ New Zealand.



Hình 13: Nghĩa vụ của các đối tượng tham gia NZ ETS

Nguồn: Đăng ký trao đổi hạn ngạch phát thải New Zealand (nd)

Hình dưới đây thể hiện sơ đồ thể chế của NZ ETS.



Hình 14: Sơ đồ thể chế của NZ ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

I.6.2.4. Cơ sở hạ tầng

Các giao dịch NZU được hỗ trợ thực hiện qua NZETR, cơ quan đăng ký quốc gia về các đơn vị phát thải của New Zealand.

Trong NZ ETS, hiện không sử dụng tín chỉ bù trừ (ICAP, nd-b). Do đó, phần sau sẽ tập trung vào hai yếu tố quan trọng: (i) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động đấu giá NZU; (ii) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp.

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá

Các cuộc đấu giá tại NZ ETS diễn ra bốn lần mỗi năm thông qua nền tảng Đấu giá NZ ETS (EEX, nd). Các cơ sở có ý định tham gia phải có tài khoản trong NZETR. Mặc dù cần có một tài khoản riêng cho Đấu giá trong NZ ETS nhưng tài khoản này yêu cầu thông tin chi tiết về cơ sở xin cấp tài khoản từ Hệ thống đăng ký.

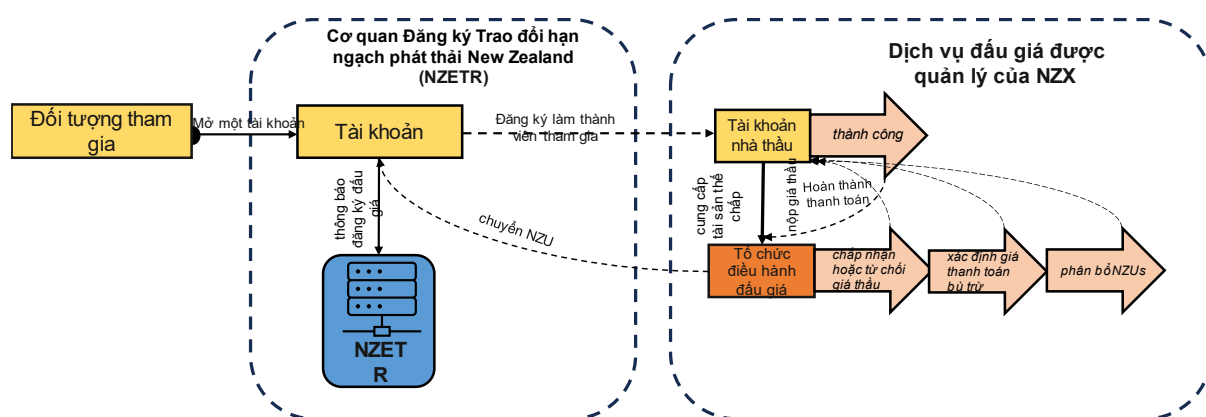
Sau khi đăng ký thành công với NZETR, các cơ sở tham gia có thể đăng ký trên nền tảng Đấu giá NZ ETS bằng thông tin tài khoản NZETR của họ. Trước khi đấu giá, các cơ sở tham gia phải cung cấp tài sản thế chấp (tiền mặt hoặc thư tín dụng) cho NZX để đảm bảo tuân thủ. Sau đó, trong thời gian đấu thầu, các cơ sở tham gia đặt giá thầu, giá này sẽ được tổ chức điều hành đấu giá xem xét để chấp nhận hoặc từ chối.

Giá thầu được tổng hợp trong cửa sổ phiên đấu giá và sắp xếp từ giá cao nhất đến giá thấp nhất. Giá thanh toán, được xác định là giá thầu thấp nhất đáp ứng được toàn bộ khối lượng đấu giá. Cuộc đấu giá được tiến hành nếu giá thanh toán đáp ứng hoặc vượt qua

giá dự trữ bí mật. Giá thầu ở mức giá thanh toán có thể chỉ được đáp ứng một phần để phù hợp với khối lượng đấu giá có sẵn.

Sau cuộc đấu giá, những đối tượng đấu giá thành công sẽ nhận được hóa đơn qua email, được tính bằng tổng số giá thầu thành công theo giá thanh toán. Việc thanh toán chỉ được xác nhận khi đối tượng đấu giá chi trả đầy đủ các hóa đơn này. Sau khi nhận và đối chiếu các khoản thanh toán, đối tượng tham gia sẽ nhận được xác nhận qua email và NZU sẽ được chuyển đến tài khoản Đăng ký được chỉ định.

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động đấu giá NZU được thể hiện trong hình bên dưới.

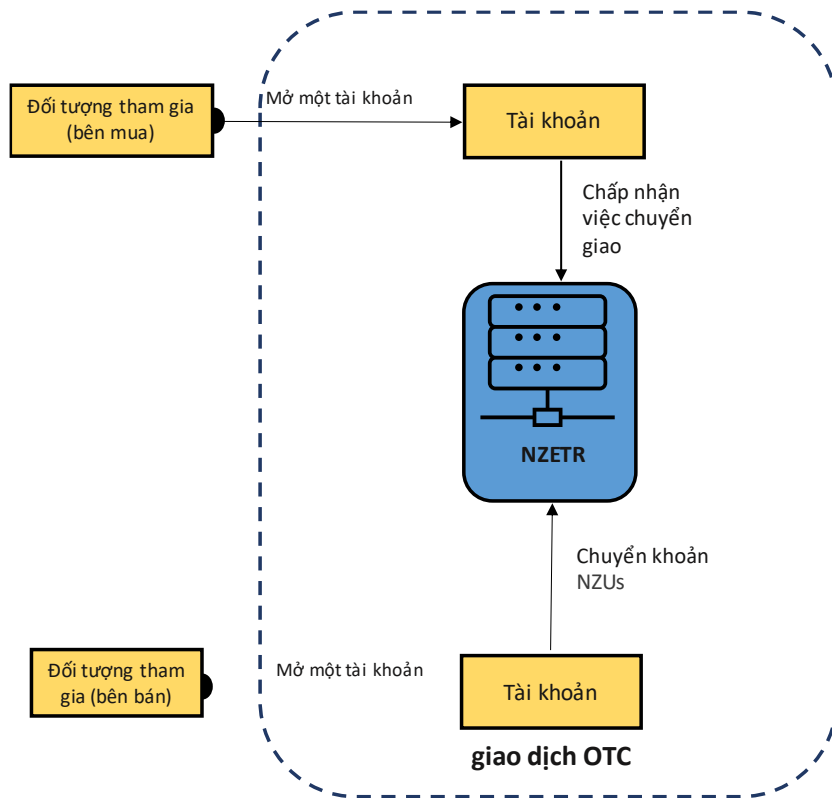


Hình 15: Cơ sở hạ tầng cần thiết để đấu giá ở NZ ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên EEX (nd)

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp

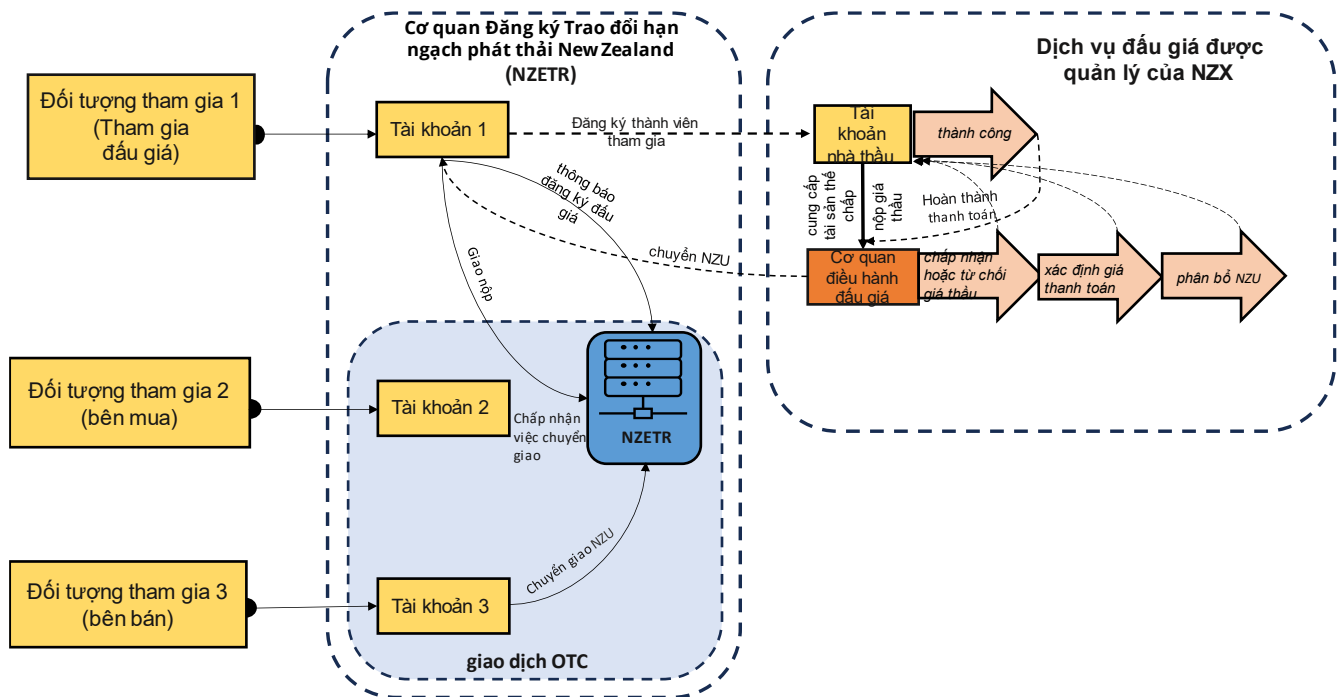
Hầu hết các NZU được giao dịch tích cực trên thị trường thứ cấp thông qua các giao dịch OTC hoặc thông qua các nền tảng giao dịch được thiết lập như NZX. Giao dịch OTC bao gồm chuyển giao trực tiếp NZU giữa bên bán và bên mua bằng tài khoản tương ứng của họ trên NZETR. Hình dưới đây trình bày tổng quan về cơ sở hạ tầng phù hợp với giao dịch trên thị trường thứ cấp, đặc biệt tập trung vào giao dịch OTC.



Hình 16: Cơ sở hạ tầng cần thiết để giao dịch trên thị trường thứ cấp ở NZ ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Bộ Môi trường (nd)

Các cơ sở tuân thủ cũng sử dụng tài khoản của họ trong NZETR để thực hiện nghĩa vụ tuân thủ. Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cần thiết cho mô hình xây dựng CTX trong NZ ETS được thể hiện trong hình bên dưới.



Hình 17: Cơ sở hạ tầng CTX tổng thể của NZ ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

1.6.2.5. Các thách thức trong quá trình thực hiện và giải pháp

NZ ETS là chương trình hoạt động sớm thứ hai sau EU ETS. Trong 13 năm vận hành, chương trình đã cho thấy các thách thức và các bài học sau đây (Benjamin Rontard & Humberto Reyes Hernandez, 2022):

- Việc sử dụng các đơn vị các-bon quốc tế: NZ ETS mở cửa cho thị trường các-bon quốc tế và cho phép các đơn vị các-bon quốc tế từ Nghị định thư Kyoto được giao dịch trong thị trường trong nước. Tuy nhiên, các đơn vị quốc tế này được bán giá thấp do dư cầu, dẫn đến giảm thị phần của các đơn vị trong nước.
- Xác định tổng hạn ngạch: NZ ETS không quy định giới hạn các đơn vị phát thải được tạo ra cho mỗi năm. Do đó, không có giới hạn về nguồn cung hạn ngạch phát thải ra thị trường từ chính phủ;
- Phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở phát thải cao và chịu tác động thương mại (EITE): Các cơ sở phát thải cao nhận 90% hạn ngạch đường cơ sở, và các cơ sở phát thải trung bình nhận 60%.

Việc giá của đơn vị các-bon thấp, phân bổ hạn ngạch miễn phí cho các cơ sở EITE và thiếu quy định về tổng hạn ngạch đã không khuyến khích đầu tư cho các cơ sở phát thải nhỏ. Để giải quyết vấn đề giá thấp do dư cung các đơn vị các-bon quốc tế, NZ ETS đã không còn kết nối thị trường trong nước với các đơn vị các-bon quốc tế vào năm 2015. Năm 2019, chính phủ ban hành Luật sửa đổi Ứng phó với Biến đổi khí hậu để thiết lập giới hạn cung phát thải (tổng hạn ngạch). Việc chuyển đổi từ giá mua cố định sang hệ thống đấu giá đã được đề xuất với khả năng áp dụng giá đấu giá dự trữ và dự trữ kiểm soát chi phí.

Hệ thống phân bổ hạn ngạch miễn phí sẽ bị loại bỏ dần từ năm 2021 đến năm 2050 (Benjamin Rontard & Humberto Reyes Hernandez, 2022).

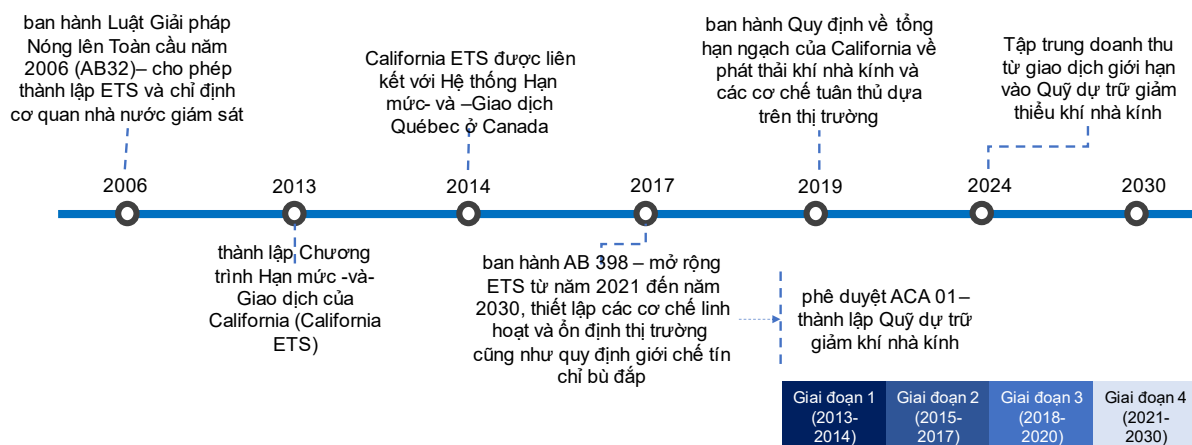
1.6.3. California ETS

1.6.3.1. Tổng quan về California ETS

California đã triển khai ETS vào năm 2013, đây được coi là yếu tố then chốt để tiểu bang đạt được mục tiêu giảm phát thải KNK ở mức 15% dưới mức năm 1990 vào năm 2020 (CARB, 2006). Theo Kế hoạch xác định phạm vi gần đây, California đặt mục tiêu giảm 40% dưới mức năm 1990 vào năm 2030 và đạt được mức trung hòa các-bon vào năm 2045 (CARB, 2022).

Hiện tại, có tổng cộng 330 đơn vị đã đăng ký hoặc chọn tham gia, đại diện cho tổng số 450 cơ sở tham gia California ETS và 85% tổng phát thải từ California (C2ES, nd). California ETS bao gồm các lĩnh vực sau: giao thông, xây dựng, công nghiệp và năng lượng (ICAP, 2023d).

Giai đoạn tuân thủ đầu tiên của California ETS là từ năm 2013-2014 với tổng hạn ngạch là 162,8 MtCO₂tđ và tỷ lệ giảm khoảng 2% mỗi năm. Giai đoạn tuân thủ thứ hai là từ năm 2015-2017 với việc mở rộng chương trình sang hoạt động phân phối nhiên liệu và hạn mức giảm trung bình 3,1% mỗi năm từ 394,5 MtCO₂tđ vào năm 2015. Giai đoạn tuân thủ thứ ba bắt đầu với hạn mức là 358,3 MtCO₂tđ và tỷ lệ giảm bình quân hàng năm là 3,3% trong giai đoạn 2018-2020. Là một phần của giai đoạn tuân thủ thứ tư từ 2021 – 2030, hạn mức đối với ETS của California sẽ giảm 13,4 MtCO₂tđ mỗi năm đạt 200,5 MtCO₂tđ vào năm 2030 (ICAP, 2023d).



Hình 18: Tiến độ thực hiện ETS California

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Các hạn ngạch trong ETS California được phân bổ thông qua phân bổ miễn phí, phân bổ miễn phí kí gửi và đấu giá. Phân bổ miễn phí được quy định ở mức 100% trong giai đoạn tuân thủ đầu tiên và giảm xuống 75% và 50% đối với các cơ sở có rủi ro rò rỉ trung bình và xuống 50% và 30% đối với các cơ sở có rủi ro rò rỉ thấp trong giai đoạn tuân thủ thứ hai và thứ ba tương ứng. Hệ thống dự định loại bỏ dần hạn ngạch miễn phí 100% vào năm 2030 (ICAP, 2023d).

Đối với hạn ngạch miễn phí ký gửi, các công ty phân phối điện và cơ sở cung cấp khí đốt tự nhiên nhận hạn ngạch miễn phí thay mặt cho các đối tượng phải thanh toán giá hạn ngạch và một tỷ lệ phần trăm nhất định phải được ký gửi để bán tại các cuộc đấu giá định kỳ hàng quý của tiểu bang. Doanh thu từ đấu giá phải được sử dụng vì lợi ích của đối tượng tham gia và để giảm phát thải KNK (ICAP, 2023d).

Vào năm 2022, khoảng 65% tổng số hạn ngạch đã được đưa ra đấu giá, bao gồm khoảng 38% thuộc sở hữu của Ủy ban Tài nguyên Không khí California (CARB) và 27% do các cơ quan tiện ích ký gửi. Tổng doanh thu kể từ khi bắt đầu chương trình là 22,25 tỷ USD và doanh thu không bao gồm doanh thu từ bán đấu giá hạn ngạch ký gửi năm 2022 là 4,03 tỷ USD. Phần lớn doanh thu sẽ được chuyển đến Quỹ Giảm phát thải KNK, quỹ này sẽ được sử dụng để hỗ trợ các cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn và thu nhập thấp cũng như các dự án mang lại lợi ích đáng kể về môi trường, kinh tế và sức khỏe cộng đồng (ICAP, 2023d).

Báo cáo là bắt buộc đối với các đơn vị phát thải từ 10.000 tCO₂tđ mỗi năm trong khi những đơn vị phát thải bằng hoặc trên 25.000 tCO₂tđ mỗi năm phải tham gia ETS. Các cơ sở phát thải dưới 25.000 tCO₂tđ có thể tự nguyện tham gia chương trình (các đơn vị được quyền chọn tham gia). Việc thẩm định hàng năm phải được thực hiện bởi một bên thứ ba độc lập đối với tất cả các cơ sở tham gia. Các hình thức xử phạt sẽ được áp dụng đối với các cơ sở tham gia không đáp ứng nghĩa vụ giao nộp hoặc thực hiện báo cáo sai hoặc không báo cáo về phát thải KNK (ICAP, 2023d).

California ETS cho phép tích lũy hạn ngạch sang năm tiếp theo nhưng phải tuân theo giới hạn năm giữ, trong không cho phép vay mượn hạn ngạch.

Các tín chỉ các-bon do CARB hoặc cơ quan có thẩm quyền của hệ thống hạn mức- và- giao dịch liên kết phát hành có thể được sử dụng để bù trừ tới 8% nghĩa vụ phát thải của các cơ sở trong giai đoạn 2013-2020, sẽ giảm xuống 4% trong giai đoạn 2021-2025 và sau đó tăng lên 6% cho giai đoạn 2026-2030. California ETS đã liên kết với ETS của Québec vào tháng 1 năm 2014 và với Ontario ETS⁸ vào tháng 1 năm 2018 (ICAP, 2023d).

1.6.3.2. Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý nền tảng cho ETS California là Luật về các Giải pháp chống lại sự Nóng lên Toàn cầu năm 2006 (AB32), trong đó kêu gọi California giảm lượng phát thải KNK của bang. Theo Luật này, cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm giám sát và điều tiết lượng phát thải KNK là CARB.

Văn bản pháp lý chỉ định Sàn trao đổi hạn ngạch phát thải

Theo Sắc lệnh quy định cuối cùng về Tổng hạn ngạch phát thải KNK của California và Quy định về cơ chế tuân thủ dựa trên thị trường (Quy định ETS của California), theo Điều 95814(a)(1)(C), một cơ quan trao đổi khí thải được coi là các Đơn vị liên kết tự nguyện vì các đơn vị này cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ nhằm mục đích thanh toán bù trừ các

⁸ Ontario đã kết thúc chương trình kinh doanh khí thải vào ngày 05 tháng 2 năm 2021 (<https://www.ontario.ca/page/ontario-emissions-trading-code>).

giao dịch giữa hai cơ sở được đăng ký theo California ETS. Cơ sở đủ điều kiện phải là tổ chức thanh toán bù trừ phái sinh như được định nghĩa trong Luật Giao dịch hàng hóa được đăng ký với Ủy ban giao dịch hàng hóa tương lai Hoa Kỳ (CARB, 2019). Khi CARB phê duyệt một Đơn vị liên kết tự nguyện, Tài khoản nắm giữ thanh toán bù trừ trao đổi sẽ được tạo.

Có một số Đơn vị Liên kết Tự nguyện như ICE và CME Group cung cấp dịch vụ thanh toán cho các hạn ngạch các-bon của California, từ đó chuyển giao các hạn ngạch các-bon hiện hành của California với Dịch vụ Hệ thống Theo dõi Công cụ Tuân thủ (CITSS).

Hàng hóa được giao dịch ở California ETS

Trong khuôn khổ California ETS, các hạn ngạch được phân bổ cho các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS thông qua phân bổ miễn phí, phân bổ miễn phí ký gửi và thông qua đấu giá.

Các cơ sở công nghiệp được cung cấp hạn ngạch miễn phí để giảm thiểu rò rỉ các-bon và lượng hạn ngạch miễn phí này được phân bổ dựa trên định mức phát thải riêng của sản phẩm, khối lượng sản xuất gần đây, hệ số điều chỉnh tổng hạn ngạch và hệ số hỗ trợ dựa trên đánh giá rủi ro rò rỉ.

CARB cũng cho phép thực hiện chương trình tín chỉ các-bon bù trừ tuân thủ, cho phép CARB cấp tín chỉ các-bon từ các dự án được thực hiện theo Chương trình tín chỉ các-bon bù trừ tuân thủ được chấp nhận sau đây trong khuôn khổ California ETS:

- Dự trữ Hành động California;
- Tiêu chuẩn Các-bon được thẩm định, do Verra quản lý;
- Dự trữ hành động khí hậu.

Về các giao thức bù trừ tuân thủ được chấp nhận, CARB chấp nhận dự án được thực hiện dưới dạng một trong sáu giao thức bù trừ tuân thủ:

- Dự án lâm nghiệp của Mỹ;
- Dự án rừng đô thị;
- Dự án chăn nuôi (quản lý khí mê-tan);
- Dự án sử dụng chất làm suy giảm tầng ozone;
- Dự án thu hồi khí mê-tan từ hầm mỏ; Và
- Dự án trồng lúa.

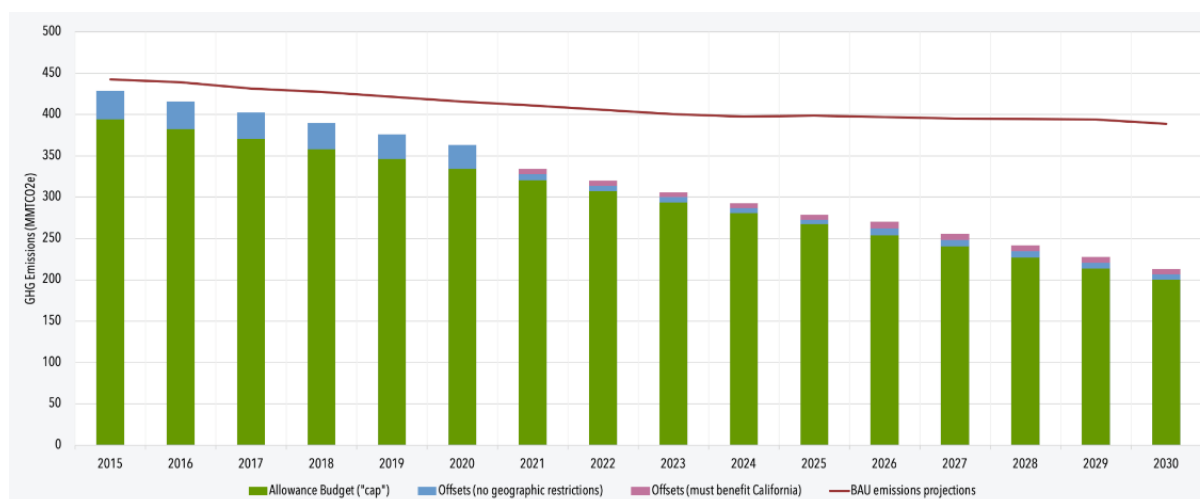
Từ năm 2021 trở đi, yêu cầu 50% trong số các tín chỉ các-bon bù trừ tuân thủ được giao nộp sẽ phải mang lại lợi ích môi trường trực tiếp cho tiểu bang (ICAP, 2023d).

Lợi ích môi trường trực tiếp cho tiểu bang đã được xác định theo mục 95989 của Luật Quốc hội 398 (AB 398; Chương 135, Quy chế năm 2017) là các dự án giúp “giảm hoặc tránh phát thải bất kỳ chất gây ô nhiễm không khí nào trong tiểu bang hoặc giảm hoặc tránh bất kỳ chất gây ô nhiễm nào có thể có tác động xấu đến vùng nước của bang.” Dựa trên các giao thức đền bù tuân thủ khác nhau, cách xác định lợi ích môi trường trực tiếp cho tiểu bang (DEBS) sẽ khác nhau. Các dự án bù trừ nằm trong tiểu bang California sẽ tự động được coi là cung cấp DEBS. Trong trường hợp dự án bù trừ diễn ra ngoài tiểu bang,

thì cần phải cung cấp tài liệu cho CARB để chứng minh cách thức các tín chỉ này cung cấp DEBS như thế nào. Các dự án tín chỉ các-bon bù trừ đáp ứng các yêu cầu nêu trong phần 95989 sẽ nhận được chứng nhận 'DEBS' và được phản ánh trong CITSS.

Hoạt động của thị trường phát thải

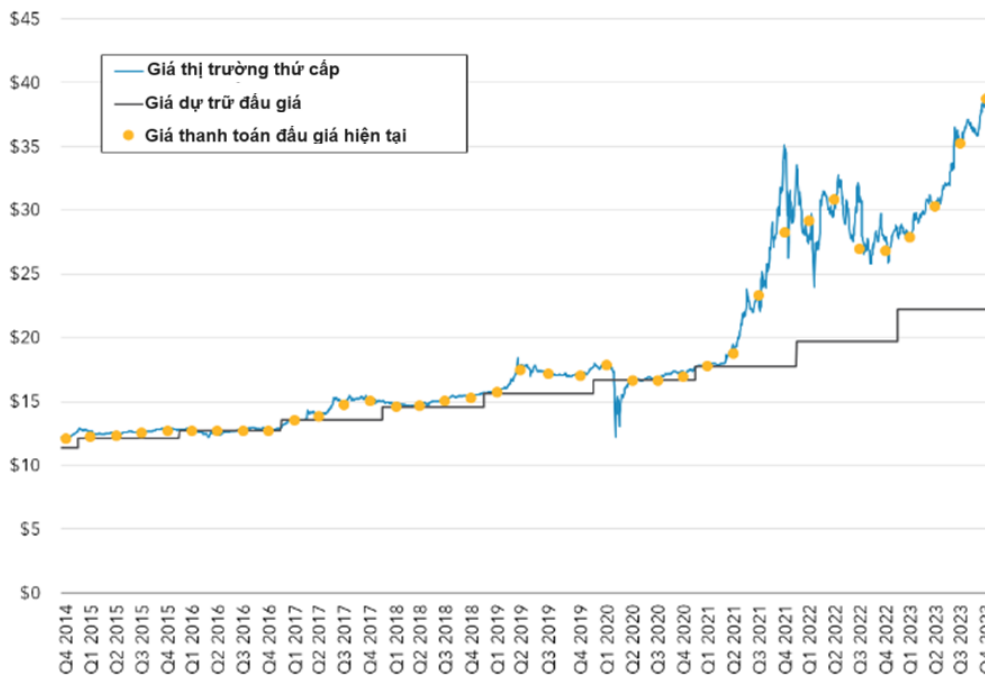
California ETS được thiết kế để đóng góp đáng kể nhằm đạt được mức giảm phát thải so với các dự báo BAU đến năm 2030. Quỹ đạo của tổng hạn ngạch cũng đã được đặt ra cho đến năm 2030 như trong hình dưới đây:



Hình 19: Tổng hạn ngạch phát thải KNK của California và dự báo BAU

Nguồn: California Cap and Trade (C2ES, nd)

California ETS nhằm mục đích tạo ra động lực kinh tế mạnh mẽ để khuyến khích đầu tư vào các công nghệ sạch hơn, hiệu quả hơn. Với giới hạn giảm dần của tổng hạn ngạch và các thị trường hoạt động tốt do CARB giám sát, giá các-bon trên cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp vẫn ổn định trong một thời gian dài và đang tăng lên trong những năm gần đây để phản ánh các mục tiêu tham vọng của bang. Hình dưới đây mô tả diễn biến giá của ETS California trong giai đoạn 2014-2023.



Hình 20: Diễn biến giá của ETS California theo thời gian

Nguồn: ICAP (2023)

AB32 quy định CARB phải xây dựng Kế hoạch xác định phạm vi ETS, trong đó mô tả cách tiếp cận mà California sẽ thực hiện để đạt được các mục tiêu giảm phát thải KNK. Kế hoạch đầu tiên đã được Ủy ban này phê duyệt vào năm 2008 và phải được cập nhật ít nhất 5 năm một lần. Kể từ năm 2008, đã có ba lần cập nhật vào năm 2013, 2017 và 2022.

Kế hoạch xác định phạm vi mới nhất (Kế hoạch xác định phạm vi năm 2022) dự kiến giảm 48% lượng phát thải dưới mức năm 1990 vào năm 2030, vượt mục tiêu giảm 40% theo luật định và đã xác định lộ trình khả thi về công nghệ và hiệu quả về chi phí để California đạt được trung hòa các-bon vào năm 2045.

Cơ quan đăng ký ETS California

Quy định ETS có điều khoản phụ 5 cung cấp các yêu cầu chi tiết về đăng ký và tài khoản. Theo đó, các cơ sở đủ điều kiện để đăng ký trong hệ thống theo dõi là các cơ sở tham gia, các đơn vị được quyền chọn tham gia và các cơ sở liên kết tự nguyện. Giám đốc điều hành của CARB sẽ đóng vai trò là quản trị viên tài khoản hoặc có thể ký hợp đồng với một tổ chức để làm quản trị viên tài khoản. Có 4 loại tài khoản: Tài khoản nắm giữ, Tài khoản nắm giữ sử dụng hạn chế, Tài khoản tuân thủ và Tài khoản nắm giữ thanh toán bù trừ trao đổi. Một cơ sở không thể đăng ký nhiều hơn một tài khoản cho mỗi loại (CARB, 2019).

CITSS có thể được coi là một hình thức của hệ thống đăng ký trong ETS California. Đây là một hệ thống theo dõi thị trường hỗ trợ việc triển khai ETS. Được quản lý bởi Western Climate Initiative, Inc. (WCI), đây là một hệ thống dựa trên web để theo dõi các công cụ các-bon sử dụng cho mục đích tuân thủ từ thời điểm CARB ban hành đến quyền sở hữu, chuyển nhượng và cuối cùng là ngừng hoạt động vì mục đích tuân thủ.

Giám sát và quản lý thị trường

Theo Luật các Giải pháp chống lại sự Nóng lên Toàn cầu năm 2006, CARB chịu trách nhiệm thiết kế và thực hiện ETS của California, bao gồm cả quá trình tham vấn trong việc xác định các mức phát thải KNK.

Là một phần của vai trò giám sát thị trường, CARB cũng giám sát việc tuân thủ và thực thi bất kỳ quy định nào đối với các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của California ETS. Theo Quy định của CARB về Báo cáo Bắt buộc về Phát thải KNK, các nguồn công nghiệp, nhà cung cấp nhiên liệu và nhà nhập khẩu điện phải báo cáo lượng phát thải KNK hàng năm của họ cho CARB, với dữ liệu đã gửi phải được xác minh bởi cơ quan xác minh độc lập bên thứ ba được CARB công nhận.

Ngoài ra, WCI còn cung cấp các giải pháp hành chính và kỹ thuật để hỗ trợ phối hợp xây dựng và triển khai ETS của California và Quebec, chẳng hạn như quản lý đấu giá và duy trì hệ thống đăng ký ETS.

Gần đây, California đã đưa ra các quy định mới để điều chỉnh thị trường các-bon tự nguyện và các yêu cầu liên quan đến khí hậu. Luật Quốc hội 1305, Luật Quy định Kinh doanh về Công bố Thị trường Các-bon Tự nguyện bao gồm các quy định về việc công bố thông tin bởi các doanh nghiệp đưa ra các tuyên bố liên quan đến phát thải cùng với việc sử dụng các tín chỉ các-bon bù trừ, cũng như các nhà tiếp thị và người bán tín chỉ các-bon bù trừ.

Cơ chế kiểm chế chi phí và linh hoạt thị trường

Cơ chế kiểm chế chi phí được thiết kế trong chương trình Giới hạn-và-Thương mại bao gồm nhiều biện pháp để đảm bảo thực hiện thành công chương trình (AB 398, 2017a). Những biện pháp này là:

- Thời gian tuân thủ nhiều năm để cân bằng các biến động phát thải hàng năm;
- Tích lũy hạn ngạch để chuyển tiếp với giới hạn năm giữ nghiêm ngặt, cho phép các cơ sở tham gia lưu trữ các hạn ngạch để tuân thủ trong tương lai;
- Hạn chế sử dụng các tín chỉ các-bon bù trừ, vốn mang lại cơ hội giảm phát thải với chi phí thấp. Giới hạn sử dụng tín chỉ các-bon bù trừ là 4% đối với lượng phát thải năm 2021 và tăng lên 6% bắt đầu từ lượng phát thải năm 2026;
- Thành lập Dự trữ kiểm chế giá hạn ngạch (Dự trữ), cho phép các cơ sở tham gia được tiếp cận các hạn ngạch ở mức giá ấn định để giảm thiểu chi phí cao. 4% hạn ngạch được giữ trong Dự trữ;
- Tạo ra mức giá trần để đảm bảo hạn chế chi phí một cách hiệu quả đồng thời đạt được mức giảm phát thải KNK theo yêu cầu.

Khi cuộc đấu giá hàng quý dẫn đến giá thanh toán lớn hơn hoặc bằng 60% mức giá ở cấp Dự trữ thấp nhất, CARB sẽ đưa các hạn ngạch ra thị trường thông qua việc bán Dự trữ. CARB cũng sẽ cung cấp đợt bán Dự trữ hàng năm ngay trước thời hạn tuân thủ.

Trong giai đoạn tuân thủ 2021-2030, các hạn ngạch trong Dự trữ sẽ được cung cấp theo hai bậc. Theo mục 95913(h)(5) của Quy định ETS của California, giá hai bậc được ấn định

ở mức 41,40 USD và 53,20 USD vào năm 2021, với mức tăng 5% cộng với lạm phát mỗi năm.

Ngoài ra, mục 95913(f)(1)(A) của Quy định ETS của California cũng áp đặt mức giá trần là 65 USD cho mỗi hạn ngạch hoặc đơn vị các-bon trần giá, tăng 5% cộng với lạm phát mỗi năm. Việc bán trần giá xảy ra khi một cơ sở tuân thủ không có đủ đơn vị các-bon hợp lệ để tuân thủ trong tài khoản nắm giữ và tài khoản tuân thủ của mình, đồng thời không còn hạn ngạch nào trong Dự trữ, CARB có thể đề nghị bán trần giá hàng năm để cho phép các đơn vị được quyền chọn tham gia có thể mua những gì họ cần để đáp ứng nghĩa vụ tuân thủ đến hạn trong năm đó.

Liên kết với các ETS khác

Quy định ETS của California cung cấp các yêu cầu chung, thủ tục phê duyệt ETS bên ngoài và trao đổi các đơn vị các-bon với các ETS bên ngoài được liên kết.

Vào năm 2014, ETS California đã liên kết với ETS Quebec. Cả hai quốc gia đã ký Thỏa thuận về Hòa hòa và Tích hợp các Chương trình Hạn mức- và - Trao đổi để Giảm Phát thải KNK (Thỏa thuận Hòa hòa). Là một phần của mỗi liên kết này, Điều 6 của Thỏa thuận Hòa hòa nêu rõ rằng 'có sự công nhận lẫn nhau đối với các công cụ tuân thủ do cả hai khu vực pháp lý ban hành, cùng với các giao thức mua bán, đấu giá chung và bù trừ tín chỉ các-bon. Tương tự, là một phần của Thỏa thuận Hòa hòa, Điều 10 yêu cầu cả ETS California và ETS Quebec sử dụng chung hệ thống đăng ký và cơ quan quản lý hệ thống đăng ký cho ETS.

Cả hai đã liên kết với Ontario ETS vào tháng 1 năm 2018, sau đó Ontario ETS bị loại khỏi thị trường các-bon liên kết khi chính phủ Ontario dừng vận hành ETS của mình vào tháng 7 năm 2018.

Gần đây, Washington ETS đã có tín hiệu về dự định theo đuổi việc liên kết Washington ETS với California và Quebec ETS.

I.6.3.3. Thiết lập thể chế

California đã thiết lập một cơ cấu thể chế hỗ trợ để thực hiện AB 32 và Chương trình Thương mại phát thải đi kèm.

Ủy ban Tài nguyên Không khí California

CARB là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm giám sát và điều tiết các nguồn phát thải KNK nhằm giảm phát thải KNK (Luật các Giải pháp chống lại sự Nóng lên toàn cầu của California năm 2006, 2006). Ủy ban này chịu trách nhiệm chính trong việc phát triển và thực hiện chương trình biến đổi khí hậu tổng thể của bang (Shen và cộng sự, 2014). Do đó, việc thiết kế và triển khai Chương trình ETS của California thuộc trách nhiệm của CARB (ICAP, 2023a). CARB và Bộ Môi trường, Đấu tranh chống biến đổi khí hậu, và Bảo vệ động vật hoang dã và cảnh quan công viên của Québec (MELCCFP) chịu trách nhiệm tổ chức các cuộc đấu giá chung về hạn ngạch KNK. Ngoài ra, CARB cũng tổ chức bán các hạn ngạch từ Dự trữ kiểm chế giá hạn ngạch. Theo Luật Quốc hội (AB) 398, CARB phải báo cáo tiến

độ đạt được các mục tiêu giảm phát thải và rủi ro rò rỉ các-bon cũng như cập nhật và thực hiện kế hoạch xác định phạm vi ETS (AB 398, 2017b).

Western Climate Initiative/Initiative, Inc.

WCI quản lý Nền tảng đấu giá và hệ thống đăng ký Chương trình – CITSS. Tổ chức này cũng cung cấp hỗ trợ hành chính, dịch vụ hành chính tài chính cho các cuộc đấu giá và bán dự trữ, cũng như phân tích giám sát thị trường thông qua nhà thầu bên thứ ba.

Dịch vụ hệ thống theo dõi công cụ tuân thủ

CITSS là một hệ thống theo dõi và quản lý thị trường dành cho các tài khoản và công cụ tuân thủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai California ETS (CARB, nd). Các chức năng của CITSS bao gồm:

- Đăng ký cho các cơ sở và tổ chức tham gia Chương trình Giới hạn- và- Giao dịch của California;
- Theo dõi và ghi lại các công cụ tuân thủ (các hạn ngạch và tín chỉ các-bon bù trừ), bao gồm quyền sở hữu, chuyển giao và ngừng lưu hành để tuân thủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ phát thải;
- Hỗ trợ giám sát thị trường.

Tài khoản CITSS là bắt buộc để các cơ sở tham gia California ETS có thể tiến hành các hoạt động liên quan đến các công cụ tuân thủ (Ủy ban Tài nguyên Hàng không California, 2012).

Nền tảng đấu giá WCI, Inc.

Nền tảng đấu giá WCI, Inc. là một nền tảng điện tử nơi tiến hành các cuộc đấu giá và bán dự trữ hạn định KNK (WCI, Inc. và cộng sự, 2022; WCI, Inc. & CARB, 2023). Để tham gia đấu giá hoặc bán Dự trữ, một đơn vị phải có tài khoản CITSS được phê duyệt và hoàn thành đơn đăng ký đấu giá hoặc bán Dự trữ trên CITSS. Sau đó, đơn vị có thể truy cập Nền tảng đấu giá để đặt giá thầu trong một cuộc đấu giá/Bán dự trữ và truy xuất kết quả đấu giá/Bán dự trữ.

Nền tảng ICE, CME và Nodal Exchange

Nền tảng ICE, CME và Nodal Exchange là nền tảng giao dịch cho các hạn ngạch, tín chỉ các-bon bù trừ và các công cụ tài chính phái sinh trên thị trường thứ cấp (ICAP, 2023a).

Ủy ban cố vấn độc lập về thị trường phát thải

Ủy ban Cố vấn Độc lập về Thị trường Phát thải được thành lập theo AB 398, chịu trách nhiệm báo cáo cho cả hội đồng tiểu bang và Ủy ban Lập pháp Chung về Chính sách Biến đổi Khí hậu về hiệu quả kinh tế và môi trường của Chương trình Giao dịch Phát thải và các chính sách khí hậu liên quan khác (AB 398, 2017b). Ủy ban Cố vấn Độc lập về Thị trường cũng chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá các hoạt động liên quan đến các công cụ tuân thủ, như đấu giá, nắm giữ và chuyển giao hạn ngạch (Shen và cộng sự, 2014). Điều này nhằm ngăn chặn thao túng thị trường và thúc đẩy một sân chơi bình đẳng cho tất cả những đối tượng tham gia California ETS. Ngoài ra, chức năng của Ủy ban nhằm

đảm bảo thị trường hoạt động liền mạch về mặt quản trị, quy trình, thực tiễn và cấu trúc hệ thống.

Ban giám sát thị trường

Ban Giám sát thị trường là tổ chức giám sát thị trường độc lập được thành lập bởi các chuyên gia về kinh tế, thương mại và thị trường hàng hóa để hỗ trợ các hoạt động theo dõi và giám sát thị trường (Shen và cộng sự, 2014).

Lực lượng đặc nhiệm về giao thức tín chỉ các-bon đền bù tuân thủ

Lực lượng đặc nhiệm về giao thức tín chỉ các-bon đền bù tuân thủ do AB 398 thành lập, chịu trách nhiệm cung cấp hướng dẫn phê duyệt các giao thức tín chỉ các-bon đền bù mới nhằm tăng lợi ích trực tiếp cho môi trường trong tiểu bang, đồng thời ưu tiên các cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn, vùng đất của người Mỹ bản địa hoặc bộ lạc cũng như các vùng nông thôn và nông nghiệp (AB 398, 2017b).

Văn phòng phân tích lập pháp

Văn phòng phân tích lập pháp chịu trách nhiệm báo cáo về tác động và lợi ích kinh tế của các mục tiêu phát thải KNK (AB 398, 2017b). Mặc dù Văn phòng Phân tích Lập pháp không có vai trò cụ thể trong Chương trình Giới hạn- và- Giao dịch, nhưng các khuyến nghị của Văn phòng này được đánh giá cao do có kinh nghiệm tham gia lâu vào việc hoạch định chính sách của California, chuyên môn sâu rộng và mối quan hệ chặt chẽ với cơ quan lập pháp (Wang et cộng sự, 2022). Văn phòng Phân tích Lập pháp đã công bố một số báo cáo có ảnh hưởng về Chương trình Thương mại Phát thải, giúp định hình quá trình xây dựng và triển khai chương trình. Ví dụ, phân tích của Văn phòng này liên quan đến việc thừa cung hạn ngạch trong ETS, bao gồm: ước tính về quy mô của dư cung hạn ngạch cộng dồn; đánh giá tác động của việc cho phép các hạn ngạch dư thừa được tiếp tục sử dụng trong chương trình dau năm 2020; và đánh giá tác động của các tiếp cận thay thế để xử lý dư cung hạn ngạch⁹.

Quỹ giảm nhẹ KNK

Tất cả doanh thu từ việc bán đấu giá hoặc bán hạn ngạch sẽ được gửi vào Quỹ Giảm nhẹ KNK (AB 398, 2017b).

Các đối tượng tham gia thị trường

Những đối tượng tham gia thị trường bao gồm các cơ sở phải tham gia, các cơ sở được quyền chọn tham gia và các tổ chức liên kết tự nguyện (ICAP, 2023a). Các cơ sở phát thải hơn 25.000 tCO₂tđ mỗi năm đều phải tham gia California ETS, cùng với tất cả điện được nhập khẩu từ các nguồn cụ thể được kết nối với một cơ sở phát điện cụ thể có lượng phát thải trên 25.000 tCO₂tđ mỗi năm (Cơ quan Bảo vệ Môi trường Ca-li-pho-ni-a, 2015). Các

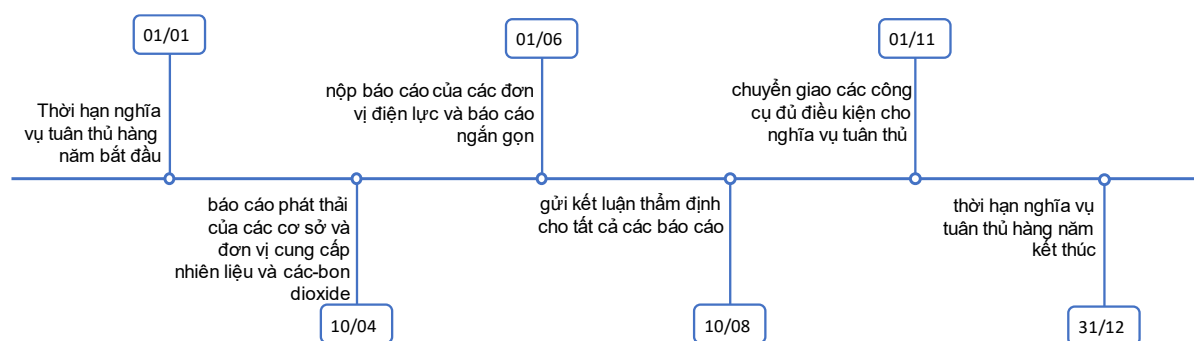
⁹Xem CARB, Tuyên bố lý do ban đầu: Đề xuất sửa đổi đối với mức trần phát thải KNK của California và Quy định về cơ chế tuân thủ dựa trên thị trường. D 10 (2018), https://ww2.arb.ca.gov/sites/default/files/barcu/regact/2018/capandtrade18/ct18398.pdf?_ga=2.55603309.73140785.1642018425-1158618940.1627694642 (trích thư từ LAO gửi AM Cristina Garcia (ngày 26 tháng 6 năm 2017), có tại <https://lao.ca.gov/letters/2017/Garcia-Giới hạn và Giao dịch-062617.pdf>).

cơ sở phát thải ít hơn 25.000 MtCO₂đ hàng năm có thể chọn tự nguyện tham gia chương trình.

Như đã đề cập ở trên, việc đăng ký với CARB thông qua CITSS là bắt buộc đối với tất cả các cơ sở tham gia California ETS. Các yêu cầu tuân thủ đối với các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS được trình bày chi tiết trong quy định ETS của California và bao gồm các yêu cầu chính sau (Quy định về mức trần phát thải KNK của California và Cơ chế tuân thủ dựa trên thị trường, 2019) :

- Báo cáo và thẩm định phát thải KNK theo Quy định CARB về báo cáo phát thải KNK bắt buộc;
- Giao nộp các công cụ tuân thủ hợp lệ để thực hiện nghĩa vụ tuân thủ của cơ sở tham gia;
- Lưu hồ sơ đối với tất cả dữ liệu và tài liệu về các yêu cầu tuân thủ, như dữ liệu để tính toán nghĩa vụ tuân thủ, dữ liệu phát thải, báo cáo xác minh dữ liệu sản phẩm, và các báo cáo thẩm định chi tiết.

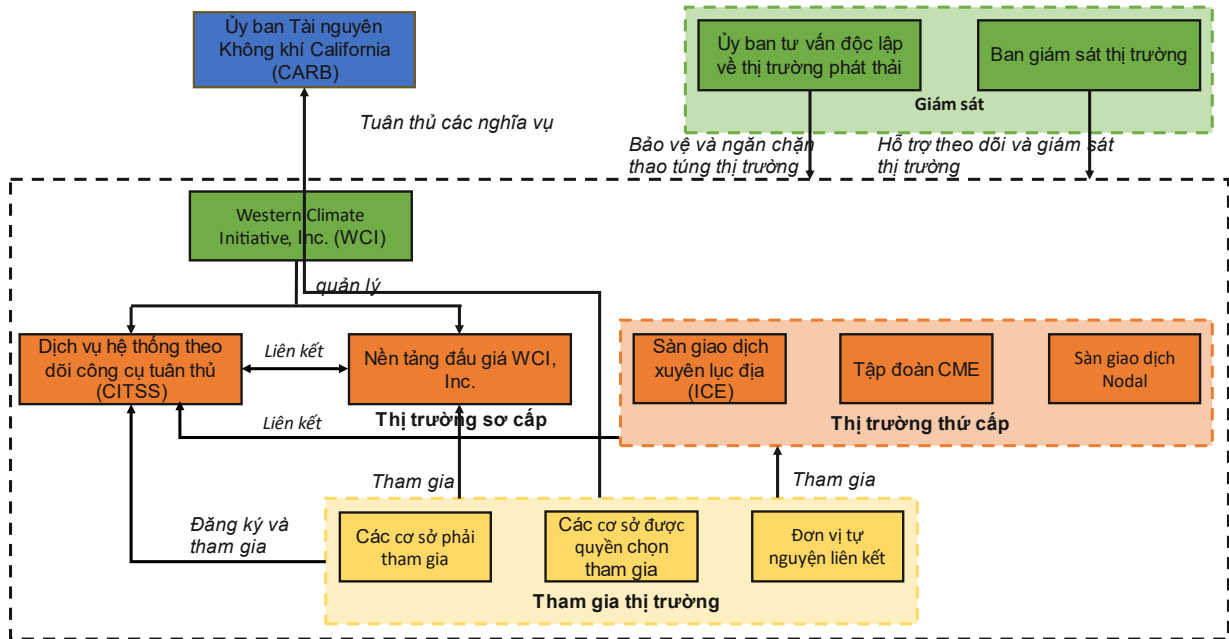
Các ngày quan trọng đối với nghĩa vụ tuân thủ được trình bày trong hình dưới đây.



Hình 21: Thời hạn nghĩa vụ tuân thủ đối với các cơ sở tham gia ETS California

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Ủy ban Tài nguyên Không khí California (2023a, 2023c)

Sự tổ chức thể chế cho ETS California được tóm tắt trong hình dưới đây.



Hình 22: Tổ chức thể chế cho ETS California

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

1.6.3.4. Cơ sở hạ tầng

Các giao dịch tín chỉ các-bon của California được thực hiện thông qua CITSS. Hệ thống này hoạt động như một nền tảng quản lý và theo dõi toàn diện đối với các tài khoản và công cụ tuân thủ được ban hành trong các Chương trình Giới hạn- và- Giao dịch tham gia vào WCI. CITSS giám sát tỉ mỉ các công cụ tuân thủ - như hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon bù trừ - từ khi được cơ quan chính phủ có thẩm quyền ban hành cho đến quyền sở hữu, chuyển giao giữa các cơ sở phát thải KNK được quản lý, các cơ sở tham gia tự nguyện và các đối tượng tham gia thị trường nói chung, cho đến khi các công cụ này ngừng lưu hành để đáp ứng nghĩa vụ tuân thủ cuối cùng. Mục tiêu chính của CITSS là tổ chức và thực hiện hiệu quả việc tham gia Chương trình Hạn mức- và- Trao đổi cho tất cả các bên liên quan, bao gồm các đối tượng tham gia chương trình, các cán bộ quản lý lý và bất kỳ nhà thầu nào tham gia thực hiện Chương trình Giới hạn- và- Giao dịch trong phạm vi quyền hạn tham gia.

CITSS thực hiện chức năng quan trọng là theo dõi các giao dịch của các công cụ tuân thủ trong và giữa các tài khoản của các đơn vị. Để thực hiện việc này, mỗi đơn vị trong CITSS được chỉ định các tài khoản cụ thể dựa trên loại hình hoặc tổ chức của nó. Có bốn loại tài khoản trong CITSS: Tài khoản chung (được gọi là Tài khoản nắm giữ trong Quy định), Tài khoản nắm giữ sử dụng hạn chế, Tài khoản tuân thủ và Tài khoản nắm giữ thanh toán bù trừ trao đổi. Chi tiết về từng loại tài khoản được nêu trong bảng dưới đây.

Bảng 5: Các loại tài khoản tổ chức trong CITSS

Stt	Loại tài khoản	Mô tả
1	Tài khoản chung (Tài khoản nắm giữ)	Được chỉ định cho tất cả các cơ sở (ngoại trừ các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ), tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch thường xuyên của các công cụ tuân thủ giữa các cơ sở. Việc phân bổ hạn ngạch miễn phí cho các cơ sở công nghiệp thường được thực hiện trong loại tài khoản này.
2	Tài khoản tuân thủ	Dành riêng cho các Cơ sở tham gia và các Cơ sở tự lựa chọn tham gia, chỉ được sử dụng để giao nộp các công cụ tuân thủ cho Bang California nhằm đáp ứng các nghĩa vụ của Chương trình Giới hạn- và- Giao dịch.
3	Tài khoản nắm giữ sử dụng hạn chế	Được cấp cho các Cơ sở Tiềm ích Phân phối Điện (EDU) theo Quy định. Việc phân bổ các hạn ngạch miễn phí được đặt ở đây, được ký gửi vào Tài khoản Đấu giá California theo các điều kiện cụ thể.
4	Tài khoản nắm giữ thanh toán bù trừ trao đổi	Cung cấp cho các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ hối đoái trong Chương trình Giới hạn- và- Giao dịch. Các tổ chức này tạm thời nắm giữ các công cụ tuân thủ để tạo thuận lợi cho giao dịch giữa hai đơn vị đã đăng

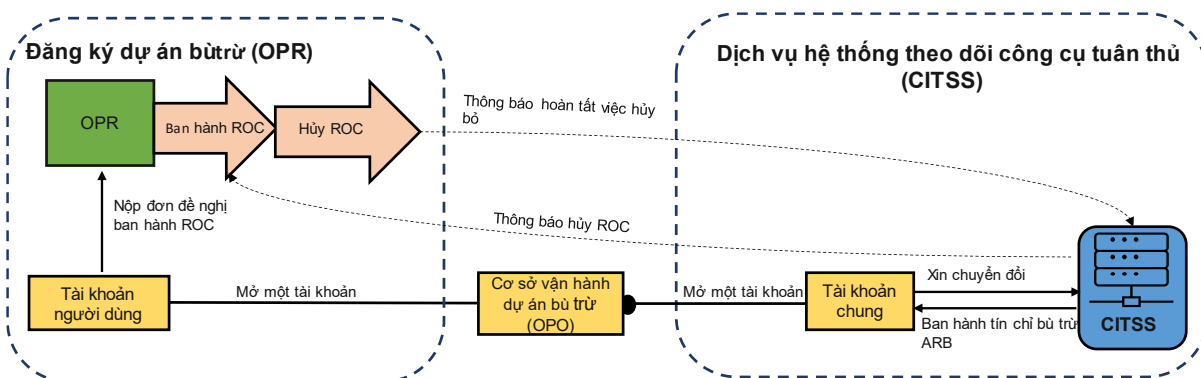
		ký. Phải là tổ chức thanh toán bù trừ phái sinh đã đăng ký.
--	--	-------------------------------------------------------------

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên CARB (2017)

Các thành phần quan trọng của cơ sở hạ tầng CTX cho California ETS bao gồm: (i) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ; (ii) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá; và (iii) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp.

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ

Để tuân thủ khung chương trình bù trừ, cơ sở vận hành dự án bù trừ (OPO) phải thiết lập một tài khoản trong hệ thống đăng ký dự án bù trừ (OPR) được CARB phê duyệt. Trong khuôn khổ này, OPO gửi thông tin niêm yết về dự án bù trừ tuân thủ cho OPR. Sau khi gửi, OPR sẽ xem xét chi tiết dự án và quyết định việc cấp tín chỉ bù trừ đăng ký (ROC). Sau khi có thông báo về việc ban hành ROC, OPO đệ trình báo cáo và tài liệu thẩm định cho CARB thông qua CITSS. Sau đó, CARB tiến hành xem xét và thông báo cho OPR hủy các ROC cụ thể được chỉ định để phát hành dưới dạng tín chỉ bù trừ ARB. Sau đó, OPR sẽ nhanh chóng hủy ROC và thông báo việc hủy bỏ đó cho CARB ngay lập tức. Sau khi CARB nhận được xác nhận từ OPR về việc hủy tín chỉ các-bon, CARB sẽ bắt đầu ban hành tín chỉ bù trừ ARB trong CITSS. Các tín chỉ này sau đó sẽ được chuyển vào tài khoản nắm giữ của bên tham gia tương ứng để hoàn tất quy trình (Dự trữ hành động vì khí hậu, nd). Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 23: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ ở California ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Dự trữ hành động vì khí hậu (nd)

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá

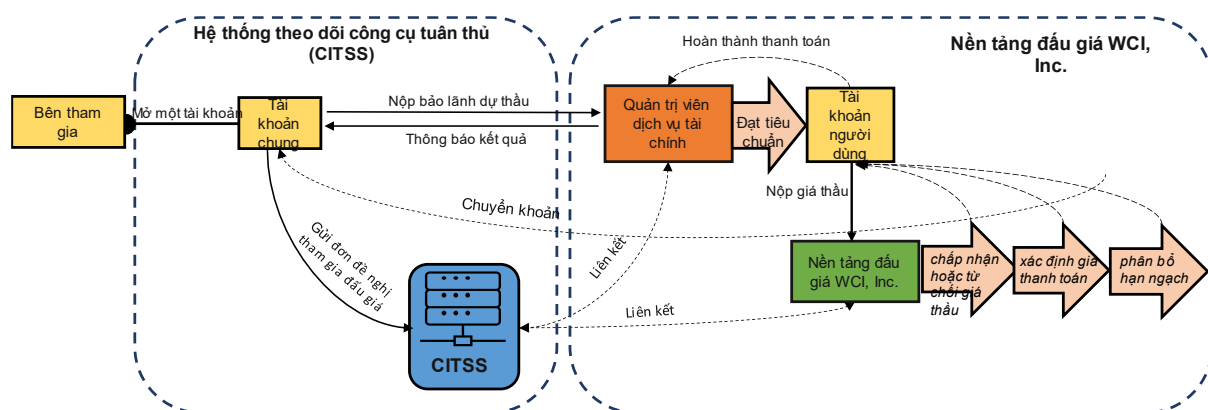
Đấu giá được thực hiện thông qua nền tảng WCI, Inc. Để tham gia đấu giá, bên tham gia phải có Tài khoản nắm giữ chung CITSS đang hoạt động mà không có bất kỳ sự đình chỉ hoặc thu hồi nào (Emily Wimberger, 2019). Hơn nữa, đại diện tài khoản của một cơ sở trong CITSS phải có tài khoản Nền tảng đấu giá đang hoạt động trước khi tham gia vào bất kỳ hoạt động đấu giá nào. Người đại diện được chỉ định của cơ sở có trách nhiệm điền và nộp đơn đăng ký đấu giá của cơ sở trong CITSS.

Sau khi đơn đăng ký đấu giá được gửi, bên đăng ký phải cung cấp bảo đảm giá thầu trực tiếp cho Quản trị viên Dịch vụ Tài chính (FSA) trước thời hạn quy định. Sau đó, FSA xem

xét và đánh giá các đơn đăng ký này, phê duyệt hoặc từ chối để các cơ sở này tham gia đấu giá. Những cơ sở nộp đơn được phê duyệt đáp ứng đủ điều kiện sẽ có quyền truy cập để tiến hành đấu giá thông qua nền tảng WCI.

Đại diện của các cơ sở đấu giá đủ điều kiện gửi giá thầu của mình trong Nền tảng đấu giá. Quá trình xác định giá thanh toán được quản lý bởi Quản trị viên đấu giá, người này xếp hạng các giá thầu đủ điều kiện từ cao nhất đến thấp nhất. Các hạn ngạch được cấp cho những bên tham gia bắt đầu từ giá thầu đủ điều kiện cao nhất và dần dần chuyển sang giá thầu đủ điều kiện thấp hơn cho đến khi tất cả các hạn ngạch sẵn có được phân bổ hoặc tất cả các giá thầu đủ điều kiện được đáp ứng. Sau khi chứng nhận sự kiện đấu giá, các nhà thầu đủ điều kiện sẽ kết thúc quy trình quyết toán tài chính với FSA đối với tất cả các hạn ngạch được trao (WCI, Inc., nd).

Sau khi hoàn tất việc quyết toán tài chính và phân bổ số tiền bán đấu giá, hạn ngạch từ tài khoản sàn đấu giá sẽ được chuyển vào tài khoản của những bên đấu giá thành công. Các hạn ngạch này sau đó sẽ được chuyển từ tài khoản nền tảng đấu giá sang tài khoản nắm giữ của bên tham gia trong CITSS (CARB, 2023). Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc đấu giá hạn ngạch được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 24: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá hạn ngạch ở California ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên WCI, Inc. (nd)

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp

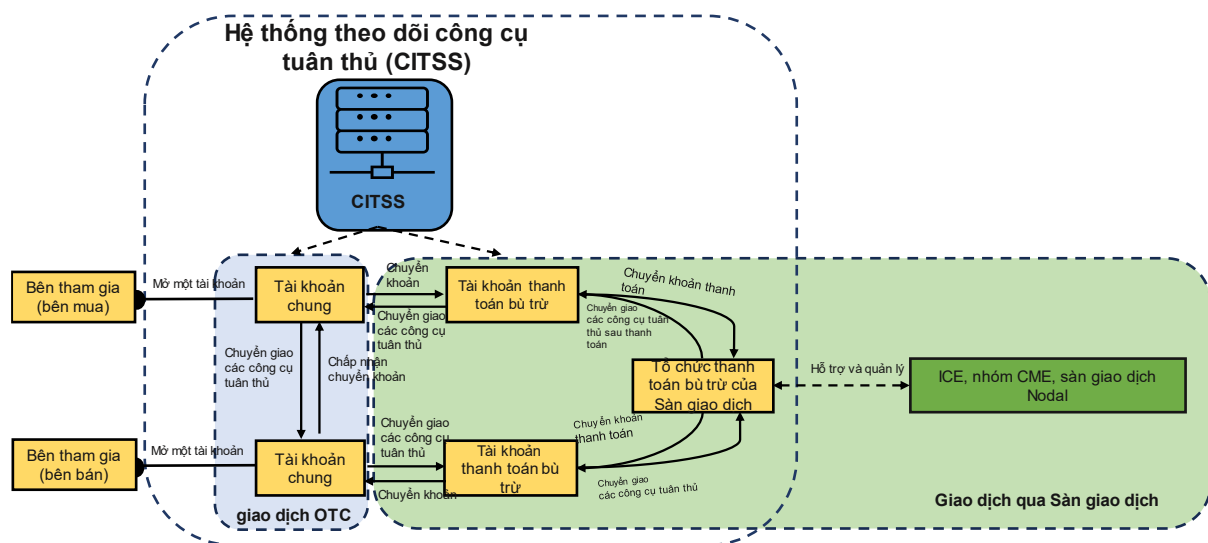
Các bên tham gia cũng có thể mua hoặc bán các công cụ tuân thủ với nhau thông qua thị trường thứ cấp. Tất cả các giao dịch trên thị trường thứ cấp đều được đăng ký với CITSS. Giao dịch trên thị trường thứ cấp có thể thực hiện trên sàn giao dịch bao gồm các nền tảng ICE, CME và Nodal Exchange hoặc OTC (ICAP, nd-d).

Đối với giao dịch OTC, bên bán phải truy cập Tài khoản nắm giữ của họ trong CITSS và gửi yêu cầu chuyển giao đối với các công cụ tuân thủ. Sau đó, bên mua cần chấp nhận chuyển giao này từ bên bán để kết thúc giao dịch.

Về giao dịch trên sàn giao dịch, bên bán bắt đầu quy trình bằng cách chuyển các công cụ tuân thủ sang Tài khoản nắm giữ thanh toán bù trừ đã chọn của họ. Sau đó, Tài khoản nắm giữ thanh toán bù trừ sẽ chuyển các công cụ tuân thủ đến Tổ chức thanh toán bù trừ của Sàn giao dịch. Đồng thời, bên mua đặt cọc hoặc chuyển khoản toàn bộ số tiền

tương ứng với giá trị sản phẩm vào Tài khoản nắm giữ bù trừ đã chọn. Sau đó, Tài khoản thanh toán bù trừ của bên mua phải chuyển khoản thanh toán vào tài khoản ngân hàng của Tổ chức thanh toán bù trừ được chỉ định. Tiếp theo, Tổ chức thanh toán bù trừ của Sàn giao dịch sẽ thực hiện quá trình thanh toán bù trừ và thanh toán. Tổ chức này sẽ bắt đầu chuyển khoản hạn ngạch sang Tài khoản nắm giữ bù trừ của bên mua và giải ngân khoản thanh toán vào Tài khoản nắm giữ bù trừ của bên bán. Cuối cùng, các hạn ngạch và thanh toán sẽ được chuyển đến tài khoản tương ứng của bên mua và bên bán (CME Group, nd).

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp được minh họa trong hình dưới đây.

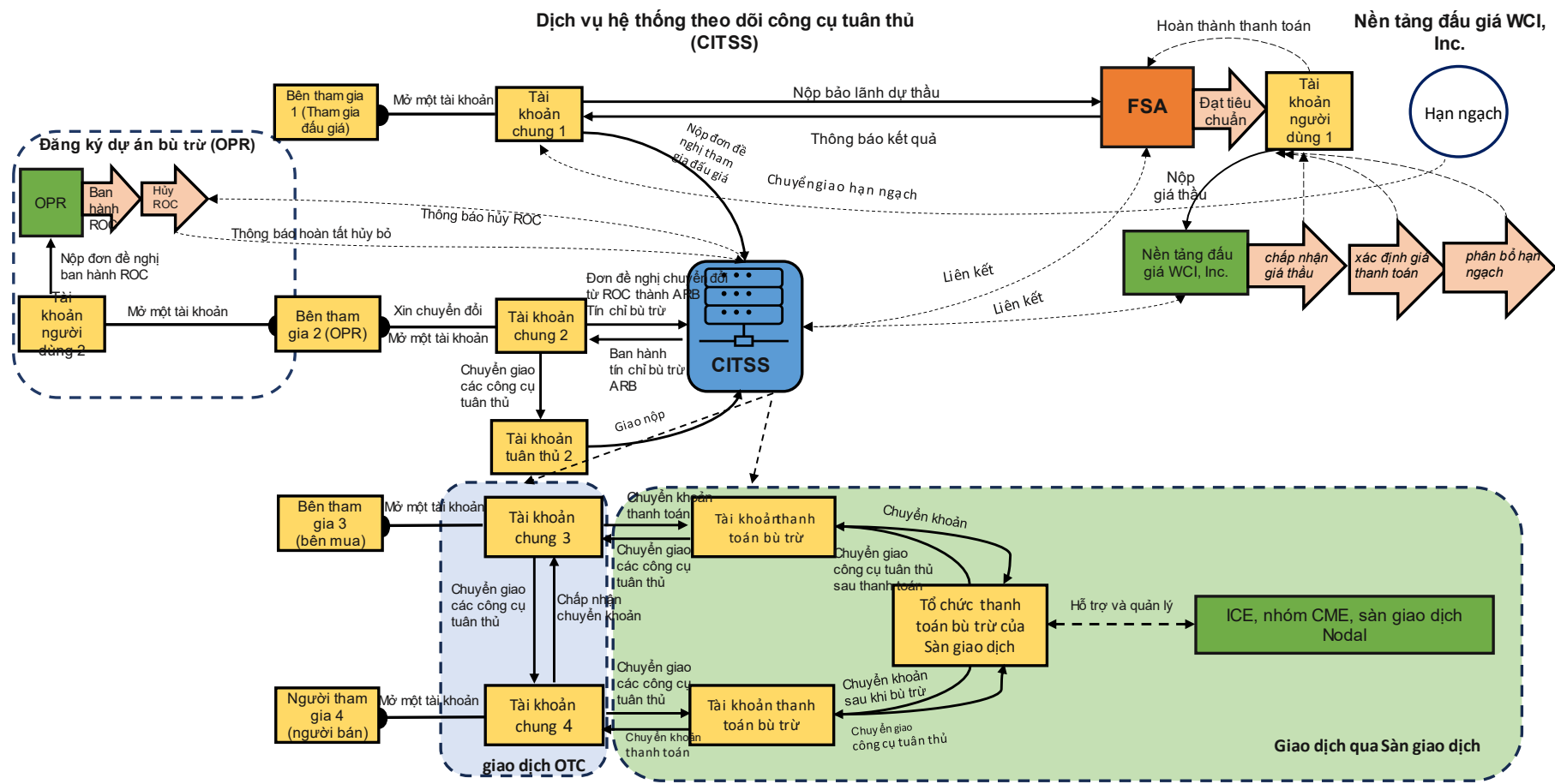


Hình 25: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp ở California ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên CME Group (nd)

Ngoài ba thành phần được đề cập, các Cơ sở phải tham gia và các Cơ sở tự chọn tham gia sẽ cung cấp các công cụ tuần thủ thông qua Tài khoản tuần thủ của họ để thực hiện các nghĩa vụ của Chương trình Giới hạn- và- Giao dịch.

Hình dưới đây thể hiện tóm tắt đầy đủ về cơ sở hạ tầng cần thiết cho CTX trong ETS California.



Hình 26: Cơ sở hạ tầng tổng thể cho CTX trong California ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

I.6.3.5. Các thách thức trong quá trình thực hiện và giải pháp

Trong khi ETS là một công cụ quan trọng để California đạt được các mục tiêu phát thải KNK của mình, ETS này được coi là không đủ mạnh để thúc đẩy giảm phát thải tăng thêm nhằm đạt được các mục tiêu giảm phát thải KNK của bang đến năm 2030 do các thách thức sau đây:

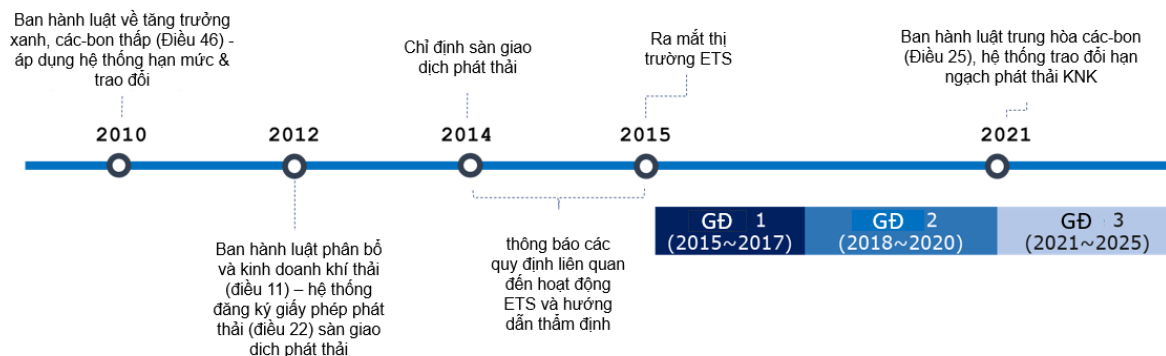
- Tích lũy quá nhiều hạn ngạch: Các cơ sở tham gia và các nhà đầu tư bên ngoài đã tích lũy một lượng đáng kể hạn ngạch không sử dụng đến để sử dụng trong tương lai. Do vậy, các cơ sở này sẽ có hạn ngạch tích lũy nhiều hơn mức cần thiết để tuân thủ các yêu cầu của chương trình ngay cả khi họ tiếp tục phát thải vượt quá giới hạn phát thải (LAO, 2023);
- Tính toàn vẹn môi trường của tín chỉ bù trừ: Tín chỉ bù trừ các cách thức rẻ nhất để đạt được giảm phát thải KNK theo yêu cầu trong ETS. Để đáp ứng yêu cầu về giảm phát thải KNK, nhiều cơ sở phát thải lớn chỉ cần mua tín chỉ bù trừ và phần lớn tín chỉ bù trừ này (76%) đến từ bên ngoài California (CEJA, 2017).
- Sử dụng nguồn thu từ đấu giá: Năm 2017, Phòng Thương mại California và các tổ chức khác đã quan ngại về tính hợp hiến của việc CARB bán đấu giá hạn ngạch. Họ cũng cho rằng bang đã không sử dụng đúng đắn ngân sách từ đấu giá để hỗ trợ các chương trình thiếu sự kết nối với phát thải KNK của các cơ sở tham gia ETS (Jonesday, 2017)

Để giải quyết các thách thức này, CARB đã xem xét điều chỉnh giảm hạn mức phát thải để phù hợp với mục tiêu KNK vào năm 2045 của bang. Ủy ban này cũng đặt quy định hạn chế sử dụng tín chỉ bù trừ ở mức không quá 4% nghĩa vụ tuân thủ từ giai đoạn 2021-2025 và yêu cầu ít nhất một nửa tín chỉ bù trừ hợp lệ của chương trình phải từ các dự án cung cấp lợi ích môi trường trực tiếp cho California. Quy định của bang cũng thiết lập Quỹ Giảm phát thải Khí nhà kính (GGRF) để đảm bảo nguồn thu từ bán đấu giá sẽ được sử dụng cho các công đồng dễ tổn thương nhất trước các tác động có hại của môi trường ở California (LAO, 2023) (CCCI, 2022).

I.6.4. ETS Hàn Quốc

I.6.4.1. Tổng quan về ETS Hàn Quốc

Hàn Quốc đã giới thiệu Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải Hàn Quốc (K-ETS) vào năm 2015 như một phần trong nỗ lực giảm phát thải KNK và đạt được các mục tiêu về biến đổi khí hậu. Chính phủ Hàn Quốc lựa chọn triển khai ETS vì đây là cơ chế dựa trên thị trường và có lợi hơn cho nền kinh tế vì nó cho phép thị trường xác định giá các-bon, phân bổ nguồn lực hiệu quả và giảm thiểu tác động ban đầu của việc định giá các-bon đối với doanh nghiệp và người tiêu dùng.



Hình 27: Tiến độ triển khai K-ETS

Nguồn: Sàn giao dịch Hàn Quốc (2021)

Sau khi Nghị định thư Kyoto có hiệu lực vào tháng 2 năm 2005, quốc gia này đã giới thiệu hệ thống giới hạn- và- thương mại thông qua Luật khung về tăng trưởng xanh (Luật tăng trưởng xanh) được ban hành vào tháng 1 năm 2010. Năm 2012, Luật về phân bổ và kinh doanh Giấy phép phát thải KNK, hay còn gọi là Luật buôn bán phát thải, và sắc lệnh thực thi đã được ban hành.

Từ năm 2012, tất cả các cơ sở phát thải hơn 15.000 tCO₂tđ (50.000 tCO₂tđ đối với các công ty) đều phải nộp báo cáo phát thải hàng năm cho các bộ tương ứng để theo dõi phát thải. Các báo cáo phát thải này được lưu lại trong hệ thống kiểm kê KNK quốc gia.

Sau đó, chính phủ đã chỉ định Sàn giao dịch Hàn Quốc làm sàn giao dịch phát thải và các quy định liên quan đến mua bán phát thải như quy định vận hành thị trường đã được công bố trong cùng năm.

Thị trường giao dịch khí thải được ra mắt thông qua Sàn giao dịch Hàn Quốc vào tháng 1 năm 2015, đánh dấu sự khởi đầu giai đoạn đầu tiên của ETS. Giai đoạn đầu tiên được thực hiện từ năm 2015 đến năm 2017 và giai đoạn thứ hai được vận hành từ năm 2018 đến năm 2020. Giai đoạn thứ ba, bao gồm các năm 2021 đến 2025, hiện đang được tiến hành.

Trong giai đoạn 3, “Luật khung về tăng trưởng xanh” hiện tại đã bị bãi bỏ và “Luật khung về trung hòa các-bon và tăng trưởng xanh (Luật khung về trung hòa các-bon)” đã được ban hành mới để ứng phó với khủng hoảng khí hậu.

1.6.4.2. Cơ sở pháp lý

Chính phủ, thông qua Luật Tăng trưởng Xanh, đã thiết lập ba hệ thống đăng ký để hỗ trợ thực hiện K-ETS: Hệ thống quản lý KNK quốc gia (NGMS), Hệ thống đăng ký quyền phát thải (ETRS) và Hệ thống đăng ký bù trừ (ORS).

Theo luật, Bộ Môi trường có nhiệm vụ thiết lập và vận hành Hệ thống quản lý KNK quốc gia để phát triển, phân tích, xác minh, chuẩn bị và quản lý các thông tin và số liệu thống kê khác nhau liên quan đến KNK. Do đó, Trung tâm nghiên cứu và kiểm kê KNK (GIR) được thành lập trực thuộc Bộ Môi trường (Điều 36 (1) của Luật khung về trung hòa các-bon và tăng trưởng xanh để ứng phó với khủng hoảng khí hậu) để phân bổ giấy phép phát thải và theo dõi việc tuân thủ.

Văn bản pháp lý chỉ định Sàn trao đổi hạn ngạch phát thải

Điều 34 (1-2) của Nghị định thi hành Luật Kinh doanh khí thải ban hành vào tháng 5 năm 2012 đã chỉ đạo Bộ trưởng Bộ Môi trường thành lập sàn trao đổi giấy phép phát thải có tham vấn với thủ trưởng các cơ quan hành chính trung ương có liên quan hoặc chỉ định một sàn trao đổi giấy phép phát thải sau khi nhận được đơn đề nghị cung cấp dịch vụ từ một tổ chức. Các thủ tục cần thiết để chỉ định hoặc thành lập sàn, giám sát, môi giới giao dịch giấy phép phát thải được quy định trong Nghị định của Tổng thống (Điều 22 (4) của Luật Kinh doanh Khí thải).



Hình 28: Quy trình chỉ định Sàn giao dịch phát thải trong K-ETS

Nguồn: Bộ Môi trường Hàn Quốc (2014)

Quá trình chỉ định sàn giao dịch thương mại các-bon Hàn Quốc được thực hiện một cách toàn diện và minh bạch từ năm 2013 đến năm 2014, đảm bảo lựa chọn ra sàn giao dịch đủ điều kiện nhất.

Quá trình chỉ định bắt đầu bằng một loạt diễn đàn chuyên gia từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2013. Những diễn đàn này được tổ chức để thu thập ý kiến đóng góp từ các chuyên gia tư nhân và các bên liên quan trong các lĩnh vực liên quan. Trong tháng 7 và tháng 8 năm 2013, Chính phủ đã tham vấn các bộ liên quan về quy trình chỉ định và tiêu chuẩn đánh giá. Vào tháng 9 năm 2013, chính phủ đã công bố các tiêu chuẩn đánh giá cho quá trình chỉ định.

Một tổ chức có đủ điều kiện để nộp hồ sơ ứng tuyển nếu có kinh nghiệm vận hành hệ thống thanh toán bù trừ trong hơn một năm và đảm bảo được mức độ nhân lực chuyên nghiệp nhất định cho các công việc liên quan. Quy trình đánh giá bao gồm: (i) Tiếp nhận hồ sơ; (ii) Thành lập Ban tư vấn đánh giá và thẩm định hồ sơ; (iii) Tham vấn các bộ liên quan (chuẩn bị 'Báo cáo Đánh giá Chỉ định Sàn giao dịch (dự thảo)'); (iv) Ủy ban tăng trưởng xanh cân nhắc thông qua; (v) Thông báo về chỉ định cuối cùng.

Hai tổ chức, Korea Exchange (KRX) và Korea Power Exchange, đã nộp đơn. Vào tháng 11 năm 2013, chính phủ đã thành lập Ủy ban Tư vấn Đánh giá để tiến hành đánh giá kỹ thuật đối với hai ứng viên. Ủy ban Tư vấn Đánh giá gồm 11 chuyên gia, trong đó có các quan chức cấp cao của các cơ quan Chính phủ và các chuyên gia được các bộ ngành giới thiệu.

Vào tháng 11-tháng 12 năm 2013, chính phủ đã chuẩn bị dự thảo đánh giá chỉ định sàn giao dịch có tham vấn với các bộ liên quan. Vào tháng 1 năm 2014, Ủy ban Tăng trưởng Xanh đã cân nhắc về dự thảo và hoàn thiện việc chỉ định. KRX được chỉ định là sàn giao dịch các-bon của Hàn Quốc vào ngày 15 tháng 1 năm 2014.

Bảng 6: Tiêu chí đánh giá sàn giao dịch phát thải và phân bổ điểm

Tiêu chí đánh giá		Điểm
Tổng cộng		100
A. Tính ổn định của giao dịch	1. Tổng phụ	50
	2. Xây dựng và vận hành hệ thống	15
	3. Hoạt động giao dịch ổn định	15
	4. Khả năng điều tra các hành vi gây rối loạn trật tự thị trường	10
	5. Tổ chức, vận hành hợp lý và tích lũy kinh nghiệm tương tự	10
B. Kích hoạt thị trường	Tổng phụ	20
	1. Tham gia giao dịch dễ dàng và mức độ dịch vụ khách hàng	15
	2. Khả năng liên kết với thị trường các-bon quốc tế	5
C. Giảm thiểu chi phí kích hoạt thị trường	Mức chi phí cố định, thả nổi và chi phí vận hành	20
D. Năng lực thực thi chính sách	Hiểu biết và khả năng thực hiện các chính sách liên quan	10

Nguồn: Bộ Môi trường Hàn Quốc (2014)

Hàng hóa được giao dịch trên K-ETS

Các cơ sở phát thải có thể xin giấy phép phát thải thông qua nhiều cách khác nhau, bao gồm mua trên thị trường, nhận miễn phí từ chính phủ hoặc tạo ra từ các dự án bù trừ.

K-ETS sử dụng thời hạn giao dịch giấy phép phát thải linh hoạt, phù hợp với loại giấy phép cụ thể, để đảm bảo các cơ sở phát thải có nhiều thời gian để tuân thủ nghĩa vụ của mình.

Hạn ngạch định mức phát thải được gọi là Đơn vị Hạn ngạch Hàn Quốc (KAU) có thể được giao dịch từ đầu năm tuân thủ cho đến tháng 8 năm sau. Các KAU của năm cũ trước đó có thể được giao dịch kể từ ngày niêm yết cho đến thời hạn năm được chỉ định. Tín chỉ từ các dự án bù trừ được gọi là Tín chỉ bù trừ Hàn Quốc (KOC) có thể được giao dịch kể từ ngày phát hành dưới dạng KOC và có hiệu lực trong hai năm (dự kiến thay đổi từ 2 năm thành 5 năm trong kế hoạch phân bổ được công bố vào tháng 10 năm 2023). Các loại tín chỉ có thể giao dịch khác là Đơn vị tín chỉ Hàn Quốc (KCU) là các tín chỉ bù trừ được tạo ra từ cơ chế tín chỉ bù trừ trong nước của Hàn Quốc và các tín chỉ được chuyển đổi từ KOC, và loại tín chỉ bù trừ quốc tế được gọi là i-KCU và i-KOC.

Một mặt, Bộ Môi trường phân bổ KAU cho các đơn vị được điều chỉnh dựa trên phương pháp phân bổ được quy định trong Luật ETS. Mặt khác, tín chỉ KCU và KOC có thể đạt được thông qua việc thực hiện các hoạt động giảm phát thải KNK. KAU, KCU và KOC được coi là hàng hóa và là tài sản ràng buộc về mặt pháp lý có thể được sở hữu, chuyển nhượng và giao dịch. Tuy nhiên, luật cũng cho phép Bộ Môi trường thu hồi toàn bộ hoặc một số giấy phép được cấp tự do trong một số điều kiện nhất định như giảm kế hoạch phân bổ, đóng cửa hoặc đình chỉ các cơ sở hoặc nếu giấy phép được cấp thông qua các hoạt động gian lận hoặc bằng các biện pháp bất hợp pháp.

Chính phủ Hàn Quốc đang trong quá trình mở rộng sự tham gia thị trường tới nhiều tổ chức tài chính và nhà đầu tư bán lẻ hơn, giới thiệu thị trường tương lai và đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng giao dịch khí thải, bao gồm Ghi chú được trao đổi (ETN) và Quỹ hoán đổi danh mục (ETF), để khuyến khích đầu tư tư nhân gián tiếp, giảm bớt biến động giá cả và tăng cường quản lý rủi ro. Chính phủ có kế hoạch thực hiện ba nhiệm vụ chính từ năm 2024 đến năm 2025 để chuẩn bị cho việc ra mắt thị trường tương lai và các sản phẩm đa dạng cho tín dụng trao đổi hạn ngạch phát thải: cải thiện các chỉ số đánh giá rủi ro, thiết lập hệ thống giám sát thương mại và tiến hành đào tạo sơ bộ về giao dịch ký gửi.

Hoạt động của thị trường phát thải

K-ETS được thiết kế để dần dần chuyển từ việc tập trung vào thiết lập hệ thống và tích lũy kinh nghiệm trong Giai đoạn 1 sang nhấn mạnh vào việc tăng cường giảm phát thải của các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Giai đoạn 2. Để đạt được điều này, chính phủ đã phân bổ miễn phí tất cả hạn ngạch trong Giai đoạn 1, chỉ áp dụng định mức phát thải để phân bổ hạn ngạch cho một số tiểu ngành nhất định và đưa ra các cơ chế linh hoạt như tích lũy để dùng sau, vay mượn và bù trừ. Trong Giai đoạn 2, chính phủ đưa ra các hạn chế chặt chẽ hơn đối với việc tích lũy để dùng sau và thực hiện các biện pháp kích hoạt thị trường thông qua việc giới thiệu các nhà tạo lập thị trường để giải quyết các vấn đề như mất cân đối cung cầu hạn ngạch.

Bảng 7: Hoạt động K-ETS

Giai đoạn 1 (2015-2017)	Giai đoạn 2 (2018-2021)	Giai đoạn 3 (2021-2025)
<ul style="list-style-type: none"> Phân bổ miễn phí 100% Phân bổ theo định mức phát thải: các ngành công nghiệp (hàng không, lọc dầu, xi măng) Phân bổ theo đơn vị cơ sở Tăng hạn mức vay mượn (10-15%) 	<ul style="list-style-type: none"> 3% phân bổ trả phí (25 ngành) Phân bổ theo định mức phát thải: 7 ngành công nghiệp (bổ sung năng lượng phát điện, cụm công nghiệp, năng lượng tích hợp, chất thải) Phân bổ theo đơn vị cơ sở Giới thiệu các nhà tạo lập thị trường Giới thiệu các hạn chế chuyển tiếp hạng ngạch sang năm sau 	<ul style="list-style-type: none"> 10% phân bổ trả phí (41 ngành) Phân bổ theo định mức phát thải: 12 ngành công nghiệp (thép, hóa dầu, gỗ, giấy, xây dựng) Phân bổ theo địa điểm kinh doanh Mở rộng nhà tạo lập thị trường (7 công ty) Sự tham gia thị trường của bên thứ ba (công ty chứng khoán)

Nguồn: Tập đoàn Môi trường Hàn Quốc (2021)

Kế hoạch tổng thể ETS cho Giai đoạn 3 của chính phủ Hàn Quốc, được công bố vào tháng 12 năm 2019, vạch ra chiến lược toàn diện để đạt được NDC của Hàn Quốc bằng cách phát triển hơn nữa các phương pháp phân bổ, khuyến khích giảm đáng kể lượng phát thải KNK và mở rộng chức năng thị trường. Kế hoạch phân bổ ETS Giai đoạn 3, được công bố vào tháng 9 năm 2020, cung cấp các biện pháp cụ thể để thực hiện các chiến lược này.

Tất cả các sản phẩm ETS có thể được giao dịch trên thị trường KRX và OTC. Giao dịch OTC là phương thức giao dịch không diễn ra trên sàn giao dịch có tổ chức mà có nhiều hình thức khác nhau từ giao dịch song phương thông qua các cấu trúc cố định như mạng lưới môi giới.

Bảng 8: Phương thức giao dịch K-ETS (Thông thường/Đấu giá/OTC)

Giao dịch trong KRX		Giao dịch bên ngoài KRX
Giao dịch Đàm phán/Song phương/ theo lô	Đấu giá (phân bổ trả phí)	Giao dịch OTC
<ul style="list-style-type: none"> Phát thải * và chứng chỉ vận hành ** được giao dịch thông qua hệ thống giao dịch của KRX (hệ thống gửi báo giá) * KAU, KCU, ** KOC * Tùy thuộc vào phương thức giao dịch, mà giao dịch phát thải được phân loại thành giao dịch cạnh tranh hoặc giao dịch đàm phán 	<ul style="list-style-type: none"> Đấu giá KAU thông qua KRX (hệ thống gửi báo giá (đấu giá)) * Đấu giá mỗi tháng một lần, vào thứ Tư thứ 2 Chiếm 15% tổng khối lượng giao dịch (từ 01/01/2015 – 31/12/2022) 	<ul style="list-style-type: none"> Phương thức giao dịch thông qua tham vấn giữa các bên giao dịch mà không sử dụng sàn giao dịch phát thải * Không giới hạn giá/khối lượng giao dịch Không tác động trực tiếp đến giá thị trường Yêu cầu nộp báo cáo giao dịch OTC (->ETRS)

<p>** Chiếm 33% tổng khối lượng giao dịch (tại thời điểm 01/01/2015 - 31/12/2022)</p> <p>• Đối tượng tham gia: Các công ty có nghĩa vụ ETS, nhà tạo lập thị trường, công ty chứng khoán, nhà điều hành doanh nghiệp giảm phát thải</p>	<p>• Đối tượng tham gia * : Tất cả các công ty ngoại trừ những công ty được hưởng hạn ngạch miễn phí 100%</p> <p>* <i>Áp dụng cho 41/69 ngành trong kỳ quy hoạch lần 3</i></p>	<p>• Chiếm 52% tổng khối lượng giao dịch (từ 01/01/2015 - 31/12/2022)</p> <p>• Đối tượng tham gia: các công ty có nghĩa vụ ETS, các nhà điều hành doanh nghiệp giảm phát thải</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Nguồn: Tập đoàn Môi trường Hàn Quốc (2021)

Có những hạn chế đối với các loại sản phẩm có thể được giao dịch trên thị trường, tùy thuộc vào loại nhà giao dịch. Các công ty được điều chỉnh bởi ETS được nhiều đặc quyền nhất vì họ có thể giao dịch KAU, KCU và KOC. Trong khi đó, các nhà tạo lập thị trường và nhà tài chính bên thứ ba chỉ có thể giao dịch KAU và các nhà phát triển dự án chỉ có thể giao dịch KOC. Hạn chế giao dịch đối với các loại sản phẩm mà các loại nhà giao dịch khác nhau có thể giao dịch, mang lại cho các công ty được ETS bảo vệ nhiều đặc quyền nhất.

Hệ thống đăng ký K-ETS

Điều 11 của Luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép Phát thải Khí nhà kính quy định “cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lập sổ đăng ký cho việc kinh doanh giấy phép phát thải để đăng ký và quản lý việc phân bổ, kinh doanh giấy phép phát thải, phát thải KNK của từng đơn vị kinh doanh đủ điều kiện được phân bổ”. Sổ đăng ký giấy phép phát thải do “cơ quan có thẩm quyền” quản lý, vận hành và đăng ký tổng số giấy phép phát thải theo giai đoạn cam kết, năm tuân thủ và phát thải KNK cũng như thông tin của chủ tài khoản. Pháp luật quy định việc đăng ký phải được quản lý dưới dạng điện tử và liên kết với hệ thống thông tin tích hợp quốc gia về KNK. Tương tự, Điều 31 của Luật ETS quy định về việc thành lập và vận hành một cơ quan đăng ký bù trừ riêng để đăng ký và quản lý việc giảm phát thải KNK được chứng nhận từ một dự án bên ngoài. Hệ thống đăng ký bù trừ phải được liên kết với hệ thống đăng ký giấy phép phát thải.

GIR quản lý cả ETRS và ORS. ETRS là hệ thống đăng ký kinh doanh giấy phép phát thải. ETRS ghi nhận việc phân bổ và giao dịch hạn ngạch từ mỗi cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch và toàn vẹn của thị trường giao dịch phát thải. ORS là cơ quan đăng ký tín chỉ bù trừ để lưu trữ và theo dõi tín chỉ bù trừ được tạo ra bởi các dự án giảm KNK bên ngoài ETS. Các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS có thể sử dụng tín chỉ bù trừ để tuân thủ một phần nghĩa vụ phát thải của mình.

Tập đoàn Môi trường Hàn Quốc (K-eco) hỗ trợ chính phủ nghiên cứu chính sách và thị trường, nghiên cứu tính khả thi về môi trường và quản lý các công ty thuộc ETS.

Giám sát và quản lý thị trường

Chính phủ Hàn Quốc đã mở rộng sự tham gia vào thị trường các-bon cho các đơn vị không có nghĩa vụ tuân thủ, dưới hình thức trung gian tài chính trong nước, từ năm 2021. Tính

đến năm 2023, có 21 trung gian tài chính có thể giao dịch hạn ngạch và tín chỉ bù trừ¹⁰ trên KRX.

Luật pháp Hàn Quốc không xác định rõ ràng địa vị pháp lý của KAU nhưng áp dụng một số quy định nhất định của luật thị trường tài chính đối với KAU để ngăn chặn thao túng giá thị trường và giao dịch không công bằng.

Ví dụ, các điều khoản quy định về trao đổi thông tin và ngăn chặn thao túng giá được quy định tại Điều 22 Đoạn 3 của Luật ETS quy định rằng Điều 176 của 'Luật Kinh doanh Đầu tư Tài chính và Thị trường Vốn' sẽ được áp dụng. Điều 176 (1), (2) và phần khác ngoài điểm (3), Điều 177 của Luật Dịch vụ đầu tư tài chính và thị trường vốn (giới hạn trong các trường hợp Điều 176 (1), (2) và phần khác ngoài tiểu đoạn (3) của Luật Dịch vụ Đầu tư Tài chính và Thị trường Vốn bị vi phạm) đến hết 179, và Điều 383 (1) và (2) sẽ áp dụng tương ứng với những sửa đổi tương ứng đối với việc cấm và trách nhiệm pháp lý đối với, thao túng giá thị trường, cấm và chịu trách nhiệm pháp lý đối với các giao dịch gian lận và cấm sử dụng thông tin liên quan đến các giao dịch trong trao đổi giấy phép phát thải. Trong những trường hợp như vậy, thuật ngữ "chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán phái sinh được giao dịch qua sàn" được hiểu là "giấy phép phát thải", thuật ngữ "công ty môi giới chứng khoán điện tử" là "công ty môi giới giao dịch giấy phép phát thải", thuật ngữ "giao dịch" là "giao dịch giấy phép phát thải" và thuật ngữ "các đơn vị kinh doanh đầu tư tài chính và các tổ chức liên quan đến kinh doanh đầu tư tài chính" lần lượt là "thành viên của sàn giao dịch giấy phép phát thải" (Điều 22(3), "Luật Giao dịch phát thải").

Các quy định hiện hành hạn chế các tổ chức tài chính chỉ được nắm giữ tối đa 1 triệu tấn các-bon hạn ngạch trong một giai đoạn để ngăn họ tích lũy thị phần quá mức.

Cơ chế ổn định thị trường

Luật cho phép chính phủ tăng nguồn cung hạn ngạch hoặc thiết lập hành lang giá nếu thay đổi giá đột ngột làm gián đoạn hoạt động thị trường. Theo Điều 23 của Luật ETS, Bộ Môi trường có thể thực hiện các biện pháp để bình ổn giá trong những điều kiện nhất định thông qua phân bổ hạn ngạch bổ sung từ dự trữ, đặt ra giới hạn nắm giữ, hạn chế vay và tích lũy hạn ngạch để dùng sau, hạn chế sử dụng tín chỉ bù trừ hoặc ấn định giá sàn hoặc giá trần, tùy thuộc vào sự xem xét của Ủy ban Hạn ngạch.

Liên kết với các ETS khác

Hàn Quốc sẵn sàng liên kết với các hệ thống khác, tuy nhiên, hiện tại chưa có cơ hội liên kết nào được thảo luận.

1.6.4.3. Thiết lập thể chế

Các tổ chức điều hành K-ETS đóng vai trò thiết yếu trong việc triển khai hiệu quả hệ thống này. Các tổ chức K-ETS bao gồm Bộ Môi trường, KRX, K-eco và GIR. Các tổ chức này cùng hợp tác để xây dựng và thực hiện các chính sách và chương trình mới liên quan đến ETS. Các bên liên quan khác trên thị trường, còn được gọi là các bên tham gia thị trường, có

¹⁰ Các tổ chức tài chính kinh doanh bù trừ các-bon phải được đăng ký riêng với tư cách là 'nhà điều hành kinh doanh giảm phát thải'

liên quan đến ETS, như các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS, nhà phát triển dự án bù trừ và tổ chức tài chính.

Bộ Tài chính

Thông tin chi tiết về K-ETS đã được trình bày trong Quy hoạch tổng thể về Đề án trao đổi hạn ngạch phát thải do Bộ Tài chính chuẩn bị và Kế hoạch phân bổ hạn ngạch quốc gia giai đoạn I do Bộ Môi trường chuẩn bị.

Ngay từ đầu K-ETS, Bộ Môi trường chịu trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động của chương trình. Tuy nhiên, vào tháng 6 năm 2016, một văn bản sửa đổi Luật ETS đã được đưa ra, dẫn đến việc tái cơ cấu hoạt động giám sát ETS với việc Bộ Tài chính đảm nhận việc vận hành hệ thống tổng thể và hỗ trợ thị trường các-bon Hàn Quốc, trong khi bốn bộ chuyên ngành (Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng, Bộ Đất đai và Cơ sở hạ tầng Giao thông vận tải, Bộ Môi trường và Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn) đảm nhận các trách nhiệm liên quan đến việc phân bổ hạn ngạch, tuân thủ và trao đổi thông tin với những bên tham gia.

Việc tái cơ cấu quản trị K-ETS năm 2016 được thúc đẩy bởi nhu cầu cân bằng giữa việc giảm phát thải với tăng trưởng kinh tế và khả năng cạnh tranh công nghiệp. Mô hình kinh tế của Hàn Quốc đặt tầm quan trọng cao vào tăng trưởng kinh tế theo định hướng xuất khẩu và sản xuất. Bằng cách giao trách nhiệm cho các bộ công nghiệp chuyên trách, chính phủ Hàn Quốc đã có thể áp dụng cách tiếp cận toàn diện hơn để phát triển chính sách và đảm bảo rằng K-ETS phù hợp với mục tiêu NDC năm 2030 của Hàn Quốc là giảm 37% phát thải.

Vào tháng 6 năm 2017, Bộ Tài chính đã công bố kế hoạch tổng thể thứ hai cho K-ETS, trong đó đưa ra định hướng về cách hệ thống sẽ thay đổi trong Giai đoạn II. Tuy nhiên, từ Giai đoạn II trở đi, việc giám sát K-ETS đã được cơ cấu lại một lần nữa để củng cố trách nhiệm của Bộ Môi trường. Bộ này sẽ đảm nhận trách nhiệm mở rộng đối với hoạt động của K-ETS và đối với việc đạt được mục tiêu giảm phát thải KNK quốc gia của Hàn Quốc nói chung.

Trong tương lai, các quy hoạch tổng thể K-ETS cập nhật sẽ được phát triển thông qua sự hợp tác giữa Bộ Môi trường và Bộ Tài chính. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch cơ bản K-ETS, trong đó Bộ Môi trường chịu trách nhiệm duy nhất về kế hoạch phân bổ K-ETS, bao gồm sự giám sát của Ủy ban xem xét quyết định phân bổ và Ủy ban phát thải KNK.

Bộ Môi trường

Bộ Môi trường là cơ quan có thẩm quyền của K-ETS, chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các quy định của hệ thống. Điều này bao gồm việc thiết lập các mục tiêu tổng thể của ETS, thiết kế thị trường mua bán khí thải và xây dựng các quy tắc phân bổ và mua bán giấy phép phát thải. Bộ Môi trường cũng cấp giấy phép phát thải cho các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS. Ngoài ra, Bộ Môi trường chịu trách nhiệm giám sát và báo cáo dữ liệu phát thải từ các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS. Dữ liệu này được sử dụng để theo dõi việc tuân thủ các quy định của ETS và phát triển các chính sách và chương trình mới. Bộ Môi trường giám sát GIR và K-eco, hai tổ chức đóng vai trò quan trọng như nhau trong K-ETS.

Trung tâm nghiên cứu và kiểm kê KNK

GIR là viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Môi trường được thành lập vào năm 2010. GIR chịu trách nhiệm phát triển và duy trì hệ thống kiểm kê KNK quốc gia, theo dõi lượng phát thải KNK của Hàn Quốc từ tất cả các nguồn. Viện cung cấp dữ liệu và phân tích cho chính phủ và các bên liên quan khác để hỗ trợ phát triển và triển khai K-ETS. GIR cũng tiến hành nghiên cứu về các công nghệ và chính sách giảm nhẹ phát thải KNK. Nghiên cứu này giúp cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của chính phủ về ETS và các biện pháp giảm nhẹ biến đổi khí hậu khác. Ngoài ra, cơ quan này còn đóng vai trò nâng cao nhận thức và lợi ích của ETS thông qua việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm và xuất bản các tài liệu giáo dục về ETS trên hệ thống.

Tập đoàn Môi trường Hàn Quốc

K-eco là tổ chức công được thành lập năm 1985 trực thuộc Bộ Môi trường với mục đích góp phần phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. K-eco cung cấp hỗ trợ cho các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS và các nhà phát triển dự án bù trừ, tiến hành nghiên cứu và phân tích, đồng thời nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường nhằm thúc đẩy giảm phát thải KNK và chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp. Ngoài công tác biến đổi khí hậu, K-eco còn giải quyết nhiều vấn đề môi trường khác như chất lượng không khí, chất lượng nước và quản lý chất thải.

Là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề kỹ thuật của các cơ sở có nghĩa vụ trong ETS, xác minh báo cáo phát thải và xác nhận việc tuân thủ quy định, K-eco đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Bộ Môi trường trong các vấn đề liên quan đến việc phân bổ/hủy bỏ hạn ngạch.

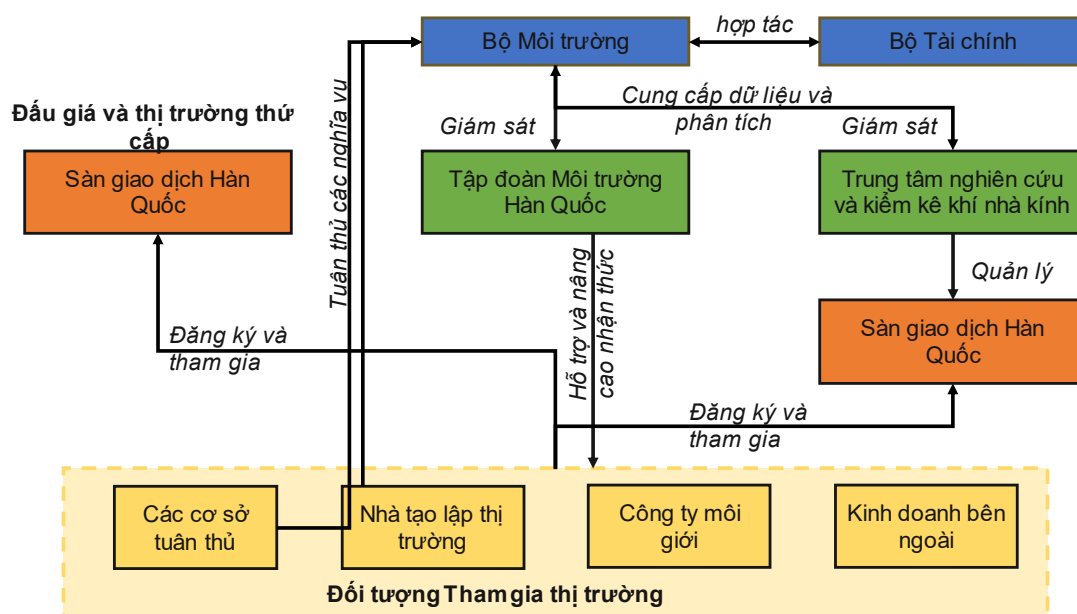
Sàn giao dịch Hàn Quốc

KRX là sàn giao dịch tập trung duy nhất của Hàn Quốc được thành lập vào tháng 3 năm 1956, vận hành ba thị trường giao dịch cổ phiếu: Main Board (KOSPI), thị trường Báo giá tự động của các đại lý chứng khoán Hàn Quốc (KOSDAQ) và thị trường Sàn giao dịch mới Hàn Quốc (KONEX). KRX đã và đang đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế Hàn Quốc bằng cách cung cấp vốn và tăng trưởng cho các tập đoàn, đồng thời mang đến cho các cá nhân cơ hội tích lũy tài sản. Thị trường Phát thải KRX, với vai trò là một phần hàng hóa của bộ phận phái sinh, đã khai trương vào ngày 12 tháng 1 năm 2015.

Các bên liên quan khác

Các bên liên quan trên thị trường bao gồm các công ty tuân thủ, nhà phát triển dự án, nhà tạo lập thị trường và tổ chức tài chính. Các công ty tuân thủ, hay đôi khi được gọi là 'các đơn vị có nghĩa vụ', là những công ty hàng năm phát thải hơn 125.000 tCO₂tđ hoặc các cơ sở hàng năm phát thải hơn 25.000 tCO₂tđ và được pháp luật yêu cầu tham gia ETS. Các nhà phát triển dự án hay 'các nhà điều hành doanh nghiệp giảm phát thải' là các công ty thực hiện các hoạt động giảm phát thải để tạo ra các tín chỉ bù trừ. Các nhà tạo lập thị trường là các công ty tài chính như ngân hàng và công ty chứng khoán có hợp đồng với Bộ Môi trường để cung cấp thanh khoản cho thị trường, trong khi các công ty chứng khoán hay còn gọi là 'tài chính bên thứ ba' là các bên giao dịch không bắt buộc có thể mua và bán hạn ngạch trong các vị trí nắm giữ được phép.

Nhìn chung, khung thể chế của K-ETS được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 29: Tổ chức thể chế trong K-ETS

Nguồn: Sàn giao dịch Hàn Quốc (2021)

1.6.4.4. Cơ sở hạ tầng

Trong K-ETS, các giao dịch được thực hiện thông qua hai hệ thống đăng ký: (i) ORS; và (ii) ETRS.

ORS là hệ thống đăng ký công khai ghi lại thông tin về các dự án bù trừ các-bon, bao gồm kế hoạch dự án, hồ sơ chứng nhận và các thông tin liên quan khác, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp, chuyển giao và xử lý tín chỉ bù trừ. Một số chức năng của hệ thống này bao gồm:

- Ghi lại và quản lý các ứng dụng kinh doanh bên ngoài, đánh giá tính khả thi, đăng ký, giám sát, thẩm định, chứng nhận, v.v.;
- Ghi chép và quản lý việc cấp, chuyển nhượng và xử lý kết quả thực hiện chứng nhận kinh doanh bên ngoài và chuyển đổi sang tín chỉ bù trừ, v.v.;

- Các chức năng khác do Bộ trưởng Bộ Môi trường cho là cần thiết.

Hình vẽ Cấu trúc hoạt động ORS được cung cấp trong Phụ lục 3.

Trong ORS, có một số tài khoản được trình bày trong bảng bên dưới.

Bảng 9: Các loại tài khoản trong ORS của K-ETS

Stt	Loại tài khoản	Mô tả
1	Tài khoản ban hành	Ban hành các tín chỉ được chứng nhận có nguồn gốc từ một dự án (duy trì một tài khoản độc lập cho mỗi dự án)
2	Tài khoản nắm giữ	Giữ các tín chỉ đã được chứng nhận của bên tham gia dự án (phân bổ một tài khoản độc lập cho mỗi bên tham gia dự án)
3	Tài khoản hủy bỏ	Ghi nhận việc hủy tín chỉ được chuyển giao từ Tài khoản nắm giữ (do Bộ Môi trường giám sát)
4	Tài khoản tín chỉ bù trừ	Giữ KCU mà các cơ sở tuân thủ ETS có được (duy trì một tài khoản độc lập cho mỗi đơn vị tuân thủ ETS)
5	Tài khoản ký gửi rừng	Phân bổ một phần cụ thể lượng giảm phát thải từ các dự án lâm nghiệp để ngăn ngừa thất thoát CO ₂ trong ngành lâm nghiệp
6	Tài khoản xử lý	Quản lý việc xử lý các tín chỉ được chứng nhận mà các cơ sở tuân thủ ETS có được sau khi chuyển sang KCU

Nguồn: ICAO (2018)

ETRS là hệ thống đăng ký cho việc kinh doanh giấy phép phát thải trong ETS. Hệ thống này có trách nhiệm ghi lại và duy trì các dữ liệu sau:

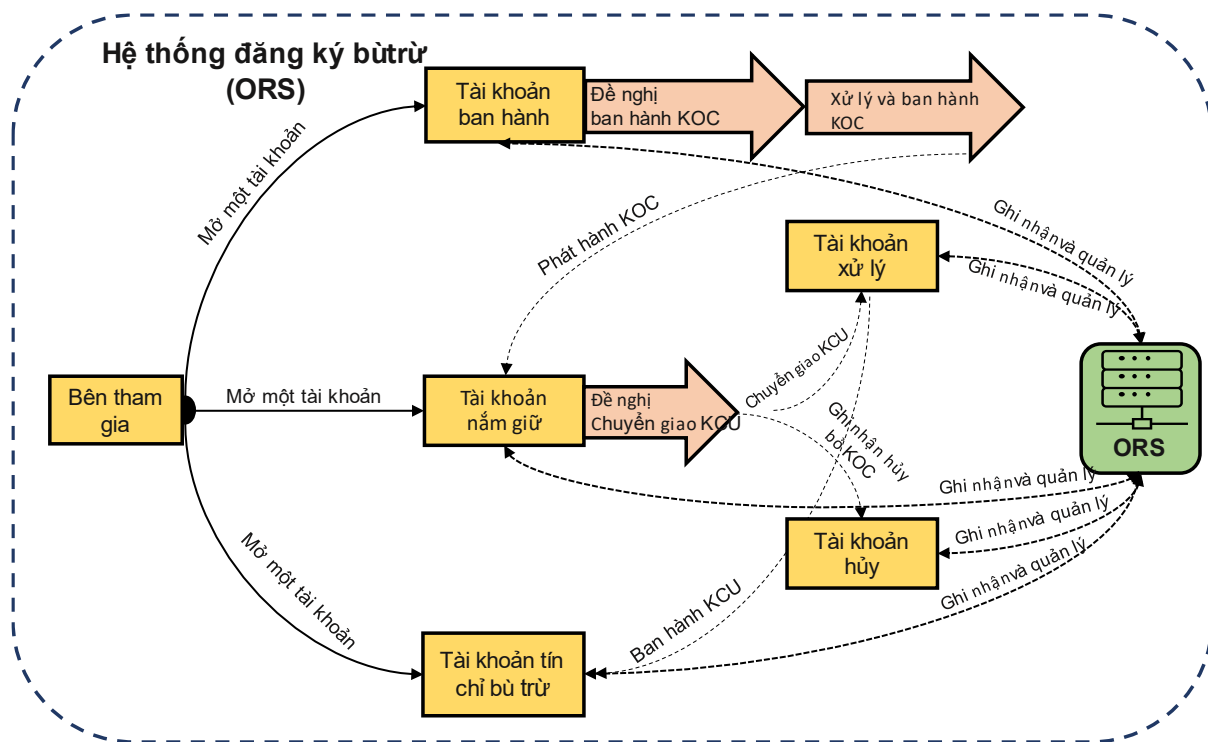
- Tổng số giấy phép phát thải theo thời gian cam kết và năm tuân thủ;
- Tài khoản giấy phép phát thải theo tên từng cơ sở kinh doanh đủ điều kiện được phân bổ và cá nhân, tập đoàn khác và số lượng giấy phép phát thải mà mỗi đối tượng này nắm giữ;
- Tài khoản quản lý giấy phép phát thải trong dự trữ (phân bổ bổ sung hạn ngạch phát thải, hoạt động tạo lập thị trường, dự trữ bình ổn thị trường, v.v.);
- Số lượng giấy phép phát thải được chuyển giao/hủy bỏ;
- Số lượng giấy phép phát thải đã giao nộp;
- Số giấy phép phát thải chuyển tiếp/vay mượn;
- Số lượng tín chỉ bù trừ;
- Kế hoạch phát thải và báo cáo thẩm định;
- Tổng số giấy phép phát thải theo thời gian cam kết và năm tuân thủ, lượng phát thải KNK được thẩm định.

Hình minh họa Cơ cấu hoạt động của ETRS được cung cấp trong Phụ lục 4.

Nhìn chung, giao dịch và đấu giá giấy phép phát thải được ghi nhận trong ETRS, trong khi giao dịch tín chỉ bù trừ được ghi nhận trong ORS. Do đó, các phần sau đây sẽ thảo luận thêm về các thành phần quan trọng của cơ sở hạ tầng CTX cho K-ETS: (i) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ theo ORS; (ii) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá theo ETRS; (iii) Cơ sở hạ tầng cần thiết cho thị trường thứ cấp theo ETRS và ORS.

Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ theo ORS

Theo khuôn khổ ORS, các bên tham gia dự án phải đăng ký ban hành KOC thông qua tài khoản ban hành của họ. Sau đó, quá trình đăng ký và chứng nhận dự án được thực hiện bởi Bộ liên quan và Bộ Môi trường thông qua ORS. Sau khi đủ điều kiện, KOC sẽ được cấp và chuyển vào tài khoản nắm giữ của bên tham gia dự án. Đối với các cơ sở tuân thủ muốn chuyển đổi KOC thành KCU để đáp ứng các nghĩa vụ tuân thủ, quy trình này bao gồm việc đăng ký chuyển giao KCU. Sau khi được phê duyệt, KOC được chuyển từ tài khoản nắm giữ của các đơn vị tuân thủ sang tài khoản xử lý. Sau đó, chúng được chuyển đến tài khoản tín chỉ bù trừ của các đơn vị tuân thủ để hoàn tất quy trình. Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ được minh họa trong hình dưới đây.



Hình 30: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho các dự án bù trừ trong K-ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên ICAO (2018)

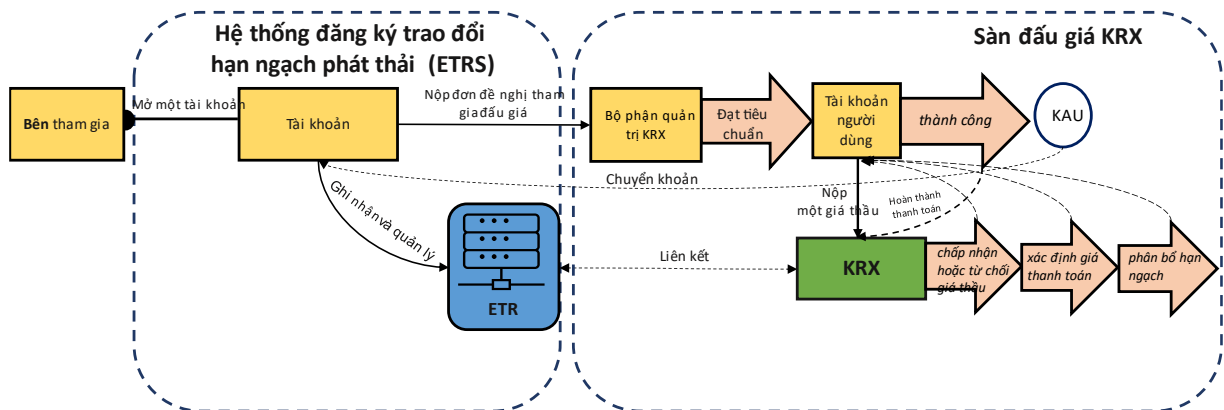
Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá theo ETRS

Đấu giá KAU được thực hiện thông qua KRX. Để tham gia đấu giá, bên tham gia phải sở hữu tài khoản ETRS và KRX đang hoạt động. Những bên tham gia đủ điều kiện tham gia

đấu giá theo Điều 2, Đoạn 2 của Luật ETS có quyền truy cập để tiến hành đấu giá thông qua nền tảng KRX.

Sau đó, đại diện các cơ sở đấu thầu đủ điều kiện sẽ nộp hồ sơ dự thầu. Việc đấu thầu được xử lý điện tử thông qua chương trình nhập báo giá của KRX. Số lượng dự thầu tối thiểu là 1.000 tấn và các nhà thầu có thể nộp một mức giá dự thầu. Số lượng đặt mua thành công tối đa đối với mỗi công ty được phân bổ tham gia vào ngày đấu giá là từ 15% đến 30% tổng khối lượng chào bán (trong Giai đoạn 3, số lượng thầu tối đa được ấn định là 15%). Giá dự thầu thấp hơn để đảm bảo giá đấu giá công bằng cho hạn ngạch do Bộ trưởng Bộ Môi trường quy định và giới hạn dưới này không được công bố. Giá thầu không đạt đến giới hạn dưới sẽ bị vô hiệu. Bộ phận quản trị đấu giá sẽ quản lý quá trình xác định giá thanh toán, xếp hạng các giá thầu đủ điều kiện từ cao nhất đến thấp nhất. KAU được cấp cho bên tham gia, bắt đầu từ giá thầu đủ điều kiện cao nhất và chuyển sang giá thầu đủ điều kiện thấp hơn cho đến khi tất cả các hạn ngạch sẵn có được phân bổ hoặc tất cả các giá thầu đủ điều kiện đều được đáp ứng.

Sau đó, các nhà thầu đủ điều kiện sẽ tiến hành kết thúc quá trình quyết toán tài chính cho tất cả các KAU được trao. Sau khi hoàn tất việc quyết toán tài chính và phân phối số tiền thu được từ đấu giá, KAU từ tài khoản nền tảng đấu giá sẽ được chuyển sang tài khoản của những bên đấu giá thành công. Các KAU này sau đó sẽ được chuyển từ tài khoản của sàn đấu giá sang tài khoản của bên tham gia. Cơ sở hạ tầng tổng thể cần thiết cho đấu giá hạn ngạch được mô tả trong hình bên dưới.



Hình 31: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho đấu giá KAU trong K-ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên ICAO (2018)

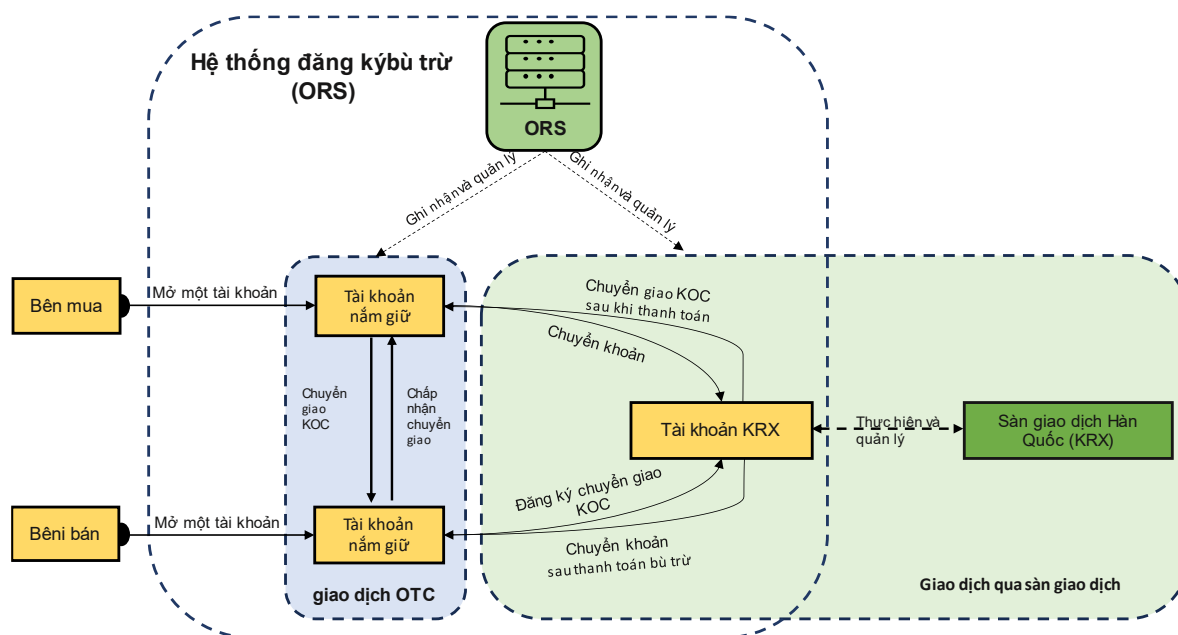
Cơ sở hạ tầng cần thiết cho thị trường thứ cấp theo ETRS và ORS

Trong khuôn khổ KETS, bên tham gia có thể tham gia giao dịch KAU, KOC và KCU thông qua thị trường thứ cấp. Đáng chú ý, các giao dịch liên quan đến KAU và KOC được đăng ký thông qua ORS, trong khi giao dịch KAU được ghi nhận qua ETRS. Thị trường thứ cấp bao gồm hai nền tảng: nền tảng dựa trên sàn giao dịch được hỗ trợ bởi KRX hoặc các giao dịch OTC (ICAP, nd-a).

Đối với giao dịch OTC trong cả ETRS và ORS, bên bán phải truy cập vào tài khoản của mình trong ETRS hoặc ORS và gửi yêu cầu chuyển giao. Sau đó, bên mua tiến hành chấp nhận chuyển giao này từ bên bán để hoàn tất giao dịch.

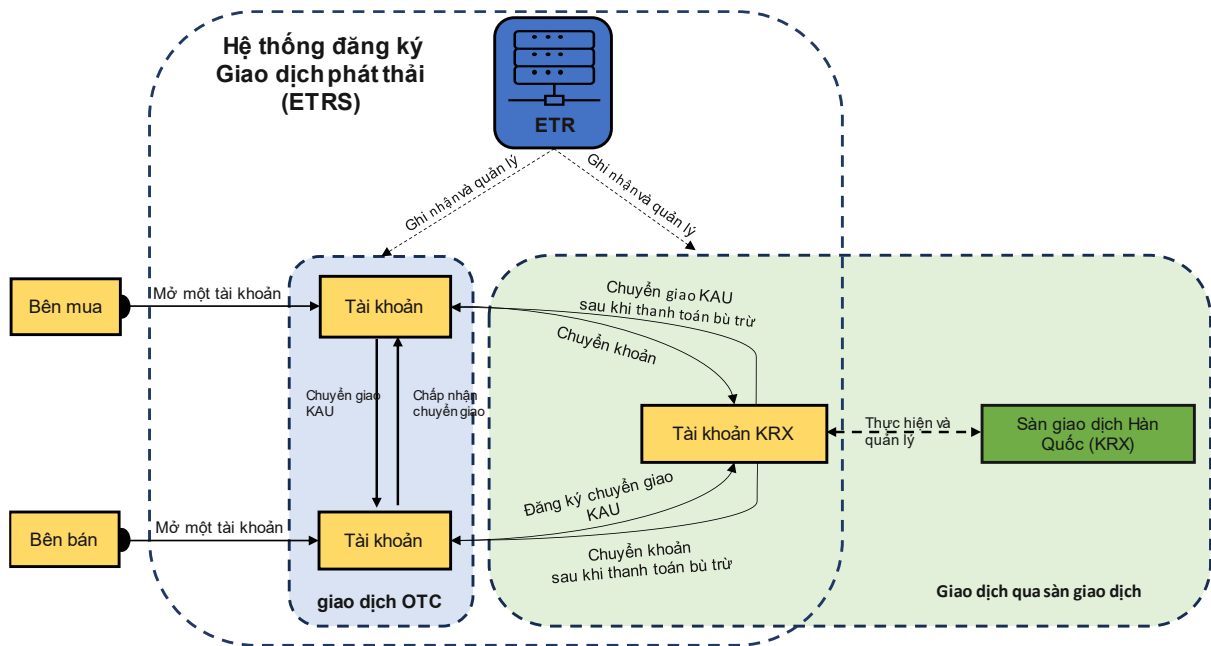
Liên quan đến giao dịch dựa trên sàn giao dịch trong cả ETRS và ORS, bên bán bắt đầu quy trình bằng cách chuyển KAU/KOC/KCU sang tài khoản KRX. Đồng thời, bên mua chuyển khoản thanh toán vào tài khoản KRX. Sau đó, tài khoản KRX thực hiện quá trình thanh toán bù trừ. Cuối cùng, KAU/KOC/KCU và khoản thanh toán sẽ được chuyển đến tài khoản tương ứng của bên mua và bên bán.

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp theo ORS và ETRS được minh họa tương ứng trong các hình bên dưới.



Hình 32: Cơ sở hạ tầng cần thiết cho giao dịch trên thị trường thứ cấp theo ORS trong K-ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên ICAO (2018)

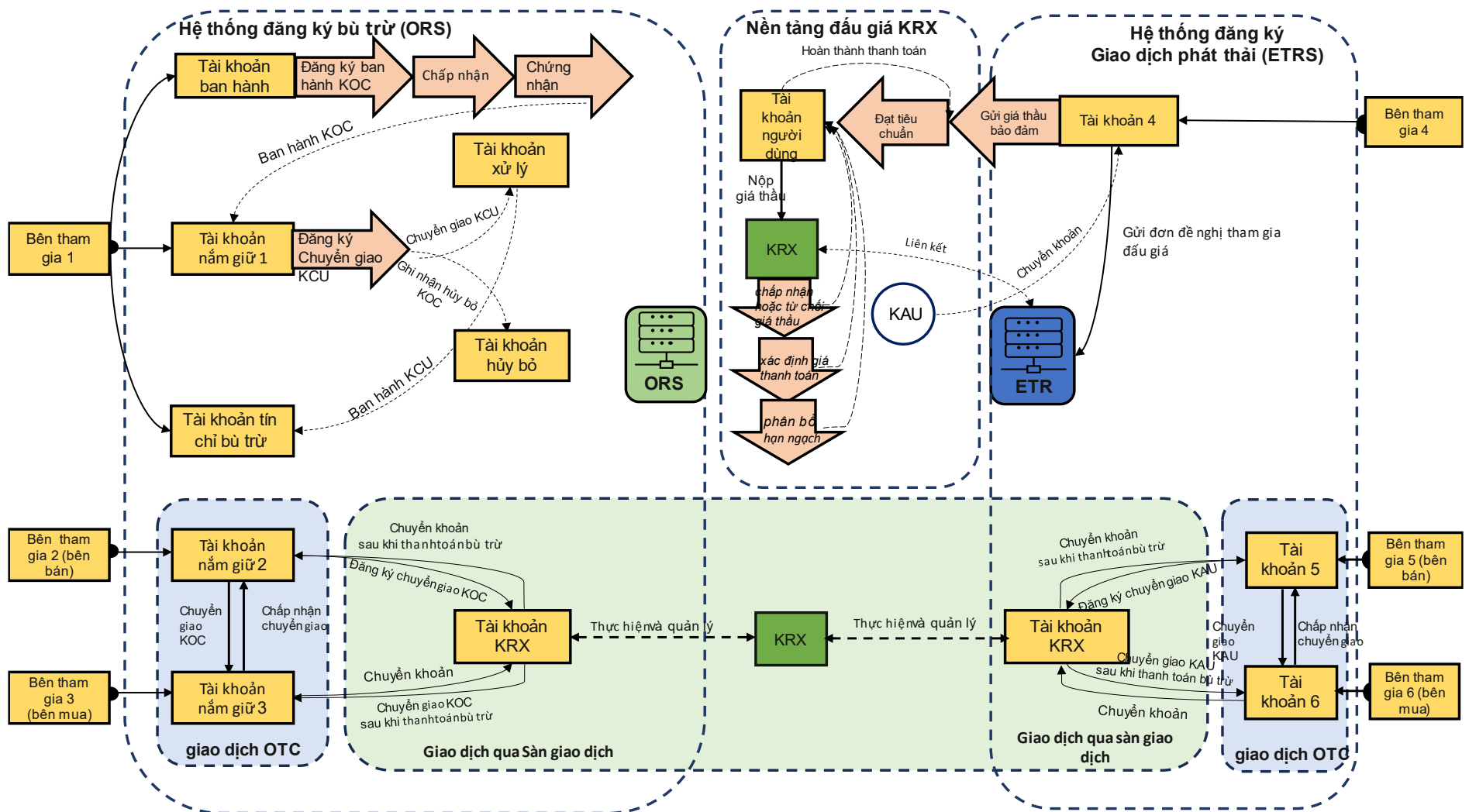


Hình 33: Cơ sở hạ tầng cần thiết để giao dịch trên thị trường thứ cấp theo ETRS trong K-ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên ICAO (2018)

K-ETS dựa trên cơ sở hạ tầng giao dịch KRX, được thiết kế để có thể mở rộng, đáng tin cậy, an toàn và tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành. Hệ thống này cũng được tích hợp với hệ thống giao dịch chứng khoán hiện có của KRX, cho phép các nhà giao dịch dễ dàng truy cập và giao dịch tín chỉ các-bon. Thông tin bổ sung về cơ sở hạ tầng giao dịch tín chỉ các-bon KRX được cung cấp trong Phụ lục 5.

Hình bên dưới mô tả tóm lược tổng thể về cơ sở hạ tầng cần thiết cho CTX trong KETS.



Hình 34: Cơ sở hạ tầng tổng thể cho CTX trong K-ETS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

I.6.4.5. Các thách thức trong quá trình thực hiện và giải pháp

Trong quá trình thực hiện, K-ETS phải đối mặt với các thách thức về biến động thị trường và không chắc chắn của chính sách do kết quả tổng hợp của các yếu tố sau:

- Quản lý và giám sát hệ thống một cách rời rạc – các tín hiệu chính sách không rõ ràng và không nhất quán do sự phân chia và phân công trách nhiệm rời rạc giữa các cơ quan chính phủ khác nhau, tạo ra sự không chắc chắn về các văn bản quản lý và xung đột giữa các tín hiệu chính sách.
- Không hạn chế năm giữ hạn ngạch – việc cho phép các công ty chuyển tiếp hạn ngạch còn dư sẽ không khuyến khích hoạt động giao dịch, dẫn đến thanh khoản thấp, hạn chế phát hiện giá, đặc biệt là trong các giai đoạn đầu của hệ thống.
- Hạn chế tham gia thị trường – Hạn chế chỉ cho phép các cơ sở tuân thủ tham gia đã tạo nên nhịp giao dịch theo mùa và làm trầm trọng thêm biến động thị trường, gây khó khăn cho việc giảm phát thải một cách hiệu quả.
- Phương pháp phân bổ không hiệu quả - việc chỉ sử dụng phương pháp phân bổ hạn ngạch theo dữ liệu lịch sử trong các giai đoạn đầu tạo ra hiện tượng dư cung hạn ngạch lịch sử, làm giảm các động lực thị trường.

Để giải quyết các vấn đề này cần phải cung cấp sự chắc chắn về định hướng chính sách tổng thể, và sau đó, thúc đẩy sự phát triển của các biện pháp tuân thủ mạnh, tăng cường các cơ chế giám sát thị trường, và các chiến lược quản lý rủi ro hiệu quả để giảm biến động thị trường và đảm bảo tuân thủ quy định. Ngoài ra, năng lực thể chế mạnh cùng với việc tham vấn các bên liên quan hiệu quả là rất quan trọng để giao dịch và quản lý thị trường hiệu quả, thúc đẩy một hệ thống toàn diện và minh bạch.

K-ETS đã giải quyết các thách thức này bằng cách thiết lập định hướng chính sách rõ ràng hơn, thúc đẩy các biện pháp tuân thủ và giám sát thị trường mạnh mẽ, và ưu tiên xây dựng năng lực thể chế và tham vấn các bên liên quan.

I.6.5. Tóm tắt chung và ý nghĩa đối với Việt Nam

Bảng dưới đây tóm tắt và so sánh những đặc điểm điển hình của các trường hợp nghiên cứu được lựa chọn cho việc thành lập và vận hành CTX ở Việt Nam.

Bảng 10: Tóm tắt và so sánh các nghiên cứu điển hình

	ETS New Zealand	K-ETS	ETS Vương quốc Anh	California ETS
Bắt đầu hoạt động	2008	2015	2003	2012
Phương diện pháp lý				
Khung pháp lý chính	Luật Ứng phó với Biến đổi khí hậu 2002	Luật khung về Tăng trưởng xanh, các-bon thấp (2015) Luật khung về Trung hòa các-bon và Tăng trưởng xanh để ứng phó với Khủng hoảng khí hậu (2021)	Luật Biến đổi Khí hậu 2008	Luật các Giải pháp để đối phó với sự Nóng lên toàn cầu AB 32 năm 2006
Khung pháp lý cho ETS	Luật sửa đổi Ứng phó với Biến đổi Khí hậu (Giao dịch Phát thải) 2008	Luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép phát thải khí nhà kính	Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải Khí nhà kính 2020	Giới hạn phát thải khí nhà kính của California và các cơ chế tuân thủ dựa trên thị trường
Khung pháp lý cho CTX	Các quy định về Biến đổi Khí hậu (Đầu giá, giới hạn và kiểm soát giá đối với các đơn vị các-bon)	Nghị định thực hiện Luật Giao dịch phát thải	Sắc lệnh về Chương trình Giao dịch Phát thải Khí nhà kính 2020	Giới hạn phát thải khí nhà kính của California và các cơ chế tuân thủ dựa trên thị trường

Phương diện thể chế				
Giám sát và quản lý thị trường	Bộ Môi trường – khung pháp lý Cơ quan Bảo vệ Môi trường – hệ thống đăng ký và tuân thủ Bộ các ngành cơ bản – lĩnh vực lâm nghiệp trong ETS	Bộ Môi trường – quản lý tổng thể thị trường và khung pháp lý Bộ Tài chính- chủ trì ủy ban phân bổ (bao gồm các bộ liên quan) để thiết lập hạn mức phát thải của ETS Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm kê Khí nhà kính – quản lý hệ thống đăng ký	Cơ quan ETS UK – quản lý thị trường cấp quốc gia Mỗi cơ quan quản lý của các vùng – đảm bảo tuân thủ	Ủy ban Tài nguyên Không khí California
Vận hành CTX	NZX & EEX- quản lý sàn và giao dịch	KRX – quản lý sàn và giao dịch	Sàn đấu giá được công nhận, hiện nay là Sàn Giao dịch Liên châu lục (InterContinental Exchange) – quản lý giao dịch	Sáng kiến Khí hậu phương Tây (Western Climate Initiative) – vận hành đấu giá và quản lý hệ thống đăng ký
Đối tượng tham gia thị trường	Đối tượng bắt buộc, đối tượng tự nguyện	Các tổ chức tuân thủ, các tổ chức tài chính hạn chế	Các cơ sở tuân thủ, các cơ sở không có nghĩa vụ tuân thủ, các đơn vị tài chính	Các cơ sở tuân thủ, các cơ sở không có nghĩa vụ tuân thủ, các đơn vị tài chính
Cấu trúc thị trường & Cơ sở hạ tầng				
Thị trường	Sơ cấp – đấu giá Thứ cấp – giao ngay, chuyển tiếp	Sơ cấp – đấu giá Thứ cấp – giao ngay, tín chỉ bù trừ	Sơ cấp – đấu giá Thứ cấp – giao ngay, tương lai, quyền chọn	Sơ cấp – đấu giá Thứ cấp - giao ngay, tương lai, quyền chọn, tín chỉ bù trừ

	*Các tín chỉ các-bon được phát triển thông qua các hoạt động hấp thụ trong nước đủ điều kiện được coi là NZU và có thể được sử dụng để tuân thủ	*Việc sử dụng tín chỉ bù trừ có những hạn chế về số lượng và chất lượng	*Không cho phép tín chỉ bù trừ nhưng việc bù trừ CORSIA và việc sử dụng hấp thụ các-bon đang được xem xét	*việc sử dụng tín chỉ bù trừ có những hạn chế về số lượng và chất lượng
(Các) CTX	NZX/ EEX – sơ cấp Một số nền tảng giao dịch có sẵn cho thị trường thứ cấp	KRX – sơ cấp và thứ cấp	ICE – sơ cấp và thứ cấp	Nền tảng đấu giá WCI, Inc. – sơ cấp ICE, CME, Nodal Exchange - thứ cấp
Cơ sở hạ tầng chính	Hệ thống đăng ký giao dịch phát thải Sàn đấu giá Các sàn giao dịch thứ cấp phi tập trung Cơ sở hạ tầng thanh toán bù trừ	Hệ thống đăng ký tín chỉ bù trừ Hệ thống đăng ký giao dịch phát thải Sàn đấu giá Sàn giao dịch thứ cấp Cơ sở hạ tầng thanh toán bù trừ	Hệ thống đăng ký giao dịch phát thải Sàn đấu giá Sàn giao dịch thứ cấp Cơ sở hạ tầng thanh toán bù trừ	Hệ thống đăng ký ETS (CITSS) Hệ thống đăng ký dự án bù trừ Sàn đấu giá Các sàn giao dịch thứ cấp phi tập trung Cơ sở hạ tầng thanh toán bù trừ

Nguồn: Tư vấn (2023)

Các phát hiện chính từ các nghiên cứu điển hình được tóm tắt như sau:

Về mặt pháp lý, một khung pháp lý mạnh mẽ là nền tảng quan trọng của một sàn giao dịch tín chỉ các-bon đáng tin cậy, được chứng minh qua cả bốn nghiên cứu điển hình. Mỗi quốc gia thành lập sàn giao dịch của mình theo một luật riêng, được hỗ trợ bởi các quy định và hướng dẫn toàn diện về quản lý giao dịch hạn ngạch, giám sát thị trường và đảm bảo tuân thủ của các bên tham gia. Trong khi văn bản luật quy định thẩm quyền thực hiện và đảm bảo thực thi ở cấp cao cho ETS, các quy định dưới luật có sự linh hoạt để cho phép hệ thống điều chỉnh theo các giai đoạn thực hiện. Việc điều chỉnh khuôn khổ này với các tiêu chuẩn quốc tế sẽ củng cố hơn nữa tính minh bạch và tính toàn vẹn của thị trường. Trong cả bốn nghiên cứu điển hình, việc thiết lập CTX được quy định ở các văn bản dưới luật, và hàng hóa giao dịch trên CTX, là hạn ngạch (và tín chỉ các-bon) được coi là các công cụ tài chính (UK, New Zealand) hoặc là đối tượng của các quy định cho thị trường tài chính (Hàn Quốc, California).

Về thiết lập thể chế, trong tất cả bốn nghiên cứu điển hình, Bộ Môi trường đều đóng vai trò quan trọng nhất trong việc giám sát và quản lý ETS và CTX. Tùy thuộc vào quan hệ liên bộ, mà có thể cần phải phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ chịu trách nhiệm quản lý các lĩnh vực chính và các cơ quan khác.

Cấu trúc thị trường ở cả bốn nghiên cứu điển hình đều bao gồm thị trường sơ cấp vận hành để đấu giá hạn ngạch và thị trường thứ cấp vận hành để giao dịch hạn ngạch và tín chỉ các-bon. Đáng chú ý, không quốc gia nào chọn tạo ra một sàn giao dịch mới, thay vào đó tận dụng các nền tảng tài chính hiện có trong phạm vi lãnh thổ của mình. Trong khi California sử dụng chương trình WCI làm nền tảng đấu giá, các quốc gia còn lại tiến hành đấu giá thông qua các sàn giao dịch thương mại các-bon được chỉ định. Ngoài ra, cấu trúc thị trường thứ cấp rất đa dạng, trong đó California và New Zealand có nhiều nền tảng, trong khi Hàn Quốc và Vương quốc Anh sử dụng một mô hình sàn giao dịch duy nhất. Trong khi tất cả các sàn trong bốn nghiên cứu điển hình đều thực hiện chứng năng chính là cho phép giao dịch trong thị trường tuân thủ, các sàn giao dịch này cũng phục vụ giao dịch trong thị trường các-bon tự nguyện. Việc giao dịch trên thị trường các-bon tự nguyện không được quy định chặt chẽ trong cả bốn nghiên cứu điển hình, do tín chỉ các-bon thường được coi là hàng hóa thông thường, trong khi hạn ngạch phát thải là tài sản do Chính phủ tạo ra. Ngoài các sàn, như sàn đấu giá và sàn giao dịch thứ cấp, hệ thống đăng ký giao dịch phát thải và cơ sở thanh toán bù trừ là các hạ tầng quan trọng nhất của ETS và vận hành kết nối với CTX.

Bất chấp sự độc lập về thị trường hiện tại, cả bốn nghiên cứu điển hình đều thể hiện kinh nghiệm trong quá khứ hoặc các quy định pháp lý về liên kết thị trường quốc tế, cho thấy cách tiếp cận chủ động hướng tới kết nối toàn cầu. Lập trường tiên tiến này giúp định vị các thị trường sẽ hội nhập và hợp tác trong tương lai.

Tuy nhiên, các nghiên cứu điển hình cũng cho thấy những thách thức trong quá trình triển khai, từ sự biến động của thị trường và các vấn đề giám sát cho đến những khoảng trống về quy định. Ngược lại, những thách thức này đã thúc đẩy sự phát triển của các biện pháp

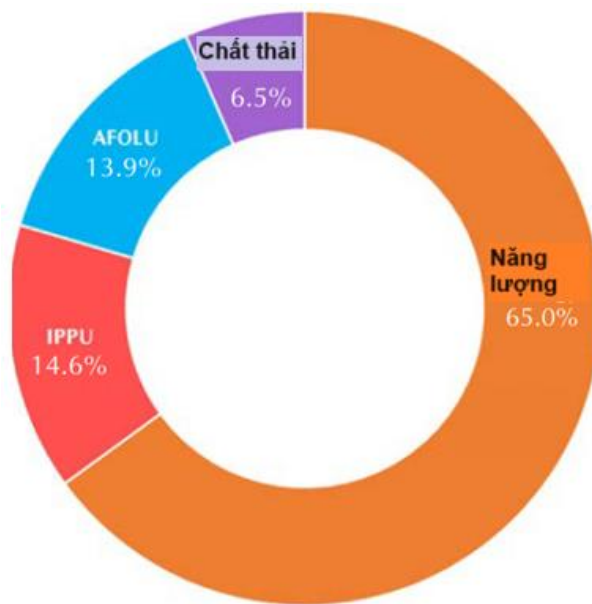
tuân thủ mạnh mẽ, tăng cường cơ chế giám sát thị trường và chiến lược quản lý rủi ro hiệu quả để giảm thiểu biến động và đảm bảo tuân thủ quy định. Ngoài ra, tầm quan trọng của năng lực thể chế mạnh mẽ, cùng với sự tham gia tích cực của các bên liên quan, là rất quan trọng để đảm bảo giao dịch và quản lý thị trường hiệu quả, thúc đẩy một hệ thống toàn diện và minh bạch. Việt Nam có thể học hỏi từ những kinh nghiệm phong phú này để xây dựng khung quản trị và chính sách mạnh mẽ, tin cậy, và áp dụng tiếp cận thể chế và hạ tầng hiệu quả để thiết lập CTX và thị trường các-bon, và chuẩn bị các trước các giải pháp để đảm bảo vận hành thị trường thuận lợi.

II. NHIỆM VỤ 4: RÀ SOÁT BỐI CẢNH QUỐC GIA VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH, THỂ CHẾ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG LIÊN QUAN HIỆN CÓ CHO VIỆC THÀNH LẬP VÀ VẬN HÀNH CTX

Ở một số quốc gia, hoạt động của CTX gần giống với hoạt động của thị trường chứng khoán (vd, KRX, NZX) hoặc thị trường hàng hóa (vd. EEX, ICE). Do đó, khi đánh giá bối cảnh quốc gia và đánh giá CTX, cần phải xem xét các quy định, thể chế và cơ sở hạ tầng hiện có liên quan đến cả thị trường các-bon, thị trường chứng khoán, và thị trường hàng hóa. Do đó, đánh giá liên quan đến bối cảnh quốc gia và đánh giá các quy định, thể chế và cơ sở hạ tầng liên quan hiện hành cho việc thành lập và vận hành CTX sẽ bao gồm rà soát toàn diện cả thị trường các-bon, CTX, sàn giao dịch chứng khoán, và sàn giao dịch hàng hóa để đảm bảo phân tích kỹ lưỡng và toàn diện.

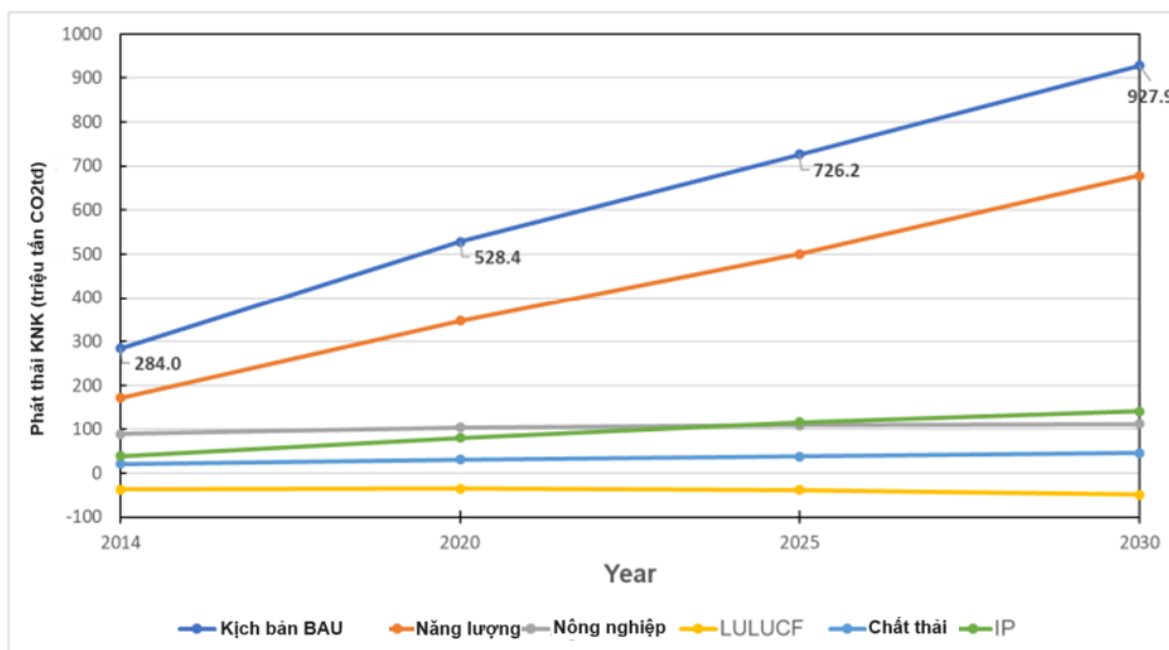
II.1. Hồ sơ phát thải của Việt Nam và định hướng phát thải các-bon thấp

Theo Báo cáo cập nhật hai năm một lần (BUR) mới nhất do Việt Nam đệ trình lên Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) năm 2021, tổng lượng phát thải cả nước năm 2016 đã vượt quá 317,7 triệu tCO₂tđ, bao gồm cả Nông nghiệp, Lâm nghiệp, và lĩnh vực Sử dụng đất khác (AFOLU). Như thể hiện trong biểu đồ sau, ngành đóng góp chính vào phát thải KNK là ngành năng lượng, chiếm tới 65% tổng phát thải, tiếp theo là Quy trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm (IPPU) với gần 15% tổng phát thải.



Hình 35: Tỷ trọng tổng phát thải KNK ở Việt Nam năm 2016 theo ngành

Nguồn: Bộ TNMT (2020)



Hình 36: Phát thải KNK theo kịch bản BAU

Nguồn: Chính phủ (2022)

Việt Nam đã phê chuẩn Thỏa thuận Paris vào ngày 31 tháng 10 năm 2016 và đã cập nhật NDC hai lần. Việt Nam nộp NDC cập nhật lần thứ hai vào ngày 08 tháng 11 năm 2022. Chi tiết được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 11: Tóm tắt các mục tiêu giảm phát thải trong NDC Việt Nam

Phiên bản NDC	Ngày nộp	Kịch bản BAU quốc gia năm 2030	Mục tiêu giảm nhẹ phát thải vào năm 2030	
			vô điều kiện (% của BAU)	có điều kiện (% của BAU)
NDC dự kiến ¹¹	30 tháng 9 năm 2015	787,4 MtCO ₂ tđ (năm cơ sở 2010; không bao gồm các quá trình công nghiệp)	8%	25%
NDC cập nhật lần đầu ¹²	11 tháng 9 năm 2020	927,9 MtCO ₂ tđ (năm cơ sở 2014)	9%	27%
NDC cập nhật lần thứ hai ¹³	08 tháng 11 năm 2022	927,9 MtCO ₂ tđ (năm cơ sở 2014)	15,8%	43,5%

Nguồn: Cơ quan đăng ký NDC (2023)

¹¹ <https://www4.unfccc.int/sites/submissions/INDC/Published%20Documents/Viet%20Nam/1/VIETNAM'S%20INDC.pdf>

¹² https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-06/Viet%20Nam_NDC_2020_Eng.pdf

¹³ https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-11/Viet%20Nam_NDC_2022_Eng.pdf

II.2. Khung pháp lý cho việc thành lập và vận hành CTX

II.2.1. Khung pháp lý cho thị trường các-bon và CTX ở Việt Nam

Kinh nghiệm hiện nay của Việt Nam liên quan đến thị trường các-bon chủ yếu là với các cơ chế tín chỉ các-bon quốc tế, trong đó cơ chế phổ biến nhất là CDM theo Nghị định thư Kyoto. Việt Nam ký Nghị định thư Kyoto năm 1998 và phê chuẩn năm 2002. Để thực hiện Nghị định thư Kyoto và hỗ trợ các dự án CDM, một số quyết định và thông tư đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ TNMT ban hành từ năm 2007 (Quyết định số 130/2007/NĐ- TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 về cơ chế, chính sách tài chính đối với các dự án đầu tư thuộc CDM; Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTMT ngày 04 tháng 7 năm 2008 (sau đó được sửa đổi với Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTMT); Thông tư số 12/2010/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2010 (sau đó được sửa đổi với Thông tư số 15/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 15/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2014).

Với việc cộng đồng quốc tế không đạt được sự đồng thuận về giai đoạn thứ hai của Nghị định thư Kyoto, Việt Nam đã tham gia cơ chế tín chỉ các-bon song phương với Nhật Bản gọi là Cơ chế tín chỉ chung (JCM) để thúc đẩy chuyển giao công nghệ các-bon thấp giữa hai nước. Trên cơ sở đó, Bộ TNMT đã ban hành Thông tư số 17/2015/TT-BTNMT ngày 06 tháng 4 năm 2015 hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện các dự án JCM tại Việt Nam.

Việc phát triển thị trường các-bon trong nước ở Việt Nam lần đầu tiên được nhấn mạnh là nhiệm vụ quan trọng trong Quyết định số 1775/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án quản lý phát thải KNK và kinh doanh tín dụng các-bon trên thị trường thế giới. ngày 21 tháng 11 năm 2012. Sau đó được nêu lại trong Quyết định số 2053/2016/NĐ- TTg về kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris của Thủ tướng Chính phủ năm 2016 là nhiệm vụ ưu tiên giảm phát thải KNK trong giai đoạn 2016- giai đoạn 2020. Tuy nhiên, phải đến khi ban hành Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) 2020, thị trường các-bon trong nước của Việt Nam mới chính thức được quy định chi tiết.

Điều 91 của Luật BVMT 2020 xác định bảy loại KNK và quy định việc tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước là một trong những biện pháp nhằm nỗ lực giảm phát thải KNK ở Việt Nam, trong đó Bộ TNMT chịu trách nhiệm sau đây (Quốc hội, 2020):

- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục lĩnh vực, cơ sở phải kiểm kê KNK; ban hành hệ thống kiểm kê KNK quốc gia; hệ thống MRV giảm nhẹ phát thải KNK;
- Xây dựng báo cáo kiểm kê KNK quốc gia định kỳ hai năm một lần;
- Hướng dẫn và tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê KNK và kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK đối với các lĩnh vực, cơ sở phải kiểm kê KNK.

Đặc biệt, Điều 139 Luật BVMT quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước, bao gồm các nội dung sau (Quốc hội, 2020)

- Phạm vi: Thị trường các-bon trong nước gồm các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon thu được từ cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon

trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đối tượng tham gia: Các cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK sẽ được phân bổ hạn ngạch và có quyền trao đổi, mua bán trên thị trường các-bon trong nước.
- Căn cứ phân bổ hạn ngạch: bao gồm i) chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và chiến lược, quy hoạch phát triển khác có liên quan; ii) Kết quả kiểm kê KNK cấp quốc gia, lĩnh vực và cơ sở; và iii) lộ trình, phương thức giảm nhẹ phát thải KNK phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế của Việt Nam.

Điều này cũng xác định trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan trên thị trường các-bon trong nước như sau:

- Chính phủ: quy định chi tiết về chi phí phân bổ hạn ngạch phát thải KNK, lộ trình, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Bộ TNMT: trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải KNK theo giai đoạn và hằng năm; tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải KNK; tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới.
- Bộ TC: chủ trì, phối hợp với Bộ TNMT và các bộ, cơ quan thành lập thị trường các-bon trong nước.
- Cơ sở phải kiểm kê KNK bắt buộc: thực hiện trao đổi, đấu giá, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch, tín chỉ các-bon và thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Dựa trên Luật BVMT 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 06/2022/ND-CP quy định về giảm phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn để đưa ra hướng dẫn cụ thể hơn cho việc phát triển thị trường các-bon trong nước của Việt Nam (Chính phủ, 2022c).

Các bên tham gia thị trường các-bon trong nước (Điều 16)

Các đối tượng tham gia thị trường các-bon trong nước của Việt Nam bao gồm:

- 1) Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải kiểm kê KNK do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
Các cơ sở này bao gồm các cơ sở có lượng phát thải KNK hàng năm từ 3.000 tCO₂tđ trở lên hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Nhà máy nhiệt điện và cơ sở sản xuất công nghiệp có mức tiêu thụ năng lượng hàng năm từ 1.000 tấn dầu tương đương (TOE) trở lên;
 - Công ty kinh doanh vận tải hàng hóa có mức tiêu thụ năng lượng hàng năm từ 1000 TOE trở lên;
 - Tòa nhà thương mại có mức tiêu thụ năng lượng hàng năm từ 1000 TOE trở lên;
 - Cơ sở xử lý chất thải rắn có công suất xử lý từ 65.000 tấn/năm trở lên.

- 2) Các tổ chức tham gia vào các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- 3) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon.

Lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước (Điều 17)

- 1) Từ nay đến hết năm 2027
 - Xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon, xây dựng quy chế vận hành CTX;
 - Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế;
 - Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm CTX từ năm 2025;
 - Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon.
- 2) Từ năm 2028:
 - Tổ chức vận hành chính thức CTX trong năm 2028;
 - Quy định các hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.

Tạo ra hàng hóa trao đổi (Điều 12)

- 1) Phân bổ hạn ngạch
 - Bộ TNMT trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tổng hạn ngạch phát thải KNK, tỷ lệ hạn ngạch dự trữ và đấu giá cho giai đoạn 2026-2030 và hàng năm;
 - Bộ TNMT chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý lĩnh vực liên quan xây dựng, ban hành định mức phát thải KNK trên đơn vị sản phẩm và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cho các cơ sở giai đoạn 2026-2030 và hàng năm.
- 2) Xác nhận tín chỉ các-bon và hạn ngạch phát thải KNK được giao dịch trên CTX:
 - Bộ TNMT sẽ xác nhận tín chỉ các-bon và hạn ngạch phát thải KNK được giao dịch trên CTX

Vai trò và chức năng của CTX (Điều 19)

- Việc trao đổi tín chỉ các-bon và hạn ngạch phát thải KNK được thực hiện trên CTX;
- Cơ sở có thể tham gia đấu giá để được nhận thêm hạn ngạch ngoài khối lượng được phân bổ trong cùng giai đoạn cam kết; tích lũy hạn ngạch chưa sử dụng hết cho các năm tiếp theo trong cùng giai đoạn cam kết; vay mượn các hạn ngạch được cấp cho năm sau để sử dụng trong năm hiện tại cùng giai đoạn cam kết;

- Các cơ sở có thể sử dụng tín dụng các-bon để bù trừ phát thải của mình. Lượng tín chỉ các-bon không được vượt quá 10% tổng hạn ngạch được phân bổ cho các cơ sở;
- Bộ TNMT sẽ thu hồi các hạn ngạch đã được cấp trong trường hợp cơ sở ngừng hoạt động, giải thể hoặc phá sản;
- Hết thời hạn cam kết, cơ sở phải thanh toán lượng phát thải vượt quá hạn ngạch được phân bổ. Ngoài khoản thanh toán, lượng phát thải bị vượt quá sẽ bị trừ vào lượng hạn ngạch được phân bổ cho giai đoạn cam kết tiếp theo;
- Bộ TNMT sẽ cung cấp hướng dẫn về đấu giá, chuyển giao, tích lũy, vay mượn và giao nộp hạn ngạch phát thải KNK.

Trách nhiệm phát triển thị trường các-bon trong nước (Điều 21)

- Bộ TC chủ trì xây dựng, thành lập CTX và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon;
- Bộ TNMT chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon; quy định các hoạt động kết nối CTX của thị trường các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới; quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon.

Để hướng dẫn thực hiện Nghị định số 06/2022/ND-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ- TTg ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK. Theo Quyết định này, tổng cộng 1.912 cơ sở được đưa vào danh mục, thuộc 4 ngành kinh tế sau: (i) Công thương, (ii) Giao thông vận tải, (iii) Xây dựng, và (iv) Tài nguyên và Môi trường (NRE). Hướng dẫn MRV đã được ban hành cho lĩnh vực quản lý chất thải (Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT), lĩnh vực lâm nghiệp (Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT) và ngành công thương (Thông tư số 38/2023/TT-BCT).

Về phương diện thực thi, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 45/2022/ND-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó quy định các biện pháp xử lý vi phạm quy định về giảm nhẹ phát thải KNK:

- Cảnh cáo: i) không nộp báo cáo kiểm kê KNK; và ii) không nộp báo cáo giảm nhẹ phát thải KNK.
- Phạt từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với: i) cung cấp sai hoặc thiếu thông tin trong báo cáo kiểm kê KNK; và ii) cung cấp thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ về báo cáo giảm nhẹ KNK.
- Phạt từ 30 triệu đến 50 triệu đồng đối với: i) không lập báo cáo kiểm kê KNK; và ii) không lập báo cáo giảm nhẹ phát thải KNK.

Danh sách đầy đủ các văn bản pháp luật và quy định tài chính chung liên quan đến thị trường các-bon ở Việt Nam được cung cấp tại Phụ lục 6 của Báo cáo này.

II.2.2. Khung pháp lý cho thị trường chứng khoán

Chủ trương chung về phát triển thị trường chứng khoán ở Việt Nam được khởi xướng tại Đại hội 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 7 ngày 30/7/1994 (Ngô Tấn, 2022). Sau đó, Chính phủ thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) vào ngày 28 tháng 11 năm 1996 theo Nghị định số 75/1996/ND-CP để thực hiện chức năng tổ chức và quản lý Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán (UBCKNN, nd).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của thị trường chứng khoán, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 48/1998/ND-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán được coi là văn bản pháp lý đầu tiên hình thành thị trường chứng khoán ở Việt Nam.

Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đều được thành lập năm 1998 theo Quyết định số 127/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động vào ngày 20/7/2000 và giao dịch lần đầu tiên vào ngày 28/7/2000 với 02 công ty niêm yết và 06 công ty chứng khoán thành viên. Năm 2007, Trung tâm này được chuyển đổi thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) như hiện nay theo Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và chịu sự giám sát của Bộ Tài chính (HOSE, 2022b).

Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đi vào hoạt động muộn hơn, vào ngày 08 tháng 3 năm 2005. Ngày 02 tháng 01 năm 2009, Trung tâm được chuyển đổi và tái cơ cấu thành Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hiện nay theo Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg. Ngày 24/6/2009, HNX chính thức được thành lập với tư cách là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước (đại diện là Bộ Tài chính) làm chủ sở hữu (HNX, nd-b).

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) được thành lập ngày 27 tháng 7 năm 2005 theo Quyết định số 189/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, sau này được chuyển đổi và tái cơ cấu thành Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hiện nay (VSDC).

Để hỗ trợ thị trường chứng khoán phát triển nhanh và ổn định, đảm bảo lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, đồng thời thúc đẩy hội nhập sâu rộng vào thị trường vốn quốc tế, Luật Chứng khoán (Luật số 70/2006/QH11) được ban hành năm 2006, và sau đó được sửa đổi, bổ sung vào năm 2010. Sau đó Luật này được bãi bỏ và thay thế bởi Luật Chứng khoán năm 2019 (Luật số 54/2019/QH14). Đối với các điều khoản cụ thể về giao dịch, Luật quy định các thủ tục và đối tượng tham gia thị trường chứng khoán. Tổ chức của UBCKNN, VSDC, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan này cũng được xác định. Theo đó, UBCKNN trực thuộc Bộ TC để hỗ trợ Bộ TC trong quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm quản lý, giám sát VNX và VSDC. Việc tổ chức và vận hành sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam do VNX thực hiện tập trung và việc đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán do VSDC thực hiện tập trung. Trên 50% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết của VNX và VSDC thuộc sở hữu Nhà nước và việc thành lập, hoạt động của các cơ quan này do Thủ tướng Chính phủ quy định theo đề nghị của Bộ TC.

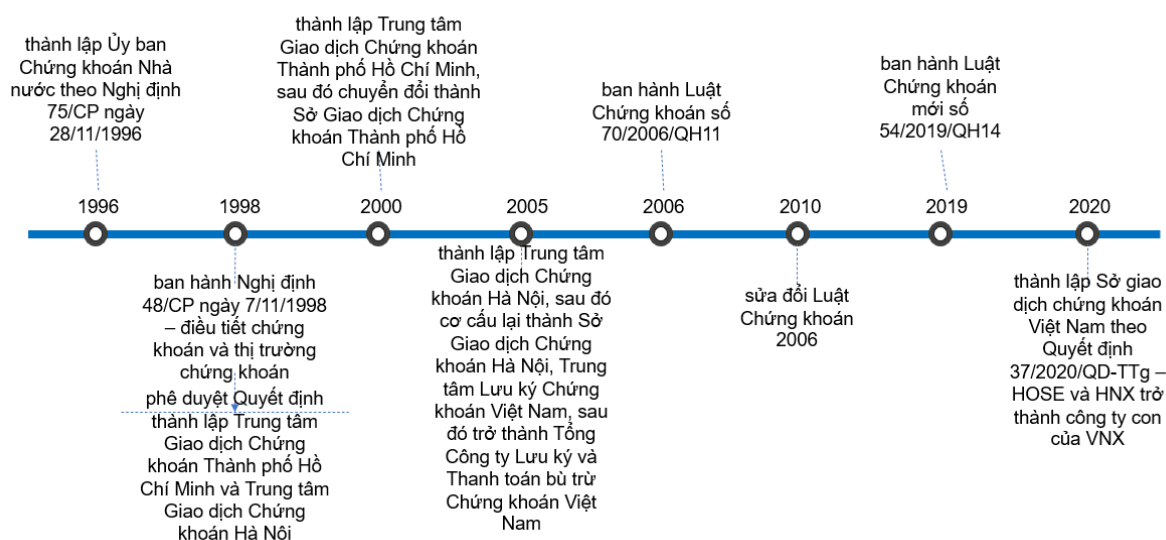
Ngày 23 tháng 12 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2020/QĐ- TTg về việc thành lập VNX. Theo đó, cả HOSE và HNX đều trở thành công ty con do VNX nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Đáng chú ý là căn cứ Thông tư số 57/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12 tháng 7 năm 2021 và những sửa đổi, bổ sung gần đây theo Thông tư số 69/2023/TT-BTC quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác, HOSE sẽ chịu trách nhiệm thống nhất tổ chức thị trường giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền vào cuối năm 2026 trong khi HNX sẽ chịu trách nhiệm thống nhất tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu và chứng khoán phái sinh.

Với sự phát triển của dịch vụ trực tuyến, Bộ TC đã đưa ra hướng dẫn về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 134/2017/TT-BTC.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định về giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Thông tư quy định chi tiết về tài khoản giao dịch chứng khoán và thủ tục, trong đó có giao dịch tạo lập thị trường.

Hình dưới đây minh họa những mốc quan trọng trong quá trình phát triển pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam.



Hình 37: Những mốc chính trong quá trình phát triển pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Phụ lục 7 của Báo cáo này cung cấp chi tiết các văn bản pháp luật hiện hành của thị trường chứng khoán Việt Nam, có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc phát triển thị trường các-bon và thành lập CTX ở Việt Nam.

II.2.3. Khung pháp lý về sàn hàng hóa

Việc mua bán hàng hóa trên thị trường hàng hóa nhìn chung được điều chỉnh bởi Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư. Điều 67 Luật Thương mại 2005 quy định chức năng của Sở giao dịch hàng hóa như sau (Quốc hội, 2005):

- Cung cấp các điều kiện vật chất- kỹ thuật cần thiết để giao dịch mua bán hàng hóa;
- Điều hành các hoạt động giao dịch;
- Niêm yết các mức giá cụ thể hình thành trên thị trường giao dịch hàng hóa tại từng thời điểm.

Luật cũng quy định rõ hai loại hợp đồng mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa là hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng quyền chọn.

Sở giao dịch hàng hóa được quy định cụ thể theo Nghị định số 158/2006/ND-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các sửa đổi, bổ sung gần đây theo Nghị định số 51/2018/ND-CP.

Khác với sở giao dịch chứng khoán được Chính phủ quản lý chặt chẽ, sở giao dịch hàng hóa có thể là bất kỳ pháp nhân nào được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần đáp ứng các điều kiện cụ thể sau (Chính phủ, 2006) (Chính phủ, 2018):

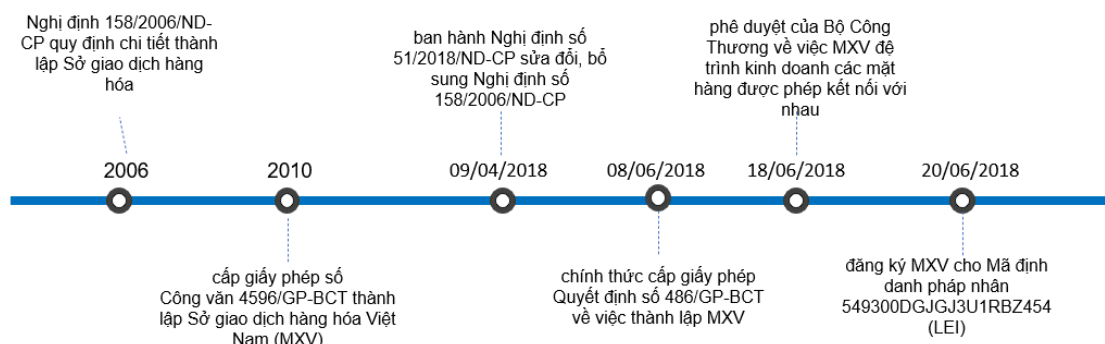
1. Có vốn pháp định từ 150 tỷ đồng trở lên;
2. Có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về công nghệ phục vụ mua bán hàng hóa thông qua sở giao dịch hàng hóa, cụ thể:
 - Hệ thống máy chủ phải hoạt động ổn định và có ít nhất một máy chủ dự phòng sẵn sàng trong trường hợp máy chủ chính gặp sự cố;
 - Hệ thống máy chủ có trách nhiệm sao lưu dữ liệu ứng dụng nghiệp vụ, dữ liệu giao dịch và đảm bảo phục hồi dữ liệu trong trường hợp có sự cố;
 - Phần mềm ứng dụng phải tuân thủ các yêu cầu về quyền sở hữu trí tuệ;
 - Hệ thống phần mềm có khả năng lưu vết mọi giao dịch hàng hóa, thanh toán, giao nhận trong quy trình nghiệp vụ tối thiểu 5 năm; và
 - Hệ thống thông tin phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng.

Bộ Công Thương (CT) chịu trách nhiệm quản lý các sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam, bao gồm việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép thành lập các sở giao dịch hàng hóa.

Việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ của trung tâm thanh toán và trung tâm giao nhận hàng hóa cũng được quy định trong quy chế này. Theo đó, Sở giao dịch hàng hóa có thể

thành lập trung tâm thanh toán và trung tâm giao nhận hàng hóa trực thuộc hoặc ủy quyền cho một tổ chức khác cung cấp dịch vụ.

Cho đến nay, Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) là đơn vị duy nhất được Bộ CT cấp giấy phép và hoạt động mua bán hàng hóa cấp quốc gia (Đình Thanh Hương, 2023).



Hình 38: Lịch sử phát triển của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên VMEX (nd)

Tính đến tháng 1 năm 2023, MXV đang quản lý 37 thành viên thị trường (35 thành viên giao dịch và 2 thành viên trung gian) có văn phòng, chi nhánh trên toàn quốc và hơn 22.000 tài khoản giao dịch đang hoạt động. MXV đang niêm yết giao dịch 42 sản phẩm thuộc 4 nhóm: i) Nông sản; ii) Năng lượng; iii) Kim loại; và iv) Vật liệu công nghiệp. Sàn giao dịch này được liên kết trực tiếp với các sàn giao dịch hàng hóa lớn trên thế giới, bao gồm ICE, London Metal Exchange (LME), Singapore Exchange (SGX), Osaka Exchange (OSE) và Bursa Malaysia Derivatives Berhad (BMD) (ITR, 2023).

Ngoài sở giao dịch hàng hóa, Chính phủ còn quy định về thương mại điện tử theo Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và được sửa đổi theo Nghị định số 85/2021/NĐ-CP. Theo các quy định này, “website thương mại điện tử” là một trang thông tin điện tử được thiết lập để phục vụ quá trình hoặc toàn bộ quá trình mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, từ trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ đến giao kết hợp đồng, cung ứng dịch vụ, thanh toán, và cung cấp các dịch vụ sau bán hàng. Có hai loại website thương mại điện tử:

- Website thương mại điện tử bán hàng: là website do thương nhân, tổ chức, cá nhân tự thành lập nhằm phục vụ cho hoạt động xúc tiến kinh doanh, bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của mình.
- Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là website do thương nhân, tổ chức thiết lập nhằm cung cấp môi trường cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động thương mại. Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử bao gồm các loại hình sau: i) Sàn giao dịch thương mại điện tử; ii) website đấu giá trực tuyến; iii) trang web khuyến mãi trực tuyến; iv) các trang web khác do Bộ CT quy định.

“Sàn giao dịch thương mại điện tử” còn được định nghĩa là website thương mại điện tử cho phép thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải là chủ sở hữu website thực hiện một phần hoặc toàn bộ quá trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên website đó và thực hiện không bao gồm giao dịch chứng khoán trực tuyến. Bộ CT cũng chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại Việt Nam. Các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm các hình thức sau (Chính phủ, 2013):

- Website cho phép người tham gia mở cửa hàng trực tuyến để trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ;
- Website cho phép người tham gia thiết lập các trang con để trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ;
- Website có chuyên mục mua bán cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa, dịch vụ.

Trong trường hợp website thương mại điện tử cho phép người tham gia thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa như một sàn giao dịch hàng hóa thì phải có Giấy phép thành lập sàn giao dịch hàng hóa và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sàn giao dịch hàng hóa.

Sự phát triển tự nguyện hiện nay của các sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam là dưới hình thức “sàn giao dịch thương mại điện tử”.

Đối với website đấu giá trực tuyến cần có hệ thống kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau (Chính phủ, 2013) :

- Ghi nhận, lưu trữ tất cả các mức giá đã trả trong một cuộc đấu giá;
- Sau khi bắt đầu cuộc đấu giá, cứ 30 (ba mươi) giây một lần phải hiển thị mức giá cao nhất được ghi nhận và người trả mồi giá đó.

II.3. Tổ chức thể chế hiện có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của CTX

II.3.1. Tổ chức thể chế hiện tại cho thị trường các-bon và CTX

Như đã đề cập trên đây trong phần rà soát pháp lý, các cơ quan thể chế và đối tượng tham gia thị trường các-bon trong nước của Việt Nam đã được xác định sơ bộ trong Luật BVMT 2020 và Nghị định số 06/2022/ND-CP như sau:

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Đối với thị trường các-bon, Bộ TNMT có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải KNK theo giao đoạn và hàng năm (bao gồm tỷ lệ hạn ngạch dự trữ và đấu giá cho giai đoạn 2026-2030) và tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới (Quốc hội, 2020).

Cụ thể đối với CTX, Bộ TNMT chịu trách nhiệm xác nhận hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon được giao dịch trên CTX. Bộ TNMT sẽ cung cấp hướng dẫn về đấu giá, chuyển giao, tích lũy, vay mượn và nộp trả hạn ngạch phát thải KNK. Bộ TNMT sẽ chủ trì và phối hợp với các Bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX, bao gồm

việc phân bổ hạn ngạch và MRV cho các cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Bộ TNMT sẽ thu hồi hạn ngạch được cấp trong trường hợp cơ sở ngừng hoạt động, giải thể hoặc phá sản. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, Bộ TNMT sẽ thực hiện chức năng quản lý và giám sát thị trường các-bon; quy định các hoạt động liên quan nhằm kết nối CTX trong nước với thị trường các-bon khu vực và toàn cầu; quy định việc thực hiện cơ chế trao đổi và bù trừ tín chỉ các-bon; xây dựng các tài liệu tuyên truyền và thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực các bên tham gia thị trường các-bon (Chính phủ, 2022c).

Bộ Tài chính

Bộ TC chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ TNMT và các bộ, ngành liên quan thành lập thị trường các-bon trong nước (Quốc hội, 2020).

Riêng đối với CTX, Bộ TC chủ trì xây dựng, thành lập CTX và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.

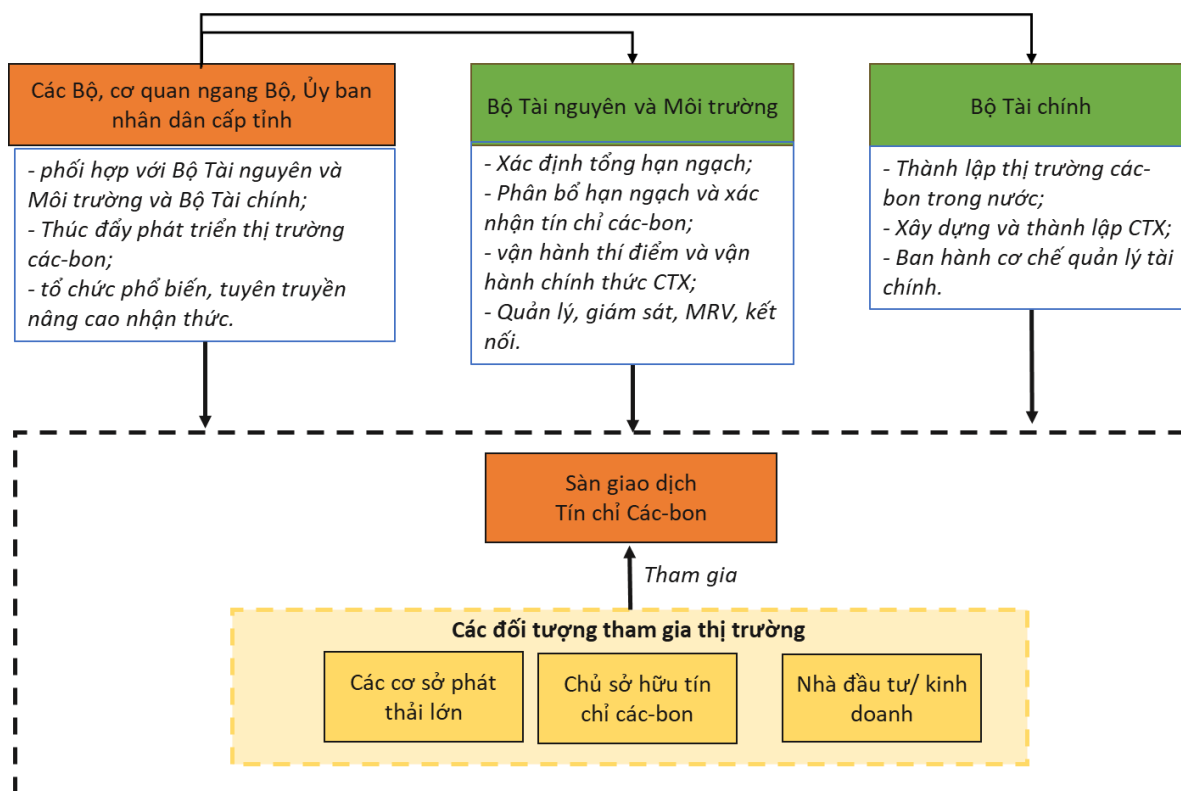
Cơ quan có liên quan khác

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được yêu cầu phối hợp chặt chẽ với Bộ TNMT và Bộ TC để triển khai các hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển thị trường các-bon. Ngoài ra, các cơ quan này còn có trách nhiệm tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon (Chính phủ, 2022c).

Các bên tham gia thị trường

Nghị định số 06/2022/ND-CP xác định ba (3) nhóm đối tượng tham gia vào thị trường các-bon trong nước, bao gồm: i) Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK do Thủ tướng Chính phủ ban hành; ii) Các tổ chức tham gia thực hiện các chương trình/cơ chế tín chỉ và bù trừ các-bon trong nước và quốc tế; và iii) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon.

Hình dưới đây mô tả các cơ quan thể chế và thành phần tham gia thị trường các-bon trong nước theo các quy định hiện hành.



Hình 39: Các tổ chức thể chế và thành phần tham gia thị trường các-bon trong nước của Việt Nam

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Quốc hội (2020) và Chính phủ (2022a)

II.3.2. Tổ chức thể chế hiện hành cho sàn giao dịch chứng khoán

Trải qua hơn 30 năm hình thành và hoạt động, thị trường chứng khoán Việt Nam đã phát triển khá tốt với các tổ chức và thành phần tham gia sau:

Bộ Tài chính

Theo Nghị định số 14/2023/ND-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TC, Bộ TC có trách nhiệm quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Bộ TC chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy thị trường chứng khoán, đề xuất các phương án thành lập, giải thể hoặc chuyển đổi quyền sở hữu, phương thức hoạt động hoặc mô hình tổ chức của Sở Giao dịch Chứng khoán và VSDC. Ngoài ra, Bộ TC có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh và thu hồi giấy phép, chứng chỉ và các chứng nhận liên quan cho hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; chấp thuận thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ các hoạt động liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Bộ TC còn có trách nhiệm quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm toán hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; quản lý các dịch vụ chứng khoán và hoạt động thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp an ninh, đảm bảo an ninh, an toàn cho thị trường chứng khoán (Chính phủ, 2023).

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

UBCKNN chịu sự quản lý của Bộ TC. Theo Quyết định số 48/2015/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08 tháng 10 năm 2015 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBCKNN trực thuộc Bộ TC, UBCKNN có trách nhiệm tham mưu, giúp Bộ TC trong công tác quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; trực tiếp quản lý, giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; quản lý các hoạt động dịch vụ liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành và các nhiệm vụ, quyền hạn khác (Thủ tướng Chính phủ, 2015).

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

VNX chính thức ra mắt vào ngày 11 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của VNX. VNX và các công ty con (HNX và HOSE) thực hiện chức năng tổ chức thị trường chứng khoán Việt Nam và hoạt động dưới sự quản lý, giám sát của UBCKNN. Chức năng chính của VNX là xây dựng chiến lược 5 năm, xây dựng các quy định về niêm yết và giao dịch cũng như giám sát HNX và HOSE (Thủ tướng Chính phủ, 2020).

Sàn Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

HOSE, được thành lập năm 2000 và được nâng cấp lên sàn giao dịch chứng khoán vào năm 2007 (HOSE, 2022b), đóng vai trò then chốt trên thị trường tài chính Việt Nam. Chức năng chính của HOSE được quy định tại Quyết định số 2399/2017/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HOSE, HOSE có trách nhiệm tổ chức niêm yết, giao dịch và đấu giá chứng khoán, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. HOSE giám sát, bảo đảm việc tuân thủ pháp luật chứng khoán và các quy định của thị trường chứng khoán của thành viên giao dịch, tổ chức đăng ký niêm yết và giao dịch, và các nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng khoán. Hơn nữa, HOSE còn đóng vai trò như một nền tảng để giải quyết các tranh chấp liên quan đến thương mại thông qua đàm phán và hòa giải, thúc đẩy hơn nữa tính toàn vẹn của thị trường. Ngoài ra, HOSE tích cực đóng góp vào phát triển thị trường bằng cách cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ kỹ thuật, phổ biến thông tin thị trường, thực hiện các chương trình đào tạo và tạo điều kiện chia sẻ kiến thức, cuối cùng là củng cố bối cảnh tài chính của Việt Nam (Bộ TC, 2017b).

Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

HNX, tiền thân là Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, được thành lập vào tháng 3 năm 2005 với tư cách là tổ chức nội bộ của UBCKNN. Theo Quyết định số 2398/2017/QĐ-BTC của Bộ TC ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HNX, tương tự như HOSE, HNX là công ty Nhà nước, chịu sự quản lý của UBCKNN và vận hành sàn giao dịch chứng khoán cho các thành viên giao dịch, tiếp nhận và quản lý việc niêm yết chứng khoán, tổ chức và giám sát hoạt động của các thành viên giao dịch (Bộ TC, 2017a).

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

VSDC được thành lập với tư cách là công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nhà nước nhằm giám sát và thực hiện nhiều hoạt động liên quan đến chứng khoán theo Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc thành lập, tổ chức và quản lý hoạt động của VSDC và Quyết định số 1275/2023/QĐ-BTC của Bộ TC ngày 14 tháng 6 năm 2023 về quy định tổ chức và hoạt động của VSDC. Chức năng chính của VSDC bao gồm cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán niêm yết và chứng khoán công ty đại chúng, cấp mã chứng khoán và mã số chứng khoán quốc tế (ISIN), xử lý các quyền của công ty, làm đại lý chuyển nhượng và cung cấp các dịch vụ quản lý tài sản khác nhau cùng với các trách nhiệm khác. VSDC cũng quản lý rủi ro thông qua các cơ chế như chức năng Đối tác trung tâm, Quỹ bồi thường, Quỹ bù trừ và cho vay và vay chứng khoán, đảm bảo tuân thủ pháp luật chứng khoán. VSDC đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển thị trường bằng cách cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ kỹ thuật, phổ biến thông tin, đào tạo và dịch vụ chia sẻ kiến thức (Bộ TC, 2023).

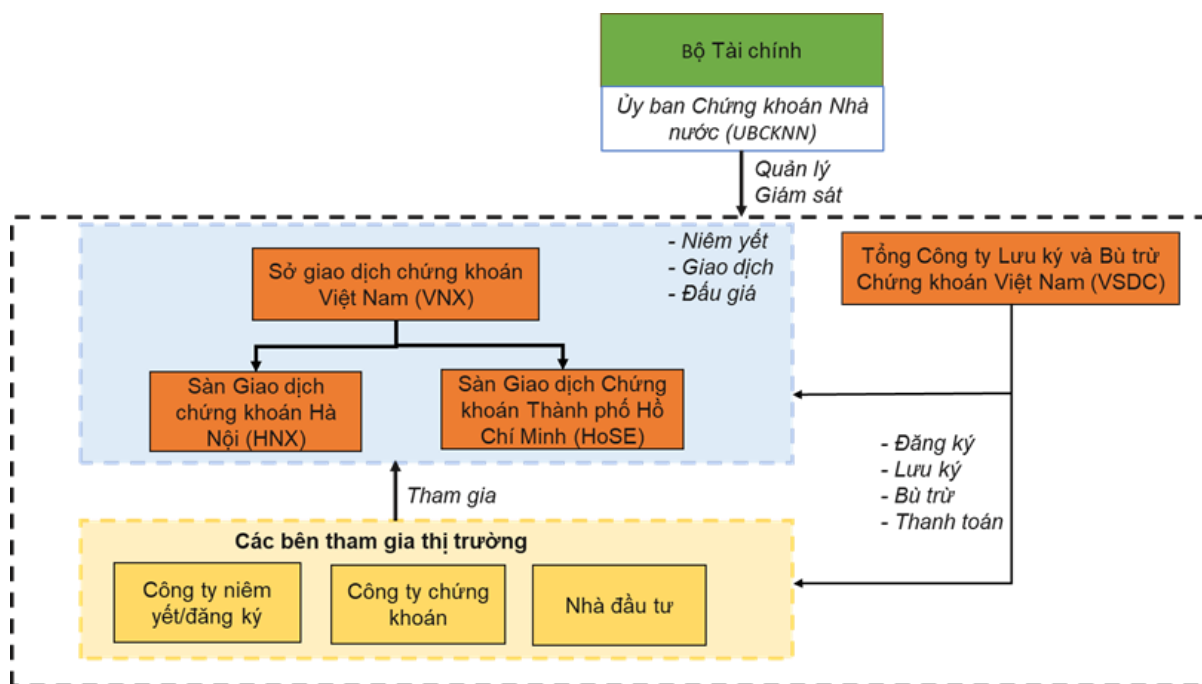
Công ty chứng khoán

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 24 tháng 4 năm 2007 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty chứng khoán được định nghĩa là tổ chức có tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh chứng khoán, bao gồm một, một số hoặc tất cả các hoạt động sau: môi giới chứng khoán, giao dịch chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán (Bộ TC, 2007b). Các công ty chứng khoán chịu sự quản lý và giám sát của UBCKNN. Tại Việt Nam, một số công ty chứng khoán nổi bật có thể kể đến như Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, v.v.

Nhà đầu tư

Theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019, nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định động lực thị trường, vì quyết định mua, bán hoặc nắm giữ chứng khoán của họ ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả và xu hướng thị trường. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch thông qua công ty chứng khoán (Quốc hội, 2019).

Hiện tại ở Việt Nam, trách nhiệm quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán thuộc thẩm quyền của Bộ TC. Tổ chức thể chế tổng thể cho thị trường chứng khoán được trình bày trong hình dưới đây.



Hình 40: Tổ chức thể chế trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

II.3.3. Tổ chức thể chế hiện tại cho việc trao đổi hàng hóa

Các tổ chức và đối tượng tham gia trao đổi hàng hóa ở Việt Nam được quy định theo Luật Thương mại và Nghị định số 158/2006/ND-CP như sau:

Bộ Công Thương

Bộ CT chịu trách nhiệm quản lý thương mại và thị trường hàng hóa trong nước và thực hiện quản lý nhà nước về mua bán hàng hóa thông qua Sở giao dịch hàng hóa. Bộ CT chịu trách nhiệm về những nội dung sau (Chính phủ, 2006), (Chính phủ, 2018):

- Trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;
- Quyết định thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, phê duyệt Điều lệ hoạt động và phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa; ban hành danh mục hàng hóa được phép mua bán trên Sở giao dịch hàng hóa;
- Tổ chức thanh tra các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa trên Sở giao dịch hàng hóa;
- Quy định lộ trình và điều kiện để thương nhân Việt Nam tham gia mua bán hàng hóa thông qua các Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài;
- Thực hiện các công việc quản lý Nhà nước khác, v.v.

Bộ CT cũng chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về thương mại điện tử (Chính phủ, 2022b).

Sở giao dịch hàng hóa

Mặc dù bất kỳ pháp nhân nào đáp ứng yêu cầu đều có thể thành lập Sở giao dịch hàng hóa nhưng cho đến nay MXV là Sở giao dịch hàng hóa duy nhất được Bộ CT cấp giấy phép.

MXV có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: (Chính phủ, 2006), (Chính phủ, 2018):

- Lựa chọn mặt hàng để giao dịch trên Sở giao dịch hàng hóa;
- Tổ chức, điều hành và quản lý hoạt động mua bán hàng hóa trên Sở giao dịch;
- Thu phí thành viên, phí giao dịch, cung cấp dịch vụ thông tin và các dịch vụ khác;
- Kiểm tra, giám sát việc giao dịch và kê khai thông tin của các thành viên.

Thành viên của Sở giao dịch hàng hóa

Thành viên của Sở giao dịch hàng hóa bao gồm: thương nhân trung gian (thành viên trung gian) và thương nhân buôn bán (thành viên giao dịch). Chỉ thành viên giao dịch mới được phép thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa trên Sở giao dịch hàng hóa và chỉ có thành viên trung gian mới được phép thực hiện môi giới mua bán hàng hóa trên Sở giao dịch hàng hóa.

Trung tâm thanh toán bù trừ

Cơ quan thanh toán bù trừ có các trách nhiệm sau (Chính phủ, 2006):

- Nhận tiền gửi từ thành viên và các tài liệu liên quan đến hoạt động giao dịch;
- Đảm bảo thanh toán chính xác cho hoạt động giao dịch;
- Thông báo các thông tin liên quan đến tài khoản của thành viên một cách kịp thời và chính xác;
- Thực hiện nghĩa vụ bảo mật.

Trung tâm giao nhận hàng hóa

Trung tâm giao nhận hàng hóa có các trách nhiệm sau (Chính phủ, 2006):

- Không nhận hàng hóa không đáp ứng yêu cầu trao đổi hàng hóa;
- Bảo quản hàng hóa đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng trong thời hạn mà Sở giao dịch hàng hóa yêu cầu;
- Giao hàng theo đúng lệnh giao hàng của Sở giao dịch hàng hóa;
- Báo cáo tình hình lưu giữ, bảo quản, giao nhận hàng hóa theo quy định của Sở giao dịch hàng hóa.

Sàn giao dịch thương mại điện tử

Nghị định số 52/2013/ND-CP của Chính phủ về thương mại điện tử quy định trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử như sau (Chính phủ, 2013):

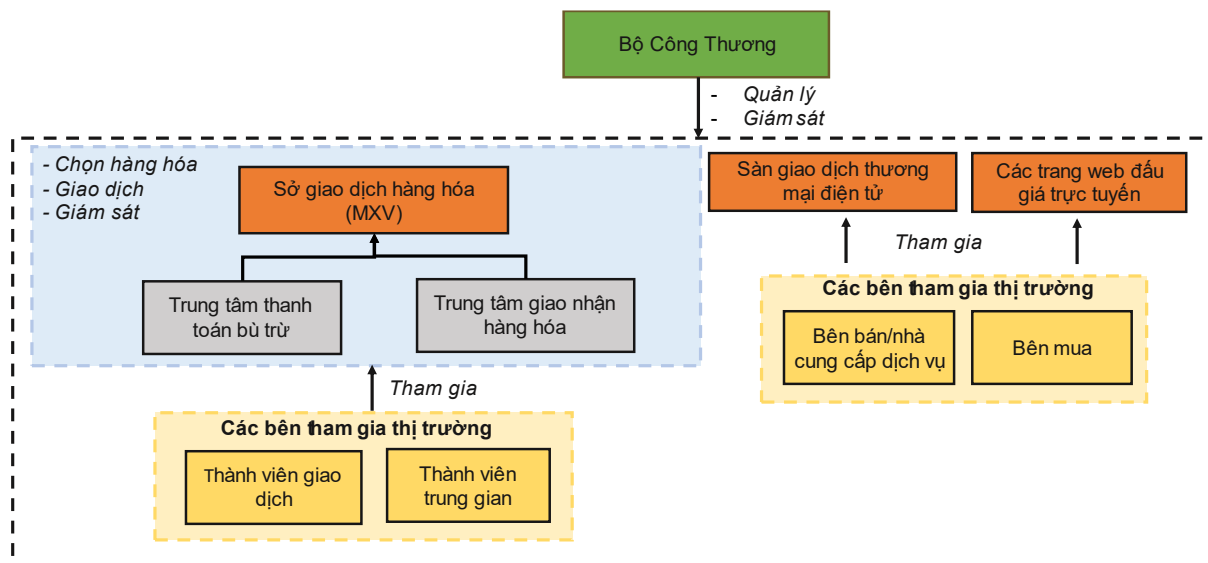
- Đăng ký thành lập website cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Xây dựng và công bố trên website điều lệ hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân là bên bán hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp các thông tin được yêu cầu;

- Có cơ chế kiểm tra, giám sát đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về bên bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Lưu trữ thông tin đăng ký của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử và thường xuyên cập nhật thông tin trong trường hợp sửa đổi;
- Thiết lập cơ chế cho phép doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện thỏa thuận hợp đồng nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến;
- Áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh;
- Có biện pháp xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trên sàn giao dịch thương mại điện tử.

Trách nhiệm của bên bán hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử cũng được quy định như sau (Chính phủ, 2013):

- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Cung cấp thông tin đầy đủ về hàng hóa, dịch vụ khi bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin về hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Cung cấp thông tin về tình trạng doanh nghiệp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu được yêu cầu;
- Tuân thủ các quy định về thanh toán, quảng cáo, khuyến khích, bảo vệ tài sản trí tuệ và lợi ích của người tiêu dùng.

Hình dưới đây mô tả các tổ chức thể chế và đối tượng tham gia giao dịch hàng hóa theo quy định hiện hành.



Hình 41: Tổ chức thể chế cho việc trao đổi hàng hóa ở Việt Nam

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên quy định hiện hành (2023)

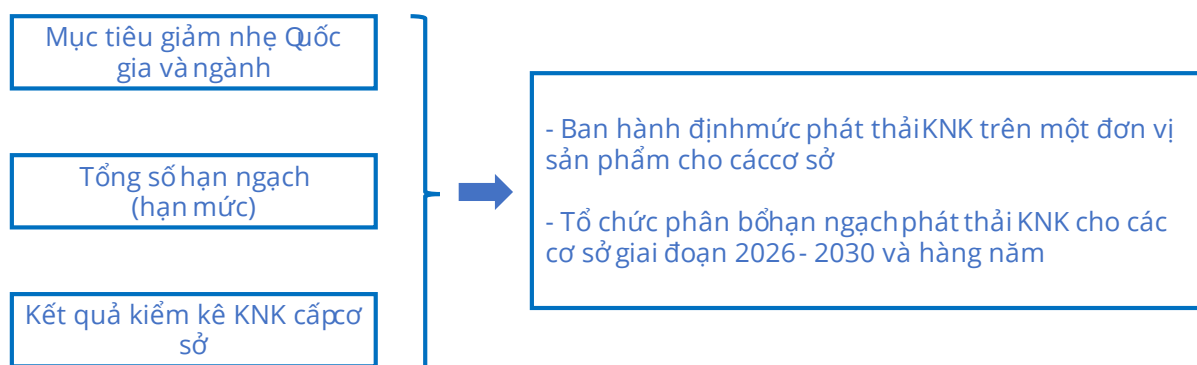
II.4. Cơ sở hạ tầng hiện tại liên quan đến việc thành lập và hoạt động của CTX

II.4.1. Cơ sở hạ tầng hiện tại để thiết lập và vận hành thị trường các-bon và CTX

Các quy định hiện hành không có yêu cầu cụ thể về cơ sở hạ tầng quốc gia đối với việc thành lập và vận hành thị trường các-bon và CTX tại Việt Nam. Luật BVMT 2020 chỉ yêu cầu các cơ sở phát thải KNK có nghĩa vụ thực hiện kiểm kê KNK phải xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về phát thải KNK ở cấp cơ sở.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của thị trường các-bon và CTX, Nghị định số 06/2022/ND-CP cũng đã thiết lập các yêu cầu khung cho việc phân bổ hạn ngạch và các nguyên tắc giao dịch hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước.

Về phân bổ hạn ngạch, dựa trên tổng hạn ngạch quốc gia và kết quả kiểm kê KNK trong kỳ kiểm kê gần nhất và việc thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK tại các cơ sở, Bộ TNMT là cơ quan đầu mối xác định tổng hạn ngạch và tỷ lệ hạn ngạch dự trữ và đấu giá; ban hành định mức phát thải KNK trên một đơn vị sản phẩm cho các cơ sở trong giai đoạn từ 2026 đến 2030 và hàng năm (Chính phủ, 2022c). Hình dưới đây minh họa các căn cứ để phân bổ hạn ngạch.



Hình 42: Căn cứ phân bổ hạn ngạch theo Nghị định số 06/2022/ND-CP

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Chính phủ (2022b)

Theo Điều 19 Nghị định số 06/2022/ND-CP, việc trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon được thực hiện trên CTX và thị trường các-bon trong nước theo quy định. Các đơn vị các-bon được giao dịch bao gồm: (i) Hạn ngạch phát thải KNK được giao dịch trên sàn giao dịch (1 đơn vị hạn ngạch bằng 1 tCO₂tđ); (ii) Tín chỉ các-bon được chuyển đổi thành đơn vị để bù trừ cho hạn ngạch phát thải KNK (1 tín chỉ các-bon bằng 1 tCO₂tđ). Ngoài ra, các cơ sở có thể tham gia đấu giá và tham gia vào các hoạt động như chuyển giao, vay mượn, nộp trả hạn ngạch phát thải KNK và sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ. Các cơ sở này có thể tham gia đấu thầu để có được hạn ngạch bổ sung ngoài hạn ngạch được phân bổ trong cùng giai đoạn cam kết và có thể tích lũy hạn ngạch phát thải KNK chưa sử dụng từ năm này để chuyển sang năm tiếp theo trong cùng giai đoạn cam kết. Hơn nữa, các cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ lượng phát thải KNK vượt quá hạn ngạch được phân bổ trong thời gian cam kết, tuy nhiên, số tín chỉ các-bon để bù trừ

lượng phát thải không được vượt quá 10% tổng hạn ngạch được phân bổ. Trong trường hợp cơ sở ngừng hoạt động, giải thể hoặc tuyên bố phá sản, Bộ TNMT sẽ tự động thu hồi khoản hạn ngạch đã được phân bổ.

Nghị định số 06/2022/ND-CP cũng quy định Chính phủ khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả các hạn ngạch chưa sử dụng để đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải KNK quốc gia. Vào cuối mỗi giai đoạn cam kết, các cơ sở phải thanh toán cho lượng phát thải KNK vượt quá hạn ngạch được phân bổ và lượng phát thải vượt quá này sẽ được khấu trừ vào hạn ngạch được phân bổ cho giai đoạn cam kết tiếp theo. Bộ TNMT hướng dẫn việc đấu giá, chuyển giao, vay mượn và nộp trả hạn ngạch phát thải KNK.

Do đó, việc xây dựng một hệ thống đăng ký để đăng ký hạn ngạch và tín chỉ các-bon để giao dịch trên thị trường các-bon trong nước, được liên kết với CTX, là vô cùng quan trọng đối với thị trường các-bon trong nước của Việt Nam. Qua đó, các đơn vị các-bon có thể giao dịch và quyền sở hữu tài sản các-bon được công nhận rõ ràng trong hệ thống, đảm bảo tính minh bạch và tin cậy của CTX. Ngoài ra, các đặc điểm thiết kế chính của CTX và cơ cấu vận hành và quản lý CTX cần phải được chi tiết hơn trong các văn bản dưới luật để đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thể chế và sự vận hành hiệu quả trong thực tế.

II.4.2. Cơ sở hạ tầng hiện tại cho sàn giao dịch chứng khoán

Hiện nay, Việt Nam đang tích cực nghiên cứu, xem xét phát triển cơ sở hạ tầng cho CTX. Điều này đòi hỏi phải đánh giá cơ sở hạ tầng hiện tại của thị trường chứng khoán trong nước vì CTX và thị trường chứng khoán có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Phần này sẽ tập trung xem xét cơ sở hạ tầng của thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm đảm bảo sự vững chắc và an toàn cho cơ sở hạ tầng của CTX trong tương lai.

Thị trường chứng khoán ở Việt Nam bắt đầu hoạt động vào năm 2000 (Bộ TC, 2020d) và đã thiết lập được một khuôn khổ cơ sở hạ tầng vững chắc. Việt Nam có 3 sàn chứng khoán: HOSE được thành lập năm 2000 (HOSE, 2022a), HNX được thành lập năm 2005 (HNX, nd-a) và Thị trường các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) bắt đầu giao dịch từ năm 2009 (HNX, nd-a).

II.4.2.1. Cơ sở hạ tầng cho các phương thức giao dịch khác nhau

Có ba loại phương thức giao dịch: giao dịch thủ công, giao dịch bán điện tử và giao dịch điện tử, trong đó giao dịch điện tử đang phát triển nhanh chóng và trở thành xu hướng thịnh hành (Học viện Tài chính, 2008). Bắt đầu từ năm 2007, HOSE là đơn vị tiên phong triển khai phương thức giao dịch trực tuyến nhằm khắc phục những hạn chế của hệ thống sàn giao dịch truyền thống. Sự ra đời của hệ thống giao dịch trực tuyến là một bước quan trọng trong quá trình tự do hóa thị trường, giúp thu hút các nhà đầu tư toàn cầu và khuyến khích dòng vốn nước ngoài đổ vào thị trường chứng khoán Việt Nam (Mateus, 2021). Thông tư số 134/2017/TT-BTC xác định giao dịch điện tử là giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống công nghệ thông tin và Internet, mạng viễn thông hoặc các mạng mở khác, bao gồm: giao dịch chứng khoán giữa nhà đầu tư và tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; giao dịch chứng khoán giữa các thành viên giao

dịch với Sở giao dịch chứng khoán; giao dịch liên quan đến chứng khoán giữa thành viên lưu ký, thành viên bù trừ và VSDC.

Thông tư số 134/2017/TT-BTC cũng quy định về hạ tầng kỹ thuật hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến, trong đó bao gồm: máy chủ chuyên dụng riêng và tách biệt về mặt vật lý với các hệ thống kinh doanh khác để đảm bảo an ninh mạng và giảm thiểu rủi ro; một môi trường an toàn với các biện pháp kiểm soát truy cập, giám sát, và hệ thống điện dự phòng; trung tâm dữ liệu tiêu chuẩn có tích hợp chứng chỉ hoặc chữ ký số để giao dịch an toàn; công cụ quản lý và ghi âm cuộc gọi đối với dịch vụ qua điện thoại; và quy trình rõ ràng để điều chỉnh các mức giới hạn đối với các giao dịch trực tuyến của các nhà đầu tư. (Bộ Tài chính, 2007a).

II.4.2.2. Cơ sở hạ tầng cho các loại thị trường chứng khoán

Theo sự luân chuyển của các nguồn vốn, thị trường chứng khoán có hai loại là thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp. Theo đó, thị trường sơ cấp là thị trường nơi chứng khoán được tạo ra, còn thị trường thứ cấp là thị trường giao dịch chứng khoán giữa các nhà đầu tư.

Thị trường thứ cấp có thể được tổ chức dưới hai hình thức: thị trường tập trung và thị trường phi tập trung. Thị trường chứng khoán tập trung là thị trường nơi việc giao dịch chứng khoán niêm yết được tổ chức chặt chẽ. Thông thường, chỉ những doanh nghiệp lớn, có uy tín, đáp ứng đủ tiêu chuẩn niêm yết mới được phép niêm yết trên thị trường này. Giao dịch chủ yếu được thực hiện thông qua khớp lệnh tập trung. Thị trường chứng khoán phi tập trung, hay thị trường OTC, hoạt động thông qua một hệ thống dựa trên đấu thầu cạnh tranh và đàm phán được hỗ trợ bởi các phương tiện thông tin (Học viện Tài chính, 2008). Trên thị trường OTC, giao dịch được thực hiện thông qua mạng lưới các công ty chứng khoán rải rác khắp cả nước và được kết nối với nhau bằng các phương tiện điện tử. Giá cả trên thị trường này được hình thành theo thỏa thuận. Bảng dưới đây cung cấp sự khác biệt giữa thị trường tập trung và OTC.

Bảng 12: Sự khác biệt giữa thị trường tập trung và OTC

Thị trường tập trung	OTC
Có trung tâm giao dịch cụ thể	Không có trung tâm giao dịch cụ thể
Cơ chế đấu giá tập trung	Thỏa thuận giá cả thương lượng
Giá duy nhất cho một chứng khoán tại một thời điểm nhất định	Nhiều mức giá cho một chứng khoán tại một thời điểm nhất định
Chứng khoán được niêm yết	Chứng khoán có thể được niêm yết hoặc không
Tổ chức quản lý trực tiếp là sự trao đổi	Tổ chức quản lý trực tiếp có thể là Sở giao dịch (đối với cổ phiếu có mã ISIN) hoặc công ty phát hành (đối với cổ phiếu không có mã ISIN)

Cơ chế thanh toán rõ ràng	Cơ chế thanh toán linh hoạt và đa dạng
Tính thanh khoản cao	Thanh khoản thấp

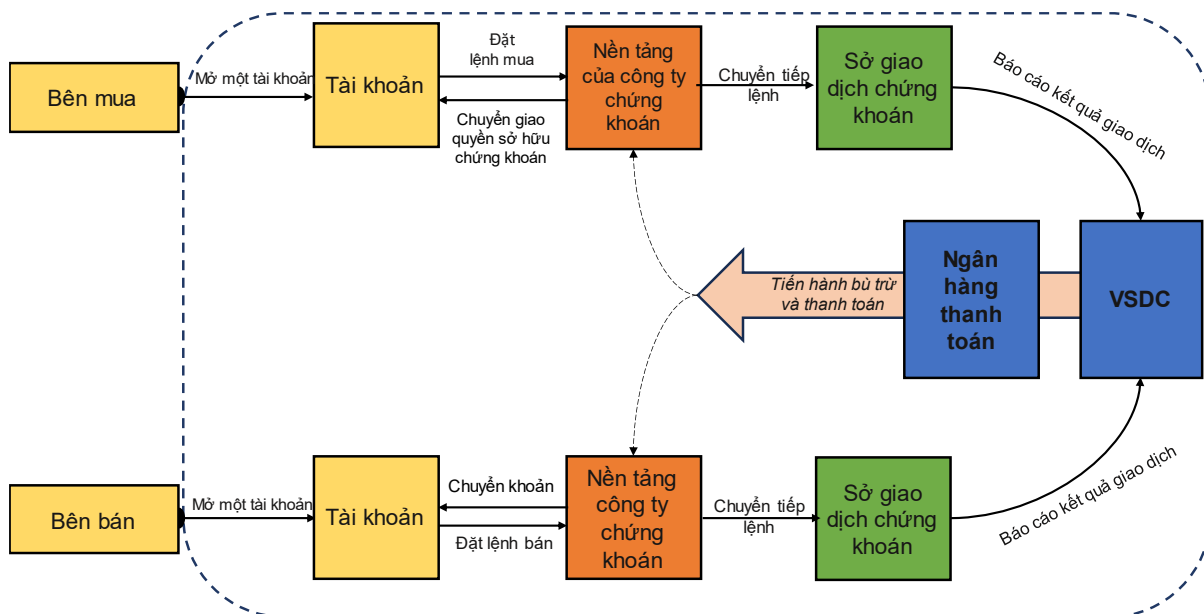
Nguồn: Học viện Tài chính (2008)

Nhìn chung, thị trường phi tập trung cho phép giao dịch linh hoạt hơn. Quá trình xử lý giao dịch cũng nhanh hơn vì không yêu cầu sự tham gia của sàn giao dịch mà chỉ cần có sự xác nhận từ các bên liên quan. Tuy nhiên, tính linh hoạt cao này cũng dẫn đến rủi ro lớn hơn so với giao dịch trên thị trường tập trung.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán tập trung được thực hiện tại Việt Nam thông qua các sàn giao dịch HOSE, HNX, UPCOM, sử dụng phương thức khớp lệnh tập trung. Theo Thông tư số 120/2020/TT-BTC do Bộ TC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp và chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, phương thức khớp lệnh tập trung là phương thức giao dịch trong đó hệ thống giao dịch chứng khoán khớp lệnh mua, bán chứng khoán theo mức độ ưu tiên về giá và thời gian. Trong đó, ưu tiên giá liên quan đến lệnh mua ở mức giá cao hơn được thực hiện trước và lệnh bán ở mức giá thấp hơn được thực hiện trước. Ưu tiên về thời gian liên quan đến việc nếu nhận được nhiều lệnh mua hoặc bán ở cùng một mức giá thì lệnh được nhập vào hệ thống có thời gian sớm hơn sẽ được giao dịch trước (Bộ TC, 2020a).

Nhìn chung, trên sàn giao dịch chứng khoán có hai loại tài khoản: tài khoản giao dịch và tài khoản lưu ký. Tuy nhiên, chức năng của các tài khoản này đối với mỗi bên tham gia thị trường là khác nhau. Mô tả về từng loại tài khoản và chức năng của chúng được nêu trong Phụ lục 8 của Báo cáo này.

Hình dưới đây cung cấp tổng quan về quy trình giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung ở Việt Nam và thông tin chi tiết được trình bày tại Phụ lục 8 của Báo cáo này.



Hình 43: Quy trình giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung ở Việt Nam

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Học viện Tài chính (2008)

II.4.3. Cơ sở hạ tầng hiện tại cho việc trao đổi hàng hóa

Nhìn chung, hoạt động của sàn hàng hóa cũng tương tự như các sàn chứng khoán như HOSE, HNX. Điểm khác biệt là MXV là sàn giao dịch hàng hóa duy nhất tại Việt Nam và có thể liên kết trực tiếp với các sàn giao dịch hàng hóa quốc tế khác trên thế giới. Bảng so sánh giữa giao dịch hàng hóa và giao dịch chứng khoán trên các sàn giao dịch tại Việt Nam được trình bày ở bảng dưới đây.

Bảng 13: So sánh sàn hàng hóa và sàn chứng khoán tại Việt Nam

Tiêu chí so sánh	Sàn giao dịch hàng hóa	Sàn giao dịch chứng khoán
Số lượng tài khoản	Khoảng 20.000 tài khoản	Khoảng 7.000.000 tài khoản
Khả năng kết nối thị trường	Thị trường kết nối quốc tế	Thị trường nội địa
Cường độ giao dịch	Cường độ giao dịch không giới hạn do Giao dịch T+0 để chốt lãi hoặc cắt lỗ trong cùng ngày	Cường độ giao dịch hạn chế do các quy định liên quan đến kỳ thanh toán T+3*

* Dự kiến giao dịch T+0 khi hệ thống KRX của HOSE được vận hành hoàn chỉnh

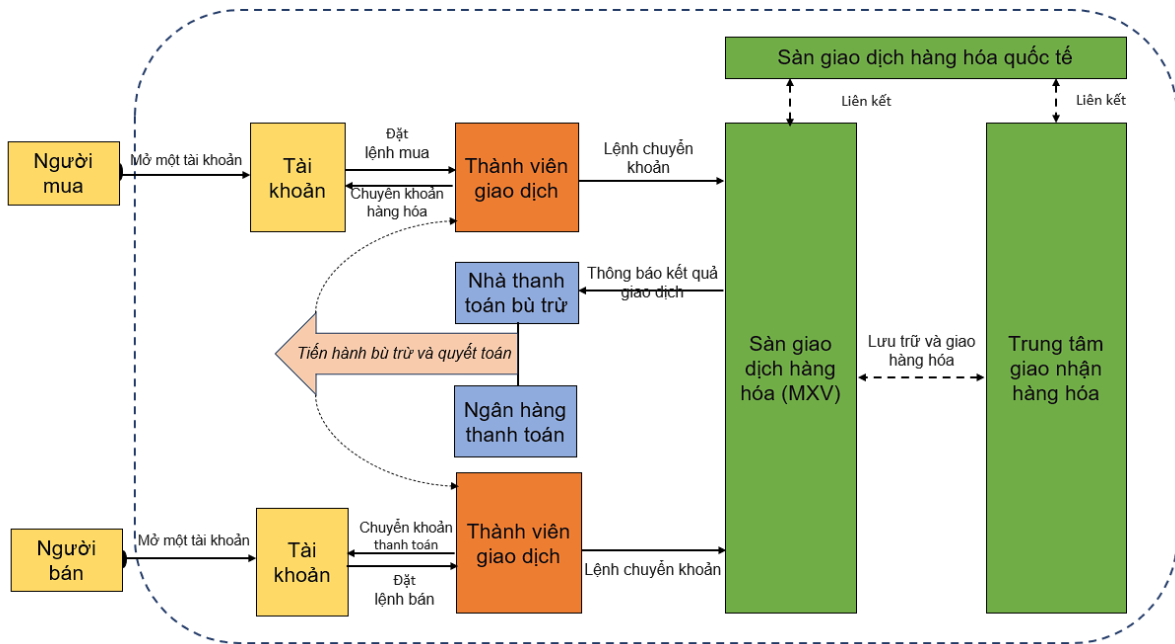
Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên HOSE (2023), MXV (2022)

Để giao dịch trên sàn giao dịch hàng hóa, khách hàng phải mở tài khoản giao dịch tại thành viên giao dịch của MXV. Về nguyên tắc, khách hàng được phép mở nhiều tài khoản

giao dịch, nhưng chỉ được mở một tài khoản giao dịch với mỗi thành viên giao dịch. Ngoài ra, thành viên giao dịch có thể mở tài khoản giao dịch để tự doanh, hoặc thành viên môi giới có quyền mở tài khoản giao dịch hàng hóa cho khách hàng sau khi ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh với thành viên giao dịch (MXV, 2020). Tài khoản giao dịch được sử dụng cho các mục đích sau:

- Đặt lệnh giao dịch;
- Nhận và hoàn trả ký quỹ cho khách hàng;
- Nhận lãi hoặc thanh toán lỗ thực tế từ việc đóng vị thế của khách hàng;
- Xác nhận việc giao nhận hàng hóa cơ sở đối với vị thế nắm giữ của khách hàng. Trong trường hợp giữ vị thế mua, việc chuyển tiền và nhận hàng sẽ được thực hiện, còn khi giữ vị thế bán thì việc giao hàng và nhận tiền sẽ được thực hiện.

Nhìn chung, quá trình giao dịch trên thị trường hàng hóa diễn ra tương tự như quá trình giao dịch trên thị trường chứng khoán. Người mua và người bán đặt lệnh với thành viên giao dịch của MXV. Các lệnh giao dịch sau đó được báo cáo cho MXV và sau đó được cơ quan thanh toán bù trừ thanh toán và giải quyết. Thực tế, quy trình giao dịch trên thị trường hàng hóa ở Việt Nam được minh họa trong hình dưới đây.



Hình 44: Quá trình giao dịch trên thị trường hàng hóa ở Việt Nam

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên VMEX (nd)

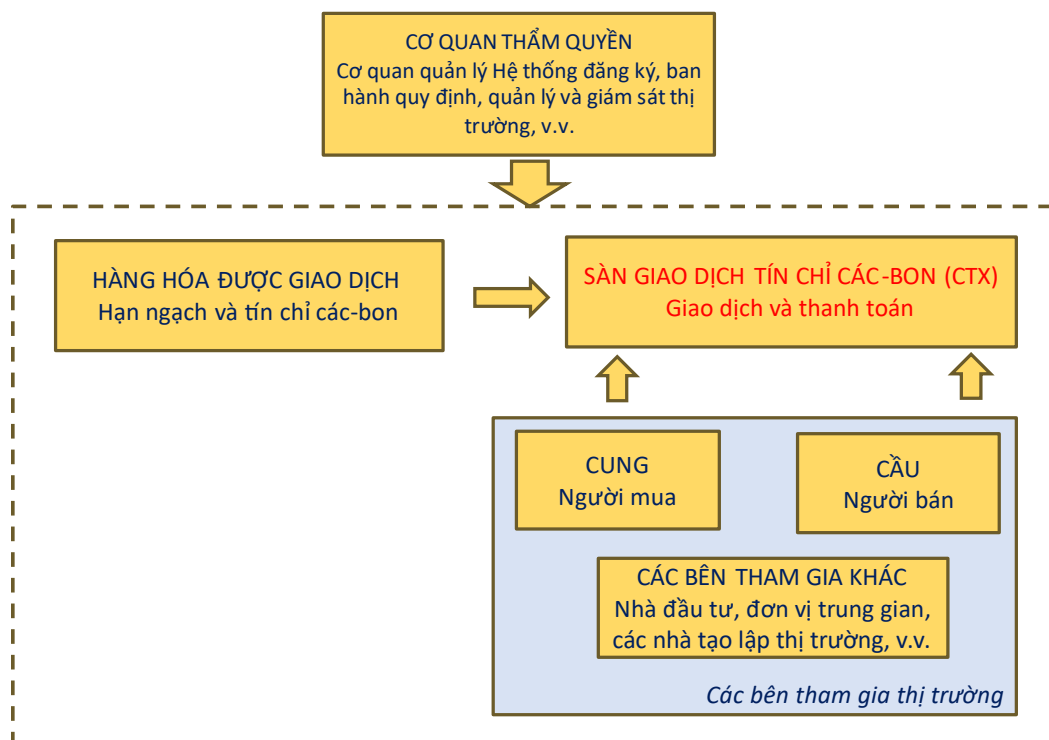
III. NHIỆM VỤ 5: PHÂN TÍCH KHOẢNG TRỐNG VỀ PHÁP LUẬT, THỂ CHẾ VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỐI VỚI VIỆC THÀNH LẬP VÀ VẬN HÀNH CTX TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHUYẾN NGHỊ DỰA TRÊN KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BỐI CẢNH QUỐC GIA

III.1. Phân tích khoảng trống về pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng trong việc thành lập và vận hành CTX tại Việt Nam

Tổng quan kinh nghiệm quốc tế cho thấy CTX chỉ là một thành phần của thị trường các-bon. Để thiết lập thị trường các-bon và vận hành CTX, cần xem xét các hợp phần khác như sau:

- **Cơ quan thẩm quyền quốc gia:** quản lý Hệ thống đăng ký để liên kết với CTX, đặt ra các quy định và thực hiện quản lý và giám sát thị trường;
- **Các hàng hóa được bán trên thị trường:** hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon phải được xác định rõ ràng và sẵn có tại thời điểm CTX hoạt động;
- **Các bên tham gia thị trường:** bên mua từ phía cầu và bên bán từ phía cung, cũng như các bên tham gia khác như các nhà đầu tư, tổ chức trung gian, nhà tạo lập thị trường, v.v.

Khi đã có các thành phần trên, CTX sẽ đóng vai trò là một nền tảng giao dịch tập trung để tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch và nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của thị trường.



Hình 45: Các thành phần chính của thị trường các-bon

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Việc rà soát, phân tích kinh nghiệm quốc tế và điều kiện trong nước của Nhiệm vụ 4 đã xác định các khoảng trống khác nhau cho việc thành lập và vận hành CTX tại Việt Nam, như thảo luận trong phần sau đây.

III.1.1. Khoảng trống pháp lý

Đánh giá bối cảnh quốc gia cho thấy khuôn khổ pháp lý của Việt Nam về thị trường các-bon và CTX đã có nhưng chưa đủ toàn diện để tạo điều kiện cho việc thiết lập và vận hành hiệu quả thị trường các-bon và CTX.

Các quy định hiện hành đã cung cấp các định nghĩa liên quan về hạn ngạch và tín chỉ các-bon, một số yếu tố thiết kế và nguyên tắc chính cho hệ thống MRV và CTX. Lộ trình phát triển thị trường các-bon cũng đã được xác định tại Nghị định số 06/2022/ND-CP.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khoảng trống để các quy định hiện tại có thể đáp ứng được với sự phức tạp và các yêu cầu để vận hành hiệu quả thị trường các-bon. Những khoảng trống pháp lý được xác định từ việc xem xét bối cảnh quốc gia như sau.

Về hàng hóa giao dịch

Theo Nghị định số 06/2022/ND-CP, Bộ TNMT sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng hạn ngạch và tỷ lệ dự trữ và bán đấu giá cho giai đoạn 2026-2030 và hàng năm. Dựa trên tổng hạn ngạch, báo cáo kiểm kê KNK và báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở, Bộ TNMT sẽ phối hợp với các bộ ngành để xây dựng các định mức phát thải cho sản phẩm và tổ chức phân bổ hạn ngạch cho các cơ sở được quản lý.

Hiện nay Việt Nam đang thiếu dữ liệu để thiết lập tổng hạn ngạch và xây dựng định mức phát thải cho việc phân bổ hạn ngạch. Dựa trên các quy định của Luật BVMT 2020 và Nghị định số 06/2022/ND-CP, báo cáo kiểm kê KNK đầu tiên ở cấp cơ sở sẽ chỉ được nộp cho Bộ TNMT vào cuối tháng 3 năm 2025. Để thiết kế ETS hiệu quả, cần phải thu thập dữ liệu phát thải KNK từ các cơ sở trong ít nhất ba năm để thiết lập đường cơ sở đáng tin cậy. Sử dụng định mức phát thải làm phương pháp phân bổ hạn ngạch sẽ cần nhiều dữ liệu từ các ngành công nghiệp khác nhau và cần thời gian dài để đàm phán với các bên liên quan trong các ngành để thống nhất về định mức và phương pháp phân bổ.

Việt Nam cũng chưa có quy định cụ thể về tiêu chí đánh giá và xác nhận tính hợp lệ của tín chỉ các-bon để được trao đổi trên thị trường.

Việc phân loại hạn ngạch và tín chỉ các-bon là sản phẩm tài chính hay hàng hóa thông thường, vẫn chưa được xác định rõ trong các quy định hiện hành. Điều này gây khó khăn trong việc lựa chọn các quy định pháp luật liên quan để áp dụng cho các giao dịch về hạn ngạch và tín chỉ các-bon.

Ngoài ra, quyền sở hữu các-bon cũng chưa được quy định rõ ràng. Theo Quyết định số 130/2007/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với các dự án CDM thì tín chỉ các-bon từ các dự án sẽ thuộc về chủ dự án và họ được tự do bán tín chỉ các-bon từ dự án của mình trên thị trường cacbon. Tuy nhiên, chưa có quy

định rõ ràng về quyền sở hữu các-bon đối với các dự án thuộc sở hữu nhà nước hoặc các dự án được thực hiện từ ngân sách nhà nước hoặc vốn vay.

Về yêu cầu tuân thủ

Để vận hành ETS, cần xây dựng các yêu cầu và hướng dẫn cho hệ thống MRV để đảm bảo đáp ứng tổng hạn ngạch, và doanh nghiệp có những hành động phù hợp để lượng phát thải KNK của mình không vượt quá hạn mức cho phép của cơ quan thẩm quyền. Theo Nghị định số 06/2022/ND-CP, các bộ quản lý ngành có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp trong lĩnh vực được quản lý thực hiện báo cáo kiểm kê KNK và đo đạc kết quả giảm phát thải KNK. Hiện nay, Bộ TNMT, Bộ CT và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư hướng dẫn hệ thống MRV trong lĩnh vực quản lý chất thải, lĩnh vực công thương, lâm nghiệp và đất nông nghiệp.

Các Bộ phụ trách các lĩnh vực còn lại thuộc ETS (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng) cũng cần phải xây dựng hướng dẫn tương tự để theo dõi lượng phát thải KNK ở cấp cơ sở nhằm đảm bảo tuân thủ mục tiêu phát thải theo quy định.

Nghị định số 06/2022/ND-CP quy định yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định. Tuy nhiên, quy trình đăng ký và danh sách các tổ chức thẩm định vẫn chưa được công bố trên trang web của cơ quan quốc gia về biến đổi khí hậu.

Mặc dù cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS phải thanh toán cho lượng phát thải KNK vượt quá hạn ngạch được phân bổ và khối lượng vượt quá sẽ bị trừ vào lần phân bổ hạn ngạch tiếp theo, mức phí vẫn chưa được xác định và không rõ liệu hành vi vi phạm có được coi là vi phạm hành chính hay không, do vi phạm này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 45/2022/ND-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Về hệ thống đăng ký quốc gia

Chức năng của hệ thống đăng ký đã được quy định rõ trong Luật BVMT 2020 và Nghị định 06/2022/ND-CP, bao gồm: (i) phân bổ hạn ngạch cho các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh; (ii) đăng ký các dự án/chương trình các-bon để kinh doanh tín chỉ các-bon; (iii) xác nhận các loại tín chỉ các-bon đủ điều kiện tham gia thị trường các-bon; (iv) chuyển tiếp hạn ngạch phát thải KNK chưa sử dụng của năm trước sang các năm tiếp theo trong cùng giai đoạn tuân thủ; (v) vay mượn hạn ngạch được phân bổ cho năm sau để sử dụng vào năm trước trong cùng giai đoạn tuân thủ; (vi) sử dụng tín chỉ các-bon từ các dự án theo cơ chế trao đổi và bù trừ tín chỉ các-bon để bù trừ lượng phát thải KNK vượt quá mức cho phép được phân bổ trong giai đoạn tuân thủ, v.v.

Tuy nhiên, các văn bản hiện hành chưa có quy định cụ thể nào đề cập đến việc thành lập và vận hành hệ thống đăng ký cho thị trường các-bon trong nước. Đây là thành phần quan trọng để CTX có thể vận hành và do đó cần phải được quy định trong khung pháp lý cho thị trường các-bon trong nước của Việt Nam.

Về chỉ định và điều lệ hoạt động của CTX

Luật BVMT 2020 và Nghị định số 06/2022/ND-CP quy định điều lệ hoạt động của CTX phải được xây dựng trước năm 2027. Trong khi Bộ TC được giao chủ trì thành lập CTX thì Bộ TNMT được giao chủ trì vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX.

Dựa trên thiết kế của ETS, các chức năng của CTX và cấu trúc thị trường cho việc vận hành thị trường các-bon, việc chỉ định và điều lệ hoạt động của CTX sẽ khác nhau. Do đó, trong giai đoạn tiếp theo của việc xây dựng CTX, Bộ TC và Bộ TNMT cần phối hợp để quyết định phương án lựa chọn để thành lập CTX và cơ cấu phù hợp để vận hành thị trường các-bon. Đây sẽ là cơ sở để phát triển hơn nữa khuôn khổ pháp lý cho CTX ở Việt Nam.

Về cơ chế tài chính

Để vận hành CTX, cần xây dựng cơ chế tài chính cho các giao dịch về hạn ngạch và tín chỉ các-bon. Ví dụ: trong K-ETS, phí giao dịch là 0,1% trên tổng số tiền giao dịch (phí giao dịch: 0,08%, phí thanh toán bù trừ: 0,02%). Tại UK-ETS và New Zealand ETS, còn có các khoản phí xác nhận hạn ngạch và tín chỉ các-bon, phí duy trì hàng năm, phí thay đổi, chuyển giao, thu hồi, nộp trả, v.v.

Nghị định số 06/2022/ND-CP quy định Bộ TC chủ trì ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon. Cơ chế này cần phải được quy định trước khi vận hành CTX.

Về công tác quản lý, giám sát thị trường

Chưa có quy định rõ ràng về quản lý, giám sát thị trường trong các quy định hiện hành theo Luật BVMT 2020 và Nghị định số 06/2022/ND-CP. Cần có quy định về các biện pháp thích hợp trước khi vận hành CTX để giám sát hoạt động thị trường và xử lý các biến dạng, biến động giá cả, vi phạm thị trường, v.v. để đảm bảo thị trường các-bon hoạt động ổn định và đáng tin cậy.

Kinh nghiệm từ các nghiên cứu điển hình quốc tế cho thấy việc sử dụng các biện pháp khác nhau có thể mang lại bài học tốt cho Việt Nam, ví dụ: cơ chế kiểm chế chi phí, cơ chế linh hoạt thị trường, v.v.

III.1.2. Khoảng trống thể chế

Như đề cập ở trên, Nghị định số 06/2022/ND-CP xác định ba nhóm đối tượng tham gia thị trường các-bon trong nước, trong đó có “các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon”. Tuy nhiên, tiêu chí đánh giá, phê duyệt “tổ chức, cá nhân khác” đủ điều kiện đầu tư, tham gia thị trường các-bon trong nước hiện nay chưa có và cần phải được quy định ở các văn bản pháp luật trong tương lai để tăng tính minh bạch và đảm bảo tham gia công bằng của các bên liên quan vào hoạt động của thị trường các-bon.

Ngoài ra, đối với các cơ quan nhà nước quản lý CTX, trong khi Bộ TC được giao chủ trì thành lập CTX thì Bộ TNMT được giao chủ trì vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX. Dựa trên phương án được lựa chọn để thành lập CTX và cấu trúc vận hành thị trường các-bon, vai trò và trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền và các bên tham gia thị trường các-bon và cơ chế điều phối các bên sẽ khác nhau và cũng cần được phản ánh trong các văn bản pháp lý tương lai.

Như đã đề cập trước đó, các quy định hiện hành về thị trường các-bon trong nước theo Luật BVMT 2020 và Nghị định số 06/2022/ND-CP không quy định cụ thể việc xây dựng và vận hành hệ thống đăng ký. Tuy nhiên, cuộc thảo luận với Cục Biến đổi Khí hậu, Bộ TNMT cho thấy hệ thống đăng ký quốc gia dự kiến sẽ được phát triển trong khuôn khổ dự án Đối tác triển khai thị trường (PMI) và dự kiến sẽ được triển khai vào tháng 9 năm 2024. Trong trường hợp này, sẽ cần có phân công cơ quan quản lý hệ thống đăng ký quốc gia để quản lý vận hành hệ thống đăng ký và bảo đảm liên kết với CTX.

III.1.3. Khoảng trống cơ sở hạ tầng

Hiện tại hệ thống đăng ký quốc gia vẫn chưa vận hành, dự kiến đến tháng 9 năm 2024 mới đi vào hoạt động như đã đề cập trên đây.

Ngoài ra, chưa có hệ thống toàn diện để hỗ trợ thực hiện ETS, bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về dữ liệu kiểm kê KNK của các cơ sở thuộc phạm vi quản lý để quản lý và giám sát hiệu quả hạn mức phát thải. Các công cụ để phân bổ hạn ngạch cũng còn thiếu.

Cả CTX và nền tảng đấu giá hạn ngạch vẫn chưa được xây dựng. Các yêu cầu về cơ sở hạ tầng cho các nền tảng này sẽ khác nhau tùy thuộc vào phương án được lựa chọn để thành lập CTX và vận hành thị trường các-bon.

Chưa có hệ thống tập trung về MRV phát thải KNK và giảm phát thải KNK.

Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng hiện nay của sàn giao dịch chứng khoán và sàn giao dịch hàng hóa khá tương đồng với cơ sở hạ tầng yêu cầu cho CTX. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng CTX có thể tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có này để giao dịch hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon.

III.2. Các phương án khác nhau cho việc thiết lập và vận hành CTX tại Việt Nam

Đánh giá bối cảnh quốc gia và phân tích khoảng trống cho thấy về tổng thể, việc xây dựng của CTX tại Việt Nam có thể tận dụng các sàn giao dịch hiện có hoặc phát triển một sàn giao dịch hoàn toàn mới.

Như đã trình bày ở phần trước, các sàn giao dịch chứng khoán hoặc hàng hóa hiện có có thể được sử dụng cho CTX. Kinh nghiệm quốc tế của tất cả các nghiên cứu điển hình cho thấy để vận hành hiệu quả CTX, không chỉ cần dịch vụ giao dịch mà còn cả chức năng bù trừ và thanh toán. Vì vậy, một sàn giao dịch thương mại điện tử cơ bản sẽ không thể đáp ứng được yêu cầu của hệ thống. Phương án khả thi nhất là sử dụng sàn giao dịch chứng khoán VNX (HOSE hoặc HNX) hoặc sàn giao dịch hàng hóa (MXV).

Theo Nghị định số 06/2022/ND-CP, Bộ TC được giao nhiệm vụ phát triển và thành lập CTX trong khi Bộ TNMT được giao vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX. Do đó, sàn giao dịch hàng hóa dưới sự quản lý của Bộ CT sẽ không phù hợp với khuôn khổ pháp lý và thể chế tổng thể hiện có đối với thị trường các-bon trong nước và CTX ở Việt Nam. Hơn nữa, sàn chứng khoán đã hoạt động lâu hơn nhiều so với sàn hàng hóa (HOSE và HNX được thành lập năm 1998 trong khi MXV được thành lập năm 2018). Thị trường chứng khoán cũng sôi động hơn rất nhiều với khoảng 7.000.000 tài khoản giao dịch trong nước và gần 45.000 tài khoản giao dịch nước ngoài (HOSE, 2023) trong khi thị trường hàng hóa do MXV vận hành chỉ có khoảng 22.000 tài khoản (MXV, 2022).

Đối với phương án thứ hai là phát triển một sàn giao dịch riêng hoàn toàn mới cho hoạt động mua bán các-bon, việc để Bộ TNMT phát triển sàn giao dịch sẽ thuận tiện hơn vì Bộ TNMT là cơ quan quốc gia chịu trách nhiệm tạo ra hạn ngạch và tín chỉ các-bon, MRV và vận hành thí điểm cũng như vận hành chính thức CTX.

Vì vậy, có hai phương án thành lập CTX ở Việt Nam như sau:

Phương án 1: Thành lập CTX trên cơ sở hệ thống hạ tầng của Sở giao dịch chứng khoán

Ưu điểm của phương án này là:

- Tận dụng hệ thống và bộ máy hiện có của thị trường chứng khoán Việt Nam Việt Nam trong những năm qua đã áp dụng công nghệ hiện đại để phát triển thị trường chứng khoán và quản lý sàn giao dịch chứng khoán. Hệ thống máy chủ và hệ thống lưu trữ đáp ứng yêu cầu an toàn, bảo mật thông tin cho các giao dịch chứng khoán trực tuyến. Mạng lưới mở rộng đã được hình thành nhằm kết nối các sàn giao dịch chứng khoán trong nước với Bộ TC, UBCKNN và VSDC.
- Không cần tổ chức đơn vị/tổ chức mới.
Theo phương án này, chỉ cần Bộ trưởng Bộ TC báo cáo Thủ tướng giao nhiệm vụ mới cho VNX. Theo khoản 2 Điều 43 và khoản 4 Điều 46 Luật Chứng khoán 2019 quy định “Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, giải thể, cơ cấu hoạt động, phương thức sở hữu, chức năng, quyền và trách nhiệm của VNX và việc thành lập

các đơn vị trực thuộc VNX theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ TC ” và “Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức, phân công thực hiện quyền, trách nhiệm của VNX và các đơn vị trực thuộc theo quy định của Luật này về cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính ”.

- Tận dụng kinh nghiệm tổ chức, vận hành thị trường chứng khoán của VNX; quản lý, giám sát các giao dịch và sử dụng một phần hệ thống công bố thông tin hiện có.

Tuy nhiên, phương án này có những nhược điểm sau:

- Không phù hợp với trách nhiệm của các bộ trong việc phát triển thị trường các-bon trong nước theo Nghị định số 06/2022/ND-CP trong đó Bộ TNMT chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX;
- Hạn ngạch và tín chỉ các-bon không phải là một loại chứng khoán. Để hạn ngạch và tín chỉ các-bon được niêm yết, đăng ký giao dịch trên một bảng riêng trong hệ thống giao dịch chứng khoán, cần rà soát, sửa đổi các quy định tại Luật Chứng khoán về định nghĩa chứng khoán, bổ sung các quy định về trách nhiệm quản lý và vận hành CTX và đầu tư nâng cấp, điều chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có;
- Cơ quan quản lý chứng khoán có thể gặp khó khăn trong việc tổ chức và vận hành CTX là thị trường mà Bộ TNMT đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành các hàng hóa giao dịch và quyết định cung cầu thị trường. Bước đầu tiên cần có cơ chế, hạ tầng công nghệ để đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin kịp thời, liên tục, minh bạch và linh hoạt giữa VNX, VSDC và cơ quan chịu trách nhiệm xác nhận hạn ngạch và tín chỉ các-bon tại Bộ TNMT.

Phương án 2: Phát triển mô hình CTX độc lập với hệ thống giao dịch chứng khoán, do Bộ TNMT quản lý.

Ưu điểm của phương án này là:

- Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 06/2022/ND-CP trong đó Bộ TNMT chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành thí điểm và vận hành chính thức CTX để quản lý, giám sát thị trường cacbon;
- Bảo đảm một cơ quan quản lý thị trường thống nhất từ khâu thành lập hàng hóa giao dịch đến khâu xác lập, quy định cung cầu trên thị trường và quản lý, giám sát các giao dịch trên thị trường;
- Việc kết nối, chia sẻ thông tin về quản lý giao dịch thị trường giữa các tổ chức, cơ quan thuộc Bộ TNMT sẽ thuận tiện hơn so với giữa các tổ chức, cơ quan thuộc các bộ, ngành khác nhau.

Mặt khác, phương án này cũng có những nhược điểm sau:

- Theo Luật BVMT và Nghị định số 06/2022/ND-CP, Bộ TC được giao nhiệm vụ thành lập thị trường các-bon và CTX. Tuy nhiên, dựa trên chức năng và nhiệm vụ của mình, Bộ TC sẽ không thể đề xuất thành lập một đơn vị/tổ chức trực thuộc Bộ

TNMT để vận hành, giám sát và quản lý CTX. Việc thành lập đơn vị/tổ chức mới phải rà soát chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và xây dựng Đề án thành lập đơn vị/tổ chức để quản lý, giám sát và hoạt động của CTX;

- Việc đề xuất thành lập một đơn vị/tổ chức mới trực thuộc Bộ TNMT ngay sau khi Nghị định số 68/2022/ND-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TNMT mới được Chính phủ ban hành và có hiệu lực từ ngày ngày 01 tháng 11 năm 2022 là khó khả thi;
- Theo Nghị định số 06/2022/ND-CP, CTX sẽ được thành lập và đi vào hoạt động thí điểm từ năm 2025. Việc phát triển CTX vì vậy là rất cấp bách. Hiện tại Bộ TNMT chưa có kế hoạch phân công bất kỳ đơn vị trực thuộc nào thực hiện quản lý, giám sát và vận hành CTX hoặc phát triển nền tảng giao dịch cho CTX. Vì vậy, nếu phát triển CTX theo hướng có đơn vị/tổ chức trực thuộc Bộ TNMT để quản lý, vận hành CTX sẽ khó đảm bảo mốc thời gian vận hành thí điểm từ năm 2025.

Bảng dưới đây tóm tắt hai phương án thành lập CTX ở Việt Nam cũng như những ưu điểm và nhược điểm của các phương án này.

Bảng 14: So sánh các phương án phù hợp để thành lập CTX tại Việt Nam

	Phương án 1	Phương án 2
Mô tả	Thành lập CTX dựa trên hệ thống hạ tầng của sàn giao dịch chứng khoán	Phát triển mô hình sàn giao dịch tín chỉ các-bon độc lập với hệ thống giao dịch chứng khoán, do Bộ TNMT quản lý
Ưu điểm	Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có của thị trường chứng khoán Việt Nam dẫn đến: <ul style="list-style-type: none"> • Không cần thành lập đơn vị/tổ chức mới; • Tận dụng kinh nghiệm tổ chức và điều hành thị trường giao dịch của các sàn giao dịch chứng khoán. Kinh nghiệm này bao gồm cải tiến các phương pháp quản lý, tăng cường giám sát giao dịch và tối ưu hóa hệ thống công bố thông tin. 	<ul style="list-style-type: none"> • Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 06/2022/ND-CP; • Đảm bảo quản lý thống nhất thị trường; • Việc kết nối, chia sẻ thông tin trong quá trình quản lý giao dịch thị trường giữa các cơ quan thuộc Bộ TNMT sẽ thuận tiện hơn so với giữa các cơ quan thuộc các bộ khác nhau.
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> • Chưa phù hợp với quy định về trách nhiệm của các bộ trong việc phát triển thị trường các-bon trong nước tại Nghị định số 06/2022/ND-CP; • Hạn ngạch và tín chỉ các-bon không phải là một loại chứng khoán; • Cơ quan quản lý chứng khoán tổ chức và vận hành CTX (là mặt hàng do Bộ TNMT thành lập, do Bộ TNMT quyết định cung cầu) sẽ nảy sinh những khó khăn, vướng mắc nhất định. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ TC không thể đề xuất thành lập một đơn vị/tổ chức trực thuộc Bộ TNMT để vận hành, giám sát và quản lý CTX; • Đề xuất thành lập đơn vị/tổ chức mới trực thuộc Bộ TNMT (ngay sau khi ban hành và thi hành Nghị định số 68/2022/ND-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TNMT) là khó khả thi; • Thách thức để có thể đảm bảo tiến độ tổ chức vận hành thí điểm từ năm 2025.

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Cùng với các phương án thành lập CTX nêu trên, cũng có các phương án khác nhau để thiết kế cấu trúc thị trường cho việc mua bán hạn ngạch và tín chỉ các-bon.

Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, đối với thị trường sơ cấp, có hai phương án vận hành CTX như sau:

Phương án 1: Phân bổ hạn ngạch miễn phí cho tất cả các đối tượng được điều chỉnh (và xác nhận tín chỉ các-bon đủ điều kiện cho các giao dịch trên thị trường thứ cấp).

Phương án này tuy có ưu điểm là giảm bớt gánh nặng tài chính cho các doanh nghiệp tham gia thị trường các-bon nhưng lại không khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện hành động giảm phát thải KNK vì không cần phải chi trả cho hạn ngạch được phân bổ. Hơn nữa, theo phương án này, doanh nghiệp có thể lựa chọn chỉ tham gia thị trường sơ cấp, khiến thị trường thứ cấp kém sôi động hơn.

Phương án 2: Phân bổ miễn phí hạn ngạch kết hợp đấu giá (và xác nhận tín chỉ các-bon đủ điều kiện giao dịch trên thị trường thứ cấp).

Phương án này khiến thị trường thứ cấp sôi động hơn do doanh nghiệp phải chi trả cho hạn ngạch được đấu giá. Điều này sẽ cải thiện tính thanh khoản và đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả. Phương án này cũng khuyến khích các doanh nghiệp nỗ lực giảm phát thải KNK. Nhược điểm của phương án này là doanh nghiệp phải chịu gánh nặng tài chính khi tham gia đấu giá hạn ngạch, và cần phải có các quy định pháp luật, thể chế và cơ sở hạ tầng để tổ chức và quản lý hoạt động đấu giá.

Bảng dưới đây thảo luận về hai phương án vận hành thị trường sơ cấp ở Việt Nam cũng như những thuận lợi và bất lợi của từng phương án.

Bảng 15: So sánh các phương án phù hợp để cấu trúc thị trường các-bon sơ cấp ở Việt Nam

	Phương án 1	Phương án 2
Mô tả	Phân bổ hạn ngạch miễn phí cho tất cả các bên tham gia thị trường (Bộ TNMT, cùng với các Bộ chủ chốt liên quan chịu trách nhiệm phân bổ hạn ngạch miễn phí)	Kết hợp phân bổ miễn phí và đấu giá hạn ngạch trên sàn giao dịch (Bộ TNMT và các bộ chủ chốt liên quan chịu trách nhiệm phân bổ hạn ngạch miễn phí. Bộ TNMT chịu trách nhiệm quyết định khối lượng hạn ngạch bán đấu giá)
	Xác nhận tín chỉ các-bon đủ điều kiện tham gia thị trường thứ cấp	
Ưu điểm	Giảm gánh nặng tài chính cho các cơ sở tham gia thị trường các-bon vì ở thị trường sơ cấp, các cơ sở được phân bổ hạn ngạch miễn phí.	Tạo sự sôi động trên thị trường sơ cấp khi các chủ thể tham gia thị trường phải bỏ chi phí để tham gia đấu giá hạn ngạch. Điều này dẫn đến: <ul style="list-style-type: none"> • Tăng tính thanh khoản, đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả; • Tăng động lực của doanh nghiệp trong nỗ lực giảm phát thải KNK.
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> • Không tạo động lực cho các đơn vị thực hiện nghĩa vụ giảm nhẹ phát thải KNK vì các đơn vị không phải trả tiền để nhận hạn ngạch trên thị trường sơ cấp; • Nhiều chủ thể chỉ lựa chọn tham gia thị trường sơ cấp khiến thị trường thứ cấp kém sôi động. 	<ul style="list-style-type: none"> • Các cơ sở tham gia thị trường sẽ phải trả giá cho các hạn ngạch và phải trả phí tham gia đấu giá hạn ngạch.

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Các nghiên cứu điển hình quốc tế cũng chỉ ra hai phương án cho việc vận hành thị trường thứ cấp cho CTX theo mô hình tập trung và phi tập trung. Ưu điểm và nhược điểm của từng phương án được thảo luận dưới đây:

Phương án 1: Giao dịch hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên một hệ thống tập trung với các bảng riêng cho hạn ngạch và tín chỉ các-bon.

Ưu điểm của giao dịch trên sàn giao dịch là được quản lý chặt chẽ và thông tin thị trường minh bạch (như thông tin về giá cả và khối lượng giao dịch sẽ được cung cấp cho các thành viên của sàn giao dịch, chính phủ và công chúng). Giao dịch qua trung tâm thanh toán bù trừ sẽ đảm bảo nghĩa vụ tài chính giữa bên mua và bên bán, tránh vi phạm của các bên.

Điểm bất lợi là phương án này phần nào hạn chế tính linh hoạt của hệ thống cho phép liên kết với thị trường các-bon quốc tế, đặc biệt đối với tín chỉ các-bon trong đó chỉ có 10% lượng hạn ngạch được bù trừ cho thị trường các-bon trong nước của Việt Nam theo Luật BVMT 2020.

Lựa chọn 2: Chỉ giao dịch hạn ngạch trên hệ thống tập trung. Tín chỉ các-bon có thể được mua từ thị trường các-bon tự nguyện trong nước hoặc quốc tế.

Phương án này giải quyết nhược điểm của phương án trên, trong đó tín chỉ các-bon có thể tự do tham gia vào thị trường các-bon tự nguyện quốc tế. Tuy nhiên, các giao dịch tín chỉ các-bon dựa trên giao dịch OTC có thể gây ra rủi ro cao hơn và kém minh bạch hơn về giá cả và khối lượng giao dịch so với phương án dựa trên sàn giao dịch.

Bảng dưới đây thảo luận về hai phương án vận hành thị trường thứ cấp ở Việt Nam cũng như những ưu điểm và nhược điểm của từng phương án.

Bảng 16: So sánh các phương án phù hợp để cấu trúc thị trường các-bon thứ cấp ở Việt Nam

Phương án 1		Phương án 2
Mô tả	Hạn ngạch giao dịch trên sàn giao dịch tập trung	
	Giao dịch tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tập trung (cùng với hạn ngạch)	Giao dịch tín chỉ các-bon một cách tự nguyện trên thị trường các-bon trong nước hoặc quốc tế (giao dịch riêng, độc lập với giao dịch tập trung đối với hạn ngạch)
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> Giảm rủi ro giao dịch; Cung cấp thông tin minh bạch về giá và khối lượng giao dịch 	Linh hoạt hơn trong việc liên kết với thị trường các-bon tự nguyện trong nước và quốc tế.
Nhược điểm	Hạn chế tính linh hoạt của hệ thống, đặc biệt liên quan đến liên kết với thị trường các-bon quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro cao hơn do các thỏa thuận giao dịch không được chuẩn hóa; Ít minh bạch hơn về giá cả và khối lượng cũng như các thông tin thị trường khác

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Trong mọi trường hợp, cần phải liên kết với hệ thống đăng ký để phục vụ các mục đích sau:

- Phân bổ hạn ngạch cho các thành viên tuân thủ;
- Xác nhận các loại tín chỉ các-bon đủ điều kiện tham gia thị trường các-bon;
- Kết nối với hệ thống MRV phát thải của các cơ sở thuộc phạm vi điều chỉnh của ETS để đảm bảo đáp ứng các nghĩa vụ;
- Chuyển tiếp hạn ngạch phát thải KNK chưa sử dụng của năm trước sang các năm tiếp theo trong cùng giai đoạn tuân thủ;
- Vay mượn hạn ngạch được cấp cho năm sau để sử dụng vào năm trước trong cùng giai đoạn tuân thủ;
- Sử dụng tín chỉ các-bon từ các dự án theo cơ chế trao đổi và bù trừ tín chỉ các-bon để bù trừ lượng phát thải KNK vượt quá mức cho phép được phân bổ trong giai đoạn tuân thủ;
- Kết nối với hệ thống quản lý, giám sát để xử lý các trường hợp vi phạm.

Dựa trên phân tích khoảng trống và xác định các phương án khác nhau để khắc phục các khoảng trống này, Tư vấn đã tổ chức các cuộc họp tham vấn với các cơ quan liên quan (Bộ TC, Bộ TNMT, VCSĐ, UBCKNN, HNX và HOSE) từ ngày 27-29 tháng 11 năm 2023 và tổ chức hội thảo tham vấn mở rộng vào ngày 30 tháng 11 năm 2023 để tham vấn các bên liên quan về các phương án khuyến nghị cho việc thành lập CTX tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các hoạt động tham vấn các bên liên quan được tổng hợp trong Báo cáo Nhiệm vụ 6, và các khuyến nghị được tóm tắt trong phần dưới đây.

III.3. Các khuyến nghị cho việc thành lập CTX tại Việt Nam

Kinh nghiệm từ các nghiên cứu điển hình quốc tế cho thấy việc tận dụng cơ sở hạ tầng, nhân lực và nguồn lực hiện có của thị trường chứng khoán là tiếp cận hiệu quả và tiết kiệm chi phí để thiết lập thị trường các-bon. Hơn nữa, quá trình tham vấn các bên liên quan cho thấy sẽ có nhiều khó khăn để Bộ TNMT có thể thành lập một đơn vị/tổ chức mới trực thuộc Bộ TNMT nhằm vận hành, giám sát và quản lý CTX từ đầu và đảm bảo tiến độ vận hành thí điểm CTX trong vòng 1-2 năm. Đó là chưa kể đến khối lượng công việc khổng lồ mà Bộ TNMT đang phụ trách, bao gồm xây dựng và vận hành hệ thống đăng ký, xác định tổng hạn ngạch và tổ chức phân bổ hạn ngạch, xác nhận tín chỉ các-bon và hạn ngạch để giao dịch trên thị trường, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống MRV, v.v. Việc đề xuất sửa đổi Nghị định 68/2022/ND-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TNMT sau thời gian triển khai gần như vậy cũng sẽ khó khăn.

Vì vậy, phương án được khuyến nghị cho việc thành lập CTX ở Việt Nam là dựa trên hệ thống giao dịch chứng khoán hiện có.

Giải pháp pháp lý đề xuất

Cần lưu ý rằng khung pháp lý hiện hành cho thị trường chứng khoán không bao gồm việc mua bán hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon. Không có quy định nào trong Luật Chứng khoán 2019 và Nghị định số 155/2020/ND-CP của Chính phủ hướng dẫn

thi hành Luật Chứng khoán cũng như các Thông tư, Quyết định hướng dẫn thành lập UBCKNN, VNX có đề cập đến thị trường các-bon.

Vì vậy, để phù hợp với lộ trình thành lập và vận hành thí điểm CTX từ năm 2025, việc sửa đổi Luật không được khuyến nghị vì thủ tục sửa đổi sẽ không thể hoàn thành trong vòng hơn 1 năm. Giải pháp pháp lý được đề xuất là:

- Bộ TNMT sẽ thực hiện quản lý thống nhất thị trường các-bon, bao gồm thiết lập hệ thống đăng ký hạn ngạch và tín chỉ các-bon; thiết lập các quy định cho hệ thống MRV và các yêu cầu về hạn ngạch, tín chỉ các-bon và các bên tham gia thị trường; quyết định phạm vi sử dụng hệ thống giao dịch chứng khoán khi các bên tham gia thị trường tham gia giao dịch hạn ngạch và tín dụng các-bon trên thị trường thứ cấp
- CTX được thành lập trên cơ sở sử dụng các dịch vụ từ hệ thống giao dịch chứng khoán do Bộ Tài chính quản lý (có sự tham gia của UBCKNN, VNX, VSDC...)

Các văn bản pháp luật đề xuất sẽ được xây dựng trong thời gian tới để hiện thực hóa phương án này bao gồm:

- Nghị định của Chính phủ về việc thành lập và vận hành thí điểm CTX;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ TNMT xây dựng và quản lý thị trường các-bon;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao việc vận hành thí điểm CTX cho VNX, VSDC và Bộ TNMT;
- Quyết định của Bộ TC về việc điều chỉnh quy chế hoạt động của VNX và VSDC để vận hành thí điểm CTX;
- Các tài liệu khác để hướng dẫn thủ tục vận hành CTX.

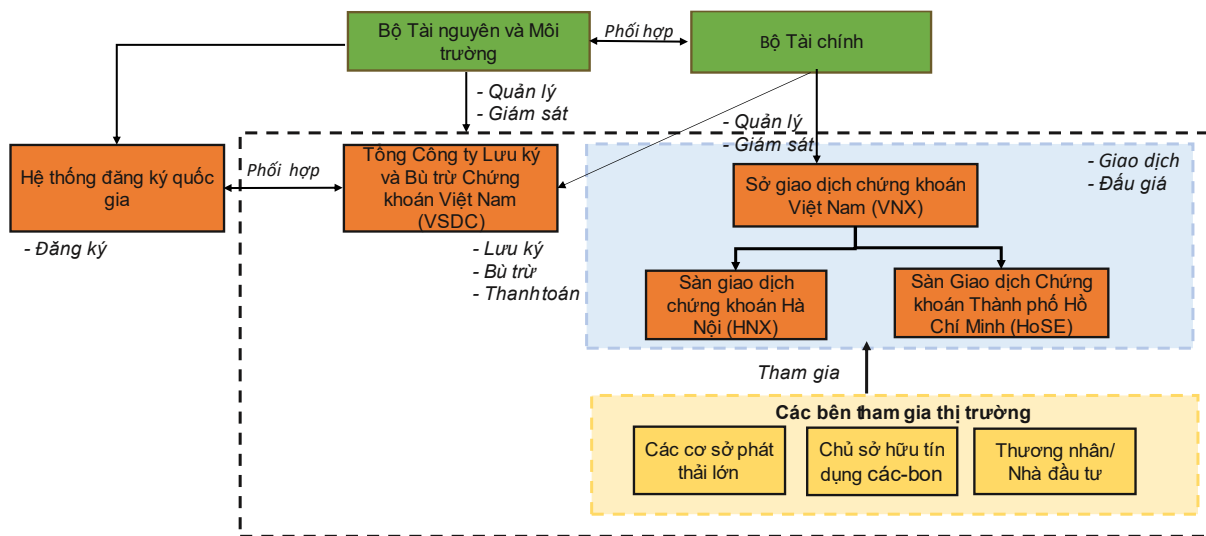
Giải pháp thể chế đề xuất

Như đã đề cập ở trên, Bộ TNMT sẽ sử dụng các dịch vụ của hệ thống giao dịch chứng khoán trực thuộc Bộ TC để vận hành CTX. Do đó, vai trò và chức năng cụ thể của VNX và VSDC trên thị trường các-bon sẽ phụ thuộc vào phạm vi mà Bộ TNMT cần sử dụng dịch vụ của hệ thống giao dịch chứng khoán cho việc giao dịch các-bon.

Dựa trên việc xem xét bối cảnh hiện tại của đất nước và thảo luận với các bên liên quan, cách thức tổ chức thể chế được đề xuất như sau:

- **Bộ TNMT:** đóng vai trò chủ đạo trong phát triển và quản lý thị trường các-bon, bao gồm phát triển và vận hành hệ thống đăng ký quốc gia và hoạt động của CTX;
- **Bộ TC:** phối hợp với Bộ TNMT trong việc thiết kế, phát triển và vận hành CTX, đóng vai trò chủ trì quản lý tài chính thị trường các-bon, chỉ đạo UBCKNN, VNX và VSDC đáp ứng các yêu cầu về giao dịch các-bon;
- **VSDC:** phối hợp với Hệ thống đăng ký quốc gia để quản lý đơn đề nghị tham gia/tài khoản, thực hiện lưu ký, bù trừ và thanh toán đối với các giao dịch các-bon;
- **VNX:** chỉ định sàn giao dịch chứng khoán phù hợp (HNX hoặc HOSE) cung cấp nền tảng giao dịch thực hiện các giao dịch các-bon.

Hình dưới đây mô tả cách thức tổ chức thể chế chung được khuyến nghị cho CTX:

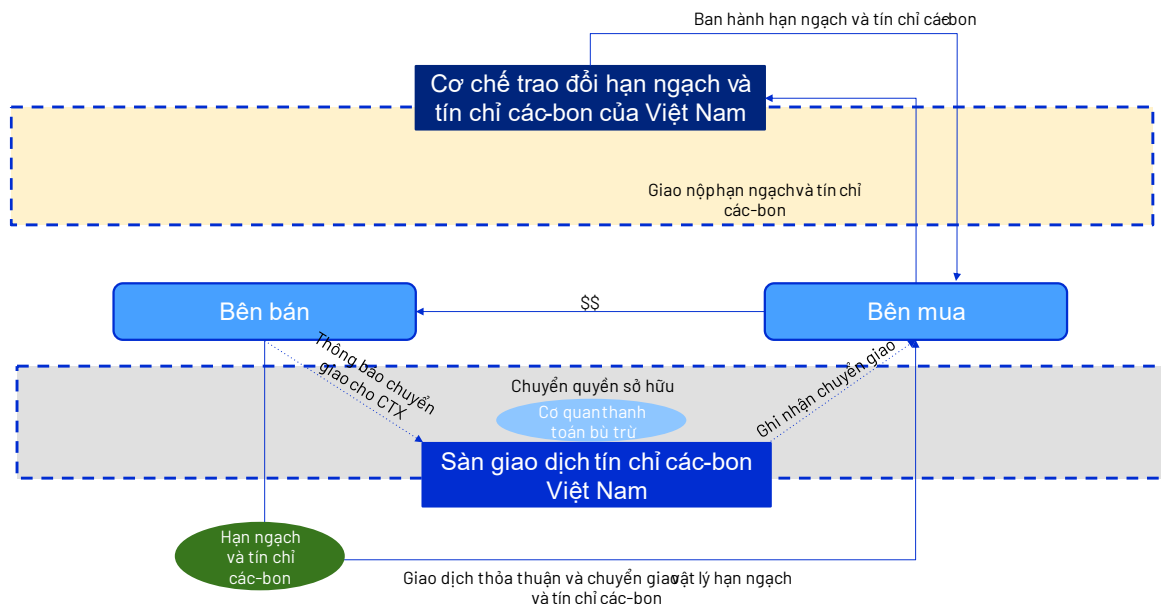


Hình 46: Đề xuất tổ chức thể chế cho CTX

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Giải pháp cơ sở hạ tầng đề xuất

Dựa trên kinh nghiệm quốc tế về vận hành CTX, dòng lưu chuyển của hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon và các giao dịch liên quan như sau:



Hình 47: Dòng lưu chuyển giao dịch CTX

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Một trong những vấn đề cần cân nhắc đối với CTX Việt Nam là liệu CTX có dự định cung cấp các chức năng liên kết và tương tác trong tương lai với các quốc gia khác hay không. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng Việt Nam có thể cân nhắc phối hợp với các cơ quan

như cơ quan đăng ký Tín thác Dữ liệu Hành động Khí hậu nếu có ý định kết nối với CTX quốc gia khác trong tương lai.

Về năng lực quốc gia, các cuộc thảo luận với VSDC, HNX và HOSE cho thấy cần đầu tư thêm cho cơ sở hạ tầng hiện có của sàn giao dịch chứng khoán để đáp ứng các giao dịch các-bon. Quy mô đầu tư sẽ phụ thuộc vào phạm vi dịch vụ mà Bộ TNMT sẽ sử dụng cho hoạt động của CTX. Tuy nhiên, đây được coi là một nhiệm vụ có thể thực hiện được. Trên thực tế, HNX cũng từng có kinh nghiệm tương tự khi ra mắt hệ thống giao dịch chuyên biệt cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ vào tháng 7 năm 2023. HOSE cũng chia sẻ rằng với dự án KRX, họ đã học hỏi kinh nghiệm từ Hàn Quốc để vận hành sàn giao dịch các-bon.

III.4. Khuyến nghị cho việc vận hành CTX

Như đã đề cập trước đó, CTX chỉ cung cấp một nền tảng giao dịch tập trung để các bên tham gia thị trường các-bon trong nước của Việt Nam thực hiện mua bán hạn ngạch và tín chỉ các-bon một cách minh bạch và đáng tin cậy hơn so với phương thức mua bán truyền thống theo thỏa thuận. Vì vậy, CTX không thể được thiết lập và tồn tại cô lập. Để vận hành CTX, cần xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh để mua bán hạn ngạch và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon, bao gồm khung pháp lý (quy định, cơ chế), khung thể chế (xác định vai trò và trách nhiệm của các chủ thể liên quan) và cơ sở hạ tầng (các hệ thống khác nhau được kết nối và hỗ trợ các giao dịch các-bon).

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc vận hành thị trường các-bon không theo một mô hình cố định mà cần có sự điều chỉnh thường xuyên dựa trên hoạt động của thị trường và bối cảnh kinh tế - xã hội chung của đất nước trong từng thời kỳ.

Do đó, bảng dưới đây trình bày các giải pháp được đề xuất để khắc phục những khoảng trống và khung thời gian đề xuất thực hiện các giải pháp đó dựa trên lộ trình vận hành thí điểm CTX từ năm 2025 theo Nghị định số 06/2022/ND-CP. Các khuyến nghị tiếp theo cho hoạt động chính thức của CTX sẽ phụ thuộc vào kết quả của hoạt động vận hành thí điểm.

Bảng 17: Các giải pháp đề xuất nhằm khắc phục khoảng trống để vận hành thí điểm CTX và khung thời gian đề xuất

Stt	Giải pháp đề xuất	Khung thời gian	Cơ quan chịu trách nhiệm	Ghi chú
I	Khuôn khổ pháp lý			
I.1	Xây dựng (các) văn bản quy phạm pháp luật để xác định phạm vi, thiết lập tổng hạn ngạch, xác định tỷ lệ dự trữ và đấu giá (nếu có) cho hoạt động thí điểm của CTX	Càng sớm càng tốt 2024	Bộ TNMT	Để vận hành thí điểm vào năm 2025, cần xác định phạm vi hoạt động thí điểm sớm hơn và thu thập dữ liệu vào năm 2024.
I.2	Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn phương pháp phân bổ hạn ngạch và thảo luận với các bên liên quan tham gia thí điểm để đạt được sự đồng thuận	Càng sớm càng tốt 2024	Bộ TNMT	Việc này cần được thực hiện sau khi dữ liệu được thu thập từ các cơ sở tham gia vào vận hành thí điểm
I.3	Xây dựng (các) văn bản quy phạm pháp luật để xác định quyền sở hữu các-bon	tháng 6 năm 2024	Bộ TNMT	Thủ tướng yêu cầu Bộ TNMT xây dựng Nghị định về quản lý tín chỉ các-bon
I.4	Xây dựng (các) văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn tiêu chí, thủ tục xác nhận hạn ngạch và tín chỉ các-bon đủ điều kiện kinh doanh trên thị trường các-bon	tháng 6 năm 2024	Bộ TNMT	Thủ tướng yêu cầu Bộ TNMT xây dựng Nghị định về quản lý tín chỉ các-bon
I.5	Xây dựng (các) văn bản quy phạm pháp luật để thiết lập và điều chỉnh hoạt động của hệ thống đăng ký quốc gia	tháng 9 năm 2024	Bộ TNMT	Dựa trên thông tin từ cuộc họp tham vấn với Bộ TNMT

Stt	Giải pháp đề xuất	Khung thời gian	Cơ quan chịu trách nhiệm	Ghi chú
1.6	Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để thành lập và điều hành hoạt động của CTX	Đến cuối năm 2024	Bộ TC và Bộ TNMT	Chi tiết được thảo luận ở phần trước
1.7	Xây dựng (các) văn bản quy phạm pháp luật nhằm xác định cơ chế tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon	Đến cuối năm 2024	Bộ TC	Vận hành thí điểm vào năm 2025
1.8	Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động thị trường, trong đó có biện pháp xử lý vi phạm, kiểm chế chi phí, cơ chế thị trường linh hoạt...	Đến cuối năm 2024	Bộ TNMT và Bộ TC	Vận hành thí điểm vào năm 2025
II	Khung thể chế			
II.1	Xây dựng thủ tục để tổ chức, cá nhân tham gia thị trường các-bon	Đến cuối năm 2024	Bộ TNMT	Vận hành thí điểm vào năm 2025
II.2	Chỉ định cơ quan quản lý hệ thống đăng ký quốc gia và xác định cơ chế phối hợp với CTX	Đến cuối năm 2024	Bộ TNMT và Bộ TC	Vận hành thí điểm vào năm 2025
III	Cơ sở hạ tầng			
III.1	Phát triển cơ sở hạ tầng cho hệ thống đăng ký quốc gia	Đến cuối năm 2024	Bộ TNMT	Vận hành thí điểm vào năm 2025

Stt	Giải pháp đề xuất	Khung thời gian	Cơ quan chịu trách nhiệm	Ghi chú
III.2	Phát triển cơ sở hạ tầng cho CTX và nền tảng đấu giá (nếu có)	Đến cuối năm 2024	Bộ TC	Vận hành thí điểm vào năm 2025
III.3	Phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống MRV	Đến cuối năm 2024	Bộ TNMT	Vận hành thí điểm vào năm 2025

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

III.5. Lộ trình cho việc thành lập và vận hành CTX

Khung thời gian thực hiện chi tiết cho việc thành lập và vận hành thí điểm CTX đã được xác định ở phần trước. Để đáp ứng tiến độ vận hành thí điểm CTX từ năm 2025, chỉ có khoảng 1 năm để các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ TNMT, Bộ TC, v.v.) thực hiện các hành động nhằm khắc phục những khoảng trống về pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng.

Về lộ trình tổng thể, toàn bộ công tác chuẩn bị vận hành CTX sẽ phải hoàn thành vào năm 2024 như nêu trên, thời gian từ 2025-2027 sẽ tổ chức vận hành thí điểm. Quy mô hoạt động thí điểm có thể khác nhau tùy thuộc vào sự sẵn có của dữ liệu và nguồn lực cũng như sự sẵn lòng và sẵn sàng của các bên tham gia. Nên bắt đầu ở quy mô nhỏ hơn để giảm chi phí và tạo sự linh hoạt cho hệ thống.

Dựa trên kết quả vận hành thí điểm, những cải tiến cần thiết trong khuôn khổ pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng cho CTX sẽ được xác định và thực hiện để thị trường các-bon vận hành đầy đủ vào năm 2028.

Hình dưới đây mô tả lộ trình tổng thể thành lập và vận hành CTX tại Việt Nam.



Hình 48: Lộ trình thành lập và vận hành CTX

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

IV. KẾT LUẬN

CTX với vai trò là một nền tảng tập trung để xử lý các giao dịch về hạn ngạch và tín chỉ các-bon đã được quy định trong Luật BVMT 2020 và cần phải được thiết lập và tổ chức vận hành thí điểm từ năm 2025. Đây là nhiệm vụ đầy thách thức mà Việt Nam phải hoàn thành chỉ trong vòng hơn một năm tới, trong khi khuôn khổ pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng cho thị trường các-bon trong nước chưa được phát triển đầy đủ. Trong khuôn khổ Báo cáo này, Tư vấn đã rà soát các kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh của Việt Nam và đánh giá các khoảng trống pháp lý, thể chế và cơ sở hạ tầng cho việc thiết lập và vận hành CTX. Các phương án khác nhau để khắc phục khoảng trống đã được đề xuất và tham vấn với các bên liên quan và các khuyến nghị đã được nêu trong Báo cáo này. Nhìn chung, để tiếp cận hiệu quả và tiết kiệm chi phí, Việt Nam nên tận dụng cơ sở hạ tầng, nhân lực và nguồn lực hiện có để thành lập CTX thay vì xây dựng mới. Tuy nhiên, mỗi phương án khác nhau đều có ưu và nhược điểm riêng. Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan của Việt Nam (Bộ TNMT và Bộ TC) cần thảo luận và thống nhất lựa chọn phương án phù hợp nhất cho Việt Nam để thực hiện các bước tiếp theo, bao gồm rà soát và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay để phản ánh các thay đổi cần thiết cho việc vận hành CTX theo thiết kế.

Đây là nghiên cứu đầu tiên về việc thiết lập và vận hành CTX tại Việt Nam. Nghiên cứu này cung cấp cơ sở thực nghiệm cho việc xây dựng ý tưởng để thiết lập và vận hành CTX nhằm đảm bảo hài hòa với bối cảnh quốc gia và phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất. Trong giai đoạn tiếp theo, cần phải thực hiện đánh giá sâu hơn để xác định thiết kế chi tiết và mô hình cụ thể cho việc vận hành thí điểm CTX. Mô hình được lựa chọn cho vận hành thí điểm cũng cần dựa trên việc rà soát và đánh giá kỹ lưỡng và toàn diện về các tác động xã hội, kinh tế và môi trường tiềm năng. Các phương diện khác cần nghiên cứu sâu hơn trong giai đoạn tới bao gồm đánh giá khả thi đối với việc áp dụng các công nghệ tiên tiến (như blockchain) để vận hành và quản lý CTX, giám sát và quản lý giao dịch trên CTX để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả, và quản lý chi phí và nguồn thu từ vận hành CTX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- AB 398. (2017a). AB 398.
https://leginfo.legislature.ca.gov/faces/billTextClient.xhtml?bill_id=201720180AB398
- AB 398, AB 398 (2017).
https://leginfo.legislature.ca.gov/faces/billTextClient.xhtml?bill_id=201720180AB398
- Academy of Finance. (2008). *Securities market*.
- Auctioning (EU ETS) – German Auctioning of Emission Allowances – Periodical Report: Annual Report 2022. (2023). German Emissions Trading Authority (DEHSt) at the German Environment Agency.
https://www.dehst.de/SharedDocs/downloads/EN/auctioning/2022/2022_annual-report.pdf?__blob=publicationFile&v=2
- Benjamin Rontard & Humberto Reyes Hernandez. (2022). *Political construction of carbon pricing: Experience from New Zealand emission trading scheme*.
- C2ES. (n.d.). *California Cap and Trade*. <https://www.c2es.org/content/california-cap-and-trade/>
- California Air Resources Board. (2012). *User Guide—Volume I. User Registration and Profile Management. Compliance Instrument Tracking System Service (CITSS)*.
- California Air Resources Board. (2023a). *Mandatory GHG Reporting—Key Dates and Activities*.
- California Air Resources Board. <https://ww2.arb.ca.gov/mrr-key-dates>
- California Air Resources Board. (2023b). *Summary of Market Transfer Report*.
<https://ww2.arb.ca.gov/our-work/programs/cap-and-trade-program/program-data/summary-market-transfers-report>
- California Air Resources Board. (2023c). *Preparing for the 2022 Annual Compliance Obligation*.
- California Environmental Protection Agency. (2015). *Overview of ARB Emissions Trading Program*.
- California Global Warming Solutions Act of 2006, AB 32 (2006).
https://leginfo.legislature.ca.gov/faces/billTextClient.xhtml?bill_id=200520060AB32
- CARB. (n.d.). *Compliance Instrument Tracking System Service (CITSS) Registration and Guidance*.
California Air Resources Board. <https://ww2.arb.ca.gov/our-work/programs/cap-and-trade-program/citss-registration-and-guidance>
- CARB. (2006). *AB32 Global Warming Solution Act*. <https://ww2.arb.ca.gov/resources/fact-sheets/ab-32-global-warming-solutions-act-2006>
- CARB. (2017). *User Guide—Volume III Conducting Transfers in the CITSS*.
<https://ww2.arb.ca.gov/sites/default/files/cap-and-trade/markettrackingsystem/vol3citssguide-12-20.pdf>
- CARB. (2019). *Regulation for the California Cap on Greenhouse Gas Emissions and Market-based Compliance Mechanisms*.
- CARB. (2022). *Scoping Plan for Achieving Carbon Neutrality—Executive Summary*.
- CARB. (2023). *California-Québec Joint Auction Participant Training Presentation*.
- CCCI. (2022, December 5). *Governing emissions trading in California and China*.
<https://ccci.berkeley.edu/news/2022/05/governing-emissions-trading-california-and-china>
- CEJA. (2017). *New report highlights equity flaws in California's Cap-and-Trade program*.
- Climate Action Reserve. (n.d.). *Register a Compliance Offset Project*.
- Climate Change (Auctions, Limits, and Price Controls for Units) Regulations 2020, Pub. L. No. LI 2020/264 (2021).
- Climate Change Response Act 2002, 2002 No 40 (2002).
- CME Group. (n.d.). *Chapter 1260: CBL California Carbon Allowance (CCA) Vintage-Specific 2021 Futures*.

Department for Business, Energy & Industrial Strategy and Department for Energy Security & Net Zero. (n.d.). *Participating in the UK ETS*.

Department for Business, Energy & Industrial Strategy & Department for Energy Security & Net Zero. (2023a, September 4). *Guidance: Participating in the UK ETS*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/participating-in-the-uk-ets/participating-in-the-uk-ets#auctioning-and-market-operation>

Department for Business, Energy & Industrial Strategy & Department for Energy Security & Net Zero. (2023b, September 5). *Policy paper: UK Emissions Trading Scheme markets*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/uk-emissions-trading-scheme-markets/uk-emissions-trading-scheme-markets>

Department for Energy Security & Net Zero. (2023a). *Guidance: Taking part in the UK Emissions Trading Scheme markets*. <https://www.gov.uk/government/publications/taking-part-in-the-uk-emissions-trading-scheme-markets/taking-part-in-the-uk-emissions-trading-scheme-markets#uk-ets-auctions>

Department for Energy Security & Net Zero. (2023b, September 4). *Guidance: UK Emissions Trading Scheme for installations: How to comply*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/uk-emissions-trading-scheme-for-installations-how-to-comply/uk-emissions-trading-scheme-for-installations-how-to-comply#opening-your-uk-registry-account>

Department of Climate Change. (2022). *Development of carbon pricing instruments in Viet Nam*.

Department of Ecology, State of Washington. (2023a). *Washington Cap-and-Invest Program—APCR Auction #1 August 2023—Public Proceeds Report*. <https://apps.ecology.wa.gov/publications/documents/2302073.pdf>

Department of Ecology, State of Washington. (2023b). *Washington Cap-and-Invest Program—Auction #1 February 2023—Public Proceeds Report*. <https://apps.ecology.wa.gov/publications/documents/2302023.pdf>

Department of Ecology, State of Washington. (2023c). *Washington Cap-and-Invest Program—Auction #2 May 2023—Public Proceeds Report*. <https://apps.ecology.wa.gov/publications/documents/2302058.pdf>

Department of Ecology, State of Washington. (2023d). *Washington Cap-and-Invest Program—Auction #3 August 2023—Public Proceeds Report*. <https://apps.ecology.wa.gov/publications/documents/2302061.pdf>

Dinh Thanh Huong. (2023, May 18). *Shortcomings in legal regulations for Commodities Exchange and recommendations*. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/mot-so-han-che-bat-cap-cua-quy-dinh-phap-luat-ve-so-giao-dich-hang-hoa-va-kien-nghi-de-xuat-105030.htm>

Ecoeye. (2023). *Korea's Experience in CTX establishment*.

EEX. (n.d.). *NZ ETS Auctions*. <https://www.eex.com/en/markets/environmental-markets/nz-ets-auctions>

EEX. (2020). *Press Release: NZX / EEX partnership selected to provide emissions auctions for NZ Government*. https://www.eex.com/fileadmin/Global/News/EEX/EEX_Press_Release/20201021_PM_NZX_EEX_selected_for_NZ_ETS.pdf

Emily Wimberger. (2019). *The Functioning of California's Cap-and-Trade Program*. <https://iki-alliance.mx/wp-content/uploads/D%C3%ADa-3-03-Carbon-Market-Behavior-in-California-CARB-1.pdf>

Erik Hesketh. (2023). *UK ETS: Experience of ETS technical design and operation in the UK*.

European Commission. (2022a). *Auctions by the Common Auction Platform—April, May, June 2022*. https://climate.ec.europa.eu/system/files/2022-12/cap_report_202206_en.pdf

European Commission. (2022b). *Auctions by the Common Auction Platform—January, February, March 2022*. https://climate.ec.europa.eu/system/files/2022-06/cap_report_202203_en.pdf

European Commission. (2022c). *Auctions by the Common Auction Platform—July, August, September 2023*. https://climate.ec.europa.eu/system/files/2022-12/cap_report_202209_en.pdf

European Commission. (2022d). *Auctions by the Common Auction Platform—October, November, December 2022*. https://climate.ec.europa.eu/system/files/2023-03/cap_report_202212_en.pdf

Greenhouse Gas Emissions Trading Scheme Auctioning Regulations 2021, No. 484 (2021).

Greenhouse Gas Emissions Trading Scheme Order 2020, No. 1265 (2020).

HNX. (n.d.-a). *About HNX: Milestones*. <https://hnx.vn/en-gb/gioi-thieu-hnx-lspt.html>

HNX. (n.d.-b). *Development milestones of the Hanoi Stock Exchange (HNX)*. <https://www.hnx.vn/en-gb/gioi-thieu-hnx-lspt.html>

HOSE. (2022a). *Lịch sử hình thành và phát triển của Sở GDCK TP.HCM*.

HOSE. (2022b, June 16). *Establishment and development of Hochiminh Stock Exchange*. <https://www.hsx.vn/Modules/CMS/Web/ViewArticle?id=46a6dd59-2cd5-4ef7-b12a-4c30778140c4&fid=c5b6b7cf3a9b4307ab689bcf2e8b8990>

HOSE. (2023). *HOCHIMINH STOCK EXCHANGE (HOSE)*.

ICAO. (2018). *Introduction to Korea Emission Trading Scheme: Korea Offsetting program*.

ICAP. (n.d.-a). *Korea Emissions Trading Scheme*. <https://icapcarbonaction.com/en/ets/korea-emissions-trading-scheme>

ICAP. (n.d.-b). *New Zealand Emissions Trading Scheme*. <https://icapcarbonaction.com/en/ets/new-zealand-emissions-trading-scheme>

ICAP. (n.d.-c). *United Kingdom*. <https://icapcarbonaction.com/en/ets/united-kingdom>

ICAP. (n.d.-d). *USA - California Cap-and-Trade Program*. https://icapcarbonaction.com/system/files/ets_pdfs/icap-etsmap-factsheet-45.pdf

ICAP. (2021a). *Emission Trading in Practice: A Handbook on Design and Implementation*. https://icapcarbonaction.com/system/files/document/ets-handbook-2020_finalweb.pdf

ICAP. (2021b). *Emission Trading in Practice: A Handbook on Design and Implementation*. https://icapcarbonaction.com/system/files/document/ets-handbook-2020_finalweb.pdf

ICAP. (2022). *Japan- Tokyo Cap-and-Trade Program*. <https://icapcarbonaction.com/en/ets/japan-tokyo-cap-and-trade-program>

ICAP. (2023a). *Emissions Trading Worldwide: Status Report 2023*. International Carbon Action Partnership.

ICAP. (2023b). *New Zealand Emissions Trading Scheme*. <https://icapcarbonaction.com/en/ets/new-zealand-emissions-trading-scheme>

ICAP. (2023c). *UK ETS Factsheet*. https://icapcarbonaction.com/system/files/ets_pdfs/icap-etsmap-factsheet-99.pdf

ICAP. (2023d). *USA- California Cap- and- Trade Program*. <https://icapcarbonaction.com/en/ets/usa-california-cap-and-trade-program#:~:text=After%20continued%20public%20consultation%20over,the%20CARB%20Board%20in%20December>.

ICE. (2022). *ICE Launches 10 Carbon Credit Futures Vintages Extending Out to 2030*.

ICE Futures Europe. (n.d.). *FAQ on ICE Futures Europe UK Emissions Allowance Auctions*. <https://www.ice.com/futures-europe/faq>

ICE Report Center. (n.d.). *UK Emissions Auctions 01-Jan-2022 to 31-Dec-2022*. Report Center. Retrieved October 27, 2023, from <https://www.ice.com/report/278>

ITR. (2023). *Hỏi đáp Giao dịch Hàng hóa (Số 1): Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam là gì?*

Jonesday. (2017, May). *Challenge to California's Cap-and-Trade Emission Allowances Auction Rejected on Appeal*. <https://www.jonesday.com/en/insights/2017/05/challenge-to-californias-capandtrade-emission-allowances-auction-rejected-on-appeal>

Kara Anderso. (2024, February 16). *EU ETS: what you need to know about the EU carbon market*. <https://greenly.earth/en-us/blog/ecology-news/eu-ets-all-you-need-to-know-about-the-carbon-market-reform>

LAO. (2023, October 24). *California's Cap-and-Trade Program: Frequently Asked Questions*. <https://lao.ca.gov/Publications/Report/4811>

Leining, C. (2022). *A Guide to the New Zealand Emissions Trading Scheme: 2022 Update*. Motu Economic and Public Policy Research. <https://www.motu.nz/assets/Documents/our-research/environment/climate-change-mitigation/emissions-trading/A-Guide-to-the-New-Zealand-Emissions-Trading-System-2022-Update-Motu-Research.pdf>

Leining, C., & Kerr, S. (2018). *A Guide to the New Zealand Emissions Trading Scheme*. Motu Economic and Public Policy Research. <https://www.motu.nz/assets/Documents/our-research/environment/climate-change-mitigation/emissions-trading/A-Guide-to-the-New-Zealand-Emissions-Trading-System-2018-Motu-Research.pdf>

Mateus, C., & Hoang, B. T. (2021). Frontier Markets, Liberalization and Informational Efficiency: Evidence from Vietnam. *Asia-Pacific Financial Markets*, 28(4), 499–526. <https://doi.org/10.1007/s10690-021-09333-9>

MOF. (2007a). *Circular No. 134/2017/TT-BTC issued by MOF, dated 19 December 2017 on providing guidelines for e-transactions on securities market*.

MOF. (2007b). *Decision No. 27/2007/QĐ-BTC, issued by MOF, dated April 24, 2007 on promulgating the regulation on organization and operation of securities companies*.

MOF. (2017a). *Decision No. 2398/2017/QĐ-BTC issued by MOF, dated 21 November 2017 on issuance of regulations on the organization and operation of HNX*.

MOF. (2017b). *Decision No. 2399/QĐ-BTC, dated 21 November 2017 on issuance of regulations on the organization and operation of HOSE*.

MOF. (2020a). *Circular 120/2020/TT-BTC, issued by MOF, dated 31 December 2020 on providing for trading of listed and registered shares, fund certificates, corporate bonds and secured warrants listed on securities trading systems*.

MOF. (2020b). *Circular No. 119/2020/TT-BTC on registration, depository, clearing and settlement of securities*.

MOF. (2020c). *Circular No. 120/2020/TT-BTC on providing for trading of listed and registerd shares, fund certificates, corporate bonds and secured warrants listed on securities trading systems*.

MOF. (2020d). *Thị trường chứng khoán Việt Nam tuổi 20*.

MOF. (2023). *Decision No. 1275/QĐ-BTC issued by MOF, dated 14 June 2023 on regulations on organization and operation of VSDC*.

MXV. (2020). *Quy chế niêm yết và giao dịch hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa*.

MXV. (2022). *Thị trường Giao dịch hàng hóa Việt Nam phát triển đột phá trong năm 2021*. <https://mxv.com.vn/tin-tuc/thi-truong-giao-dich-hang-hoa-viet-nam-phat-trien-dot-pha-trong-nam-2021-n2395.html>

National Assembly. (2005). *Commercial Law (Law No. 36/2005/QH11)*.
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Thuong-mai-2005-36-2005-QH11-2633.aspx>

National Assembly. (2019). *Law No. 54/2019/QH14 on Securities, issued by the National Assembly, dated November 26, 2019*.

National Assembly. (2020). *Law on Environmental Protection*.

New Zealand Emissions Trading Register. (n.d.). *Being a Participant in the Emissions Trading Scheme—User Guide*. New Zealand Emissions Trading Register. Retrieved November 6, 2023, from <https://www.eur.govt.nz/Common/Guidance.aspx>

New Zealand’s Environmental Protection Authority. (n.d.-a). *Compliance in the ETS*. Environmental Protection Authority. Retrieved November 6, 2023, from <https://www.epa.govt.nz/industry-areas/emissions-trading-scheme/participating-in-the-ets/compliance-in-the-ets/>

New Zealand’s Environmental Protection Authority. (n.d.-b). *Who does what*. Environmental Protection Authority - Te Mana Rauhi Taiao. Retrieved November 6, 2023, from <https://www.epa.govt.nz/industry-areas/emissions-trading-scheme/about-the-nzets/the-nz-ets-who-does-what/>

New Zealand’s Ministry for the Environment. (n.d.). *New Zealand Emissions Trading Scheme*.

New Zealand’s Ministry for the Environment. (2022). *Te Whakawhitiwhiti Kōrero Tuawaru ā-Motu o Aotearoa: New Zealand’s Eighth National Communication under the United Nations Framework Convention on Climate Change and the Kyoto Protocol*. Ministry for the Environment.

New Zealand’s Ministry for the Environment. (2023). *New Zealand Emissions Trading Scheme market governance*. <https://environment.govt.nz/assets/publications/cab-214-and-minute-nzets-market-governance.pdf>

Ngo Tan. (2022, May 20). *The formulation and development of the securities market in Viet Nam*. <https://thanhtvietnam.vn/thuc-tien-va-chinh-sach/xay-dung-thi-truong-chung-khoan-viet-nam-minh-bach-phat-trien/chang-duong-hinh-thanh-phat-trien-cua-thi-truong-chung-khoan-viet-nam-200145.html>

NZX Managed Auction Service. (n.d.). *FAQ*. NZX Managed Auction Service. Retrieved November 7, 2023, from <https://www.etsauctions.govt.nz/public/training/faq>

Potomac Economics. (2023). *Quarterly Report on the Electricity Generator Emissions Limits Program (310 CMR 7.74): Fourth Quarter 2022*. <https://www.mass.gov/doc/market-monitor-quarterly-report-2022-q4/download>

Refinitiv. (2023). *Carbon Market Year in Review 2022*. https://www.refinitiv.com/content/dam/marketing/en_us/documents/gated/reports/carbon-market-year-in-review-2022.pdf

Regulation for the California Cap on Greenhouse Gas Emissions and Market-Based Compliance Mechanisms (2019). [https://govt.westlaw.com/calregs/Browse/Home/California/CaliforniaCodeofRegulations?guid=I13417D05A2111EC8227000D3A7C4BC3&originationContext=documenttoc&transitionType=Default&contextData=\(sc.Default\)](https://govt.westlaw.com/calregs/Browse/Home/California/CaliforniaCodeofRegulations?guid=I13417D05A2111EC8227000D3A7C4BC3&originationContext=documenttoc&transitionType=Default&contextData=(sc.Default))

Shaw, J. (2022, February 22). *Responsibilities of the Minister of Climate Change*. Ministry for the Environment. <https://environment.govt.nz/about-us/responsibilities-of-the-minister-of-climate-change/>

Shen, B., Dai, F., Price, L., & Lu, H. (2014). California’s Cap-and-Trade Programme and Insights for China’s Pilot Schemes. *Energy & Environment*, 25, 551–576. <https://doi.org/10.1260/0958-305X.25.3-4.551>

SSC. (n.d.). *Development history of State Securities Commission of Viet Nam*. Retrieved October 19, 2023, from https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r/m/giithiu/lchsphttrin

The Government. (2006). *Decree 158/2006/ND-CP detailing the implementation of the Commercial Law regarding goods purchase and sale through the goods exchange*. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-158-2006-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuong-mai-hoat-dong-mua-ban-hang-hoa-qua-So-Giao-dich-hang-hoa-16179.aspx?anchor=dieu_6

The Government. (2013). *Decree 52/2013/ND-CP on E-Commerce*. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-52-2013-ND-CP-thuong-mai-dien-tu-187901.aspx?anchor=dieu_4

The Government. (2018). *Decree 51/2018/ND-CP providing amendments to some articles of the Decree 158/2006/ND-CP*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-51-2018-ND-CP-sua-doi-158-2006-ND-CP-huong-dan-Luat-thuong-mai-mua-ban-hang-hoa-379473.aspx>

The Government. (2022a). *Decree 06/2022/ND-CP regulating GHG emission reductions and Ozone layer protection*.

The Government. (2022b). *Decree No. 06/2022/ND-CP dated 07 January 2022 on mitigation of GHG emissions and protection of ozone layer*.

The Government. (2022c). *Nationally Determined Contribution (NDC) (updated in 2022)*. <https://unfccc.int/NDCREG>

The Government. (2022d). *Decree 96/2022/ND-CP regulating functions, responsibilities, authorities and organization structure of the Ministry of Industry and Trade*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206919>

The Government. (2023). *Decree No. 14/2023/ND-CP dated 20 April 2023 on defining the functions, tasks, powers and organizational structure of MOF*.

The Prime Minister. (2015). *Decision No. 48/2015/QĐ-TTg issued by the Prime Minister dated 08 October 2015 on functions, tasks, powers and organizational structure of SSC affiliated to MOF*.

The Prime Minister. (2020). *Decision No. 37/2020/QĐ-TTg dated 23 December 2020 of the Prime Minister on Establishment, Organization and Operation of Viet Nam Exchange*.

VCMI. (2021). *Aligning Voluntary Carbon Markets with the 1.5oC Paris Agreement Ambition*. <https://vcmintegrity.org/wp-content/uploads/2021/07/VCMI-Consultation-Report.pdf>

VMEX. (n.d.). *Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam là gì? Mục tiêu và chức năng*.

Wang, A., Carpenter-Gold, D., & So, A. (2022). *Key Governance Issues in California's Carbon Cap-and-Trade System*. UCLA School of Law, California-China Climate Institute. <https://law.ucla.edu/news/key-governance-issues-californias-carbon-cap-and-trade-system>

WCI, Inc. (n.d.). *How to Participate in an Auction*.

WCI, Inc. & California Air Resources Board. (2023). *Detailed Reserve Sale Requirements and Instructions. California Cap-and-Trade Program Sale of Greenhouse Gas Allowances from the Allowance Price Containment Reserve*.

WCI, Inc., California Air Resources Board, & Québec Ministère de l'Environnement, de la Lutte contre les changements climatiques, de la Faune et des Parc. (2022). *Detailed Auction Requirements and Instructions. California Cap-and-Trade Program and Québec Cap-and-Trade System Joint Auction of Greenhouse Gas Allowances*.

World Bank. (2023). *State and Trends of Carbon Pricing 2023*. <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/58f2a409-9bb7-4ee6-899d-be47835c838f>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Áp dụng các tiêu chí được lựa chọn để phân tích

Tiêu chí A – Số năm hoạt động

Mô tả	ETS đã hoạt động được bao lâu?
Đánh giá	2 – Hơn 10 năm 1 – Từ 5 – 10 năm 0 – Dưới 5 năm
Cơ sở lý luận	Giả thuyết rằng CTX hoạt động càng lâu thì càng có nhiều bài học cho Việt Nam.
Liên quốc gia	
EU ETS	2 – Hơn 10 năm vì ETS đã đi vào hoạt động từ năm 2005
Quốc gia	
ETS Đức	0 – Dưới 5 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2021
ETS Kazakhstan	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2013
ETS Thụy Sĩ	2 – Hơn 10 năm vì ETS đã đi vào hoạt động từ năm 2008
ETS Vương quốc Anh	2 – Dưới 5 tuổi vì ETS đã hoạt động trong EU ETS kể từ năm 2021
ETS Trung Quốc	0 – Dưới 5 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2021
ETS New Zealand	2 – Hơn 10 năm vì ETS đã đi vào hoạt động từ năm 2008
ETS Hàn Quốc	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2015
Cấp bang/tỉnh	
ETS California	2 – Hơn 10 năm vì ETS đã đi vào hoạt động từ năm 2012
KNK khu vực (RGGI)	2 – Hơn 10 năm vì ETS đã đi vào hoạt động từ năm 2009
Massachusetts	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2018
Washington	0 – Dưới 5 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2023
Hệ thống thương mại và giới hạn Québec	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2013
Thí điểm ETS Bắc Kinh	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2013
Thí điểm ETS Trùng Khánh	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2014
Thí điểm ETS Phúc Kiến	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2016
Thí điểm ETS Quảng Đông	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2013
Thí điểm ETS Hồ Bắc	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2014
Thí điểm ETS Thượng Hải	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2013
Thí điểm ETS Thâm Quyển	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2013
Thí điểm ETS Thiên Tân	1 – Từ 5 – 10 năm vì ETS đã hoạt động từ năm 2013

Tiêu chí B – Tương đồng về bối cảnh

Mô tả	Bối cảnh quốc gia của ETS giống với Việt Nam như thế nào?
Đánh giá	Tình trạng kinh tế: 1 – Đang phát triển 0 – Đã phát triển Sự tương đồng về địa lý: 1 – Châu Á

	<p>0 – không phải quốc gia châu Á</p> <p>Sự tương đồng về thẩm quyền:</p> <p>1 – toàn quốc</p> <p>0 – không thuộc phạm vi toàn quốc</p>
Cơ sở lý luận	Giả thuyết CTX có nhiều bối cảnh tương đồng với Việt Nam (tức là ở một quốc gia châu Á đang phát triển và vận hành trên phạm vi toàn quốc) sẽ cung cấp những bài học khả thi hơn để áp dụng ở Việt Nam.
Liên quốc gia	
EU ETS	0 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, không thuộc phạm vi quốc gia bởi vì EU bao gồm hầu hết các nước phát triển, nằm ở Châu Âu và ETS đang hoạt động ở quy mô liên quốc gia
Quốc gia	
ETS Đức	1 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, toàn quốc bởi vì Đức là một quốc gia phát triển và nằm ở Châu Âu và ETS đang hoạt động ở quy mô quốc gia
ETS Kazakhstan	3 – Đang phát triển, Châu Á, toàn quốc bởi vì Kazakhstan là một quốc gia đang phát triển và nằm ở Trung Á và ETS đang hoạt động ở quy mô quốc gia
ETS Thụy Sĩ	1 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, toàn quốc bởi vì Thụy Sĩ là một quốc gia phát triển và nằm ở Châu Âu và ETS đang hoạt động ở quy mô quốc gia
ETS Vương quốc Anh	1 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, toàn quốc bởi vì Vương quốc Anh là một quốc gia phát triển và nằm ở Châu Âu và ETS đang hoạt động ở quy mô quốc gia
ETS Trung Quốc	3 – Đang phát triển, Châu Á, toàn quốc bởi vì Trung Quốc là một quốc gia đang phát triển và nằm ở châu Á và ETS đang hoạt động ở quy mô quốc gia
ETS New Zealand	1 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, toàn quốc bởi vì New Zealand là một quốc gia phát triển và nằm ở Châu Âu và ETS đang hoạt động ở quy mô quốc gia
ETS Hàn Quốc	2 – Đã phát triển, Châu Á, toàn quốc bởi vì Hàn Quốc là một quốc gia phát triển và nằm ở châu Á và ETS đang hoạt động ở quy mô quốc gia
Cấp bang/tỉnh	
ETS California	0 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, không thuộc phạm vi quốc gia bởi vì California nằm ở Hoa Kỳ, nước Mỹ, một quốc gia phát triển và ETS đang hoạt động ở cấp tiểu bang
KNK khu vực (RGGI)	0 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, không thuộc phạm vi quốc gia bởi vì RGGI bao gồm 11 tiểu bang ở Hoa Kỳ, là một quốc gia phát triển và ETS đang hoạt động ở cấp độ đa tiểu bang
Massachusetts	0 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, không thuộc phạm vi quốc gia bởi vì Massachusetts có trụ sở tại Hoa Kỳ, nước Mỹ, một quốc gia phát triển và ETS đang hoạt động ở cấp tiểu bang

Washington	0 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, không thuộc phạm vi quốc gia bởi vì Washington nằm ở Hoa Kỳ, nước Mỹ, một quốc gia phát triển và ETS đang hoạt động ở cấp tiểu bang
Hệ thống thương mại và giới hạn Québec	0 – Đã phát triển, ngoài Châu Á, không thuộc phạm vi quốc gia bởi vì Québec nằm ở Canada ở Bắc Mỹ, một quốc gia phát triển và ETS đang hoạt động ở cấp tỉnh
Thí điểm ETS Bắc Kinh	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Bắc Kinh là một thành phố ở Trung Quốc, một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố
Thí điểm ETS Trùng Khánh	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Bắc Kinh là một tỉnh ở Trung Quốc, một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố
Thí điểm ETS Phúc Kiến	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Phúc Kiến là một tỉnh ở Trung Quốc, là một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố
Thí điểm ETS Quảng Đông	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Quảng Đông là một tỉnh ở Trung Quốc, là một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố
Thí điểm ETS Hồ Bắc	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Hồ Bắc là một tỉnh ở Trung Quốc, là một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố
Thí điểm ETS Thượng Hải	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Thượng Hải là một thành phố ở Trung Quốc, một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố
Thí điểm ETS Thâm Quyển	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Thâm Quyển là một thành phố ở Trung Quốc, một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố
Thí điểm ETS Thiên Tân	2 – Đang phát triển, Châu Á, không phải toàn quốc vì Thiên Tân là một thành phố ở Trung Quốc, một quốc gia đang phát triển ở châu Á và ETS đang hoạt động ở cấp thành phố

Tiêu chí C – Khối lượng giao dịch

Mô tả	Khối lượng giao dịch của ETS vào năm 2022 lớn đến mức nào?
Đánh giá	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ 1 – Từ 20- 60 triệu tCO ₂ 0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ hoặc không có thông tin
Cơ sở lý luận	Giả thuyết rằng càng có nhiều giao dịch và khối lượng hạn ngạch và tín chỉ các-bon được giao dịch càng lớn thì CTX càng thành công.
Liên quốc gia	
EU ETS	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ bởi vì EU ETS đã giao dịch 8,785 triệu EUA vào năm 2022
Quốc gia	
ETS Đức	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ bởi vì ETS của Đức đã giao dịch 84,8 triệu EUA và EUAA vào năm 2022

ETS Kazakhstan	0 – không có thông tin vì không có thông tin về khối lượng giao dịch ở Kazakhstan ETS và số lượng giao dịch rất hạn chế
ETS Thụy Sĩ	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì chỉ có thông tin cho rằng 412.700 hạn ngạch của Thụy Sĩ đã được thực hiện vào năm 2022
ETS Vương quốc Anh	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ bởi vì ETS của Vương quốc Anh đã giao dịch 431 triệu UKA trên thị trường thứ cấp vào năm 2022.
ETS quốc gia Trung Quốc	1 – Từ 20- 60 triệu tCO ₂ bởi vì ETS quốc gia Trung Quốc đã giao dịch 51 triệu hạn ngạch vào năm 2022
ETS New Zealand	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ bởi vì ETS New Zealand đã giao dịch 26 triệu NZU trên thị trường sơ cấp và hơn 34 triệu NZU trên sàn giao dịch vào năm 2022.
ETS Hàn Quốc	1 – Từ 20- 60 triệu tCO ₂ bởi vì ETS Hàn Quốc đã giao dịch 25,8 KAU và KOC vào năm 2022
Cấp bang/tỉnh	
ETS California	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ bởi vì 406,1 triệu khoản hạn ngạch và bù trừ đã được giao dịch ở cả Chương trình Thương mại và Phát thải California và Québec
KNK khu vực (RGGI)	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ bởi vì 491 triệu tấn giấy phép phát thải đã được giao dịch trong RGGI vào năm 2022
Massachusetts	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 8 triệu hạn ngạch được đưa ra vào năm 2022
Washington	1 – Từ 20- 60 triệu tCO ₂ vì khoảng 27 triệu hạn ngạch đã được giao dịch vào năm 2022
Hệ thống thương mại và giới hạn Québec	2 – Hơn 60 triệu tCO ₂ bởi vì 406,1 triệu khoản hạn ngạch và bù trừ đã được giao dịch ở cả Chương trình Thương mại và Phát thải California và Québec
Thị điểm ETS Bắc Kinh	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 3,75 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022
Thị điểm ETS Trùng Khánh	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 4,33 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022
Thị điểm ETS Phúc Kiến	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 7,66 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022
Thị điểm Quảng Đông ETS	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 14,45 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022
Thị điểm ETS Hồ Bắc	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 7,39 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022
Thị điểm ETS Thượng Hải	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 3,19 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022
Thị điểm ETS Thâm Quyển	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 5,3 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022
Thị điểm ETS Thiên Tân	0 – Dưới 20 triệu tCO ₂ vì 5,45 triệu hạn ngạch được giao dịch vào năm 2022

Tiêu chí D – Giá giao dịch

Mô tả

Giá giao dịch của ETS là bao nhiêu?

Đánh giá	2 – Trên 50 USD 1 – Từ 10- 50 USD 0 – Dưới 10 USD hoặc không có thông tin
Cơ sở lý luận	Giả thuyết rằng giá giao dịch của ETS càng cao thì khả năng thành công của nó càng cao.
Liên quốc gia	
EU ETS	2 – Hơn 50 USD vì giá giao dịch của EU ETS vào khoảng 80 USD
Quốc gia	
ETS Đức	1 – Từ 10- 50 USD vì giá giao dịch của ETS Đức là khoảng 30 USD
ETS Kazakhstan	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Kazakhstan ETS là khoảng 1 USD
ETS Thụy Sĩ	2 – Hơn 50 USD vì giá giao dịch của ETS Thụy Sĩ vào khoảng 80 USD
ETS Vương quốc Anh	2 – Hơn 50 USD vì giá giao dịch của UK ETS là khoảng 90 USD
ETS Trung Quốc	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của ETS quốc gia Trung Quốc là khoảng 8 USD
ETS New Zealand	2 – Hơn 50 USD vì giá giao dịch của ETS New Zealand trên 50 USD
ETS Hàn Quốc	1 – Từ 10- 50 USD vì giá giao dịch của ETS Hàn Quốc là khoảng 20 USD
Cấp bang/tỉnh	
ETS California	1 – Từ 10- 50 USD bởi vì giá giao dịch của Chương trình Giới hạn và Giao dịch California khoảng 20 USD
KNK khu vực (RGGI)	1 – Từ 10- 50 USD vì giá giao dịch của RGGI là khoảng 15 USD
Massachusetts	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Massachusetts ETS là khoảng 8 USD
Washington	0 – không có thông tin vì không có thông tin về giá giao dịch ở WashingtonWashington ETS
Hệ thống thương mại và giới hạn Québec	1 – Từ 10- 50 USD bởi vì giá giao dịch của hệ thống thương mại và trần Québec là khoảng 30 USD
Thí điểm ETS Bắc Kinh	1 – Từ 10- 50 USD vì giá giao dịch của Beijing Pilot ETS là khoảng 15 USD
Thí điểm ETS Trùng Khánh	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Chongqing Pilot ETS là khoảng 5 USD
Thí điểm ETS Phúc Kiến	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Fujian Pilot ETS là khoảng 5 USD
Thí điểm ETS Quảng Đông	1 – Từ 10- 50 USD vì giá giao dịch của Guangdong Pilot ETS là khoảng 11 USD
Thí điểm ETS Hồ Bắc	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Hubei Pilot ETS là khoảng 7 USD
Thí điểm ETS Thượng Hải	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Shanghai Pilot ETS là khoảng 6 USD
Thí điểm ETS Thâm Quyển	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Thâm Quyển Pilot ETS là khoảng 7 USD
Thí điểm ETS Thiên Tân	0 – Dưới 10 USD vì giá giao dịch của Thiên Tân Pilot ETS là khoảng 5 USD

Tiêu chí E – Sử dụng tín chỉ các-bon

Mô tả	ETS có cho phép sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ không?
Đánh giá	1 – Có 0 – Không
Cơ sở lý luận	Vì Việt Nam cho phép sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ tới 10% tổng hạn ngạch nên có thể giả thuyết rằng CTX cho phép sử dụng tín chỉ các-bon sẽ mang lại những bài học hữu ích cho Việt Nam
Liên quốc gia	
EU ETS	0 – Không vì EU ETS đã không cho phép sử dụng tín chỉ các-bon kể từ năm 2021
Quốc gia	
ETS Đức	0 – Không vì ETS của Đức không cho phép sử dụng tín chỉ các-bon
ETS Kazakhstan	1 – Có vì Kazakhstan ETS cho phép sử dụng khoản bù trừ không giới hạn.
ETS Thụy Sĩ	0 – Không bởi vì ETS Thụy Sĩ đã không cho phép sử dụng tín chỉ các-bon kể từ năm 2021
ETS Vương quốc Anh	0 – Không vì ETS của Vương quốc Anh không cho phép sử dụng tín chỉ các-bon
ETS quốc gia Trung Quốc	1 – Có vì ETS quốc gia của Trung Quốc cho phép sử dụng Mức giảm phát thải được chứng nhận của Trung Quốc (CCER) lên tới 5% lượng phát thải đã được xác minh của họ
ETS New Zealand	0 – Không vì ETS của New Zealand không cho phép sử dụng tín chỉ các-bon
ETS Hàn Quốc	1 – Có vì ETS Hàn Quốc đã cho phép sử dụng KOC và một số CER quốc tế nhất định với tối đa 5% nghĩa vụ tuân thủ của đơn vị kể từ năm 2018
Cấp bang/tỉnh	
ETS California	1 – Có vì California cho phép sử dụng các khoản bù trừ có giới hạn (tối đa 8% cho năm 2013-2020, 4% cho năm 2021-2025 và 6% cho năm 2026-2030)
KNK khu vực (RGGI)	1 – Có vì RGGI cho phép sử dụng các khoản bù trừ lên tới 3,3% trách nhiệm pháp lý của đơn vị
Massachusetts	0 – Không vì Massachusetts ETS không cho phép sử dụng tín chỉ các-bon
Washington	1 – Có vì Washington Washington ETS cho phép sử dụng các khoản bù trừ lên tới 5% trách nhiệm pháp lý của đơn vị
Hệ thống thương mại và giới hạn Québec	1 – Có vì Québec cho phép sử dụng tín chỉ các-bon lên tới 8% nghĩa vụ tuân thủ
Thí điểm ETS Bắc Kinh	1 – Có vì Beijing Pilot ETS cho phép sử dụng tín dụng CCER lên tới 5% phân bổ hàng năm

Thí điểm ETS Trùng Khánh	1 – Có vì Chongqing Pilot ETS cho phép sử dụng tín dụng CCER lên tới 8% phân bổ hàng năm
Thí điểm ETS Phúc Kiến	1 – Có vì Phúc Kiến Pilot ETS cho phép sử dụng CCER và FFCER tương ứng lên tới 5% và 10% phân bổ hàng năm.
Thí điểm ETS Quảng Đông	1 – Có vì Thí điểm Quảng Đông ETS cho phép sử dụng CCER và CER Tan Pu Hui với mức phát thải lên tới 10% lượng phát thải hàng năm.
Thí điểm ETS Hồ Bắc	1 – Có vì Hubei Pilot ETS cho phép sử dụng tín dụng CCER lên tới 10% khoản phân bổ hàng năm.
Thí điểm ETS Thượng Hải	1 – Có vì Shanghai Pilot ETS cho phép sử dụng tín chỉ các-bon lên tới 1-5% lượng phân bổ hàng năm
Thí điểm ETS Thâm Quyển	1 – Có vì Thí điểm ETS của Thâm Quyển cho phép sử dụng tín chỉ các-bon lên tới 20% lượng phân bổ hàng năm
Thí điểm ETS Thiên Tân	1 – Có vì Thiên Tân Pilot ETS cho phép sử dụng tín dụng CCER lên tới 10% phân bổ hàng năm

Tiêu chí F – Liên kết

Mô tả	ETS có liên kết với ETS khác không?
Đánh giá	1 – Có 0 – Không
Cơ sở lý luận	Do Việt Nam sẽ xem xét liên kết từ năm 2028, nên giả định rằng CTX liên kết với các thị trường các-bon khác sẽ mang lại những bài học hữu ích cho Việt Nam.
Liên quốc gia	
EU ETS	1 – Có vì EU ETS đã liên kết với Stiwzerland ETS kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2020.
Quốc gia	
ETS Đức	0 – Không bởi vì ETS của Đức không liên kết với thị trường các-bon khác
ETS Kazakhstan	0 – Không vì Kazakhstan ETS không liên kết với thị trường các-bon khác
ETS Thụy Sĩ	1 – Có vì EU ETS đã liên kết với Stiwzerland ETS kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2020
ETS Vương quốc Anh	0 – Không bởi vì ETS của Vương quốc Anh không liên kết với thị trường các-bon khác
ETS quốc gia Trung Quốc	0 – Không bởi vì ETS Trung Quốc không liên kết với thị trường các-bon khác
ETS New Zealand	0 – Không bởi vì ETS New Zealand không liên kết với thị trường các-bon khác
ETS Hàn Quốc	0 – Không vì ETS Hàn Quốc không liên kết với thị trường các-bon khác
Cấp bang/tỉnh	
ETS California	1 – Có vì chương trình của California đã liên kết với ETS của Québec từ tháng 1 năm 2014
KNK khu vực (RGGI)	0 – Không bởi vì RGGI là nỗ lực hợp tác giữa các quốc gia tham gia và không liên kết với các thị trường các-bon khác.
Massachusetts	0 – Không bởi vì Massachusetts ETS không liên kết với thị trường các-bon khác
Washington	0 – Không bởi vì WashingtonWashington ETS không liên kết với thị trường các-bon khác
Hệ thống thương mại và giới hạn Québec	1 – Có vì chương trình của California đã liên kết với ETS của Québec từ tháng 1 năm 2014
Thí điểm ETS Bắc Kinh	0 – Không bởi vì Thí điểm ETS Bắc Kinh không liên kết với thị trường các-bon khác
Thí điểm ETS Trùng Khánh	0 – Không vì Chongqing Pilot ETS không liên kết với thị trường các-bon khác
Thí điểm ETS Phúc Kiến	0 – Không bởi vì Fujian Pilot ETS không liên kết với thị trường các-bon khác
Thí điểm ETS Quảng Đông	0 – Không bởi vì Thí điểm Quảng Đông ETS không liên kết với thị trường các-bon khác

Thí điểm ETS Hồ Bắc	0 – Không bởi vì Hubei Pilot ETS không liên kết với thị trường các-bon khác
Thí điểm ETS Thượng Hải	0 – Không bởi vì Shanghai Pilot ETS không liên kết với thị trường các-bon khác
Thí điểm ETS Thâm Quyến	0 – Không bởi vì ETS thí điểm Thâm Quyến không liên kết với thị trường các-bon khác
Thí điểm ETS Thiên Tân	0 – Không bởi vì Thí điểm Thiên Tân ETS không liên kết với thị trường các-bon khác

Phụ lục 2: Tổng quan về khung pháp lý về thiết lập và vận hành CTX của các nghiên cứu điển hình được lựa chọn

Bảng Phụ lục 1: Các văn bản pháp luật chính về thiết lập và vận hành CTX của các nghiên cứu điển hình được lựa chọn

STT	TÊN VĂN BẢN	MÔ TẢ CHUNG
I	UK ETS	
1	<p>Các Quy định về Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính (KNK) (SI 2003/3311)</p> <p>Bản sửa đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các Quy định về Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải KNK (Sửa đổi) 2004 (SI 2004/3390) Các Quy định về Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải KNK 2005 	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp khuôn khổ cho hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải KNK ở Anh để thực hiện Chỉ thị 2003/87/EC của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về thiết lập hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải KNK trong Cộng đồng và sửa đổi Chỉ thị 96/61/EC của Hội đồng (“Chỉ thị về trao đổi phát thải”). Quy định 2005 hợp nhất Quy định 2003 và Quy định 2004 với những nội dung sửa đổi khi Vương quốc Anh tham gia EU ETS.
2	<p>Sắc lệnh về Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải KNK 2020 (SI 2020 Số 1265) (Sắc lệnh)</p> <p>Các Sắc lệnh sửa đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi 2020 (SI 2020 Số 1557) Sửa đổi 2021 (SI 2021 Số 1455) Sửa đổi 2022 (SI 2022 Số 454) Sửa đổi Số 2 2022 (SI 2022 Số 1173) 	<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải KNK hay còn gọi là UK ETS, phạm vi bao gồm phát thải KNK từ sản xuất điện và nhiệt, các ngành công nghiệp trọng điểm, và hàng không. Đây là hệ thống nối tiếp Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải của EU (thiết lập dưới Chỉ thị 2003/87/EC) khi Anh rời khỏi EU. Sắc lệnh bao gồm các yếu tố cơ bản của UK ETS (thiết lập, hạn ngạch và mức trần, MRV, các yêu cầu cụ thể cho các cơ sở công nghiệp và hàng không, thu phí, theo dõi tuân thủ, và thực thi, cũng như các yêu cầu rà soát hiệu quả triển khai định kỳ của UK ETS.
3	Các Quy định về Đấu giá trong Hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải 2021	<ul style="list-style-type: none"> Quy định đấu giá hạn ngạch, bao gồm các điều khoản về các yếu tố cơ bản trong đấu giá, quá trình đấu giá, lịch đấu giá, nền tảng, báo cáo giao dịch, và các chi phí.
4	Quy định Giám sát và Báo cáo (Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2018/2066 ngày 19 tháng 12 năm 2018)	<ul style="list-style-type: none"> Quy định của EU được Sắc lệnh cấp hiệu lực và sửa đổi để áp dụng cho UK ETS. Cung cấp các quy tắc cho việc báo cáo và giám sát KNK và các dữ liệu hoạt động bao gồm hướng dẫn xây dựng kế hoạch giám sát; phương pháp luận tính toán và giám sát cho các cơ sở công nghiệp và các hãng hàng không; quản lý và kiểm soát dữ liệu; báo cáo.

5	Quy định Thẩm định (Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2018/2067 ngày 19 tháng 12 năm 2018)	<ul style="list-style-type: none"> Quy định của EU được Sắc lệnh cấp hiệu lực và sửa đổi để áp dụng cho UK ETS. Thiết lập khuôn khổ để công nhận các đơn vị thẩm định cho báo cáo phát thải KNK trong ETS bao gồm các nghĩa vụ, các yêu cầu đối với đơn vị thẩm định, và quy trình xác minh, cũng như công nhận các đơn vị thẩm định ETS.
6	Quy định Phân bổ hạn ngạch (Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/331 ngày 19 tháng 12 năm 2018)	<ul style="list-style-type: none"> Quy định của EU được Sắc lệnh cấp hiệu lực và sửa đổi để áp dụng cho UK ETS. Đưa ra các quy định về phân bổ hạn ngạch phát thải, thực hiện, báo cáo và giám sát dữ liệu.
7	Activity Level Change Regulation (Commission Implementing Regulation (EU) 2019/1842 of 31 October 2019)	<ul style="list-style-type: none"> Quy định của EU được Sắc lệnh cấp hiệu lực và sửa đổi để áp dụng cho UK ETS. Đưa ra các quy tắc điều chỉnh phân bổ hạn ngạch do thay đổi hoạt động.
II	New Zealand ETS	
1	<p>Đạo luật Ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) 2002</p> <p>Các bản sửa đổi gần đây của Đạo luật (từ 2019):</p> <ul style="list-style-type: none"> Ứng phó với BĐKH (Hình phạt thanh toán chậm và phân bổ cho ngành công nghiệp) Đạo luật sửa đổi 2023 Ứng phó với BĐKH (Giá Đấu giá) Đạo luật sửa đổi 2021 Ứng phó với BĐKH (Giảm hạn chuyển đổi hình phạt đối với các hoạt động lâm nghiệp có lượng phát thải thấp) Đạo luật sửa đổi 2022 Ứng phó với BĐKH (Cải cách giao dịch hạn ngạch phát thải) Đạo luật sửa đổi 2020 Ứng phó với BĐKH (Không các-bon) Đạo luật sửa đổi 2019 	<p>Yêu cầu và đưa vào hiệu lực các nghĩa vụ quốc tế của New Zealand tới UNFCCC, Nghị định thư Kyoto và Thỏa thuận Paris</p> <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi liên quan đến phạt nộp chậm cho các hoạt động lâm nghiệp và phân bổ cho ngành công nghiệp Sửa đổi liên quan đến đấu giá để bán các đơn vị New Zealand, giới hạn và các cơ chế kiểm soát giá cho các đơn vị, và Quy định về Biến đổi khí hậu (Đấu giá, Giới hạn, và Quản lý giá cho các đơn vị) 2020 Những sửa đổi liên quan đến cơ chế phân bổ công nghiệp và hình phạt áp dụng khi những người tham gia lâm nghiệp nhỏ không giao nộp hoặc hoàn trả các đơn vị trước ngày đến hạn Các sửa đổi liên quan đến các công cụ tuân thủ ETS bao gồm công bố dữ liệu phát thải và hấp thụ của các đơn vị tham gia, triển khai đấu giá hạn ngạch và loại bỏ dần phân bổ hạn ngạch cho các ngành công nghiệp, v.v Đạo luật sửa đổi đưa ra khuôn khổ để xây dựng và triển khai các chính sách khí hậu một cách rõ ràng và ổn định. Các thay đổi này thành lập nên Ủy ban Biến

	<p>Các Quy định dưới Đạo luật Ứng phó với BĐKH 2002:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định về Biến đổi khí hậu (Lâm nghiệp) 2022 • Quy định về Ứng phó với BĐKH (Các hành vi vi phạm) 2021 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Đấu giá, Giới hạn, và Quản lý giá cho các đơn vị) 2020 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Thuế KNK tổng hợp) 2013 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Quản lý phát thải: Phí và Lệ phí) 2010 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Các hoạt động công nghiệp hợp lệ) 2010 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Ngành Nông nghiệp) 2010 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Chất thải) 2010 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Các hoạt động hấp thụ khác) 2009 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Năng lượng cố định và các quá trình công nghiệp) 2009 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Hệ số phát thải đặc biệt) 2009 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Hệ thống đăng ký đơn vị) 2008 • Quy định về Biến đổi khí hậu (Các nhiên liệu hóa thạch dạng lỏng) 2008 	<p>đổi khí hậu, đặt mục tiêu giảm phát thải KNK và đặt ra hệ thống cho ngân sách phát thải, v.v.</p>
III	California ETS	
1	<p>Dự luật Quốc hội 32 – Đạo luật Giải pháp nóng lên toàn cầu 2006</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập Mục tiêu giảm GHG của California vào năm 2020, yêu cầu Ủy ban Tài nguyên Không khí California (CARB) thông qua Kế hoạch xác định phạm vi để đạt được mục tiêu và ủy quyền cho CARB để đưa chương trình trao đổi hạn ngành thành một cơ chế nhằm hỗ trợ đạt được mục tiêu

2	Dự luật Thượng viện 32 – Đạo luật Giải pháp nóng lên toàn cầu 2006: giới hạn phát thải	<ul style="list-style-type: none"> Đặt ra mục tiêu giảm 40% so với Mục tiêu giảm phát thải KNK năm 2020 vào năm 2030
3	Dự luật Quốc hội 398 – Đạo luật Giải pháp nóng lên toàn cầu 2006: các cơ chế tuân thủ thị trường: phí phòng cháy chữa cháy: miễn thuế bán hàng và thuế sử dụng sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> Tái khẳng định sự ủng hộ về mặt lập pháp đối với hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải đến ngày 31 tháng 12 năm 2030
4	<p>Quy định về Mức trần phát thải KNK của California và Các cơ chế tuân thủ thị trường</p> <p>Các Quy định sửa đổi gần đây</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Hội đồng quản trị 18-51 (13/12/2018) và Lệnh Quy định Cuối cùng Nghị quyết Hội đồng Quản trị 18-4 (22/3/2018) và Lệnh Quy định Cuối cùng Nghị quyết Hội đồng quản trị 17-21 (27/7/2017) và Lệnh Quy định Cuối cùng 	<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm các khía cạnh khác nhau của cơ chế bao gồm: ngân sách hạn ngạch KNK, các yêu cầu tuân thủ cho cơ sở trong phạm vi ETS, phân bổ hạn ngạch trực tiếp, xử lý hạn ngạch, đấu giá và giao bán hạn ngạch, giao dịch và lưu giữ, tín chỉ bù trừ ARB và hệ thống đăng ký tín chỉ bù trừ, thực thi và hình phạt, cũng như mối liên kết với ETS bên ngoài. covers various aspects of the mechanism including: GHG allowance budgets, compliance requirements for covered entities, direct allocations of California GHG allowances, disposition of allowances, auction and sale of California GHG allowances, trading and banking, ARB offset credits and registry offset credits, enforcement and penalties, and linkage to external GHG ETS.
IV	ETS Hàn Quốc	
1	<p>(Luật) Đạo luật khung về tăng trưởng xanh các-bon thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> <Số 9931, 2010. 1. 13> <Số 10599, 2011. 4. 14> <Số 11676, 2013. 3. 23> <Số 11965, 2013. 7. 30> <Số 14122, 2016. 3. 29> <Số 14811, 2017. 4. 18> <Số 14839, 2017. 7. 26> <Số 15101, 2017. 11. 28> <Số 15489, 2018. 3. 20> <Số 16133, 2018. 12. 31> <Số 16646, 2019. 11. 26> 	<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập khuôn khổ để khuyến khích sự phát triển của kinh tế trong nước thông qua việc thiết lập nền tảng cần thiết cho các-bon thấp, tăng trưởng xanh và bằng một loạt các biện pháp khác bao gồm thiết lập Hệ thống Quản lý thông tin tích hợp cho KNK (Điều 45) và Giới thiệu hệ thống ETS (Điều 46)
2	(Luật) Đạo luật khung về Trung hòa các-bon và tăng trưởng xanh về đối phó với	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường các biện pháp chính sách nhằm giảm nhẹ KNK và thích ứng với BĐKH, đòi hỏi chính phủ Hàn Quốc phải vận hành Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải (Điều 25) và Thành lập Quỹ ứng phó

	<p>khủng hoảng khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 18469, 2021. 9. 24> - <Số 19208, 2022. 12. 31> - <Số 19308, 2023. 3. 28> - <Số 19430, 2023. 6. 9> 	<p>khí hậu dựa trên Doanh thu tạo ra từ việc phân bổ giấy phép phát thải (Điều 69)</p>
3	<p>(Luật) Đạo luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép KNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 11419, 2012. 5. 14> - <Số 11690, 2013. 3. 23> - <Số 14839, 2017. 7. 26> - <Số 15836, 2018. 10. 16> - <Số 17104, 2020. 3. 24> - <Số 18469, 2021. 9. 24> - <Số 20172, 2024. 1. 30> 	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập khuôn khổ cho các điều sau: <ul style="list-style-type: none"> ○ Lập quy hoạch tổng thể cho hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải; ○ Chỉ định các đơn vị kinh doanh đủ điều kiện cấp và phân bổ giấy phép phát thải; ○ Giao dịch giấy phép phát thải; ○ Báo cáo, thẩm định và xác nhận lượng phát thải; ○ Giao nộp, chuyển nhượng, vay mượn, bù trừ, và hủy bỏ giấy phép phát thải; ○ Quy định về hình phạt và xử phạt hành chính.
4	<p>(Nghị định) Nghị định thi hành Đạo luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép KNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 30944, 2020. 8. 18> - <Số 31548, 2021. 3. 23> - <Số 32503, 2022. 2. 22> - <Số 32557, 2022. 3. 25> - <Số 33913, 2023. 12. 12> 	<ul style="list-style-type: none"> • Đưa ra các quy định cụ thể để triển khai Đạo luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép KNK
5	<p>(Nghị định) Hướng dẫn về Báo cáo và Chứng nhận Phát thải trong ETS</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 2016-103, 2016. 6. 8> - <Số 2017-63, 2017. 3. 27> - <Số 2018-73, 2018. 5. 2> - <Số 2019-245, 2020. 1. 1> - <Số 2021-10, 2021. 1. 1> - <Số 2021-278, 2021. 12. 21> 	<ul style="list-style-type: none"> • hướng dẫn liên quan đến việc nộp báo cáo phát thải và công bố thông tin theo Điều 24 và thủ tục chứng nhận theo Điều 25 của Đạo luật
6	<p>(Nghị định) Hướng dẫn Thẩm định trong ETS</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 2016-15, 2016. 6. 1> - <Số 2017-12, 2017. 5. 30> - <Số 2018-70, 2018. 5. 2> - <Số 2021-112, 2021. 6. 8> 	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập các tiêu chí để chỉ định và quản lý các cơ quan thẩm định, xác định các nhiệm vụ và quy trình cụ thể liên quan đến hoạt động thẩm định do kiểm toán viên thẩm định thực hiện tuân thủ theo Đạo luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép KNK
7	<p>(Nghị định) Hướng dẫn cấp, điều chỉnh, hủy bỏ giấy phép phát thải</p> <ul style="list-style-type: none"> - < Số 2020-270, 2020. 12. 24> - <Số 2021-277, 2021. 12. 30> 	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập tiêu chí để chỉ định các đơn vị và các định phương pháp luận tính toán hạn ngạch phát thải, cũng như các chi tiết và thủ tục quản lý phân bổ bổ sung và hủy bỏ hạn ngạch

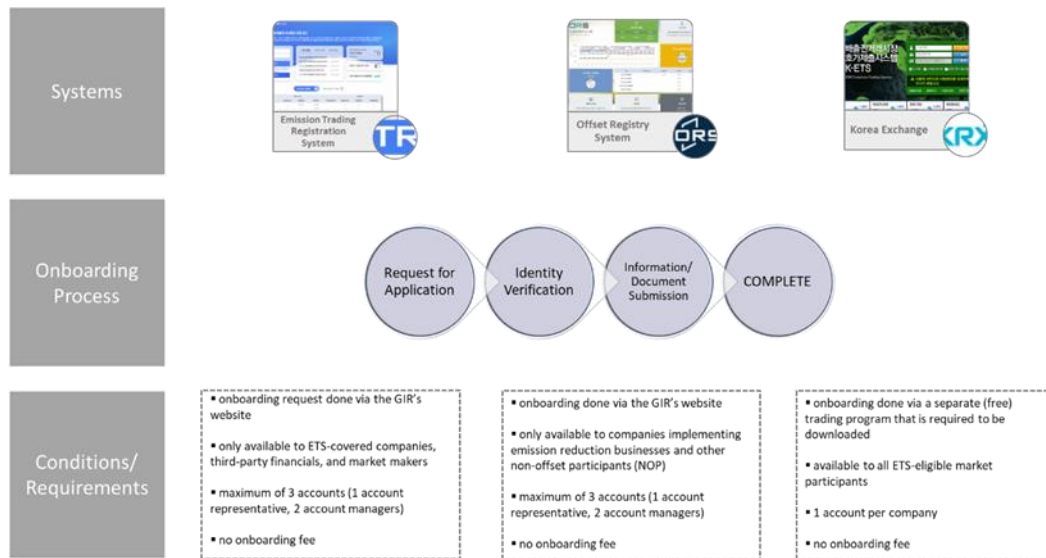
8	<p>(Nghị định) Hướng dẫn đánh giá hiệu lực và chứng nhận giảm phát thải của các hoạt động bù trừ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 2016-103, 2016. 6. 8> - <Số 2017-36, 2017. 3. 27> - <Số 2018-79, 2018. 5. 2> - <Số 2018-127, 2018. 6. 28> - <Số 2021-22, 2021. 1. 22> - <Số 2021-88, 2021. 5. 21> 	<ul style="list-style-type: none"> • thiết lập các thủ tục đánh giá tính khả thi và chứng nhận của các dự án bên ngoài theo Điều 48 và 49 của Đạo luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép KNK
9	<p>(Bản tin chính thức) Quy định về giao dịch giấy phép phát thải</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 2016-105, 2016. 6. 8> - <Số 2018-67, 2018. 5. 1> 	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập một hệ thống giám sát hạn ngạch và tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch liền mạch tuân thủ theo Đạo luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép KNK
10	<p>(Bản tin chính thức) Quy định về Sàn giao dịch KNK</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 2016-14, 2016. 6. 1> - <Số 2016-33, 2016. 12. 30> - <Số 2018-68, 2018. 5. 1> 	<ul style="list-style-type: none"> • Giám sát sàn giao dịch phát thải theo Điều 22 của Đạo luật về Phân bổ và Giao dịch Giấy phép KNK
11	<p>(Bản tin chính thức) Quy định Bổ sung cho Giấy phép Phân bổ cho Đấu giá và Biện pháp Bình ổn Thị trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - <Số 2018-71, 2018. 5. 2> - <Số 2019-50, 2019. 3. 7> - <Số 2020-108, 2020. 5. 8> - <Số 2023-60, 2023. 3. 31> 	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập các thủ tục quản lý việc phân bổ quyền phát thải thông qua cơ chế đấu giá

Nguồn: Tổng hợp bởi Tư vấn

Phụ lục 3: Thông tin thêm về trao đổi hạn ngạch phát thải K-ETS

Quy trình tham gia

Hệ thống thông tin dữ liệu phức tạp của Hàn Quốc, được hỗ trợ bởi các hệ thống kỹ thuật số và công nghệ IoT, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tham gia thị trường GIR và KRX dễ dàng và đơn giản.



Phụ lục Hình 1: Thông tin giới thiệu KE TS

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên GIR và KRX (2023)

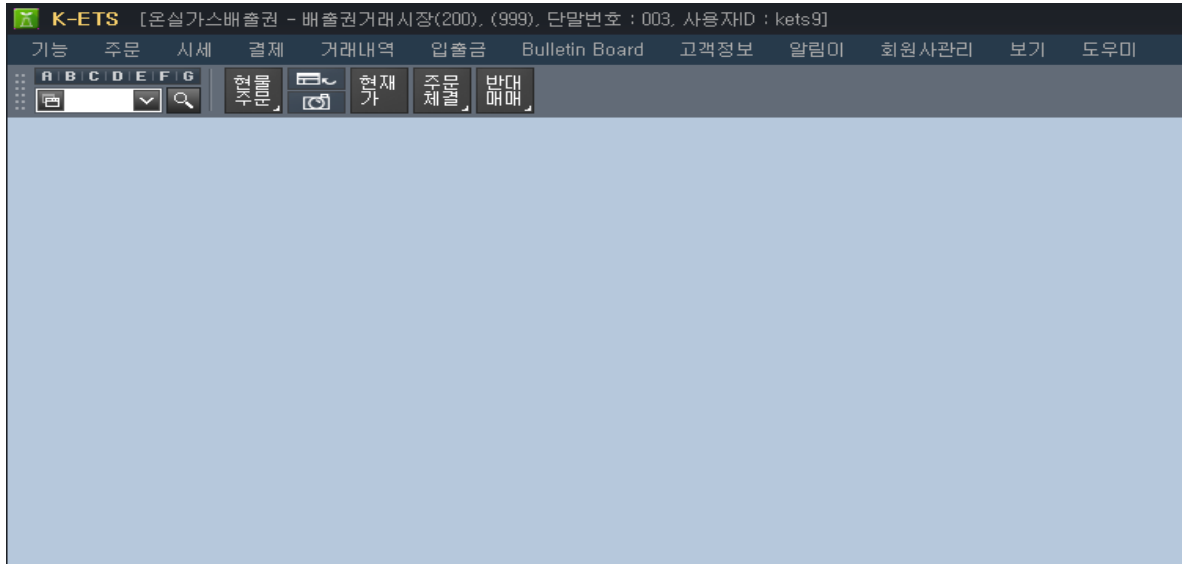
Quá trình bắt đầu thiết lập tài khoản yêu cầu người đăng ký trước tiên phải đồng ý với việc cung cấp và quản lý thông tin và dữ liệu bí mật, sau đó hoàn tất quy trình xác minh danh tính bắt buộc. Quy trình hai bước này đảm bảo rằng hệ thống có thể dễ dàng xác định những người nộp đơn đủ điều kiện và hướng họ đến trang đăng ký để nhập thông tin cá nhân hoặc công ty.

Yêu cầu tham gia được thực hiện thông qua trang chủ chính thức của các hệ thống tham gia, ngoại trừ KRX yêu cầu người dùng tải xuống một chương trình riêng. Không có phí giới thiệu đối với bất kỳ bên tham gia ETS nào, nhưng số lượng tài khoản được phép có thể bị giới hạn tùy thuộc vào hệ thống.

Những người tham gia đủ điều kiện tạo tài khoản trong KRX được phân loại như sau: thành viên chung, thành viên giảm kinh doanh bên ngoài và thành viên môi giới. Thành viên chung là những người có thể tham gia tự kinh doanh các khoản hạn ngạch và tín dụng bù trừ và là các công ty đủ điều kiện theo 'Điều 12 (Tiêu chuẩn thành viên)' của Đạo luật ETS, chẳng hạn như các công ty tuân theo nghĩa vụ ETS, Ngân hàng Phát triển Hàn Quốc (KDB), Ngân hàng Công nghiệp của Hàn Quốc (IBK), Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (KOEXIM) và bất kỳ nhà tạo lập thị trường được chỉ định nào khác. Thành viên kinh doanh giảm phát thải bên ngoài là các công ty vận hành các dự án giảm phát thải và tham gia mua bán tín chỉ bù trừ. Thành viên môi giới là một công ty môi giới kinh doanh khí thải tham gia vào hoạt động tự kinh doanh và giao dịch ủy thác các khoản hạn ngạch được đăng ký theo Đạo luật về dịch vụ đầu tư tài chính và thị trường vốn.

Nền tảng giao dịch (Chương trình báo giá-nhập liệu)

KRX đã thiết kế một giao diện thân thiện với người dùng để các nhà giao dịch đặt và quản lý các lệnh chung và lệnh thương lượng cũng như các chức năng khác như quản lý tài khoản, tùy chọn thanh toán, lịch sử giao dịch, giá thầu và ưu đãi theo thời gian thực cũng như xu hướng giá hàng ngày, cùng nhiều chức năng khác.



Phụ lục Hình 2: Giao diện chính của KRX

Nguồn: Sàn giao dịch Hàn Quốc (2017)

Những người tham gia thị trường đã đăng ký phải cung cấp thông tin doanh nghiệp có liên quan để xác minh khả năng đủ điều kiện giao dịch tín chỉ các-bon trên KRX. Thông tin được yêu cầu bao gồm thông tin ngân hàng để kiểm tra nguồn tiền sẵn có theo thời gian thực và thông tin đăng ký GIR để tự động kết nối với cơ quan đăng ký và cơ sở dữ liệu của chính phủ. Tất cả thông tin này, ngoại trừ thông tin được bảo vệ bởi luật bảo mật, đều được lưu trữ trên máy chủ lưu trữ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất số liệu thống kê và dữ liệu thị trường.



Phụ lục Hình 3: Thông tin số lượng tài khoản trong KRX

Nguồn: Sàn giao dịch Hàn Quốc (2017)

Quy trình báo giá và giao dịch trong KRX được thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch hiệu quả. Bằng cách cho phép những người tham gia thị trường gửi báo giá và giao dịch theo thời gian thực, sàn giao dịch giúp đảm bảo rằng giá phản ánh các điều kiện cung và cầu hiện tại.

Quá trình này bắt đầu bằng việc những người tham gia thị trường gửi báo giá cho mặt hàng mà họ muốn mua hoặc bán. Mỗi báo giá, tối thiểu là 1 tấn và tối đa là 100.000 tấn, được gửi dưới hình thức chênh lệch giá chào mua, từ thứ Hai đến thứ Sáu trong khoảng thời gian từ 09:00 – 12:00. Giờ giao dịch đầu giá là từ 13 giờ đến 14 giờ trong ngày đầu giá.

Bảng Phụ lục 2: Thông số giao dịch bằng KRX

Hợp đồng	KAU (cổ điển kèm theo, hạn sử dụng hàng năm)
Cơ bản	KAU tương đương với một giấy phép phát thải của một tCO ₂ e
Khối lượng hợp đồng	1 tấn
Khối lượng tối thiểu	1 tấn
Thông lượng giá	±10% dựa trên giá đóng cửa ngày hôm trước
Hình thức giao dịch	Giao dịch liên tục
Phí giao dịch	0,1% tổng số tiền giao dịch (phí giao dịch: 0,08%, phí thanh toán bù trừ: 0,02%)
Ngày thực hiện	Cùng ngày; ngay tức khắc
Ngày chuyển/giao hạn ngạch	Tự động; Tài khoản KRX được liên kết với GIR
Bán hạn ngạch	Việc bán hàng cần phải được hỗ trợ bởi một khoản tiền đủ trong tài khoản ngân hàng được chỉ định

Nguồn: Sàn giao dịch Hàn Quốc (2017)

Sau khi báo giá đã được gửi, sàn giao dịch sẽ khớp người mua và người bán ở mức giá tốt nhất hiện có. Đối với các báo giá được gửi trong khoảng thời gian từ 09:00 đến 10:00, giá thanh toán duy nhất được xác định vào lúc 10:00. Đối với các báo giá được gửi từ 10:00 đến 11:30, giá sẽ được khớp theo thời gian thực. Bất kỳ báo giá nào chưa được chốt trước 11:30 hoặc báo giá được gửi từ 11:30 đến 12:00 sẽ được chốt ở một mức giá duy nhất lúc 12:00 và giá đóng cửa được xác định tại thời điểm này. Nhà giao dịch sẽ phải trả tổng phí 0,1% trên tổng số tiền giao dịch.

대비	매도잔량	호가가격	매수잔량	대비
	5,000	8,680	전일종가	0
	5,000	8,670	예상체결가	0
	10	8,660	현재가	7,800
	5,000	8,650	대비	-860
	4,947	7,800	등락률	(-9.93%)
시 가	7,800			
고 가	7,800			
저 가	7,800			
상한가	9,520			
하한가	7,800			
0	19,957	합계	0	0

Phụ lục Hình 4: Đầu vào báo giá (Bán) trong KRX theo K-ETS

Nguồn: Sàn giao dịch Hàn Quốc (2017)

Các nhà giao dịch cũng có thể giao dịch bằng KRX thông qua các phương tiện song phương, bao gồm việc đàm phán và thực hiện giao dịch trực tiếp với các đối tác. Để giao dịch song phương trên KRX, nhà giao dịch có thể tìm kiếm và liên hệ với các đối tác trên màn hình yêu cầu của Bảng tin. Màn hình này cung cấp danh sách tất cả các đối tác quan tâm đến việc giao dịch một mặt hàng cụ thể. Khi nhà giao dịch đã xác định được đối tác, họ có thể liên hệ trực tiếp với họ để thương lượng các điều kiện giao dịch. Khi các điều kiện giao dịch đã được thống nhất, thương nhân phải gửi giá bán thương lượng. Việc này được thực hiện bằng cách nhập số tài khoản của đối tác, thời điểm hoàn tất đàm phán và các thông tin cần thiết khác. Các đơn hàng được đặt trong cùng ngày có thể bị hủy.

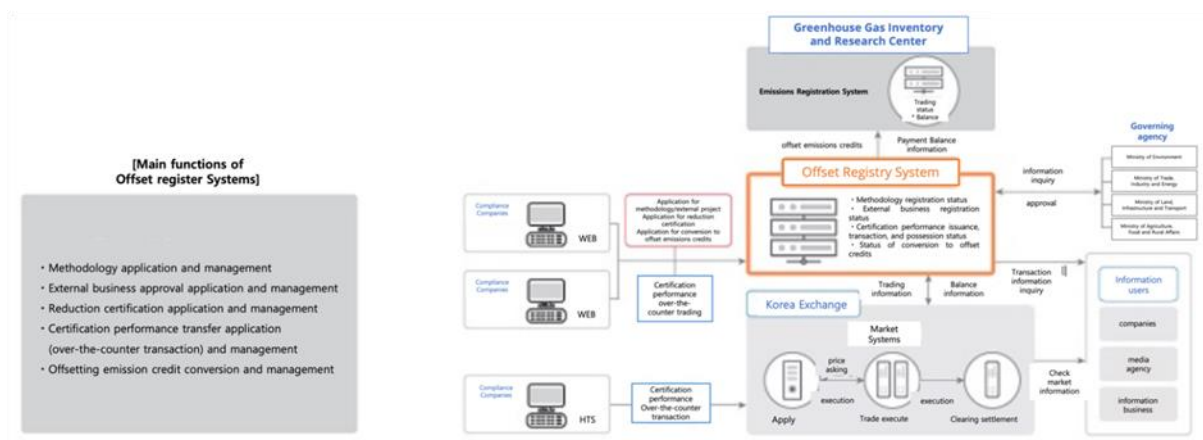
Giới hạn giá đã được KRX đặt ra để ngăn chặn sự biến động quá mức về giá. Giới hạn giá có thể giúp ngăn chặn sự biến động lớn về giá bằng cách khiến các nhà giao dịch khó thao túng thị trường hơn. Giới hạn giá dưới và trên trong KRX được đặt ở mức 10% giá đóng cửa của ngày hôm trước.

Phụ lục 4: Cơ cấu hoạt động ORS của K-ETS

ORS là cơ quan đăng ký công khai ghi lại thông tin về các dự án bù trừ các-bon, bao gồm kế hoạch dự án, hồ sơ chứng nhận và các thông tin liên quan khác, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp, chuyển giao và xử lý tín chỉ bù trừ. Một số chức năng của nó bao gồm:

- Ghi lại và quản lý các ứng dụng kinh doanh bên ngoài, đánh giá tính khả thi, đăng ký, giám sát, xác minh, chứng nhận, v.v.
- Ghi chép và quản lý việc cấp, chuyển nhượng và xử lý hiệu quả hoạt động chứng nhận kinh doanh bên ngoài và chuyển đổi sang tín chỉ bù trừ, v.v.
- Các chức năng khác được Bộ trưởng Bộ Môi trường cho là cần thiết

Cấu trúc hoạt động ORS của K-ETS được thể hiện trong hình bên dưới.



Phụ lục Hình 5: Cơ cấu hoạt động ORS của K-ETS

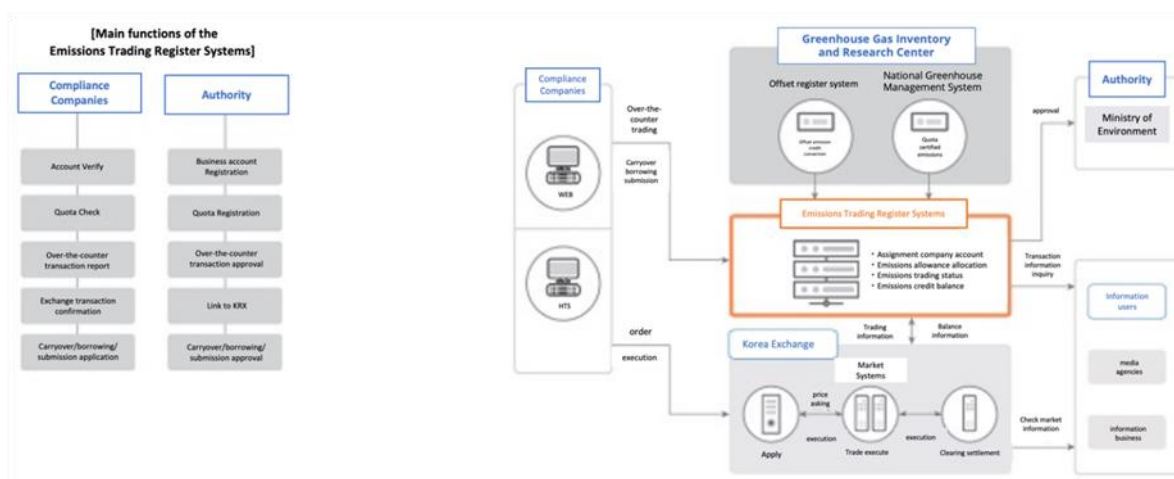
Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và kiểm kê KNK (nd-a.)

Phụ lục 5: Cơ cấu hoạt động ETRS thuộc K-ETS

ETRS là cơ quan đăng ký kinh doanh giấy phép phát thải theo ETS. Nó có trách nhiệm ghi lại và duy trì các dữ liệu sau, trong số những dữ liệu khác:

- Tổng số giấy phép phát thải theo thời gian cam kết và năm tuân thủ;
- Tài khoản giấy phép phát thải đứng tên từng đơn vị kinh doanh đủ điều kiện được cấp và cá nhân, tập đoàn khác và số lượng giấy phép phát thải mà mỗi đơn vị nắm giữ;
- Tài khoản quản lý giấy phép phát thải trong dự trữ (phân bổ bổ sung hạn ngạch phát thải, hoạt động tạo lập thị trường, dự trữ bình ổn thị trường, v.v.);
- Số lượng giấy phép phát thải được chuyển nhượng/hủy bỏ;
- Số lượng giấy phép phát thải đã nộp;
- Số giấy phép phát thải chuyển/mượn;
- Số lượng tín chỉ bù trừ;
- Kế hoạch phát thải và báo cáo xác minh.
- Tổng số giấy phép phát thải theo thời gian cam kết và năm tuân thủ, lượng phát thải được chứng nhận KNK.

Cơ cấu hoạt động của ETRS trong K-ETS được thể hiện trong hình bên dưới.



Phụ lục Hình 6: Cơ cấu hoạt động ETRS trong K-ETS

Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và kiểm kê KNK (nd-a.)

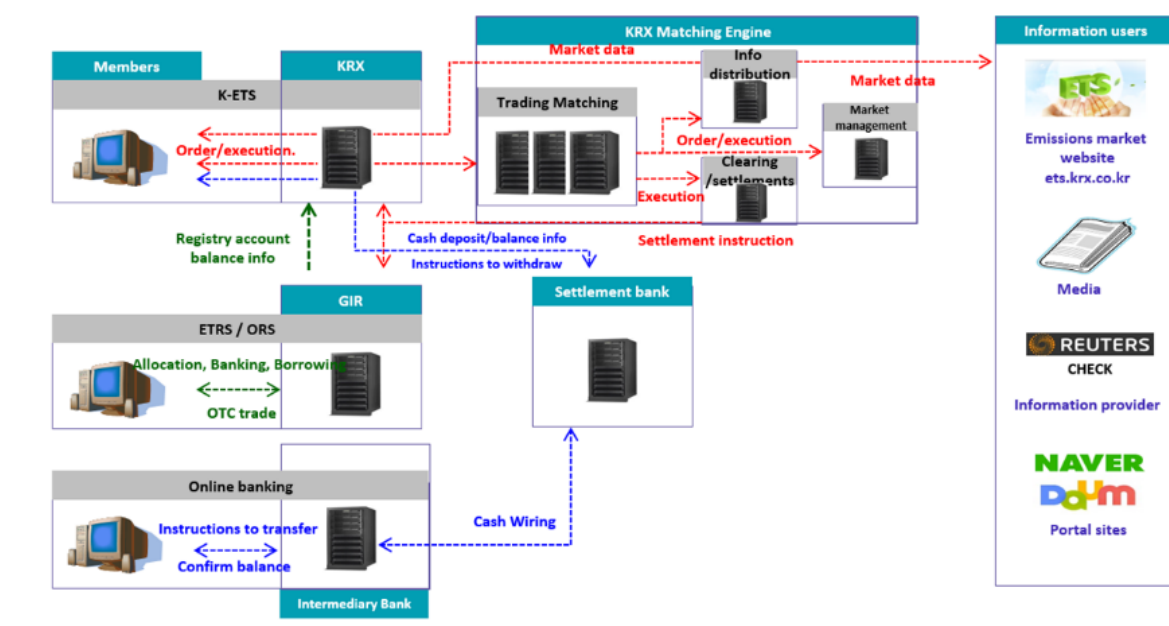
Phụ lục 6: Cơ sở hạ tầng giao dịch tín chỉ các-bon KRX

KRX đã thiết lập cơ sở hạ tầng giao dịch tín chỉ các-bon chuyên dụng trong khuôn khổ hiện có. Kiến trúc mạng tổng thể bao gồm các hệ thống đan xen giữa KRX và tất cả các thành phần liên quan đến các-bon, chẳng hạn như cơ quan đăng ký và quy định hiện hành từ các cơ quan liên quan đến chính phủ cũng như dịch vụ ngân hàng và thanh toán từ các tổ chức tài chính.

Quy trình giao dịch tín chỉ các-bon của KRX chảy qua một số máy chủ, cụ thể là máy chủ giao dịch, công cụ khớp lệnh, máy chủ thanh toán bù trừ và máy chủ dữ liệu thị trường. Máy chủ giao dịch chịu trách nhiệm xử lý đơn đặt hàng và kết nối người mua và người bán. Thông tin sau đó được chuyển đến các công cụ phù hợp để thực hiện giao dịch một cách hiệu quả. Sau khi giao dịch được thực hiện, thông tin sẽ được chuyển tiếp đồng thời đến máy chủ thanh toán bù trừ để kết nối với ngân hàng thanh toán và máy chủ dữ liệu thị trường, nơi cung cấp dữ liệu thị trường theo thời gian thực cho nhà giao dịch, chẳng hạn như giá cả, khối lượng giao dịch và các thông tin quan trọng khác.

Ngoài cơ sở hạ tầng giao dịch còn có các hệ thống quản lý rủi ro và bảo mật phức tạp giúp bảo vệ tổ chức khỏi các cuộc tấn công mạng và giám sát thị trường về các rủi ro và hoạt động gian lận.

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng giao dịch tín dụng các-bon KRX được thể hiện trong hình bên dưới.



Phụ lục Hình 7: Cơ sở hạ tầng giao dịch các-bon của KRX

Nguồn: Sàn giao dịch Hàn Quốc (2021)

Phụ lục 7: Các văn bản pháp luật chung và quy định tài chính liên quan đến thị trường các-bon tại Việt Nam

Các văn bản pháp luật chung và quy định tài chính liên quan đến thị trường các-bon tại Việt Nam được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng Phụ lục 3: Các văn bản pháp luật và quy định tài chính liên quan đến thị trường các-bon tại Việt Nam

STT	TÊN VĂN BẢN PHÁP LUẬT	NỘI DUNG
I	CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON	
A	LUẬT	
1	Luật số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> Xác định các nguyên tắc, quy định, biện pháp và chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Nhấn mạnh ưu tiên phát triển công nghệ năng lượng sạch và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo; Bộ Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm; quy định chi tiết về kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng; Quy định việc dán nhãn năng lượng và quản lý phương tiện, thiết bị dưới mức hiệu suất năng lượng tối thiểu.
2	Luật số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về Tài nguyên nước	Quy định các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước bao gồm đánh giá, cảnh báo, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên nước. Xây dựng chiến lược và quy hoạch tài nguyên nước sẽ phải dựa trên dự báo về tác động của biến đổi khí hậu đối với nguồn nước.
3	Luật số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về Lâm nghiệp	Quy định các hoạt động kiểm kê rừng nhằm giảm phát thải KNK, hạn chế nạn phá rừng và quản lý rừng bền vững. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải KNK lớn phải chi trả tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Luật bảo đảm quản lý rừng kết hợp với ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển các giống cây trồng lâm nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và nghiên cứu các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng. Khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực lâm nghiệp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững và các cam kết quốc tế khác của Việt Nam.

4	Luật số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về Bảo vệ Môi trường	<p>Quy định các quy định liên quan đến thị trường các-bon và CTX:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều 91: Giảm nhẹ phát thải KNK • Điều 139: Tổ chức và phát triển thị trường các-bon
B NGHỊ ĐỊNH		
5	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn	<p>Quy định việc tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Điều 16: Đối tượng tham gia thị trường các-bon trong nước • Điều 17: Lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước • Điều 18: Xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải KNK được giao dịch trên sàn giao dịch của thị trường các-bon trong nước • Điều 19: Trao đổi hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước • Điều 20: Đăng ký chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon • Điều 21: Trách nhiệm phát triển thị trường các-bon trong nước: MOF chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.
6	Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển giao giảm phát thải và quản lý tài chính trong Chương trình chi trả giảm phát thải khu vực Bắc Trung Bộ	<ul style="list-style-type: none"> • Quy định về việc thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải KNK đối với loại hình dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Khoản 3 Điều 61 và Điều 63 Luật Lâm nghiệp; • Áp dụng đối với cơ quan nhà nước, chủ rừng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến giảm phát thải và hấp thụ KNK từ rừng tự nhiên thuộc 06 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

C QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ		
7	Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về Biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020	Ban hành danh mục cụ thể các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động quốc gia về Biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020 và các chương trình, đề án ưu tiên giai đoạn 2012-2015.
8	Quyết định số 1775/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; Quản lý hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới	Các nhiệm vụ, dự án chuyên môn thuộc Đề án: <ul style="list-style-type: none"> • Tiến hành kiểm kê KNK quốc gia cho năm cơ sở 2005 theo hướng dẫn của IPCC và xây dựng các kịch bản phát thải cơ sở đến năm 2020 cho các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, LULUCF và chất thải • Thực hiện mục tiêu giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ KNK đến năm 2020 • Quản lý, giám sát hiệu quả các hoạt động mua bán, chuyển giao tín chỉ các-bon được tạo ra từ các cơ chế trong và ngoài khuôn khổ Nghị định thư Kyoto ra thị trường thế giới
9	Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	<ul style="list-style-type: none"> • Định hướng phát triển từ nay đến năm 2030: (i) Đầu tư phát triển các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo nối lưới; (ii) Phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo để cung cấp nhiệt năng; (iii) Phát triển và sử dụng nguồn nhiên liệu sinh học • Định hướng phát triển đến năm 2050: Tập trung nguồn lực, khai thác, sử dụng tối đa tiềm năng năng lượng tái tạo trong nước • Định hướng phát triển thủy điện, năng lượng sinh khối, năng lượng gió, năng lượng mặt trời để sản xuất điện • Cung cấp cơ chế, chính sách hình thành thị trường cho năng lượng tái tạo. Các khách hàng sử dụng điện cuối cùng đang mua điện từ hệ thống điện quốc gia, thực hiện phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo với mục đích chính là tự đảm bảo cho nhu cầu điện của mình, được áp dụng cơ chế thanh toán bù trừ.
10	Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu	Ban hành nhiệm vụ cụ thể thực hiện Thỏa thuận Paris. Trong đó có nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải KNK giai đoạn 2016-2020, 2021-2030 và nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020, 2021-2030, cũng như nhiệm vụ chuẩn bị nguồn lực và thiết lập hệ thống MRV, xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế.

11	Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK	Quy định 06 ngành và 1912 cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK
12	Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> • Đến năm 2030: Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, đẩy mạnh chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với các lĩnh vực thuộc ngành giao thông vận tải đã sẵn sàng về mặt công nghệ, thể chế, nguồn lực nhằm thực hiện mức cam kết trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và mục tiêu giảm phát thải khí mê-tan của Việt Nam • Đến năm 2050: Phát triển hợp lý các phương thức vận tải, thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi toàn bộ phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng giao thông vận tải sang sử dụng điện, năng lượng xanh, hướng đến phát thải ròng KNK về “0” vào năm 2050 • Quy định lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh
13	Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 07 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> • Đặt mục tiêu hình thành cơ chế trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon và thị trường giao dịch tín chỉ các-bon trong nước. Đến năm 2030, thị trường các-bon trong nước được vận hành và kết nối với thị trường các-bon các nước trong khu vực và thế giới; • Đặt nhiệm vụ ban hành cơ chế khuyến khích thực hiện các công cụ định giá các-bon; • Triển khai thí điểm và hình thành thị trường carbon trong nước giai đoạn 2022-2030 do MOF chủ trì.
14	Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050	<ul style="list-style-type: none"> • Tập trung nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển các cơ chế tài chính và thị trường các-bon • Thể chế hóa mô hình phát triển các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn; áp dụng hiệu quả các công cụ định giá các-bon, bao gồm thuế các-bon, sàn giao dịch hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon, kết nối với thị trường khu vực và thế giới • Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon • Phát triển đội ngũ chuyên gia chất lượng cao về kiểm kê KNK, thẩm định giảm phát thải

		KNK, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu
D	THÔNG TƯ	
15	Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 được MONRE ban hành quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với Biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành hướng dẫn đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu Ban hành mẫu báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải KNK Ban hành danh mục, hướng dẫn sử dụng, thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất bị kiểm soát
16	Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2022 được MONRE ban hành quy định kỹ thuật MRV giảm nhẹ phát thải KNK và kiểm kê KNK lĩnh vực quản lý chất thải	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn quy trình thực hiện kiểm kê KNK cấp lĩnh vực và cấp cơ sở Hướng dẫn MRV về giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực quản lý chất thải.
17	Thông tư số 23/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật về Phương pháp MRV giảm nhẹ phát thải KNK và kiểm kê KNK và kiểm kê KNK trong ngành Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn MRV giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực lâm nghiệp Hướng dẫn kiểm kê KNK lĩnh vực lâm nghiệp
18	Thông tư số 38/2023/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2023 do Bộ Công Thương ban hành quy định kỹ thuật MRV giảm nhẹ phát thải KNK và kiểm kê KNK ngành Công thương	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp quy trình kỹ thuật kiểm kê KNK cấp lĩnh vực, cấp cơ sở trong ngành Công thương Ban hành danh mục số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê KNK cấp lĩnh vực, cấp cơ sở thuộc ngành công thương Ban hành các phương pháp kiểm kê KNK cấp cơ sở Hướng dẫn MRV giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực công thương
II	QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON VÀ CTX	
A	QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN CER	
19	Luật số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008 của Quốc hội về thuế thu nhập doanh nghiệp	Quy định người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
20	Luật số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về thuế giá trị gia tăng	Quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng

21	Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp
22	Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phí và lệ phí	Ban hành danh mục phí, lệ phí. Đặc biệt, lệ phí chuyển nhượng chứng chỉ và tín chỉ giảm phát thải KNK do MOF quy định
23	Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế	<ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 31/2013/QH13; Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 70/2014/QH13; Sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 được sửa đổi theo Luật số 21/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13.
24	Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng	Quy định tổ chức, cá nhân nhận tiền chuyển nhượng quyền phát thải không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng
25	Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp	Quy định thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) lần đầu của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải; các lần chuyển nhượng tiếp theo nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định
26	Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính áp dụng đối với dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch	<ul style="list-style-type: none"> Xác định MONRE là Cơ quan có thẩm quyền quốc gia về CDM Quy định một số chính sách tài chính cho dự án CDM: Thời điểm bán CER và giá bán CER, phí bán CER, chính sách trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM, v.v.
27	Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 04 tháng 07 năm 2008 của MOF và MONRE hướng dẫn thực hiện một số điều theo Quyết định 130/2007/QĐ-TTg	<ul style="list-style-type: none"> Quy định mức phí bán CER đối với 08 lĩnh vực xây dựng và đầu tư thực hiện dự án Đưa ra các quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí bán CER thu được cũng như trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM
28	Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2010 do MOF và MONRE ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của	<ul style="list-style-type: none"> Chủ sở hữu CERs khi bán hoặc chuyển CERs về nước (đối với nhà đầu tư nước ngoài) phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và hoàn thành nộp lệ phí bán CERs chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể

	Thông tư liên tịch 58/2008/TTLT-BTC-BTNMT	<p>từ ngày chuyển CERs cho bên mua hoặc chuyển CERs về nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đề xuất quy định về quản lý và sử dụng CER của các dự án CDM sử dụng vốn ODA. Đối với các dự án CDM sử dụng vốn ODA từ ngân sách nhà nước, CER thu được đều thuộc sở hữu của Nhà nước. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA vay lại toàn bộ từ các tổ chức tín dụng trong nước, CER thu được thuộc sở hữu của nhà đầu tư; • Phí bán CER được thu bằng ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam, căn cứ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu phí.
29	Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của MOF hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng	Quy định người nộp thuế nhận tiền chuyển nhượng giấy phép phát thải phải lập chứng từ chi theo đúng mục đích chi.
30	Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của MOF hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	Quy định thu nhập được miễn thuế từ chuyển nhượng CER phải đáp ứng điều kiện khi bán, chuyển nhượng giấy chứng nhận giảm phát thải phải có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về môi trường theo quy định
B	CÁC QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN CTX	
31	Luật số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội về Ngân sách Nhà nước	Giải quyết việc lập kế hoạch, chấp hành, kiểm toán, quyết toán và giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến ngân sách nhà nước
32	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về Chứng khoán	Cung cấp cho hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trên thị trường chứng khoán; tổ chức thị trường chứng khoán; quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán
33	Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí	Quy định việc kê khai, thu, nộp phí, lệ phí; việc quản lý và sử dụng phí; quyết toán phí, lệ phí; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức nhà nước trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí
34	Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Quy định về vi phạm hành chính, hình phạt, tiền phạt, biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính, thẩm quyền ra quyết định vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trong đó bao gồm các hành vi vi phạm

		các quy định về phòng ngừa, đấu tranh và khắc phục sự cố ô nhiễm, suy thoái, lãng phí; giảm phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn
--	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Phụ lục 8: Các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán tại Việt Nam

Các văn bản pháp luật chung liên quan đến thị trường chứng khoán tại Việt Nam được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng Phụ lục 4: Các văn bản pháp luật chung liên quan đến thị trường chứng khoán tại Việt Nam

STT	TÊN CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT	NỘI DUNG
A	LUẬT	
1	Luật số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về Chứng khoán	Quy định các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán; tổ chức thị trường chứng khoán; quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
B	NGHỊ ĐỊNH	
2	Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	Quy định việc chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong nước và quốc tế; chuyên trang thông tin và chế độ báo cáo về trái phiếu doanh nghiệp; quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan
3	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán	Quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán, đăng ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, thành viên VSDC, tổ chức mở tài khoản trực tiếp, ngân hàng bù trừ
4	Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	Quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính. Nghị định cũng quy định thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5	Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh	Quy định về tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh, tổ chức cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh, tổ chức thị trường phái sinh, thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, nhà tạo lập thị trường và bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh
6	Nghị định số 59/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2021 của Chính	Quy định cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của VNX và VSDC trên một số khía

STT	TÊN CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT	NỘI DUNG
	phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với VNX, VSDC	cạnh: Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, đánh giá và xếp hạng hiệu quả hoạt động, quản lý tài chính, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty con của VNX
7	Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 04 năm 2023 của Chính phủ quy định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của MOF	Quy định vị trí, chức năng của MOF là cơ quan Chính phủ và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chứng khoán
C	QUYẾT ĐỊNH	
8	Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của SSC trực thuộc MOF	Quy định vị trí, chức năng của SSC là cơ quan trực thuộc MOF, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng MOF quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; trực tiếp quản lý, giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán; quản lý các hoạt động dịch vụ thuộc lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.
9	Quyết định số 2398/2017/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của MOF về việc ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của HNX	Xác định mục tiêu, chức năng của HNX, trong đó chức năng chính là quản lý việc niêm yết, đăng ký, đấu giá chứng khoán, đấu thầu trái phiếu theo quy định của pháp luật và thẩm quyền được ủy quyền. Ngoài ra, chức năng của HNX bao gồm giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của thành viên giao dịch, thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh, thành viên đấu thầu, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và hoạt động giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và phân cấp của SSC.
10	Quyết định số 2399/2017/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của MOF ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của HOSE	Quy định mục tiêu và chức năng hoạt động của HOSE, với chức năng chính là tổ chức hoạt động niêm yết, giao dịch chứng khoán, đấu giá chứng khoán theo quy định của pháp luật và phân công của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của thành viên giao dịch, tổ chức niêm yết và hoạt động giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và phân cấp của SSC.
11	Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của	Quy định việc thành lập VNX theo mô hình công ty mẹ - công ty con trên cơ sở sắp xếp lại HNX và HOSE. Theo đó, VNX quản lý, giám sát HNX và

STT	TÊN CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT	NỘI DUNG
	Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của VNX	HOSE theo quy định của pháp luật chứng khoán, luật doanh nghiệp, luật quản lý và các quy định điều chỉnh việc sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp cũng như điều lệ tổ chức và hướng dẫn hoạt động.
12	Quyết định số 1275/2023/QĐ-BTC ngày 14 tháng 06 năm 2023 của MOF về quy chế tổ chức và hoạt động của VSDC	Quy định chức năng, hoạt động của VSDC. Theo đó, VSDC có chức năng tổ chức đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; giám sát hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán; và thực hiện chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, VSDC cũng có chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư khi tham gia thị trường chứng khoán.
D	THÔNG TƯ	
13	Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của MOF hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán	Thông tư này hướng dẫn hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.
14	Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 ngày 11 năm 2020 của MOF ban hành hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	Ban hành quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam với đối tượng công bố thông tin bao gồm: Công ty đại chúng; tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng; tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng; tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp; công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; VNX; HNX; HOSE; VSDC; nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật.
15	Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của MOF quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	Quy định hướng dẫn về hoạt động đăng ký chứng khoán, lưu ký chứng khoán, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, chế độ báo cáo.
16	Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 ngày 12 năm 2020 của MOF ban hành quy định hoạt động của công ty chứng khoán	Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán tại Việt Nam gồm: Hoạt động quản trị, điều hành công ty chứng khoán; hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán; quy định về tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán; chế độ báo cáo

STT	TÊN CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT	NỘI DUNG
17	Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 07 năm 2021 của MOF quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác	Quy định việc sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm, sắp xếp lại thị trường giao dịch trái phiếu, quy định về sắp xếp lại thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh
18	Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 07 năm 2020 của MOF hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường phái sinh	Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP, bao gồm giao dịch, bù trừ và thanh toán giao dịch phái sinh, bao gồm hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; và hoạt động của các thành viên VNX và VSDC
19	Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2022 của MOF hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của ủy ban chứng khoán nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của VNX và các công ty con, VSDC	Hướng dẫn về việc thực hiện công tác giám sát của SSC đối với việc tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của VNX và các công ty con gồm HOSE, HNX; VSDC trong việc tổ chức, thực hiện nghiệp vụ chứng khoán
20	Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2023 do MOF ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 07 năm 2021 của Bộ trưởng MOF quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác	Sửa đổi lộ trình tổ chức lại thị trường giao dịch cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh và chứng khoán khác được đưa ra tại Thông tư số 57/2021/TT-BTC. Theo sự điều chỉnh này, đến cuối năm 2026, HOSE sẽ thống nhất tổ chức thị trường giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm, trong khi HNX sẽ ưu tiên thị trường trái phiếu và phái sinh.

Nguồn: Tư vấn tổng hợp (2023)

Phụ lục 9: Thông tin các loại tài khoản chứng khoán Việt Nam

Thông tin về các loại tài khoản chứng khoán Việt Nam được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng Phụ lục 5: Thông tin về các loại tài khoản chứng khoán Việt Nam

Tài khoản giao dịch	Tài khoản lưu ký chứng khoán
<p><u>Nhà đầu tư:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán là thành viên giao dịch để thực hiện giao dịch chứng khoán; Nhà đầu tư được mở nhiều tài khoản giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc tại mỗi công ty chứng khoán nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản giao dịch chứng khoán <p><u>Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</u> được mở nhiều tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán theo nguyên tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán của chính mình; 02 tài khoản giao dịch chứng khoán để quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác, trong đó 01 tài khoản để giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác trong nước, 01 tài khoản để giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài; Mỗi quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ quản lý được mở 01 tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán. <p><u>Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam</u> được mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán, trong đó 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện giao dịch cho chính mình và 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài ủy thác.</p>	<p><u>Thành viên lưu ký</u> phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSDC để thực hiện các giao dịch đối với chứng khoán của thành viên đó. Mỗi thành viên lưu ký chỉ được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSDC và không được mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký khác, trừ các trường hợp đặc biệt.</p> <p><u>Nhà đầu tư, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> Tại mỗi thành viên lưu ký, nhà đầu tư chỉ được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán; Nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan; Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài được mở tài khoản lưu ký chứng khoán sau khi được cấp mã số giao dịch chứng khoán. <p><u>Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán:</u> Mỗi quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán chỉ được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại 01 ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát duy nhất theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p><u>Công ty quản lý quỹ:</u> Phải mở tài khoản lưu ký chứng khoán tách biệt cho công ty và cho từng quỹ đầu tư chứng khoán do công ty quản lý. Trường hợp thực hiện quản lý danh mục đầu tư, tại mỗi ngân hàng lưu ký, công ty quản lý quỹ được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán đứng tên công ty quản lý quỹ thay mặt cho nhà đầu tư ủy thác (01 tài</p>

Công ty chứng khoán được mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

- Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chỉ được mở 01 tài khoản giao dịch chứng khoán tự doanh tại chính công ty, không được mở bất cứ tài khoản giao dịch chứng khoán tại các công ty chứng khoán khác;
- Trường hợp công ty chứng khoán đã hủy bỏ tư cách thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, công ty chứng khoán được mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại 01 công ty chứng khoán khác là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam để xử lý số chứng khoán còn lại trên tài khoản tự doanh;
- Công ty chứng khoán được mở 01 tài khoản giao dịch tạo lập thị trường đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch và 01 tài khoản phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm tại chính công ty để thực hiện giao dịch cho các nghiệp vụ này.
- Công ty chứng khoán không phải là thành viên lập quỹ hoán đổi danh mục được mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại thành viên lập quỹ hoán đổi danh mục. Tài khoản này được sử dụng để thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục trên thị trường sơ cấp, giao dịch bán trên thị trường thứ cấp đối với chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục có được từ giao dịch hoán đổi, giao dịch mua chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục trên thị trường thứ cấp để thực hiện giao dịch hoán đổi, không dùng để thực hiện các giao dịch chứng khoán khác.

Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán như sau:

- 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện hoạt động tự doanh;
- 01 tài khoản giao dịch môi giới để thực hiện hoạt động môi giới cho các nhà đầu tư nước ngoài khác.

khoản lưu ký chứng khoán cho khách hàng ủy thác trong nước và 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác nước ngoài).

Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký trong đó 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho chính mình và 01 tài khoản lưu ký chứng khoán để quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài.

Công ty chứng khoán nước ngoài được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán tách biệt tại thành viên lưu ký trong đó 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho chính mình và 01 tài khoản lưu ký chứng khoán cho khách hàng của công ty.

Doanh nghiệp bảo hiểm được mở 02 tài khoản lưu ký chứng khoán để quản lý tách biệt các khoản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và từ nguồn phí bảo hiểm khi thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, chứng khoán lưu ký trên tài khoản lưu ký chứng khoán từ nguồn vốn chủ sở hữu chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

Quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên được mở nhiều tài khoản lưu ký chứng khoán theo nguyên tắc cứ mỗi mã số giao dịch chứng khoán được cấp thì được mở 01 tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký.

Doanh nghiệp bảo hiểm được mở 02 tài khoản giao dịch chứng khoán tại mỗi công ty chứng khoán như sau:

- 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để giao dịch từ nguồn vốn chủ sở hữu. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ, giao dịch chứng khoán trên tài khoản này chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán;
- 01 tài khoản giao dịch chứng khoán để giao dịch từ nguồn thu phí bảo hiểm trong nước của các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. Giao dịch chứng khoán trên tài khoản này không chịu sự điều chỉnh bởi quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

Nguồn: Tư vấn tổng hợp dựa trên Bộ TC (2020b) (2020c)

Phụ lục 10: Quy trình giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam

Quy trình giao dịch trên thị trường tập trung bao gồm một số bước quan trọng, được trình bày như sau:

Bước 1: Mở tài khoản giao dịch chứng khoán

Để tham gia giao dịch chứng khoán, nhà đầu tư phải mở một tài khoản giao dịch chứng khoán tại một công ty chứng khoán. Nếu khách hàng chỉ muốn sử dụng dịch vụ môi giới để mua bán chứng khoán, họ có thể mở một tài khoản giao dịch tiêu chuẩn. Công ty chứng khoán phải quản lý tiền gửi giao dịch của khách hàng một cách riêng biệt so với quỹ của mình, và không trực tiếp nhận tiền cho giao dịch chứng khoán từ khách hàng. Khách hàng của công ty chứng khoán phải mở một tài khoản gửi tiền tại một ngân hàng được chọn bởi công ty chứng khoán.

Bước 2: Đặt lệnh giao dịch chứng khoán

Nhà đầu tư có thể đặt lệnh giao dịch bằng một trong hai phương thức:

- Đặt hoặc nhận lệnh sử dụng phiếu lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch hoặc gửi phiếu lệnh cho công ty chứng khoán.
- Đặt hoặc nhận lệnh qua giao dịch điện tử.

Sau khi xác nhận lệnh, công ty chứng khoán chuyển lệnh cho Sở giao dịch chứng khoán.

Bước 3: Khớp lệnh và thông báo kết quả giao dịch

Tại thời điểm đóng cửa của phiên giao dịch, Sở giao dịch thông báo kết quả giao dịch của mỗi mã chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch đến VSDC và các công ty chứng khoán.

Bước 4: Thanh toán và hoàn thành giao dịch

Dựa trên kết quả giao dịch nhận được từ Sở giao dịch, công ty chứng khoán lập báo cáo kết quả giao dịch và chuyển kết quả đến VSDC để tiến hành quá trình thanh toán. Đồng thời, sau khi nhận được kết quả giao dịch, công ty chứng khoán cung cấp phiếu xác nhận cho khách hàng. Xác nhận này có giá trị pháp lý tương đương với một thông báo thanh toán với khách hàng.

VSDC tiến hành so khớp kết quả giao dịch do sở giao dịch chứng khoán cung cấp và báo cáo kết quả giao dịch của các công ty chứng khoán cung cấp và báo cáo kết quả giao dịch của các công ty chứng khoán để tiến hành thanh toán bù trừ. Trong thời gian T+x ngày (T: ngày giao dịch, x: số ngày thực hiện thanh toán, phụ thuộc vào loại chứng khoán), VSDC sẽ chuyển quyền sở hữu chứng khoán từ người bán sang người mua, và ngân hàng chỉ

định thanh toán sẽ thanh toán bù trừ tiền từ người mua sang người bán thông qua hệ thống tài khoản của các công ty chứng khoán tại ngân hàng.